BÀI 1
CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB 1: *Vợ nhặt* (Trích – Kim Lân)

VB 2: *Chí Phèo* (Trích – Nam Cao)

Thực hành đọc: *Cải ơi!* (Nguyễn Ngọc Tư)

2. Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

3. Viết: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

4. Nói và nghe: Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 1, 2, 3

VĂN BẢN 1: VỢ NHẶT

(Trích)

Kim Lân

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc. giúp HS:**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện

ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

2. Phẩm chất

Thể hiện tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng những khát khao được yêu thương, chia sẻ,…

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Suy nghĩ về nạn đói năm 1945

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem video:

(https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I&t=197s)

- HS hoàn thành phiếu học tập (theo hình thức ***Think-Pair-Share***)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

- Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945) xảy ra ở Việt Nam? - Có phải lúc nào nghịch cảnh trong đời sống (như nạn đói, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,…) cũng đẩy con người vào tình thế bi quan, tuyệt vọng không?	
Một tác phẩm thơ, văn mà em biết có liên quan?	
Một mẩu chuyện được nghe kể có liên quan?	
Một cảm nhận của cá nhân em khi xem video?	
Một tưởng tượng khi xem?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem video clip và ghi kết quả thảo luận sau khi đã thống nhất vào phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi đại diện 2-3 nhóm HS trình bày sản phẩm, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nêu nhận xét về phần trình bày của các nhóm và ghi nhận những đóng góp tích cực, tôn trọng các ý tưởng khác biệt của HS.

èGV dẫn vào bài bằng câu hỏi SGK: Có phải lúc nào nghịch cảnh trong đời sống (như nạn đói, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,…) cũng đẩy con người vào tình thế bi quan, tuyệt vọng hay không? Tiết học hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời cho câu hỏi đó.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về đặc trưng của truyện ngắn hiện đại, đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết**.**

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: ***Tôi đi tìm miếng ghép của tôi***

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi ***Tôi đi tìm miếng ghép của tôi:*** + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.9,10,11 (5 phút), sau đó gấp SGK lại. + GV chọn 9 HS xung phong tham gia trò chơi hoặc chọn bất kì. + Mỗi HS đóng vai một yếu tố tri thức Ngữ văn (SGK tr.9,10,11) gồm: ***Truyện ngắn hiện đại***, ***Câu chuyện, Điểm nhìn trong truyện kể, Vai trò của lời người kể chuyện và lời nhân vật, Lời người kể chuyện, Lời nhân vật, Mối quan hệ của lời người kể chuyện và lời nhân vật, Ngôn ngữ nói, Ngôn ngữ viết;*** HS đó sẽ phải tìm đúng miếng ghép để xếp vào đúng bảng (hoặc dán vào giấy A2) của mình. + GV chuẩn bị sẵn các miếng ghép là các tờ giấy nhớ ghi nội dung cụ thể các tri thức ngữ văn của bài, một nội dung có thể ghi trên nhiều miếng ghép để tạo độ nhiễu + bảng hoặc giấy A2 cho mỗi HS. - Các miếng ghép ghi nội dung, có thể là: + thể loại tự sự cỡ nhỏ + một, hai tình huống + khoảng thời gian, không gian hạn chế + chắt lọc, dồn nén các chi tiết + nội dung của tác phẩm tự sự + nhân vật, bối cảnh và sự kiện + vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá. + Phân loại điểm nhìn: • người kể chuyện - nhân vật được kể • bên ngoài - bên trong • không gian - thời gian • tính tâm lý, tư tưởng + thấu suốt mọi sự việc + gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, đối lập	**I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn** **1. Truyện ngắn hiện đại** - thể loại tự sự cỡ nhỏ, - thường xoay quanh một, hai tình huống nhưng gây ấn tượng mạnh đối với người đọc, - đòi hỏi sự chắt lọc, dồn nén của các chi tiết và vận dụng bút pháp chấm phá trong trần thuật. **2. Câu chuyện (còn có thể gọi là truyện gốc)** - Khái niệm: là nội dung của tác phẩm tự sự (nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian) - Phân biệt truyện kể và câu chuyện: gắn liền nhưng không đồng nhất (vì truyện kể bao gồm sự kiện theo mạch kể, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật). **3. Điểm nhìn trong truyện kể** - Điểm nhìn: vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá. - Phân loại điểm nhìn: + Điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật. + Điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong. + Điểm nhìn không gian và

nhau + tính đối thoại của tác phẩm + cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự. + ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện + miêu tả, trần thuật, phán đoán, đánh giá đối tượng + ngôn ngữ đối thoại hay độc thoại + ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật + kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau + lời nửa trực tiếp + lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, điệu của nhân vật + lời độc thoại nội tâm + tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật + lời nhại + lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,… + âm thanh, tiếp nhận bằng thính giác + giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật + trò chuyện ở gia đình, nhà trường phát biểu trong giờ học, cuộc họp, trao đổi mua bán ở chợ + tin nhắn qua điện thoại trên mạng + ghi âm một cuộc phỏng vấn + những đoạn hội thoại của các nhân vật trong tác phẩm truyện + thực hiện chức năng thẩm mĩ, không còn "nguyên dạng" + chữ viết, + sách báo, văn bản hành chính, thư từ,.. + viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi,… + truyền tải bằng âm thanh nhưng vẫn mang đầy đủ đặc của ngôn ngữ viết - GV tư vấn cho 2 HS làm MC dẫn chương trình và GV làm giám khảo của trò chơi **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu - Cử chọn người tham gia trò chơi hoặc xung phong tham gia sau 5 phút **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - 9 đại diện HS tham gia trò chơi, ai nhanh và đúng nhất sẽ chiến thắng - HS ở dưới bổ sung, nhận xét nếu các HS tham gia không trả lời hoặc trả lời thiếu **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm HS	điểm nhìn thời gian. + Điểm nhìn còn mang tính tâm lý, tư tưởng, gắn liền với vai kể hoặc nhân vật. - Tác dụng của điểm nhìn : + Câu chuyện được kể có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt mọi sự việc, một quan điểm, một cách đánh giá **mang tính định hướng cho người đọc.** + Câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn, gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau, xoay quanh sự việc hay nhân vật **tạo nên tính đối thoại cho tác phẩm**, phát huy vai trò chủ động, tích cực trong đánh giá cho người đọc. **4. Lời người kể chuyện và lời nhân vật** **- Vai trò:** là những yếu tố cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự. **- Lời người kể chuyện:** + gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điêu của người kể chuyện. + Chức năng: miêu tả, trần thuật, phán đoán, đánh giá đối tượng được miêu tả, trần thuật. **- Lời nhân vật:** là ngôn ngữ đối thoại hay độc thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật. **- Mối quan hệ của lời người kể chuyện và lời nhân vật:** kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo lời nửa

trả lời nhanh và đúng (Cả HS tham gia chơi và HS bổ sung, nhận xét bên dưới quan sát, lắng nghe) 1. **HS mang bảng *Truyện ngắn hiện đại* chọn các miếng ghép:** + thể loại tự sự cỡ nhỏ + một, hai tình huống + khoảng thời gian, không gian hạn chế + chắt lọc, dồn nén các chi tiết 2. **HS mang bảng *Câu chuyện* chọn các miếng ghép**: + Nội dung của tác phẩm tự sự + Nhân vật, bối cảnh và sự kiện 3. **HS mang bảng *Điểm nhìn trong truyện kể* chọn các miếng ghép:** + Vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá. + Phân loại điểm nhìn: • người kể chuyện - nhân vật được kể • bên ngoài - bên trong • không gian - thời gian • tính tâm lý, tư tưởng + thấu suốt mọi sự việc + gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, đối lập nhau + tính đối thoại của tác phẩm 4. **HS mang bảng *Vai trò của lời người kể chuyện và lời nhân vật* chọn miếng ghép:** Cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự. 5. **HS mang bảng *Lời người kể chuyện* chọn các miếng ghép:** + Ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện + Miêu tả, trần thuật, phán đoán, đánh giá đối tượng 6. **HS mang bảng *Lời nhân vật* chọn các miếng ghép:** + Ngôn ngữ đối thoại hay độc thoại + Ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật. 7. **HS mang bảng *Mối quan hệ của lời người kể chuyện và lời nhân vật* chọn các miếng ghép:** + Kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau + Lời nửa trực tiếp	trực tiếp, lời độc thoại nội tâm, lời nhại. **5. Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết** **- Ngôn ngữ nói (khẩu ngữ):** + Là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. + Gắn liền với hoạt động giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật. + Dạng đặc biệt: Ngôn ngữ nói xuất hiện với hình thức văn bản. **- Ngôn ngữ viết:** + Là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, + Được dùng trong sách báo, văn bản hành chính, thư từ,.. + Các hình thức: bản viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi dành cho người khiếm thị,… + Dạng đặc biệt: Một số văn bản viết mà nội dung thông tin được truyền tải bằng âm thanh được tiếp nhận bằng thính giác nhưng ngôn ngữ trong đó vẫn mang đầy đủ đặc điểm của ngôn ngữ viết.

+ Lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, điệu của nhân vật + Lời độc thoại nội tâm + Tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật + Lời nhại + Lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,… **8. HS mang bảng *Ngôn ngữ nói* chọn các miếng ghép:** + Âm thanh, tiếp nhận bằng thính giác. + Giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật + Trò chuyện ở gia đình, nhà trường phát biểu trong giờ học, cuộc họp, trao đổi mua bán ở chợ + Tin nhắn qua điện thoại trên mạng + Ghi âm một cuộc phỏng vấn + Những đoạn hội thoại của các nhân vật trong tác phẩm truyện + Thực hiện chức năng thẩm mĩ, không còn "nguyên dạng" **9. HS mang bảng *Ngôn ngữ viết* chọn các miếng ghép:** + Chữ viết, + Sách báo, văn bản hành chính, thư từ,.. + Viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi,… + Truyền tải bằng âm thanh nhưng vẫn mang đầy đủ đặc điểm của ngôn ngữ viết.	

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, cốt truyện, ý nghĩa nhan đề nhan đề.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm Phiếu học tập và phần thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tác phẩm	
Xuất xứ	
Hoàn cảnh sáng tác	
Tóm tắt truyện	
Ý nghĩa nhan đề	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**	**II. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Kim Lân** - Đóng góp văn học nổi bật nhất thể hiện ở lĩnh vực truyện ngắn. - Cách kể chuyện tự nhiên, hồn hậu, hóm hỉnh; cách tái hiện sinh động ngôn ngữ giao tiếp đời

- HS trình chiếu bản PP về tác giả Kim Lân và giới thiệu chung về tác phẩm "Vợ nhặt", đại diện HS thuyết trình trước lớp. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. ***Nhiệm vụ : Đọc và tìm hiểu chung về văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định HS đọc thành tiếng một số đoạn văn bản, nhắc các em chú ý đến đổi giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm. - GV yêu cầu HS chú ý những cước chú và nội dung các thẻ chỉ dẫn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà) theo PHT số 2. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV hướng dẫn HS nghe mẫu một số đoạn tiêu biểu (GV có thể giới thiệu một clip diễn đọc văn bản *Vợ nhặt*)	thường của người bình dân; cách gợi lên không gian văn hóa-lịch sử của những câu chuyện tưởng chừng bé nhỏ,… - Tác phẩm chính: *Nên vợ nên chồng* (tập truyện ngắn năm 1955), *Con chó xấu xí* (tập truyện ngắn năm 1962), *Tuyển tập Kim Lân* (1996). **2. Tác phẩm "Vợ nhặt"** **a. Xuất xứ** Truyện ngắn *Vợ nhặt* được rút từ tập truyện *Con chó xấu xí* có tiền thân từ tiểu thuyết "Xóm ngụ cư". **b. Hoàn cảnh sáng tác** - Tác phẩm được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng còn dang dở và mất bản thảo. Sau hoà bình lập lại (1954) Kim Lân dựa vào phần cốt truyện cũ và viết lại thành truyện "Vợ nhặt". **c. Tóm tắt** - Truyện lấy bối cảnh là nạn đói năm 1945. Tràng – một thanh niên nghèo, lại là dân ngụ cư, trong một lần đẩy hàng đã tình cờ có được vợ. - Cô vợ nhặt đã tình nguyện theo Tràng chỉ sau một câu nói đùa và bốn bát bánh đúc. - Tràng đưa "thị" về giữa cảnh đói khát đang tràn đến xóm ngụ cư. - Bà cụ Tứ thấy con có vợ thì vừa mừng vừa tủi cho thân phận nghèo khó của mình và thương con, thương nàng dâu đói khổ. Họ sống với nhau trong cảnh đói nghèo nhưng hạnh phúc và tin rằng: Việt Minh về làng, họ sẽ đi phá kho thóc Nhật, lấy lại thóc gạo để cứu sống mình. **d. Ý nghĩa nhan đề "Vợ nhặt"** - Kích thích trí tò mò của người đọc (bởi sự kết hợp giữa danh từ "Vợ" gợi sự thiêng liêng với động từ "nhặt" thường đi với những thứ kém giá trị khiến cái vốn trang trọng trở nên tầm thường, vốn cao quý trở nên rẻ rúng...) - Nhan đề gợi tình huống éo le; gợi sự rẻ rúng của giá trị con người; gợi tình người ấm áp, nhân văn…

2.3: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn bản truyện hiện đại, chú ý đổi giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia chương trình Talk show để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

(HS được giao làm ở nhà trước khi lên lớp)

Nhân vật	**Tràng**		**Người vợ nhặt**		**Bà cụ Tứ**	
	Chi tiết tiêu biểu	Nhận xét	Chi tiết tiêu biểu	Nhận xét	Chi tiết tiêu biểu	Nhận xét
Trước khi Tràng nhặt được vợ						
Trên đường đưa vợ về nhà						
Về đến nhà						
Buổi sáng hôm sau						
Bữa cơm ngày đói						
Sự chuyển biến của nhân vật						

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
GV hướng dẫn HS tổ chức Talk show: *Vợ nhặt* – chứng tích một thời, chân lí mọi thời. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành các nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ (bước 1), chuẩn bị tham gia chương trình Talk show (bước	**IV. Khám phá văn bản** **1. Bối cảnh thời gian – không gian** *** Khung cảnh ngày đói:** **- Hình ảnh:** tiều tụy – bóng người đói đi lại dật dờ, người sống ở lẫn với người chết, những khuôn mặc hốc hác, u tối, những dáng vẻ mệt mỏi… **- Âm thanh:** buồn bã, thê thảm – tiếng hờ khóc người chết tỉ tê, tiếng quạ gào thê thiết. **- Mùi vị:** nghèo khó, chết chóc – mùi ẩm thối của rác rưởi xen với mùi gây của xác người. => **ảm đạm, tăm tối, thê lương, gợi** ám ảnh về cái đói và cái

2) **Nhóm 1: Bối cảnh thời gian - không gian** Xác định bối cảnh thời gian, không gian truyện. **Nhóm 2: Mạch truyện và tình huống truyện** - Câu chuyện trong *Vợ nhặt* được kể theo trình tự nào và có thể chia làm mấy phần? - Xác định tình huống truyện và nêu ý nghĩa của nó. **Nhóm 3: Nhân vật và các chi tiết tiêu biểu** - ***Trước khi Tràng nhặt được vợ*** (Chú ý ngôn ngữ và cách ứng xử của người phụ nữ trước khi theo Tràng về nhà; Việc Tràng chấp nhận hành động "theo về" của một người phụ nữ xa lạ thể hiện nét tính cách gì của nhân vật?) - ***Trên đường đưa vợ về nhà*** (Tâm trạng của Tràng và người "vợ nhặt" được bộc lộ qua những biểu hiện bên ngoài (ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ…) nào? Người dân trong xóm nghĩ và bàn luận gì khi thấy Tràng dẫn một người phụ nữ lạ về nhà?) - ***Về đến nhà*** (Những chi tiết nào thể hiện sự thay đổi trong tâm trạng của Tràng và người "vợ nhặt" khi về đến nhà? Tình cảm của bà cụ Tứ dành cho người con dâu mới được thể hiện qua giọng điệu và những từ ngữ nào?) - ***Buổi sáng hôm sau*** (Chú ý những chi tiết miêu tả sự thay đổi của nhân vật Tràng, bà cụ Tứ và người "vợ nhặt" trong	chết. *** Khung cảnh ngày mới:** **- Cảnh vật:** Buổi sáng mùa hè ánh nắng rực rỡ, khung cảnh quang quẻ, sạch sẽ… **- Con người:** có sự thay đổi mới mẻ. + Dáng vẻ: nhanh nhẹn, khỏe khoắn. (bà cụ Tứ xăm xắn đi lại quét tước, dọn dẹp; Tràng xăm xăm muốn dự phần tu sửa căn nhà…) + Nét mặt: tươi tỉnh, rạng rỡ chứ không u ám như ngày thường (Khuôn mặt bủng beo, u ám của bà cụ Tứ trở nên tươi tỉnh, rạng rõ hẳn lên…) + Lời nói: các con nói với mẹ thì lễ phép, tình cảm; mẹ thì vui vẻ, đon đả, tình cảm… + Suy nghĩ, cảm xúc: dù vẫn còn đó nỗi lo lắng, tủi buồn song họ đều hướng đến việc vun vén, xây dựng tổ ấm, đến tương lai. (Tràng nghĩ đến bổn phận, trách nhiệm với gia đình; bà cụ Tứ tính chuyện nuôi gà, chị vợ nhặt nói đến chuyện Việt Minh phá kho thóc Nhật chia cho người đói…) => có những sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, tươi sáng hơn. **2. Mạch truyện và tình huống truyện** *** Mạch truyện** - Văn bản được kể theo trình tự thời gian, từ lúc Tràng gặp người đàn bà cho đến khi đưa về ra mắt mẹ. - Tác phẩm có thể chia thành 4 đoạn chính: + Phần 1: từ đầu đến "tự đắc với mình" → Tràng dẫn vợ về nhà. + Phần 2: tiếp theo đến "đẩy xe bò về" → Cuộc gặp gỡ của Tràng và thị trong hồi tưởng của Tràng. + Phần 3: tiếp theo đến "nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng" → Tình cảm của người mẹ nghèo khổ. + Phần 4: còn lại → Niềm tin của cả gia đình vào tương lai. *** Tình huống truyện và ý nghĩa của tình huống truyện** **- Tình huống truyện:** Tràng là một anh chàng sống ở xóm ngụ cư, xấu xí, nghèo khó vậy mà có thể dễ dàng "nhặt" được vợ một cách tình cờ chỉ bằng mấy câu hát vu vơ, mấy lời bông đùa và vài bát bánh đúc. **- Ý nghĩa của tình huống truyện:** tạo kết cấu chặt chẽ cho tác phẩm, là cơ sở cho các sự việc diễn ra sau đó; tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đẩy con người vào hoàn cảnh khổ đau; thể hiện tình yêu thương giữa con người, giữa những người nghèo khổ với nhau.

buổi sáng của ngày đầu tiên sau khi Tràng nhặt được vợ) - ***Bữa cơm ngày đói*** (Chú ý vai trò của chi tiết nồi chè khoán; Tại sao bà cụ Tứ ngoảnh vội ra ngoài, "không dám để con dâu nhìn thấy" mình khóc? Tràng có tâm trạng như thế nào khi nghe câu chuyện mà người "vợ nhặt" kể? Hình ảnh "lá cờ đỏ" hiện lên trong tâm trí của Tràng có ý nghĩa gì?) - Theo trình tự của câu chuyện, các nhân vật đã có những thay đổi như thế nào từ diện mạo, tâm trạng đến cách ứng xử? **Nhóm 4: Nghệ thuật kể chuyện** Phân tích những nét đáng chú ý trong cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật (thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu) **Nhóm 5: Quan điểm, tư tưởng của nhà văn** - Giữa nhan đề *Vợ nhặt* và nội dung câu chuyện có mối quan hệ với nhau như thế nào? - Hãy nêu chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng của tác phẩm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm thảo luận theo định hướng. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV lựa chọn HS làm MC cho chương trình Talk Show qua đối thoại của khách mời do các nhóm giới thiệu - MC cần bật lên: **Vợ nhặt –**	**3. Nhân vật – Các chi tiết tiêu biểu** *** Trước khi Tràng nhặt được vợ** **- Tràng:** Người đàn ông ngụ cư, nghèo khổ, làm nghề chở xe bò thuê, bị cái đói làm cho ủ rũ. **- Người đàn bà:** + Lời lẽ, điệu bộ: ngoa ngắt, cong cớn, sưng sỉa. + Hình dáng: tiều tụy, rách nát, tả tơi. + Cách ứng xử: thiếu ý tứ, sấn sổ vì miếng ăn… *** Trên đường cùng vợ về** **- Tràng:** mặt phớn phở khác thường, tủm tỉm cười một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh; Tràng nghiêm mặt, lắc đầu ra hiệu không bằng lòng với đám trẻ con. **- Người "vợ nhặt":** Thị cắp cái thúng, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt; Thị có vẻ rón rén, e thẹn. **- Người dân trong xóm:** phần nào hiểu được câu chuyện của vợ chồng Tràng. Họ bỗng rạng rỡ, tươi tắn hẳn lên như có ý muốn chúc mừng Tràng vì có vợ. Nhưng cũng có người thở dài, nghi hoặc. Người khác thì lại cười, cảm thán thay Tràng vì đang trong lúc đói khổ lại lấy vợ. *** Khi về đến nhà** - "**Tràng** xăm xăm bước vào trong nhà, nhấc tấm phên rách sang một bên, thu dọn những niêu bát, xống áo…" - "**Thị** lẳng lặng theo hắn vào trong nhà… Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài… Thị nhếch mép cười nhạt nhẽo". - "**Người đàn bà** theo lời hắn ngồi mớm xuống mép giường. Cả hai bỗng cùng ngượng nghịu. Tràng đứng tây ngây giữa nhà một lúc, chợt hắn thấy sờ sợ." - **Hắn** nghĩ bụng "Quái sao lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ?..."… tủm tỉm cười một mình… **- Bà cụ Tứ:** **+ Giọng điệu:** nhẹ nhàng, thể hiện sự quan tâm, ân cần của một người mẹ với con. **+ Lời lẽ:** gần gũi, tình cảm, ấm áp ("u cũng mừng lòng", "từ tốn", "vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn"…) *** Buổi sáng hôm sau:** **- Bà cụ Tứ:** thấy nhẹ nhõm, tươi tỉnh lên hẳn, cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên; bà xăm xắn thu dọn, quét tước nhà cửa. **- Người "vợ nhặt":** trở thành người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh.

chứng tích một thời (nạn đói và số phận con người trước 1945) **và chân lí mọi thời** (Tư tưởng - quan niệm đầy tính nhân văn của nhà văn Kim Lân) - Đại diện HS các nhóm tham gia chương trình Talk Show (vai khách mời) chia sẻ theo câu hỏi dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt vấn đề. **GV nhấn mạnh:** Tác giả không nhắc đến tên, quê quán của thị phần nào thể hiện được nỗi bất hạnh của thị, không việc làm, không nơi nương tựa. Thị gặp Tràng trong hoàn cảnh éo le, theo Tràng về nhà chỉ qua câu hò vui và vài bát bánh đúc. Điều đó chứng tỏ thị là một con người táo bạo hay chính hoàn cảnh khốn khổ không đem đến cho thị lựa chọn khác, thị theo một người đàn ông lạ như một lựa chọn cho cuộc sống bần cùng của mình. Về đến nhà Tràng, thị có chút thất vọng bởi gia cảnh của Tràng nhưng thị nhanh chóng chấp nhận số phận.	**- Tràng:** Gắn bó, yêu thương ngôi nhà mình, thấy có trách nhiệm với vợ con, lâng lâng như vừa từ trong giấc mơ đi ra,… *** Bữa cơm sáng:** **- Chi tiết nồi chè khoán:** + Nói lên tình cảnh thảm hại của người dân nghèo khổ. + Tố cáo tội ác của thực dân, phát xít gây nên nạn đói. + Thể hiện tấm lòng đôn hậu của người mẹ. **- Bà cụ Tứ ngoảnh vội ra ngoài, "không dám để con dâu nhìn thấy" mình khóc** bởi bà đang muốn đem đến cho các con một niềm vui, niềm hy vọng vào cuộc sống tương lai tươi sáng và cũng không muốn các con cảm thấy buồn. - Khi nghe người "vợ nhặt" kể lại câu chuyện về việc dân chúng cướp kho thóc của Nhật, Tràng suy tư, nghĩ đến những người đi trên đê Sộp, hiểu ra hành động của họ và cảm thấy hơi tiếc và ân hận. **- Hình ảnh "lá cờ đỏ"** + Như một dấu hiệu cho sự hiện diện của Cách mạng, của Đảng đang đến gần với người dân, cứu vớt họ khỏi cuộc sống nghèo đói, khổ đau. + Lá cờ đỏ cũng chính là niềm hy vọng, niềm tin vào một tương lai tươi sáng sẽ đến với cuộc sống của gia đình Tràng, của nhiều gia đình khác vào thời điểm khó khăn lúc bấy giờ. *** Sự thay đổi của các nhân vật (diện mạo, tâm trạng đến cách ứng xử)** **- Tràng:** một chàng nông dân **nghèo** sống tại xóm **ngụ cư**, là người bị coi thường bởi xuất thân cho đến diện mạo **xấu xí, thô kệch và to lớn**. Tính cách vô tư, **ngờ nghệch**, có thể nói là **dở hơi**. Nhưng sau khi gặp được thị, đưa thị về nhà và trở thành vợ, dường như sự **thay đổi** lớn này đã khiến Tràng **trưởng thành hơn**. Tràng tự thấy có bổn phận phải **lo cho** vợ, cho hạnh phúc tương lai của gia đình và mình cần phải làm gì đó. Suy nghĩ này đã đánh dấu sự trưởng thành thực sự bên trong con người Tràng. Sau khi nghe vợ kể về sự xuất hiện của Việt Minh, Tràng **nghĩ về những người nghèo đói, nghĩ về cách mạng** và trong lòng sôi sục ý chí về một tương lai tươi sáng. **- Người "vợ nhặt"**: thị xuất hiện trong tác phẩm là một người phụ nữ khốn khổ, là **nạn nhân của nạn đói**. Trước tình cảm của người mẹ nghèo và với thân phận của một người vợ, thị dần **thay đổi từ chao chát, chỏng lỏn trở thành một người đàn bà hiền hậu đúng mực** **- Bà cụ Tứ:** nhân vật này xuất hiện với dáng vẻ của **một người mẹ nghèo, già nua, bệnh tật, đã là một người gần đất xa**

	trời. **Từ ngạc nhiên** khi thấy một người đàn bà lạ ngồi trong nhà, bà **chuyển sang thương** cho số phận bất hạnh của **mình** khi nghe con trai giải thích. Bà **oán trách mình** không đủ khả năng dựng vợ cho con trai, khiến nó phải "nhặt" vợ, bà **thương cho con trai**, **thương cho người đàn bà**. Nhưng rồi bà nhanh chóng lấy lại tinh thần, **động viên các con hướng về tương lai**. Sang buổi sáng hôm sau, bà **tươi tỉnh và rạng rỡ hẳn lên khi nhìn thấy con trai và con dâu, bà bắt đầu tính đến chuyện tương lai của cả gia đình, động viên, khích lệ các con làm ăn, xây dựng tổ ấm**. **4. Nghệ thuật kể chuyện** *** Cách quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật (thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu) của người kể chuyện.** - Tác giả đã đảo phần Tràng đưa vợ về nhà lên trước đoạn gặp gỡ giữa hai vợ chồng. Từ cách đi đứng, dáng dấp cho đến cử chỉ hành động, nét mặt đều được Kim Lân khắc họa tài tình qua từng câu chữ góp phần làm nổi bật lên tính cách đặc thù của mỗi nhân vật. Việc đảo trật tự kể chuyện góp phần tạo sự hấp dẫn, thu hút người đọc muốn tìm hiểu, khám phá câu chuyện sâu hơn sau khi đọc đoạn đầu. **- Lời kể và giọng điệu gần gũi, thân thuộc** thể hiện đúng vẻ chất phác, thật thà của người nông dân Việt Nam xưa, qua đó ẩn chứa một số phận bất hạnh, một tâm trạng hoang mang, sợ hãi nạn đói nhưng vẫn mang trong mình niềm hạnh phúc nhen nhóm, một tinh thần sẵn sàng vượt lên trên số phận. **5. Quan điểm, tư tưởng của nhà văn** **- Mối quan hệ giữa nhan đề "Vợ nhặt" và nội dung truyện:** Nhan đề "Vợ nhặt" và nội dung câu chuyện có mối quan hệ mật thiết với nhau bởi nó đã nói lên nội dung tư tưởng của tác phẩm. Đó là thân phận rẻ rúng, bần cùng của con người có thể "nhặt" ở bất kỳ đâu, là sự khốn cùng của hoàn cảnh khi Tràng "nhặt" được vợ và mang về nhà, bắt đầu một cuộc sống hôn nhân. **- Chủ đề của tác phẩm:** Hoàn cảnh khốn khổ của những người nông dân xưa trong nạn đói 1945 và mong muốn vượt lên số phận, vượt qua nạn đói, kiếm tìm hạnh phúc. **- Giá trị tư tưởng:** **+ Giá trị hiện thực:** ++ Phản ánh chân thực tình cảnh khốn khổ, thê thảm của nông thôn Việt Nam trong nạn đói 1945. ++ Trong cái đói khổ, con người vẫn không ngừng đấu tranh, giành giật sự sống từ tay thần chết với niềm tin vào tương lai

	tươi sáng. ++ Tố cáo tội ác của bọn đế quốc, thực dân đã đẩy những người dân Việt Nam vào cùng đường bí lối. **+ Giá trị nhân đạo:** ++ Phát hiện và phản ánh khát vọng của con người. Cho dù họ bị đẩy vào hoàn cảnh khổ đau, cái chết cận kề, con người vẫn luôn bộc lộ những giá trị phẩm chất, đạo đức truyền thống vốn có của mình, khát khao hạnh phúc gia đình, tin tưởng vào tương lai cách mạng. ++Tình cảm giữa người với người luôn được đề cao trong tác phẩm.

2.4: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**V. Tổng kết** **1. Nội dung** Qua truyện "Vợ nhặt", Kim Lân muốn khẳng định: trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, ngay cả khi cái chết liền kề, những người dân lao động nghèo khổ, lương thiện vẫn yêu thương, đùm bọc lấy nhau, vẫn khát khao mái ấm hạnh phúc gia đình và hy vọng vào một cuộc sống mới tốt đẹp hơn. **2. Nghệ thuật** - Xây dựng tình huống truyện độc đáo. - Lối trần thuật tự nhiên, hấp dẫn làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh và tính cách nhân vật. - Tạo không khí và dựng thoại rất hấp dẫn, ấn tượng. - Nhân vật được khắc hoạ sinh động đặc biệt là ngòi bút miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế. - Ngôn ngữ : Bình dị, đời thường nhưng có chắt lọc kỹ lưỡng, có sức gợi và đậm chất Bắc Bộ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn *Vợ nhặt*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân (10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	**0**
Nội dung	**Suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn *Vợ nhặt*.**	
	Giới thiệu vắn tắt một thông điệp	**2**
	Trình bày ngắn gọn quan điểm của mình về thông điệp	**6**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Ngay bên vực thẳm của cái chết, ngay trên cái nền bi thảm của nạn đói năm 1945, con người vẫn giữ được lòng tin yêu, vẫn biết khát khao hạnh phúc, vẫn mong ước hướng tới tương lai. Tất cả những đói nghèo, những chết chóc, bi thương bỗng chốc nhòe mờ. Chỉ còn lại tình người sáng lên lấp lánh. Có lẽ, chính tình người đã trở thành thứ sức mạnh diệu kì nhất cứu con người ta thoát khỏi mọi khổ đau, thoái khỏi cùng đường, tuyệt lộ. Chính tình người đã khiến một người đàn ông túng đói thành trượng nghĩa, khiến một người đàn bà rách nát tìm được chỗ tựa nương, khiến người mẹ nghèo càng thêm thương con trai mình và càng thêm đồng cảm với người con dâu là "Vợ nhặt". Trong không khí ảm đạm, chính tình người đã thắp lên hi vọng về sự sống mà còn là sự sống tươi đẹp gắn liền với gia đình ấm êm, hạnh phúc,…

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kĩ năng đọc truyện để đọc mở rộng các VB truyện khác, tích lũy được vốn sống cho bản thân

b. Nội dung: Thực hiện các bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 4 và đoạn văn bày tỏ quan điểm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Có thể xem truyện ngắn *Vợ nhặt* là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Nêu và phân tích quan điểm của bạn về điều này.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tác phẩm	Truyện cổ tích	Vợ nhặt
Hoàn cảnh của các nhân vật		
Con đường đến với hạnh phúc		
Kết thúc		
Quan điểm cá nhân		

Nhiệm vụ 2: Sân khấu hóa tác phẩm *Vợ nhặt*

Nhiệm vụ 3: Tìm đọc thêm các tác phẩm truyện ngắn của Kim Lân, các tác phẩm truyện ngắn về nạn đói 1945

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thể hiện quan điểm cá nhân bằng việc hoàn thành phiếu học tập số 4, sân khấu hóa tác phẩm theo nhóm (chuẩn bị kịch bản ở nhà), tìm đọc thêm các tác phẩm (Phân chia công việc theo nhóm nhỏ)

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ quan điểm cá nhân nhiệm vụ 1 (tại lớp nếu còn thời gian)
- HS thể hiện sản phẩm sân khấu hóa (sau 1 tuần)
- HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và chia sẻ, trao đổi (sau 1 tuần)

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích.

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo thực hiện nhiệm vụ 1

Không cần đến phép nhiệm màu, con người với trái tim yêu thương và niềm khao khát hạnh phúc đã có thể vươn tới một kết thúc có hậu ngay trong chính hoàn cảnh khốn cùng. Đó chính là sắc màu cổ tích tuyệt đẹp trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân. Kim Lân đã không tặng cho nhân vật của mình một cuộc sống màu hồng như người xưa đã tặng cho Lọ Lem, Bạch Tuyết,… Nhân vật trong truyện được đặt vào giữa cái đói, cái chết. Đến khi kết thúc truyện, sự ấm no vẫn chưa tìm đến nhưng họ đã tìm thấy nhau, tìm thấy hạnh phúc, thấy gia đình, thấy tình người. Và đặc biệt, người đọc đến trang cuối vẫn không tìm thấy hũ vàng, không tìm thấy vương miện mà lại cảm nhận được tinh thần lạc quan, ý chí đấu tranh, và niềm tin vào tương lai tươi sáng đang lan tỏa và thôi thúc…

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các truyện ngắn khác có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Chí Phèo* (Trích) – Nam Cao (tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 4, 5, 6

VĂN BẢN 2: CHÍ PHÈO (Trích)
- Nam Cao-

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

2. Phẩm chất

Thể hiện tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng những khát khao được yêu thương, chia sẻ,…

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi "**Truy tìm bí mật"**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Trò chơi: Truy tìm bí mật

- GV hướng dẫn HS xem hình ảnh *Tư cách mõ, Lang Rận, Chí Phèo*

- GV đặt câu hỏi: Hãy tìm từ khóa chỉ ra nguyên nhân bi kịch của các nhân vật trên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem hình ảnh, tìm từ khóa trả lời nhanh trên giấy nhớ (Có thể kết hợp vẽ tranh minh họa)
- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS trình bày kết quả bằng cách dán lên bảng tranh minh họa của mình + từ khóa đi kèm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

èGV dẫn vào bài bằng câu hỏi SGK:

- Thế nào là định kiến xã hội? Các định kiến xã hội có thể ảnh hưởng đến cá nhân và cộng đồng như thế nào?
- Trong thực tế, "Chí Phèo" đã trở thành một kiểu tính cách, lối sống. Đó là kiểu tính cách, lối sống nào?

èDự kiến trả lời:

- Định kiến xã hội là những suy nghĩ áp đặt theo một quy chuẩn (thường là theo tiêu chuẩn của xã hội cũ) lên hành vi, lối sống của người khác thường là tiêu cực. Các định kiến xã hội có thể đem đến ảnh hưởng rất lớn đến cá nhân, cộng đồng. Những người xung quanh họ sẽ sợ bị phán xét, bị trở thành tâm điểm của các cuộc trò chuyện vì vậy họ không dám là chính mình, theo đuổi đam mê của chính mình. Hay đối với cộng đồng luôn mang trong mình những định kiến sẽ kìm hãm sự phát triển, phá cách của con người và từ đó, kìm hãm cả sự phát triển của toàn xã hội.
- "Chí Phèo" thường chỉ cách cư xử của những kẻ hay nghiện rượu, say xỉn, không chịu khó làm ăn, bòn rút tiền của vợ con, không tử tế, thích đánh lộn, không chịu làm ăn và gây đau khổ cho người khác.

è Vào bài: *Định kiến khiến con người và xã hội sẽ ra sao? Điều gì đã làm nên tên tuổi của nhà văn Nam Cao, đã đưa "Chí Phèo" lên vị trí số một trong văn xuôi hiện đại Việt Nam. Cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong giờ học hôm nay.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học (đề tài, tác phẩm tiêu biểu, phong cách nghệ thuật), vị trí và tầm ảnh hưởng; nhan đề, cốt truyện.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà) **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình chiếu bản PP về tác giả Nam Cao và giới thiệu chung về *Chí Phèo*, đại diện HS thuyết trình trước lớp. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	**I. Đọc -Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Nam Cao** ***a. Sự nghiệp văn học*** ***- Đề tài sáng tác*** + Đời sống cơ cực của người nông dân. + Các bi kịch của tầng lớp trí thức nghèo ở thành thị. ***- Tác phẩm tiêu biểu*** "Chí Phèo", " Giăng sáng", "Lão Hạc", "Đời thừa", "Truyện người hàng xóm" "Sống mòn", "Đôi mắt", "Ở rừng", ... ***b. Phong cách nghệ thuật*** - Chú trọng diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật, xây dựng các tính cách phức tạp, thực hiện nhiều đột phá trong nghệ thuật tự sự với lối trần thuật phối hợp nhiều điểm nhìn, giọng điệu; - Cách kết cấu linh hoạt; - Cách sử dụng ngôn ngữ sinh động, vừa gần gũi với ngôn ngữ giao tiếp đời thường, vừa giàu suy tưởng. ***c. Vị trí và tầm ảnh hưởng*** - Nam Cao khẳng định vị trí trong lịch sử văn học bằng thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. - Là nhà văn lớn, một cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại. - Là nhà văn hiện thực nhân đạo xuất sắc của thế kỉ XX. **2. Tác phẩm *Chí Phèo*** **a. Đọc văn bản** **b. Tìm hiểu chú thích** **c. Nhan đề** - Lúc đầu, Nam Cao đặt tên truyện là *Cái lò gạch cũ*. - Nhà xuất bản Đời mới năm 1941, đổi thành *Đôi lứa xứng đôi*. - Năm 1945 trong tập *Luống cày* do Hội Văn hóa cứu quốc xuất bản, tác giả đặt tên mới là *Chí Phèo*. =>**Ý nghĩa nhan đề:** + Chí: Ý chí, nghị lực, lương thiện (tốt đẹp). + Phèo (tiếng lóng): Lộn tùng phèo

Học sinh tóm tắt bằng lời hoặc theo sơ đồ tư duy	*Chí Phèo*: Những điều lương thiện, tốt đẹp bỗng nhiên mất đi. **d. Tóm tắt cốt truyện**

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Biết cách đọc văn bản truyện hiện đại, chú ý đổi giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** ***Nhiệm vụ 2.1: Tìm hiểu mạch truyện** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS nghiên cứu văn bản, tìm hiểu mạch truyện **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS nêu mạch truyện - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS, chốt kiến thức.	**II. Khám phá văn bản** **1. Mạch truyện** - Chí Phèo vừa đi vừa chửi. - Chí Phèo là trẻ mồ côi, không rõ nguồn gốc. - 20 tuổi làm canh điền cho Bá Kiến, bị Bá Kiến ghen và đẩy vào tù, bị tha hoá. - Chí Phèo quay về làng Vũ Đại tìm Bá Kiến trả thù nhưng bị Bá Kiến lừa gạt, dụ dỗ và biến Chí thành tay sai cho hắn. Chí Phèo trở thành con quỷ dữ, trượt dài trên tội lỗi. - Chí gặp và yêu Thị Nở, nhớ lại quá khứ khi chưa đi tù, muốn quay về cuộc sống lương thiện. Hắn bị từ chối, thất vọng, nhận ra bi kịch bản thân. Chí tìm giết Bá Kiến và tự sát. - Thị Nở nghĩ về những "Chí Phèo con" trong tương lai.

***Nhiệm vụ 2.2: Tìm hiểu đề tài – chủ đề** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS tranh biện cặp đôi tìm hiểu đề tài, chủ đề của văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tranh biện cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV quay cảnh tranh biện từ 1 -2 cặp đôi sau đó trình chiếu trước lớp, yêu cầu các cặp đôi khác đóng góp ý kiến, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS	**2. Đề tài – chủ đề** - Khái quát một hiện tượng xã hội ở nông thôn Việt Nam trước năm 1945: một bộ phận nông dân lao động lương thiện bị đẩy vào con đường tha hóa, lưu manh hóa.
***Nhiệm vụ 2.3: Tìm hiểu không gian, thời gian.** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** HS xác định: 1. Thời gian trong truyện: a. Chiều hướng, trật tự thời gian trong truyện. b. Nhịp điệu, sự vận động của thời gian. 2. Truyện mở ra những không gian nghệ thuật nào? 3. Sự kết hợp giữa không gian và thời gian nghệ thuật trong "Chí Phèo"? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Đây là vấn đề không dễ, GV hướng dẫn HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để kích thích tư duy những học sinh có năng lực cảm thụ tốt. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày suy nghĩ cá nhân. - HS khác bổ sung thêm những cảm thụ riêng. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS.	**3. Không gian, thời gian** **a. Thời gian** **- Chiều hướng, trật tự thời gian:** **+ *Thời gian đa chiều.*** ++ Đoạn mở truyện tả tiếng chửi của Chí Phèo trong hiện tại ++ Đoạn văn tiếp theo là thời gian quá khứ về nguồn gốc Chí Phèo ++ Tiếp đến là quá khứ gần của Chí: làm canh điền cho ông lí Kiến" rồi "đi tù", rồi hắn lại lù lù về. ++ Câu chuyện quá khứ khép lại, nhà văn đưa người đọc trở về với cuộc sống hiện tại của Chí. Nhưng trong hiện tại lại gợi những hình ảnh của quá khứ. ++ Đoạn kết tác phẩm "Chí Phèo", khi nghe tin Chí Phèo chết, Thị Nở nhìn nhanh xuống bụng, trong óc thị thoáng hiện ra cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người qua lại. Ở đây, hiện tại, quá khứ soi sáng cho nhau, tạo nên sự cộng hưởng về cảm xúc và ấn tượng cho người đọc trong sự phỏng đoán về tương lai **+ *Thời gian hồi tưởng – tâm tưởng.*** Chí Phèo đối diện với cảnh sống hiện tại, cảnh vật ngày hôm nay như khêu gợi kỷ niệm của ngày qua. Mơ ước xưa hiện về. Hắn đã mất ý thức về thời gian. Nhưng sau lần gặp thị Nở, tình cảm tự nhiên và sự săn sóc tận tình của người đàn bà tội nghiệp này đã góp phần đánh thức ý thức về nhân phẩm và cùng với nó là ý

	thức về thời gian của Chí Phèo **- Nhịp điệu, sự vận động của thời gian:** + Trong truyện "Chí Phèo", nhịp điệu thời gian có khi chậm lại bởi những đoạn suy tư và hồi tưởng của Chí về thời quá khứ. + Nhưng cũng có khi thời gian lại vận động rất nhanh khi tác giả kể về quá trình tha hóa nhân tính lẫn nhân hình ở nhân vật Chí Phèo. => Thời gian tâm lí. **b. Không gian nghệ thuật trong truyện "Chí Phèo" – Nam Cao:** **- Không gian làng Vũ Đại:** "Chí Phèo" có phạm vi hiện thực được phản ánh trải ra trên cả bề rộng không gian (một làng quê): làng Vũ Đại - hình ảnh thu nhỏ của xã hội phong kiến nông thôn Việt Nam đương thời. **- Không gian túp lều ven sông.** **- Không gian đêm trăng.** **c. Sự kết hợp giữa không gian và thời gian nghệ thuật trong "Chí Phèo":** Không gian và thời gian nghệ thuật trong truyện "Chí Phèo" nhiều khi lẫn vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau. Thời gian và không gian của tâm lí (nhân vật).
***Nhiệm vụ 2.4: Tìm hiểu lời kể, ngôi kể và điểm nhìn** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành 5 nhóm, hướng dẫn HS tìm hiểu về lời kể, ngôi kể và điểm nhìn văn bản qua hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn. **- Nhóm 1:** Tìm hiểu sự luân phiên của các điểm nhìn. **- Nhóm 2:** Tìm hiểu điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu. **- Nhóm 3:** Tìm hiểu điểm nhìn trong phân đoạn miêu tả cảnh Chí Phèo gây sự với người nhà bá Kiến. **- Nhóm 4:**Tìm hiểu điểm nhìn trong phân đoạn Chí Phèo lúc đón nhận bát cháo hành của thị Nở. **- Nhóm 5:** Tìm hiểu điểm nhìn trong đoạn kết thúc tác phẩm.	**4. Lời kể, ngôi kể và điểm nhìn** - ***Sự luân phiên của các điểm nhìn:*** Điểm nhìn của người kể được luân phiên với điểm nhìn của nhân vật, có tác dụng tạo cảm giác thú vị, thu hút người đọc. - ***Điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu:*** dịch chuyển linh hoạt giữa người kể chuyện với nhân vật thông qua hệ thống lời kể. Mở đầu truyện ngắn là cái nhìn trần thuật của người kể chuyện. Sau đó, với hình thức lời nửa trực tiếp, điểm nhìn của chủ thể trần thuật lại hóa thân vào điểm nhìn của Chí Phèo. =>Hình thức này cho phép chủ thể trần thuật di chuyển điểm nhìn linh hoạt, đồng thời với kiểu độc thoại nội tâm, chủ thể trần thuật có điều kiện soi chiếu vào những mảng tâm trạng sâu kín nhất của nhân vật, giúp người đọc hiểu rõ hơn về từng nhân vật trong tác phẩm. ***- Điểm nhìn trong phân đoạn miêu tả cảnh***

GV phát PHT riêng cho từng nhóm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0. - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS bổ sung, nhận xét lẫn nhau. **<u>Thao tác 1:</u>** **Tìm hiểu** sự luân phiên của các điểm nhìn. Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung. **<u>Thao tác 2:</u>** **Tìm hiểu** điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu. Đại diện nhóm 2 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 3 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung. **<u>Thao tác 3:</u> Tìm hiểu** điểm nhìn trong phân đoạn miêu tả cảnh Chí Phèo gây sự với người nhà bá Kiến. Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung. **<u>Thao tác 4:</u> Tìm hiểu** điểm nhìn trong phân đoạn Chí Phèo lúc đón nhận bát cháo hành của thị Nở. Đại diện nhóm 4 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 5 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung. **<u>Thao tác 5:</u> Tìm hiểu** điểm nhìn trong đoạn kết thúc tác phẩm Đại diện nhóm 5 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 1 đặt câu hỏi phản biện. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm và cho điểm. - GV chuẩn hóa kiến thức.	***Chí Phèo gây sự với người nhà bá Kiến:*** Người kể không hoàn toàn miêu tả cảnh Chí Phèo gây sự với người nhà bá Kiến chỉ từ điểm nhìn của mình bởi trong lời kể của tác giả có đan xen lời bàn tán, xì xèo, suy luận của người dân xung quanh đứng hóng chuyện. ***- Điểm nhìn trong phân đoạn Chí Phèo lúc đón nhận bát cháo hành của Thị Nở:*** + Người kể chuyện đặt điểm nhìn của mình với vai trò là người chứng kiến toàn bộ sự việc, hiểu rõ tính cách cũng như tâm lý của những người trong cuộc, từ đó đưa ra cách miêu tả chân thực nhất về diễn biến tâm lý của từng nhân vật. + Thái độ người kể chuyện đối với Chí Phèo và Thị Nở: Qua hệ thống điểm nhìn và lời kể, người kể chuyện đã đặt mình và vị trí của nhân vật, nói lên tâm tư, nguyện vọng của họ. Chí Phèo thì muốn quay lại làm người lương thiện, muốn có cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Thị Nở thì khát khao hạnh phúc dù xấu xí và đã quá tuổi lấy chồng. Tất cả đều thể hiện sự tôn trọng đối với mỗi nhân vật. + Giọng điệu trần thuật: gần gũi, dễ hiểu, thể hiện rõ sự thay đổi trong tâm sinh lý của Chí Phèo từ con quỷ làng Vũ Đại muốn trở lại làm người bình thường, kiếm tìm hạnh phúc. ***- Điểm nhìn trong đoạn kết thúc tác phẩm:*** + Từ vai trò là một người kể chuyện, chứng kiến toàn bộ câu chuyện diễn ra, hiểu rõ diễn biến, tâm lý của mỗi nhân vật, tác giả chuyển mình thành giọng điệu của người dân làng Vũ Đại, bàn tán xôn xao về vụ việc vừa qua với những sắc thái, cung bậc cảm xúc khác nhau. + Người kể chuyện không đưa ra lời bình luận trực tiếp nào cho sự việc xảy ra ở làng Vũ Đại mà thể hiện sự đánh giá của mình qua lời nói của người dân làng Vũ Đại. => Qua đó, người kể chuyện thể hiện góc nhìn đa chiều của mình. **** Nhận xét chung về lời kể và điểm nhìn:*** Lời kể và điểm nhìn của người kể chuyện thể hiện thái độ công bằng, bình đẳng, đánh giá một

***Nhiệm vụ 2.5: Tìm hiểu nhân vật** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm bằng cách tìm hiểu mối quan hệ giữa các nhân vật với Chí Phèo. - GV lưu ý: Với mỗi mối quan hệ, HS tìm hiểu thái độ, tình cảm các nhân vật trong mối quan hệ với Chí Phèo, đặc biệt HS tìm được những chi tiết đặc sắc và cảm thụ được chi tiết đó. **Nhóm 1:** Làng Vũ Đại - Chí Phèo - Vì sao Chí Phèo lại khiến làng Vũ Đại e sợ khi hắn mới ra tù trở về làng? - Lí do bà cô thị Nở dứt khoát không cho cháu mình đến với Chí Phèo có thỏa đáng không? **Nhóm 2:** Bá Kiến - Chí Phèo - Bá Kiến đã chọn giọng điệu nào để nói với Chí Phèo? - Mục đích thực sự sự của bá Kiến trong cuộc nói chuyện này là gì? **Nhóm 3:** Thị Nở - Chí Phèo - Lòng trắc ẩn của thị Nở dành cho Chí Phèo được thể hiện qua ý nghĩ và hành động nào? - Ý nghĩa của hình ảnh cái lò gạch cũ là gì?	cách trung thực, khách quan nhất về nhân vật Chí Phèo. Với ông, con người đều có quyền bình đẳng, phê phán xã hội vô nhân đạo đày đọa con người. Vì vậy, dưới góc nhìn khách quan của mình, Nam Cao đã đòi lại công bằng cho một người được coi là "đáy xã hội", bị mọi người hắt hủi. **5. Nhân vật** **a. Làng Vũ Đại - Chí Phèo** - Thái độ làng Vũ Đại khi Chí Phèo mới ra tù trở về làng: e sợ, vì: + Ngoại hình như thằng săng đá (cái đầu trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết… Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế). + Hành động của hắn: uống rượu say khướt; chửi bới ở cổng nhà bá kiến; tay lúc nào cũng nhăm nhăm cầm cái vỏ chai; ăn vạ… - Bà cô Thị Nở - đại diện cho định kiến - dứt khoát không cho cháu mình đến với Chí Phèo: + Bà nhìn lại mình rồi áp đặt lên Thị Nở, bà cho rằng đã ngoài 30 tuổi rồi ai lại đi lấy chồng. + Hơn nữa, Chí Phèo còn là thằng không cha không mẹ, còn làm nghề rạch mặt ăn vạ, bà thấy nhục nhã thay cháu mình. **b. Bá Kiến - Chí Phèo** - Nói giọng nhỏ nhẹ: "Anh Chí ơi! Sao anh lại làm thế?"; "Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết…" - Chuyển sang giọng nói thân mật: "Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi! Đi vào nhà uống nước."; "Nào đứng lên… mang tiếng cả."… - Đưa mắt nháy con một cái và quát: "Lý Cường đâu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên!" => Dụ dỗ để dần biến Chí thành tay sai cho hắn. **c. Thị Nở - Chí Phèo** - Hành động thể hiện lòng trắc ẩn của thị Nở dành cho Chí Phèo: Thị nghĩ hắn bị ốm và nấu cháo cho hắn ăn => Sự quan tâm, lo lắng của một người đàn bà dành cho Chí Phèo.

Nhóm 4: Chí Phèo – Chí Phèo GV lưu ý: khi tìm hiểu về nhân vật trung tâm Chí Phèo, ta không chỉ xét mối quan hệ giữa Chí Phèo với các nhân vật khác mà còn cần tìm hiểu mối quan hệ giữa Chí Phèo với chính con người bên trong của Chí. Gợi ý tìm hiểu: - Chỉ ra diễn biến tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng sau cuộc gặp gỡ với thị Nở đêm trước? - Phân tích phản ứng tâm lí và hành động của Chí Phèo sau khi bị thị Nở từ chối chung sống. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận tìm hiểu nhân vật trong từng mối quan hệ - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Để đánh thức tấm lòng đồng cảm của học sinh, GV có thể tổ chức trò chơi: **Trải nghiệm đời Chí.** Hình thức: Chọn một HS trong nhóm Chí Phèo – Chí Phèo đóng vai Chí Phèo. Bước 1: Chí Phèo bộc lộ những suy nghĩ của chính mình. Bước 2: Các nhóm còn lại lần lượt lên dán sản phẩm thảo luận của nhóm lên bảng. Bước 3: Các HS quan sát kết quả của các nhóm, nhận xét, bổ sung theo bảng kiểm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS **GV nhấn mạnh:** → Từ một tên nát rượu, Chí Phèo dần tìm lại được chính mình trong ngọn lửa tình yêu nhen nhóm. Hắn nhận thấy cuộc sống xung quanh thật tươi đẹp, cái mà dường như rất lâu rồi hắn chưa hề được cảm nhận. Hắn nghĩ ngợi về cuộc đời, về tương lai rồi lại thấy buồn cho đời mình đã bỏ lỡ, phí hoài bao nhiêu thứ. Suy nghĩ này đã đánh dấu quá trình hoàn lương của Chí Phèo đang thực sự diễn ra, hắn thật	- Hình ảnh cái lò gạch cũ: Thị Nở nghĩ về "Chí Phèo con" trong tương lai. => Một vòng tròn luẩn quẩn gợi về một quy luật tàn bạo trong xã hội cũ. **d. Chí Phèo – Chí Phèo** **- Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng sau cuộc gặp gỡ với thị Nở đêm trước:** + Hắn **nghe thấy** tiếng chim ríu rít bên ngoài + Hắn **nhận ra** cái lều ẩm thấp vẫn mới chỉ hơi lờ mờ. Chưa bao giờ hắn nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say. + Hắn **bâng khuâng** như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài. + **Nghĩ đến rượu** hắn thấy **hơi rùng mình** + Hắn **nghe thấy** tiếng chim hót ngoài kia vui quá. **Nghe thấy** tiếng cười nói của người đi chợ, tiếng gõ mái chèo… Chao ôi là **buồn**! + Hắn **nghĩ về ao ước** của mình **trước kia**, từng mong muốn có một gia đình nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải… + Rồi hắn **lại thấy** mình già rồi mà vẫn cô độc, tự thấy **buồn** cho đời… **- Phản ứng tâm lý và hành động của Chí Phèo sau khi bị Thị Nở từ chối chung sống:** + Hắn đang chìm đắm trong tình yêu, nghĩ về một tương lai tươi sáng cho cả hai và tự thấy vui trong mình. + Thị Nở đột nhiên đến, chửi vào mặt hắn, hắn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu. Hắn bỗng ngẩn người → cảm giác hụt hẫng khi bị từ chối. + Thoáng một cái, hắn lại như hít thấy hơi cháo hành + Thị bỏ về, hắn sửng sốt, đứng lên gọi lại. Hắn đuổi theo thị, nắm lấy tay. Thị gạt ra, lại giúi thêm cho một cái. Hắn lăn khoèo xuống sân. → Hắn muốn níu kéo, muốn giữ lại niềm hạnh phúc mới được nhen nhóm của mình. + Hắn nhặt một hòn gạch vỡ, toan đập đầu. Hắn nghĩ: đập đầu ở đây chỉ thiệt; đập đầu ở đây, để mà nằm ăn vạ ai?... + Hắn muốn đến đâm chết con khọm già nhà nó… Muốn đập đầu, phải uống thật say, uống thêm chai nữa. Và hắn uống. Nhưng càng uống

sự đang quay trở lại làm người. **GV nhấn mạnh:** => Chính sự quan tâm của thị mà tiêu biểu là hình ảnh bát cháo hành giản dị đã thúc đẩy quá trình hồi sinh nhân tính bên trong con người Chí Phèo. Tình cảm con người đã cảm hóa được một con người -> hắn muốn níu giữ tình cảm này và muốn nó phát triển nó, tạo dựng một hạnh phúc hoàn chỉnh. - Việc Chí Phèo tìm đến nhà bá Kiến ở phần cuối truyện: Không phải hoàn toàn do hắn say. Hắn luôn nhận thức được kẻ thù thực sự của đời hắn. Chỉ có điều ngày thường bị che lấp bởi lốt quỷ dữ, nay phần người đã trở lại thì mối thù ấy bùng lên mãnh liệt. ***Nhiệm vụ 2.6: Tìm hiểu giá trị hiện thực và tư tưởng nhân đạo** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn tìm hiểu giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS trình bày kết quả. - HS khác bổ sung thêm những cảm thụ riêng. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS.	càng tỉnh ra. Hắn lại cứ thẳng đường mà đi đến nhà bá Kiến. =>**Người kể chuyện có đưa ra những phán đoán đáng tin cậy để người đọc hiểu được tâm lí và hành động của nhân vật.** **- Sự ám ảnh của hơi cháo hành đối với Chí Phèo:** + Lần đầu tiên hắn được chăm sóc bởi bàn tay của một người đàn bà. Bát cháo hành chính là minh chứng rõ nhất cho sự quan tâm, chăm sóc hay chính là tình yêu của thị Nở dành cho hắn + Trong khi hắn đang muốn quay lại làm người, thị xuất hiện, trút giận lên hắn đã khiến hắn tỉnh ra, hơi cháo hành xuất hiện như một sự hồi niệm về một mối tình ngắn ngủi thoáng qua giữa hai người. **- Câu nói "Ai cho tao lương thiện?": Đây không phải là lời của một kẻ say, đây chính là lời của một Chí Phèo chân chính muốn nói**, hắn đã tỉnh táo sau khi gặp thị Nở, con người chân chính của hắn đã quay về và hắn muốn trở lại làm người, làm một người bình thường như hắn từng mong ước. **6. Giá trị hiện thực và tư tưởng nhân đạo** **- Giá trị hiện thực:** + Sự đàn áp, bóc lột và tàn ác của bọn thực dân, phong kiến đối với những người nông dân trong xã hội xưa. + Số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng vô cùng thê thảm, bần cùng và trở thành lưu manh. Họ bị đẩy vào con đường tha hóa, lưu manh hóa và cái chết là điều tất yếu để giải thoát họ khỏi những đau khổ. **- Giá trị nhân đạo:** + Lời kết án đanh thép xã hội thực dân, phong kiến tàn bạo đã tàn phá cả thể xác và tâm hồn người nông dân lao động hiền lành, chất phác. + Niềm cảm thông, chia sẻ, đau xót khi chứng kiến những con người hiền lành, lương thiện bị dày vò, tha hóa thành con quỷ dữ của cả làng Vũ Đại. + Khẳng định niềm tin của tác giả vào bản chất lương thiện của những người nông dân cả khi

	tưởng như họ đã mất cả nhân hình lẫn nhân tính + Là lời cảnh báo của tác giả với số phận của những người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, nếu không thay đổi thì cuộc sống của họ cũng sẽ bế tắc, tuyệt vọng, tha hóa, lưu manh hóa và cái chết sẽ là điều không thể tránh khỏi.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào? - Hệ thống hóa những nét đáng chú ý trong nghệ thuật kể chuyện của Nam Cao ở truyện ngắn *Chí Phèo*? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** - Chí Phèo là một kiệt tác của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. - Qua đó, nhà văn kết án đanh thép xã hội tàn bạo ấy, đồng thời thể hiện niềm thương cảm, lòng nhân đạo đối với số phận những người nông dân. **2. Nghệ thuật** - Xây dựng thành công nhân vật điển hình bất hủ, đặt trong một xã hội điển hình để người đọc có thể nhận rõ được tính cách, số phận của nhân vật, của cả một lớp người mà nhân vật ấy làm đại diện. - Nghệ thuật trần thuật linh hoạt, tự nhiên mà vẫn nhất quán, chặt chẽ với giọng điệu có vẻ thờ ơ, lạnh lùng, khách quan song đằng sau đó là sự xót thương, cảm thông của tác giả với nhân vật. - Ngôn ngữ nghệ thuật đặc sắc. - Bút pháp miêu tả tâm lí và diễn biến tâm lí tinh vi, sắc sảo.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về chi tiết bát cháo hành của Thị Nở trong truyện ngắn *Chí Phèo*.

Nhiệm vụ 2: So sánh và nhận xét về đoạn kết của hai truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao) và *Vợ nhặt* (Kim Lân).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ 1 theo cá nhân (tại lớp hoặc ở nhà).
- Hs thực hiện nhiệm vụ 2 theo nhóm (tại lớp hoặc ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 1-2 HS có đoạn viết hoàn chỉnh) .
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubric.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	**0**
Nội dung	Trình bày suy nghĩ về chi tiết bát cháo hành của Thị Nở trong truyện ngắn *Chí Phèo*.	
	Giới thiệu vị trí của chi tiết trong truyện ngắn *Chí Phèo*	**2**
	Ý nghĩa của chi tiết đối với Chí Phèo, đối với tác phẩm, với nhà văn,…	**6**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

*** Nhiệm vụ 1:**

Đoạn văn tham khảo

Bát cháo hành là biểu tượng của tình người ấm nóng duy nhất còn sót lại nơi làng Vũ Đại. Có thể bát cháo với mỗi người chỉ là thứ vụn vặt. Cháo ấy có thể không ngon nhưng chan chứa tình người, một tình người hồn nhiên, vô tư, không vụ lợi mà Thị Nở dành cho Chí. Cháo hành trở thành vị thuốc giải cảm, giải độc cho Chí. **Sau khi bị thổ**, lần đầu tiên Chí tỉnh, lần đầu tiên cảm nhận được cuộc sống, nghe thấy những âm thanh xung quanh. Và ước mơ xa xăm năm nào trở lại trong trí não của hắn. Ước mơ về gia đình nho nhỏ, chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Trận ốm làm cho hắn thoát khỏi cơn say triền miên mà nhận thức được mình, thấy mình đang ở cái dốc bên kia cuộc đời, biết sợ tuổi già, ốm rét và cô độc. **Bát cháo khiến Chí phải ăn năn** về những hành động mình đã làm. Cũng chính bát cháo đã **gợi thức phần lương tri** ngủ quên trong lốt "con quỷ dữ làng Vũ Đại". Từ ăn năn, hối hận, Chí bỗng thấy thèm lương thiện, thèm trở về cuộc sống ngày trước. Bát cháo hành **dẫn đường cho hi vọng hoàn lương** nhưng **cũng là chi tiết đẩy bi kịch của Chí**

lên đến đỉnh điểm. Sau năm ngày ở với Chí, Thị Nở bỗng nhớ ra mình còn bà cô và quyết quay về xin ý kiến. Thị bị bà cô xỉa xói vào mặt và khi quay lại nhà Chí Phèo, thị cũng chửi lại bằng tất cả những lời của bà cô và vùng vằng bỏ về. Chí níu kéo nhưng bị Thị xô đẩy, Chí rơi xuống hố sâu của tuyệt vọng. Thị Nở đã phụ bạc hắn, hắn không còn cơ hội để quay về với cuộc sống lương thiện. Tuyệt vọng hắn uống rượu nhưng càng uống càng tỉnh và thoang thoảng "hơi cháo hành". Đó là biến thể của bát cháo hành. Hắn không say, vị ngọt của tình người cứ thoang thoảng để hắn đau khổ "khóc rưng rức". Cuối cùng hắn lựa chọn cầm dao đến nhà bá Kiến, đâm bá Kiến và tự sát. Hơi cháo hành không cho phép hắn trở lại con đường cũ, cuộc sống của con quỷ dữ. Hắn trở về lương thiện chỉ có thể bằng tự sát. Bát cháo hành gọi dậy con người trong Chí để nó thức dậy dù đau khổ, bi kịch. Bát cháo hành chính là cánh cửa đưa nó thoát khỏi kiếp đoạ đầy. Bát cháo hành một chi tiết nghệ thuật của Nam Cao **góp phần thể hiện tư tưởng của nhà văn về quan niệm nhân sinh**. Lòng tốt đôi khi phải trả một cái giá cắt cổ. Và đó còn là **niềm tin của nhà văn về người nông dân** dù có bị bầm dập về nhân hình nhưng không bao giờ mất đi nhân cách tốt đẹp.

***Nhiệm vụ 2:**

- Giống nhau: đều là những cái kết mở, để lại cho người đọc những suy nghĩ sâu xa về diễn biến câu chuyện tiếp theo.

- Khác nhau:

+ Trong đoạn kết của *Vợ nhặt*, tác giả gợi ra cho người đọc về một tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn với sự xuất hiện của cách mạng qua hình ảnh lá cờ đỏ. Để lại ấn tượng mạnh trong người đọc về một cái kết có hậu, con người sẽ sớm thoát khỏi nạn đói, gia đình của Tràng sẽ có cuộc sống hạnh phúc và tốt đẹp hơn

+ Trong đoạn kết của *Chí Phèo*, tác giả để lại ấn tượng cho người đọc về một tương lai mờ mịt, đen tối qua hình ảnh lò gạch cũ – nơi Chí Phèo bị bỏ rơi. Phải chăng tác giả muốn truyền tải thông điệp rằng còn những người như Bá Kiến, như Đội Tảo sẽ còn những người bất hạnh, khổ đau như Chí Phèo. Đây có thể coi là một cái kết buồn.

- Nhận xét:

Dù kết của hai truyện là không giống nhau nhưng nó đều truyền tải đến một ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Một bên là niềm tin mãnh liệt của con người vào tương lai, vào cuộc sống hạnh phúc, một bên dù cuộc sống còn nhiều bất công nhưng con người vẫn sẽ mang trong mình bản tính lương thiện, đến thời điểm nhất định nó vẫn sẽ được biểu hiện dù hoàn cảnh có đày đọa họ như thế nào. Qua đó ta có thể thấy, cả hai tác giả đều có niềm tin mãnh liệt vào con người, vào ý chí của họ sẽ giúp họ vượt qua mọi khó khăn.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện sơ đồ tư duy nội dung bài học.
- Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để phát triển năng lực của bản thân.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi "Tìm kiếm tài năng".

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy nội dung bài học, diễn xuất, tạo poster nhân vật Chí Phèo.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Tổ chức cuộc thi **"Tìm kiếm tài năng"** với các hình thức: thi diễn xuất, vẽ sáng tạo sơ đồ tư duy, tạo poster nhân vật Chí Phèo.
- Chia lớp thành 2 khu vực: Diễn viên, Họa sĩ.

- Giáo viên cung cấp: trang phục + giấy, bút vẽ cho họa sĩ.
- Thời gian: chuẩn bị: 5 phút, thể hiện: 5 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo khu vực lựa chọn:

+ Khu vực diễn viên: chọn đoạn trích trong "Chí Phèo", ghi nhớ nội dung và nhập vai diễn thử, góp ý cho nhau.

+ Khu vực họa sĩ: vẽ hoàn thiện sơ đồ tư duy, tạo poster nhân vật Chí Phèo khái quát nội dung bài học theo cách sáng tạo nhất.

- Cử đại diện lên thể hiện tài năng.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS mỗi nhóm cử đại diện thể hiện tài năng.
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS tài năng.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: *Cải ơi!* (Nguyễn Ngọc Tư) và Thực hành tiếng Việt (Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết)

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐỌC

CẢI ƠI!
(Nguyễn Ngọc Tư)

I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả Nguyễn Ngọc Tư

a. Tiểu sử

Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, là một gương mặt truyện ngắn tiêu biểu của văn học hiện đại Việt Nam.

b. Sự nghiệp văn học

- Tác phẩm nổi bật: "Cánh đồng bất tận", "Ngọn đèn không tắt",…
- Phần giới thiệu từ video (HS tự xem thêm)

c. Vị trí và tầm ảnh hưởng

- Lọt vào top 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất tại Việt Nam 2018 do tạp chí Forbes bình chọn.

2. Tác phẩm

a. Thể loại: Truyện ngắn.

b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:

- Nằm trong tập truyện "Cánh đồng bất tận" được phát hành năm 2005.
- Viết về mảnh đất và con người Nam Bộ chân thành, sâu nặng nhưng lại mộc mạc, giản dị, chân chất.

c. Tóm tắt tác phẩm:

- "Cải ơi" – tác phẩm truyện ngắn đặc sắc của Nguyễn Ngọc Tư nói về một hành trình đầy gian khổ đi tìm đứa con gái thất lạc tên "Cải" của người cha tên "Năm" đã gần 12 năm trời.
- Cải không phải là con ruột của ông, đó là con riêng của vợ hai ông với người chồng trước đó nhưng với tình yêu con, bảo vệ con nên ông đã chăm sóc và nuôi dưỡng con như con đẻ của mình.
- Một tình cảnh éo le khiến gia đình ông mâu thuẫn, Cải làm mất đôi trâu của nhà nên đã bỏ nhà đi, ông Năm bị đồn tiếng xấu là hại con đem giấu xác. Tất cả mọi người bà con láng giềng đều không tin tưởng ông. Vì quá buồn bã ông Năm quyết định đi tìm Cải.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Ý nghĩa nhan đề

Tên truyện là một câu cảm thán, một tiếng gọi thiết tha, não nề, tuyệt vọng: "Cải ơi!"

=>Nhan đề góp phần thể hiện tình cảm yêu thương của người cha dành cho con mặc dù bị nói tiếng xấu nhưng cha vẫn hết lòng vì con, bảo vệ con.

2. Chủ đề truyện

Truyện ngắn "Cải ơi!" gây xúc động mạnh cho bạn đọc bởi tình cha sâu sắc cùng lời văn mộc mạc nhưng chan chứa cảm xúc. Cái buồn trong "Cải ơi" dường như nhắc nhở bạn đọc thêm trân trọng, biết ơn những đấng sinh thành của mình - những người đã dốc hết tâm sức mình để nuôi nấng chúng ta.

3. Câu chuyện và cách tổ chức truyện kể

Câu chuyện	**Cách tổ chức truyện kể**
Truyện kể về hành trình ông Năm Nhỏ đi tìm đứa con gái tên Cải đã đi biệt từ năm mười ba tuổi. Ông Năm Nhỏ bị nghi ngờ vì không phải ba ruột mà đối xử tệ với nó rồi ông quyết định bỏ đi tìm nó. Và hành trình tìm Cải gần 12 năm bắt đầu…	- Các sự kiện trong truyện diễn không theo trình tự: + Mở đầu tác phẩm, tác giả nói về hiện tại; + Tiếp đó, tác giả kể về những điều đã xảy ra trong quá khứ ; + Sau đó lại quay về hiện tại. - Trật tự các sự kiện trong truyện kể: Đan xen giữa quá khứ và hiện tại.

*** Nhận xét:**

- Dù trong câu chuyện hay trong truyện kể, các sự kiện đều góp phần làm nổi bật nội dung chính của tác phẩm.
- Tuy nhiên, cách tổ chức truyện kể đã phá vỡ trật tự câu chuyện -> diễn biến của truyện khi ở hiện tại, khi ở quá khứ -> Diễn tả chân thực hành trình đi tìm con Cải của ông Năm, từ đó, làm nổi bật lên nỗi mong mỏi đau đáu của một người cha già với khao khát cháy bỏng có thể tìm được đứa con gái yêu quý của mình.

=> Câu chuyện và cách tổ chức truyện kể góp phần thể hiện: Tình cha tha thiết, chân thành, giản dị, mộc mạc mà chan chứa nước mắt gây xúc động mạnh cho bạn đọc.

4. Người kể chuyện (ngôi kể, quan hệ và thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật)

- Ngôi kể: ngôi thứ ba – người kể chuyện toàn tri.

- Quan hệ của người kể chuyện đối với các nhân vật:

+ Người kể chuyện đã thay tác giả kể lại câu chuyện đi tìm con của ông Năm. Niềm khát khao tìm kiếm đứa con gái bị thất lạc được tác giả khắc họa cụ thể, chân thực, tinh tế qua từng suy nghĩ, cử chỉ, hành động, và lời nói của nhân vật.

+ Người viết đặt hoàn cảnh của mình vào từng nhân vật, bởi vậy những cuộc đối thoại trong truyện đều mang theo tính cách, hoàn cảnh của mỗi người, mỗi nhân vật nhờ vậy mà cũng trở nên chân thực hơn.

- Thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật: Thái độ thương cảm, xót xa.

5. Hệ thống điểm nhìn trong tác phẩm

- Hệ thống điểm nhìn: Người kể chuyện chủ yếu trần thuật theo điểm nhìn của mình, điểm nhìn bên trong (đứng trên lập trường của từng nhân vật để đối thoại và giải quyết tình huống) chiếm ưu thế.
- Điểm nhìn người kể chuyện giúp nhà văn miêu tả chính xác, khách quan diễn biến hành động của nhân vật, kết hợp với điểm nhìn bên trong để miêu tả nội tâm, cảm xúc của nhân vật:

+ Ông Năm khắc khoải chờ mong tin con, buồn bã khi nhớ về con, vui mừng khôn xiết khi tưởng thấy con, hụt hẫng khi nhận nhầm người.

+ Thán lo lắng cho câu chuyện giữa mình với Diễm Thương.

+ Diễm Thương lạnh nhạt, không cảm xúc.

6. Lời của người kể chuyện và lời nhân vật trong truyện

- Lời người kể chuyện trong việc miêu tả những cử chỉ ngoại hiện của ông Năm, Thán và Diễm Thương.
- Lời của nhân vật là những đoạn đối thoại, hoặc câu văn bộc lộ suy nghĩ của các nhân vật.
- Lời người kể chuyện và lời nhân vật cộng hưởng, đan xen nhau xuyên suốt toàn câu chuyện,…

=>Sự kết hợp độc đáo giữa lời kể của tác giả với lời của nhân vật đã tạo nên sức hấp dẫn cho truyện kể. Nhờ đó, nhà văn có thể đi sâu vào tâm lý nhân vật và kể một cách chân thực, hấp dẫn về hành trình đi tìm con Cải của ông Năm Nhỏ.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 7

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- Nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Những kĩ năng thuộc về hoạt động nói và hoạt động nghe trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói.
- Những kĩ năng thuộc về hoạt động viết và hoạt động đọc trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ viết.
- Phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; tránh nói như viết hoặc viết như nói.

2. Phẩm chất

Tự giác thực hành luyện tập thêm và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đặc điểm khi giao tiếp. Có thái độ nghiêm túc và có trách nhiệm với lời nói của bản thân khi tham gia hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu clip, HS xem, cặp đôi suy nghĩ trả lời nhanh vào phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
HS xem Clip
https://www.youtube.com/watch?v=bXXzFzBhWVE

<table>
<tr><th colspan="2">PHIẾU TRẢ LỜI NHANH</th></tr>
<tr><td>Nội dung</td><td></td></tr>
</table>
</td><td>
- Nội dung Clip: Cách giáo dục trẻ em của một gia đình trong một bữa ăn
- Yếu tố tạo nên tiếng cười:
+ Diễn xuất hài hước.
+ Tình huống hài hước.
</td></tr>
</table>

Clip	
Yếu tố tạo nên tiếng cười	
Từ ngữ đáng chú ý	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS trao đổi thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
Đại diện HS tham gia trả lời câu hỏi nhanh.
HS quan sát, lắng nghe, bổ sung, góp ý, phản biện.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài:
Không phải ngẫu nhiên mà người ta chia ra phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Làm thế nào để nhận biết và không nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, chúng ta hãy cùng tìm hiểu bài học: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

+ Lời nói hài hước.
- Từ ngữ đáng chú ý: HS ghi lại một số từ ngữ theo suy nghĩ cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. Mục tiêu:
- Nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Những kĩ năng thuộc về hoạt động nói và hoạt động nghe trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói.
- Những kĩ năng thuộc về hoạt động viết và hoạt động đọc trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ viết.
- Phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; tránh nói như viết hoặc viết như nói.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi để nhận diện ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết và vận dụng làm bài tập SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS chia nhóm, thảo luận và thực hiện bài học dưới dạng trò chơi: Đấu trường Nói - Viết
Nhóm 1: Sức mạnh của ngôn ngữ nói.
+ Nhận diện: Xếp những đoạn văn sau vào cột ngôn ngữ nói hoặc cột ngôn ngữ viết.
<table>
<tr><td>Ngôn ngữ nói</td><td>Ngôn ngữ viết</td></tr>
<tr><td>?</td><td>?</td></tr>
</table>
a) Nhờ có ngôn ngữ mà con người mới có
</td><td>
I. Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết
1. Nhận diện ngữ liệu
<table>
<tr><td>Ngôn ngữ nói</td><td>Ngôn ngữ viết</td></tr>
<tr><td>b, d, f</td><td>a, c, e</td></tr>
</table>
2. Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (BẢNG PHỤ LỤC: ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT bên dưới)
II. Thực hành phân tích đặc điểm của ngôn
</td></tr>
</table>

thể tiến hành suy nghĩ, tư duy… Nhà ngôn ngữ học Xô Viết Bô-rôp-xki đã chứng minh sự tồn tại của lời nói bên trong cả khi người ta im lặng và suy nghĩ. b) Có gì thì mày nói tao nghe xem nào! Cứ im ỉm im ỉm rồi khóc mếu, sốt ruột! c) Quê hương là chùm khế ngọt Cho con trèo hái mỗi ngày (Đỗ Trung Quân) d) Lan ơi, về quê không? Tao chở về! e) Bộ GD-ĐT vừa có công văn hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, trong đó nêu chi tiết lịch thi, thời gian công bố điểm thi. Theo đó, kỳ thi tốt nghiệp THPT năm nay sẽ sớm hơn năm trước. f) Ê mày, năm nay thi sớm vậy tao lo lắm! + Nêu đặc điểm của ngôn ngữ nói. + Làm bài tập 1 – SGK. + Tạo một sản phẩm thuộc ngôn ngữ nói với nội dung: Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) **Nhóm 2:** Vẻ đẹp của ngôn ngữ viết + Nhận diện (Như nhóm 1) + Nêu đặc điểm của ngôn ngữ viết + Làm bài tập 2 – SGK + Tạo một sản phẩm thuộc ngôn ngữ viết với nội dung: Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) **-** Các nhóm thảo luận trao đổi theo định hướng, sau đó mỗi nhóm chọn ra 3-5 thành viên tham gia trò chơi do MC dẫn dắt (do GV chọn và tư vấn hỗ trợ) - Ban giám khảo do GV chọn cử gồm 3 HS (GV tư vấn hỗ trợ đáp án) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **-** Các nhóm thảo luận trao đổi theo định hướng khoảng 10 phút, sau đó chọn người tham gia trò chơi **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV hướng dẫn HS hình thành 2 đội chơi (mỗi đội từ 3 – 5 thành viên) do MC dẫn dắt: **Vòng 1: Nhận diện** HS ghi bảng theo cột ngôn ngữ nói và viết	**ngữ nói và ngôn ngữ viết** **Bài tập 1/36,37,38 SGK.** Nhận xét các đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo trong hai đoạn trích: **a.** Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo trong đoạn trích: "Hắn giương mắt nhìn thị…lên xe rồi cùng về". (Kim Lân, *Vợ nhặt*) - Tác giả thay vai liên tục từ người kể chuyện đến lời của nhân vật Tràng, thể hiện rõ tâm trạng của nhân vật Tràng khi thị bất ngờ xuất hiện. - Trong lời thoại của nhân vật, tác giả sử dụng những từ cảm thán như: "À", "Đấy", "nhá", "Hà" và những từ địa phương như "hẵng". **b.** Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo trong đoạn trích: "Thoáng nhìn qua…có họ kia đấy" (Nam Cao, *Chí Phèo*) - Tác giả sử dụng linh hoạt từ ngữ của văn nói như: "biết gì", "ơi", "rồi", "ai", "chứ", "đấy",… → Qua cách sử dụng linh hoạt ngôn ngữ nói, tác giả muốn thể hiện sự gian xảo trong lời nói cũng như con người của bá Kiến, chỉ bằng một vài câu nói ngắn ông đã có thể xoa dịu được một Chí Phèo say rượu, hung hăng. Trọng lượng của lời nói không chỉ thể hiện ở những câu từ trau chuốt, đôi khi sự đơn giản, dễ hiểu lại có giá trị thuyết phục đối với người nghe cao hơn. **Bài tập 2/38 SGK.** Phân tích các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết trong đoạn trích: "Cái đói đã tràn...từng hồi thê thiết" (Kim Lân, *Vợ nhặt*) **-** Từ ngữ: dùng các từ ngữ bình dị, gần gũi. - Biện pháp nghệ thuật liệt kê, so sánh. - Trong đoạn văn trên, tác giả đã rất dụng công trong việc trau chuốt từ ngữ, cấu trúc để gợi lên khung cảnh tang tóc, thê lương của xóm ngụ cư khi cái đói tràn về. - Câu văn ngắn cùng cách diễn đạt đơn giản "Người chết như ngả rạ.", "Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào"… kết hợp với nhiều từ láy mang ý nghĩa biểu tượng "xác xơ", "ngăn ngắt",

(Tiêu chí: Nhanh, đúng) **Vòng 2: Lí thuyết** HS 2 đội nêu các đặc điểm của ngôn ngữ nói và viết (Tiêu chí: Nhanh, đúng) **Vòng 3: Phân tích ngữ liệu** HS 2 đội giải 2 bài tập SGK (Tiêu chí: Nhanh, đúng) **Vòng 4: Thực hành nói và viết** HS 2 đội thi nói và viết, mỗi đội có một bài nói, một bài viết (Tiêu chí: Đánh giá theo **BẢNG KIỂM : ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NÓI VÀ VIẾT CỦA CÁC ĐỘI CHƠI** bên dưới) **Bước 4: Đánh giá kết luận** - GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức	"úp súp", "heo hút"… nhằm gợi lên một khung cảnh rùng rợn, tiêu điều, đáng thương mà ở đó con người dường như trở thành những bóng ma vật vờ, đợi chờ cái chết. Cái đói năm Ất Dậu đã tràn đến xóm ngụ cư, bao trùm lên cảnh vật và con người, gợi mở ra một tương lai đen tối, cái chết cận kề đang chờ đón họ. **III. Thực hành nói và viết** Nội dung nói và viết: Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong Truyện Kiều (Nguyễn Du) (Tham khảo **PHỤ LỤC ĐOẠN THAM KHẢO** bên dưới)

BẢNG PHỤ LỤC: ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

Phương diện xem xét	**Ngôn ngữ nói**	**Ngôn ngữ viết**
Tình huống giao tiếp	- Người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, thay vai luân phiên. - Người nói ít có thời gian và điều kiện lựa chọn và gọt giũa lời nói. - Ngôn ngữ nói chỉ tồn tại nhất thời và được truyền đi trong phạm vi không gian hạn chế.	- Người viết và người đọc thường không có sự tiếp xúc trực tiếp - Người viết có thời gian để suy ngẫm, lựa chọn cách biểu đạt, vì vậy, ngôn ngữ viết nói chung được gọt giũa. – Ngôn ngữ viết có khả năng lưu trữ thông in lâu dài và hướng tới một phạm vi người đọc rộng lớn.
Phương tiện ngôn ngữ	- Âm thanh	- Chữ viết
Phương tiện hỗ trợ	- Ngữ điệu - Nét mặt, ánh mắt - Cử chỉ, điệu bộ	- Dấu câu - Hình ảnh minh họa - Sơ đồ, bảng biểu
Hệ thống yếu tố ngôn ngữ	- Từ ngữ: + Các khẩu ngữ, từ ngữ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ. + Các trợ từ, thán từ, từ ngữ đưa đẩy, chêm xen,… - Câu: Có kết cấu linh hoạt như	- Từ ngữ: + Có cơ hội chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt. + Sử dụng ngôn ngữ phổ thông. - Câu: Chặt chẽ, mạch lạc, câu dài, nhiều thành phần phức tạp.

	câu tỉnh lược, câu có yếu tố trùng lặp hay dư thừa,… - Văn bản: Không có sự chặt chẽ, mạch lạc.	- Văn bản: Kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao.

PHỤ LỤC ĐOẠN THAM KHẢO

Đoạn viết:

Dưới ngọn bút thiên tài của Nguyễn Du, tiếng Việt trở nên trong sáng, giàu biểu cảm, nhuần nhụy giữa bác học và bình dân, cổ kính và hiện đại. Nó làm cho một câu Kiều ta đọc có thể hiểu ngay nhưng ngẫm ngợi cả đời chưa hết sự sâu xa.

Đoạn nói:

Ngôn ngữ ở đoạn "Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau" này hay quá mày ơi, càng đọc tao càng thấy nó đúng quá trời quá đất luôn!

BẢNG KIỂM : ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NÓI VÀ VIẾT CỦA CÁC ĐỘI CHƠI

STT	Tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
1	Dung lượng hợp lí		
2	Sản phẩm mang đặc điểm ngôn ngữ Nói (Viết)		
3	Sản phẩm sinh động, thuyết phục		
4	Trình bày sản phẩm đúng đặc trưng ngôn ngữ		
5	Trình bày sản phẩm hấp dẫn, thu hút		

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**:

- Vận dụng kĩ năng giải quyết vấn đề trong thực tế: Vận dụng các kiến thức về đặc điểm ngôn ngữ Nói – Viết để thực hành kĩ năng Nói – Viết trong thực tế đời sống.

b. Nội dung hoạt động:

HS thực hành Nói – Viết

c. Sản phẩm: Kịch bản và diễn xuất của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV giúp HS lên ý tưởng, phân công nhóm để thực hiện nhiệm vụ - Nội dung đoạn kịch: Ước mơ làm nhà văn - Tình huống: A muốn làm nhà văn, mẹ tình cờ biết được ước muốn đó - Nhân vật: + A: Đam mê văn thơ, có những sáng tác văn thơ nhưng còn e ngại chưa dám thể hiện mình, chỉ dám tâm sự với mẹ + Mẹ A: Ủng hộ mơ ước của con, lắng nghe những sản phẩm thơ văn của con, góp ý, sửa sai, giúp con hoàn thiện **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm)** - HS viết kịch bản	- Kịch bản HS viết - HS diễn xuất chuyển thể từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ nói và các yếu tố đi kèm

- Phân vai - Biểu diễn **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** **-**Các nhóm thể hiện vở kịch của nhóm mình HS khác chú ý quan sát, đánh giá bằng Bảng kiểm (bên dưới) **Bước 4: Đánh giá kết luận** - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức	

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- Chuẩn bị bài: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

VIẾT

Tiết: 8,9

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN
(Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).
- Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...).
- Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.
- Khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

Thực hành viết

- HS biết cách viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp, giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá.
- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc một số truyện ngắn, GV đặt câu hỏi, HS trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Truyện ngắn 1, 2. (Phụ lục 1	**- Điểm chung:** Cả 2 truyện ngắn đều viết về đôi bàn tay con người.

bên dưới)

- HS thảo luận cặp đôi hoàn thiện phiếu trả lời.

Tiêu chí đối sánh	*Truyện ngắn 1*	*Truyện ngắn 2*
Điểm chung		
Nội dung		
Mạch truyện		
Vẻ đẹp		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận cặp đôi, sau đó tráo đổi thành viên các cặp để hoàn thiện, bổ sung kết quả.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện các cặp chia sẻ ý kiến.

Bước 4: Đánh giá kết luận

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài:

Nhà văn Tô Hoài - Người viết truyện ngắn phải rèn luyện đến từng dấu phẩy... Chỉ với truyện ngắn, người ta mới biết tận dụng từng chữ, lo săn sóc từng chữ… Một truyện ngắn hay, không chỉ có ý nghĩa ở chủ đề tư tưởng và nhân vật mà từng câu, từng chữ của truyện ấy sẽ tạo nên nội dung cái hay cho chủ đề tư tưởng và nhân vật. Mỗi chữ có sức mạnh riêng đồng thời sức mạnh hòa chung cả hai phía ấy dựng nên hồn chữ, hồn câu toàn bài…

- Nội dung:

+ Truyện 1: Cuộc chuyện trò của 2 ông cháu về ý nghĩa đôi bàn tay

+ Truyện 2: Nỗ lực xin việc của một chàng trai được trả giá xứng đáng khi hiểu ra ý nghĩa đôi bàn tay của mẹ

- Mạch truyện:

+ Truyện 1:

++ Những đối thoại của 2 ông cháu về tác dụng của đôi tay.

++ Gợi mở về đôi bàn tay của những người lao động.

+ Truyện 2:

++ Một sinh viên trẻ xuất sắc đi xin việc nhưng công ty chưa nhận ngay vì anh chưa hiểu hết được ý nghĩa đôi tay mẹ.

++ Hôm sau, anh được nhận vào làm sau khi trực tiếp rửa tay cho mẹ, làm công việc của mẹ và hiểu được ý nghĩa của nó.

- Vẻ đẹp: Mỗi truyện hay theo cách riêng.(HS thể hiện quan điểm cá nhân)

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

- HS hiểu được ứng dụng của bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

b. Nội dung hoạt động

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

c. Sản phẩm

Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/39 và thảo luận về các vấn đề: **Câu 1:** Một bài viết văn bản nghị	**Yêu cầu khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện (chủ đề và nhân vật):**	**Yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả):** - Giới thiệu ngắn gọn về tác

luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả) cần đáp ứng những yêu cầu gì? **Câu 2:** Những yêu cầu này khác gì so với những yêu cầu trong một bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện (chủ đề và nhân vật)? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của 2 kiểu bài theo nhóm bàn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm. - Nêu nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm. - Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm. - Phân tích mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm. - Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật. - Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân. **Thiên về khía cạnh nội dung**	phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích) - Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,…) - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lý lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ. - Khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích. **Thiên về khía cạnh nghệ thuật**

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).
- HS viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 39-43 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được các bước để viết một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao	**Bài viết tham khảo: Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Nam**

nhiệm vụ HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi: - Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn *Đời thừa* có những phương diện đáng chú ý nào? - Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong *Đời thừa*, tác giả đã đi theo trình tự nào? - Sơ đồ hóa mạch triển khai các ý - Bạn có thể học hỏi được điều gì từ cách phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự trong *Đời thừa*? Điều gì ở bài viết chưa làm bạn thỏa mãn? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc bài tham khảo. - HS trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**Cao trong truyện ngắn *Đời thừa*.** **1. Những phương diện đáng chú ý về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn *Đời thừa*:** - Tổ chức mạch truyện. - Người kể chuyện. - Lối trần thuật hướng nội. - Thái độ của người kể với nhân vật. - Lời trần thuật. **2. Trình tự phân tích từng phương diện nghệ thuật tự sự trong *Đời thừa*:** - Miêu tả yếu tố đó (người kể chuyện trong truyện ở ngôi thứ mấy, trần thuật theo điểm nhìn nào). - Chỉ ra chức năng, vai trò của yếu tố đó (Người kể chuyện giúp người đọc hình dung được thế giới nội tâm của nhân vật Hộ đang trải qua những xung đột gì; thái độ của người kể chuyện với nhân vật có điều gì đáng chú ý). - Đánh giá hiệu quả nghệ thuật của yếu tố đó (qua người kể chuyện, Nam Cao thể hiện cái nhìn sâu sắc như thế nào về đời sống, về con người). **3. Sơ đồ mạch triển khai các ý:** ***Giới thiệu tác phẩm và phương diện nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích.*** ↓ ***Mô tả và đánh giá cách Nam Cao kiến tạo truyện kể.*** ↓ ***Chỉ ra đặc điểm của người kể chuyện trong truyện ngắn (ngôi kể và điểm nhìn).*** ↓ ***Phân tích vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật.*** ↓ ***Chỉ ra mối liên hệ giữa người kể chuyện trong tác phẩm với nhà văn.*** ↓ ***Đánh giá giá trị của tác phẩm***

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết **.**

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

*** Chuẩn bị viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Đề bài tham khảo:

Đề bài 1: Chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam)

Đề bài 2: Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện trong *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân)

Đề bài 3: Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Sê-khốp trong truyện ngắn *Một chuyện đùa nho nhỏ*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cá nhân, điền câu trả lời vào phiếu 1(cột bên).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét phần trình bày của HS.

*** Tìm ý, lập dàn ý**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm: Từ những chỉ dẫn, gợi mở từ phần Chuẩn bị viết, hãy tìm ý và lập dàn ý bằng cách hoàn thành phiếu học tập số 2,3 (cột bên).

- Nhóm 1,2 hoàn thành phiếu HT số 2
- Nhóm 3,4 hoàn thành phiếu HT số 3

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.

</td><td>

1. Chuẩn bị viết:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

<table>
<tr><th colspan="2">Hướng dẫn</th><th>Thực hành</th><th>Kết quả</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Bạn ấn tượng về cách kể chuyện trong tác phẩm truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) nào?</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="3">2. Xem xét một số yếu tố nghệ thuật của truyện (Một truyện có thể có một trong các yếu tố hoặc có tất cả các yếu tố)</td><td>a. Tác phẩm truyện đó mang đặc sắc gì trong nghệ thuật xây dựng tình huống và xây dựng nhân vật?</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>b. Nêu đặc điểm, vai trò và chức năng của người kể chuyện trong tác phẩm truyện đó.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>c. Xem xét cách xây dựng truyện kể của tác phẩm truyện (cách tổ chức hệ thống sự kiện, điểm nhìn, lời văn,...) đó</td><td></td><td></td></tr>
</table>

2. Tìm ý, lập dàn ý:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

<table>
<tr><th>Hướng dẫn</th><th>Thực hành</th></tr>
<tr><td>1. Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, mối liên hệ giữa tác phẩm với nhà văn cùng bối cảnh thời đại và các khuynh hướng, trường phái văn học nghệ thuật liên quan.</td><td></td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS.

***Viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV yêu cầu HS viết bài hoàn chỉnh theo sự lựa chọn.

GV lưu ý:
- Triển khai từng ý trong dàn ý thành một đoạn văn; ở từng đoạn cần có câu chủ đề đặt ở vị trí thích hợp.
- Cần dẫn lời văn hay chi tiết trong tác phẩm truyện có thể minh họa tốt cho ý đã được nêu.
- Lời văn cần tránh sự bình tán dễ dãi, lan man. Cách phân tích và đánh giá tác phẩm nghệ thuật cần có sự kết hợp hài hòa giữa lí (mạch phân tích) và tình (thái độ của người viết đối với tác phẩm).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Cá nhân HS viết bài

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chấm điểm theo **Rubric đánh giá bài viết** (Phụ lục 3 bên dưới)

2. Xác định những phương diện cụ thể trong cách kể chuyện của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu vào phân tích.	
3. Phân tích hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật đã giúp bộc lộ cảm quan về đời sống của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và hứng thú diễn giải ở người đọc.	
4. Đánh giá giá trị của tác phẩm bạn đã chọn trên phương tiện nghệ thuật: + Tác phẩm có vị trí như thế nào trong sự nghiệp của nghệ sĩ? + Nó đã tạo nên đột phá gì trong cách biểu đạt đời sống, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mĩ mới mẻ thế nào?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Hướng dẫn	Thực hành
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết	
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.	
3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: **- Mở bài:** + Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. + Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ tập trung làm rõ. **- Thân bài:** Căn cứ vào việc xác định các yếu tố làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện mà bạn chọn phân	

	tích, triển khai bài viết thành các luận điểm tương ứng. Khi phân tích các yếu tố này, có thể đi theo các trình tự: + B1: miêu tả yếu tố đó, + B2: chỉ ra chức năng, vai trò của nó; + B3: đánh giá hiệu quả của nó,… **- Kết bài:** Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.	
	3. Viết: **DÀN Ý THAM KHẢO (Phụ lục 2 bên dưới)**	

Phụ lục 1:

Truyện 1: ĐÔI TAY ĐỂ LÀM GÌ

Bé Bi; rất thân với ông nội. Hàng ngày Bi thường trò chuyện cùng ông. Một lần, ông nội hỏi Bi:

- Con người cần có đôi tay để làm gì?

Bi đáp:

- Để chơi banh ông ạ!
- Thế còn để làm gì nữa?
- Để cầm muỗng ăn cơm nữa ông nội ơi!

Nhìn Bi âu yếm, ông lại hỏi:

- Còn để làm gì nữa nào?

Nghĩ một chút rồi Bi lại nói:

- Ông nội ơi, còn để vuốt ve con mèo phải không ạ?

Nghe Bi hỏi, ông nội gật gật đầu rồi lại hỏi:

- Ồ, Bi nghĩ kĩ xem, đôi tay còn để làm gì nữa không?
- À à để ném hòn sỏi xuống sông nữa ông ơi!

Suốt buổi chiều, bé Bi trò chuyện với ông về đôi tay. Nó nói đúng cả đấy nhưng chỉ nói về mỗi đôi tay của nó thôi.

Thế còn đôi tay của ba, của mẹ, đôi tay của các cô chú công nhân, của cô giáo, của các bác sĩ, của các chú bộ đội và những người lao động khác thì để làm gì nhỉ? Đố bé biết đấy!

(Thái Hà phỏng theo truyện cùng tên của E.Permiak - Liên Xô)

Truyện 2: Đôi bàn tay của mẹ!

Có một chàng trai trẻ vừa tốt nghiệp Đại học loại xuất sắc nộp đơn dự tuyển vào một vị trí quản lý tại một công ty lớn.

Anh ta vượt qua các vòng đầu tiên. Đến vòng cuối cùng, đích thân ông Giám đốc phỏng vấn để đưa ra quyết định cuối cùng. Ông Giám đốc phát hiện ra một điều từ CV của chàng trai trẻ rằng trong suốt các năm học, anh ta luôn đạt thành tích học tập một cách xuất sắc. Từ trường Trung học

cho đến khi vào Đại học và thi tốt nghiệp, không năm nào mà chàng trai này không đạt được danh hiệu xuất sắc.

Ông Giám đốc hỏi, “Anh có bao giờ nhận được học bổng từ trường không”. “Không bao giờ”, chàng trai trả lời. Ông Giám đốc bèn hỏi tiếp,”Vậy là cha anh đã trả toàn bộ học phí cho anh phải không?”. Chàng trai trẻ trả lời: “Cha tôi đã mất từ hồi tôi được một tuổi, toàn bộ số tiền học phí là do mẹ tôi gánh vác”.

“Vậy mẹ anh làm việc ở công ty nào?” Ông Giám đốc hỏi. Chàng trai trẻ bèn trả lời, “Mẹ tôi làm công việc giặt quần áo”.

Ông Giám đốc nghe vậy bèn đề nghị chàng trai trẻ đưa hai bàn tay ra cho ông xem. Hai bàn tay chàng trai khá đẹp và mềm mại. Ông Giám đốc hỏi: “Vậy trước đây có bao giờ anh giúp đỡ mẹ anh trong việc giặt quần áo chưa?”. “Chưa bao giờ”, chàng trai trẻ trả lời, “Mẹ tôi lúc nào cũng chỉ muốn tôi học và đọc thật nhiều sách. Hơn nữa, mẹ tôi có thể giặt quần áo nhanh hơn tôi.” Ông Giám đốc nghe thấy vậy bèn nói: “Tôi có một yêu cầu. Hôm nay lúc anh về nhà, hãy đi và rửa hai bàn tay của mẹ anh. Rồi hãy đến gặp tôi vào sáng ngày hôm sau”. Chàng trai trẻ cảm giác rằng cơ hội trúng tuyển của mình vào công ty này rất cao. Anh ta liền vui vẻ về nhà gặp mẹ và nói với bà hãy để anh ta rửa hai bàn tay của bà ngày hôm nay. Bà mẹ nghe vậy cảm thấy rất lạ, trong lòng bà dấy lên những cảm xúc vui buồn lẫn lộn, bà bèn đưa hai bàn tay mình ra cho chàng trai.

Chàng trai trẻ chầm chậm rửa sạch bàn tay của mẹ mình. Từng giọt nước mắt của chàng trai rơi xuống khi anh ta thực hiện công việc của mình. Lần đầu tiên chàng trai nhận ra rằng đôi bàn tay của mẹ mình thật là nhăn nheo, hơn nữa hai bàn tay còn chằng chịt những vết sẹo và chai sạn. Những vết sẹo này hẳn là rất đau đớn vì chàng trai cảm nhận được bà mẹ khẽ rùng mình mỗi khi chàng trai rửa chúng trong nước. Đây cũng là lần đầu tiên chàng trai trẻ nhận ra rằng chính đôi bàn tay này hàng ngày làm công việc giặt quần áo để có thể trang trải đủ tiền học phí của anh ta ở trường học. Những vết sẹo trên đôi bàn tay của bà mẹ cũng là cái giá cho kết quả đậu tốt nghiệp, cho những bảng điểm xuất sắc và cho cả tương lai của anh ta. Sau khi rửa sạch đôi bàn tay của bà mẹ, chàng trai trẻ lặng lẽ giặt nốt luôn chỗ quần áo còn lại trong ngày. Tối hôm đó, bà mẹ và chàng trai đã nói chuyện với nhau rất lâu.

Sáng ngày hôm sau, chàng trai trẻ quay lại công ty phỏng vấn. Ông Giám đốc nhận thấy nước mắt còn đọng trên khóe mắt của chàng trai trẻ bèn hỏi: “Anh có thể cho tôi biết anh đã làm gì và học được những gì ở nhà của anh ngày hôm qua không?”

Chàng trai trả lời: “Tôi đã rửa đôi bàn tay của mẹ tôi, và tôi cũng đã giặt nốt chỗ quần áo còn lại.”

Vậy anh hãy cho tôi biết cảm giác của anh như thế nào? Ông Giám đốc hỏi.

Chàng trai trẻ bèn trả lời trong nước mắt:

"Thứ nhất: Tôi hiểu được nhờ có mẹ mà tôi có được ngày hôm nay.

Thứ hai: Tôi hiểu được kiếm tiền vất vả đến như thế nào.

Thứ ba: Tôi đã nhận thức được sự quan trọng và giá trị của tình cảm gia đình."

Ông Giám đốc nói: “Đó chính xác là những gì tôi cần tìm ở một nhà quản lý. Tôi muốn tìm những ứng viên có thể nhận thức được sự giúp đỡ của những người khác, người có thể hiểu được sự khó nhọc của người khác khi hoàn thành một công việc nào đó, và là người không đặt tiền bạc là mục đích sống duy nhất của mình. Xin chúc mừng. Anh đã được tuyển.”

Bàn tay của mẹ...cho con tất cả!

(Truyện ngắn ST)

Phụ lục 2:

DÀN Ý THAM KHẢO

Chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam)

1. Tìm hiểu đề:

Đề bài thuộc kiểu đề tự do - chỉ nêu chủ đề mà không bắt buộc về cách thức, phương pháp triển khai chủ đề đó. Chủ đề được nêu trong đề bài này là chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam). Về thực chất, có thể hiểu, đề bài yêu cầu phân tích để tìm ra những biểu hiện của chất thơ cũng như vai trò của nó trong việc tạo nên dấu ấn phong cách Thạch Lam và thành công của truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*. Để thực hiện yêu cầu này của đề bài, học sinh cần nắm vững, hiểu rõ khái niệm "chất thơ", chất thơ trong truyện ngắn để trên cơ sở đó xác định đúng và phân tích thấu đáo biểu hiện cũng như giá trị của chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*.

2. Dàn ý:

a. Mở bài:

- Đọc truyện ngắn Thạch Lam, dễ thấy cốt truyện của ông không có gì đặc biệt, thậm chí đôi khi đơn giản đến như không có. Nhân vật của ông cũng không thuộc vào những lớp người có sức ảnh hưởng lớn trong xã hội. Vậy mà tác phẩm vẫn có được một sức truyền cảm lớn để có thể neo đậu lâu bền trong lòng người đọc, tạo nên một sức cuốn hút nhẹ nhàng mà da diết cho người đọc mỗi lần đọc lại, sống lại cùng với nó. Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên sức truyền cảm, sự hấp dẫn, cuốn hút ấy chính là chất thơ lắng đọng lan toả từ những trang văn.
- Truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* ("Nắng trong vườn" - 1938) là một truyện ngắn giàu chất thơ.

b. Thân bài:

b.1. Chất thơ và chất thơ trong truyện ngắn:

- "Chất thơ": Tính chất trữ tình - tính chất được tạo nên từ sự hoà quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng, tình cảm với vẻ đẹp của cách biểu hiện nó để có thể khơi gợi những rung động thẩm mĩ và tình cảm nhân văn.
- Chất thơ trong truyện ngắn: Được tạo nên khi nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế cái mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật hoặc của chính mình trước thế giới bằng những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng, truyền cảm, phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn.
- Một truyện ngắn (hoặc tác phẩm văn xuôi) được coi là giàu chất thơ khi mối bận tâm của người viết không đặt vào việc kể lại một biến cố, sự việc, hành động mà là việc làm bật lên một trạng thái của đời sống hoặc của tâm hồn con người.

b.2. Chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan:*

- Nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật hoặc của chính mình trước thế giới bằng những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng, truyền cảm, phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn.
- Nhà văn xây dựng những nhân vật của mình đều nhuốm màu tâm trạng, đều mang vẻ đẹp mong manh dễ vỡ, tâm hồn đầy tinh tế dễ dàng rung động trước những biến đổi của cuộc sống.
- Tác phẩm của ông đều sáng ngời vẻ đẹp của tình người.
- Không có cốt truyện, mạch truyện không vận động theo mạch của những tình tiết, sự kiện mà vận động theo mạch cảm xúc, tâm trạng nhân vật.

- Bức tranh đời sống được tái hiện với sự đan xen, song hành và xâm nhập của cảm giác thực tại và hồi ức quá khứ mà dường như, cái nổi trội lên, chi phối sự vận động của mạch truyện lại là hành trình của những kí ức.

c. Kết bài:

- Truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan,* từ hình thức nghệ thuật tới nội dung được biểu hiện đều chan chứa chất thơ - cái chất thơ được chưng cất từ đời sống bình dị, thường nhật bằng chính rung động của tâm hồn nhà văn, chất thơ toả ra từ tình yêu cái đẹp, từ cái nhìn tinh tế trước thiên nhiên, đời sống và niềm tin ở thiện căn của con người…
- Có thể nói, truyện *Dưới bóng hoàng lan* tựa như một bài thơ trữ tình, dù không thật giàu có sâu sắc về ý nghĩa xã hội thì vẫn "đem đến cho người đọc một cái gì nhẹ nhõm, thơm lành và mát dịu" (Nguyễn Tuân). Đó vừa là giá trị riêng của tác phẩm, vừa là cốt cách văn chương của Thạch Lam để tạo ra một sức hấp dẫn bền lâu trong lòng độc giả.

Phụ lục 3:

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp.Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo
Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

b. Nội dung: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết văn bản nghị luận phân tích nghệ thuật xây dựng tình huống và nhân vật trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân) hoặc *Vợ nhặt* (Kim Lân),…
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo bảng kiểm quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 10

THUYẾT TRÌNH VỀ NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN TRONG MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS biết lựa chọn một tác phẩm truyện mang nét nổi bật về nghệ thuật kể chuyện, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức thuyết trình.
- HS biết cách phân tích các yếu tố đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,… xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,…

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình.

b. Nội dung:

GV hướng dẫn HS nghe đọc một đoạn trích truyện ngắn, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS nghe đọc đoạn truyện mở đầu tác phẩm *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư và tìm hiểu nhanh về sức hấp dẫn được gợi ra từ trích đoạn truyện: *Rồi ngọn lửa hoi hót thở dưới nồi cơm đã lên tim, người đàn bà vẫn còn nằm trên ghe. Ngay cả ý định ngồi dậy cũng xao xác tan mau dưới những tiếng rên dài. Môi chị sưng vểu ra, xanh dờn. Và tay, và chân, và dưới cái áo mà tôi đã đắp cho là một cái áo khác đã bị xé tả tơi phơi những mảng thịt người ta cấu nhéo tím ngắt.* *Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lết hết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giằng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. Vai nữ chính, một người đàn bà xốc xếch đã lạc giọng, đôi lúc lả đi vì ghen tuông và kiệt sức. Nhưng đám đông rạo rực chung quanh đã vực tinh thần chị ta dậy, họ dùng chân đá vói vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học, hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài, nếu như không có một ý tưởng mới nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chặt mái tóc dày kia, dục dặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc dứt lìa, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lăn qua chân tôi, đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.* *Đám người ngơ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mồi bỏ chạy. Tôi mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe dạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cầm sào chống thục mạng ra giữa sông,*	**Sức hấp dẫn từ trích đoạn truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư** **- Câu chuyện:** Một cô gái bị một toán người hành hạ, đánh đập, cô bỏ chạy, bị rượt đuổi và trốn lên được một chiếc thuyền chài. **- Mở đầu truyện:** đầy bất ngờ, gây nên sự tò mò, khiến người đọc phải băn khoăn: + Tại sao cô gái ấy lại lâm vào tình thế khổ sở? + Trốn trên chiếc ghe lạ, rồi số phận cô ra sao? **- Vai trò nhân vật "Tôi":** + Truyện kể ở ngôi thứ nhất, nhưng người kể chuyện là một nhân vật trong truyện có mối quan hệ với nhân vật *chị* + Sự chứng kiến của nhân vật *tôi* sẽ hé lộ cho chúng ta những góc khuất trong cuộc đời nhân vật *chị* **- Một số yếu tố truyện tạo tính hấp dẫn cho bạn đọc:** + Mạch truyện không trùng khớp với câu chuyện tạo sự tò mò. + Các yếu tố miêu tả, biểu cảm

mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhảy nhót điên cuồng. Rồi tiếng chửi rủa chói lói chìm đi, tiếng bầy vịt tao tác kêu dưới sạp chìm đi, trong tôi chỉ có âm thanh của chiếc máy Koler4 nổ khan, rung bần bật dưới tay Điền, khạc ra những đám khói khét lẹt, đen ngòm. Khói trôi về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngó theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vẫy lên phơ phất phơ phất ... Cha tôi không đóng vai trò gì trong cuộc tháo chạy ấy, ông im lặng, khi đã đi khá xa, cha ra đằng mũi cầm sào. Tôi bò vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao cho che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rướm máu. Chị cười mếu máo, nói cảm ơn bằng mắt và thiếp đi. GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau: - Câu chuyện kể về điều gì? - Nhận xét về mở đầu truyện? - Nhân vật "Tôi" có ý nghĩa gì trong sự phát triển mạch truyện? - Em ấn tượng với yếu tố nào trong nghệ thuật kể chuyện? Vì sao? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS nghe đọc, quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ theo cặp **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 – 3 cặp HS trả lời. Các cặp khác lắng nghe, nhận xét, góp ý **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới	đan lồng trong truyện giúp người đọc hình dung rõ nét nỗi đau đớn của con người, đồng thời dấy lên nỗi xót xa thương cảm đối với nhân vật. + Lời kể chân thật, gần gũi,…

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

- HS thuyết trình:

+ Giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình.

+ Nêu được các khía cạnh trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.

+ Trình bày được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình.

+ Thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng về một tác phẩm truyện.

- HS lắng nghe: hiểu được yêu cầu, chuẩn bị các yếu tố cần thiết (tâm thế, tư liệu) để lắng nghe, phản hồi, trao đổi.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm: Chuẩn bị thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** CHUẨN BỊ** **1. NGƯỜI NÓI** **a. Yêu cầu** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** Đọc phần yêu cầu cần đạt của bài thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện, gạch chân các từ khóa, xác định các yêu cầu người nói cần nắm được **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK, trao đổi theo cặp ghi ra giấy các yêu cầu **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu **b. Quy trình thuyết trình** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** Đọc phần hướng dẫn trong SGK, chỉ ra quy trình mà người nói cần thực hiện. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK và thảo luận nhóm (2 bàn) ghi ra giấy quy trình **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu **2. NGƯỜI NGHE** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** Theo em, người nghe cần chuẩn bị những gì khi nghe bài thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS hoạt động cá nhân ghi ra giấy theo suy nghĩ của mình **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi HS trình bày 1 phút kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu	**I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE** **1. Người nói** **a. Yêu cầu** - Giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình. - Nêu được các khía cạnh trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện. - Trình bày được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình. - Thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng về một tác phẩm truyện. **b. Quy trình thuyết trình** **- Lựa chọn đề tài** Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên. **- Tìm ý và sắp xếp ý** Từ hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói. **2. Người nghe** -Tìm hiểu trước về nội dung của bài - Chuẩn bị các tài liệu, câu hỏi liên quan để nghe và phản hồi - Chuẩn bị tâm thế chủ động, sẵn sàng, cầu thị, xây dựng

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xây dựng một bài thuyết trình theo quy trình và thực hành nói nghe

b. Nội dung: Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
- HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thuyết trình theo bố cục ba phần (HD Thực hành nói tr.46 SGK):
1. Tình huống truyện ngắn Vợ nhặt - Kim Lân
2. Chất thơ trong tác phẩm Dưới bóng hoàng lan - Thạch Lam
- Đọc HD trao đổi, đánh giá để chuẩn bị sau nói, nghe
- Tự đánh giá về bài trình bày theo bảng (Phụ lục 1 bên dưới)
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS làm việc nhóm, sắp xếp, kiểm tra lại phần thuyết trình và phương tiện sử dụng của nhóm
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
- Đại diện HS các nhóm thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện mà nhóm mình đã lựa chọn
- Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn
- Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn
Bước 4. Kết luận, nhận định
- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm,
- Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của một bài thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện để HS rút kinh nghiệm
- Tham khảo bài thuyết trình (Phụ lục 2 bên dưới)
</td><td>
II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ
1. Thực hành nói
- Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu - triển khai - kết luận
- Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ
<table>
<tr><td>Mở đầu</td><td>- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện sẽ thuyết trình.
- Cần lưu ý bắt đầu bài nói sao cho thu hút sự chú ý của người nghe, tránh việc thuyết trình giống như việc đọc lại bài viết.</td></tr>
<tr><td>Triển khai</td><td>- Trình bày lần lượt các thông tin trong bài viết theo hình thức tóm lược kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh họa trực quan (nếu có).
- Người nói có thể kể lại ngắn gọn nhưng không hoàn toàn tiết lộ nội dung của truyện, nếu tác phẩm ấy chưa được nhiều người biết đến. Dựa vào các luận điểm đã xác định trong bố cục bài nói, thiết kế các slide sao cho thích hợp nếu người nói sử dụng phương tiện trình chiếu.</td></tr>
<tr><td>Kết luận</td><td>Khái quát lại những điều cảm nhận cũng như đánh giá về tính nghệ thuật của tác phẩm mà mình chọn để giới thiệu. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ cảm nhận hay góc nhìn khác về tác phẩm.</td></tr>
</table>
2. Trao đổi, đánh giá
<table>
<tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr>
<tr><td>- Trả lời những thắc mắc từ người nghe.
- Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành, cởi mở với những góp ý xác đáng, nghiêm túc.
- Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn, một số phát hiện khác về tính nghệ thuật của tác phẩm.</td><td>- Chia sẻ những điểm thấy hợp lí và hấp dẫn trong bài thuyết trình.
- Nêu những điểm còn băn khoăn hoặc có đánh giá, cảm nhận về tác phẩm khác với người nói.
- Có thể đặt thêm một số câu hỏi để người nói làm rõ hơn về những điều bạn tâm đắc ở tác phẩm.</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

PHỤ LỤC 1

Người nói và người nghe tham khảo bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1.	Giới thiệu các thông tin cần thiết về tác phẩm truyện được lựa chọn để thuyết trình (tác giả, hoàn cảnh ra đời, vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp của nhà văn hay trong lịch sử văn học).		
2.	Chỉ ra và đánh giá được các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện.		
3.	Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu hay minh họa trực quan.		
4.	Có sự tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe đối với tác phẩm		

PHỤ LỤC 2

Bài tham khảo: Thuyết trình về chất thơ trong tác phẩm Dưới *bóng hoàng lan – Thạch Lam*

Thạch Lam là một trong những cây bút xuất sắc của nhóm Tự lực văn đoàn và của văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945. Dẫu đời văn ngắn ngủi nhưng không ai có thể phủ nhận được những đóng góp của Thạch Lam đối với nền văn học Việt Nam. Sáng tác của Thạch Lam không chỉ hấp dẫn người đọc bởi ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà còn bởi giọng điệu thủ thỉ tâm tình, chất thơ bàng bạc trên từng trang văn. Truyện *Dưới bóng hoàng lan* là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của tác giả: Truyện không có cốt truyện, mạch đi của truyện là dòng chảy tâm trạng với những biến thái tinh vi, chất trữ tình và hiện thực đan cài, đằng sau tác phẩm thấp thoáng một cái tôi giàu lòng nhân hậu.

Chất thơ là tính chất trữ tình – tính chất được tạo nên từ sự hòa quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng, tình cảm với vẻ đẹp của cách biểu hiện nó để có thể khơi gợi những rung động thẩm mĩ và tình cảm nhân văn. Đây là một truyện ngắn giàu chất thơ. Chất thơ trong truyện ngắn được tạo nên khi nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật hoặc của chính mình trước thế giới bằng những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng, truyền cảm, phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn. "Chất thơ" trước tiên hiểu theo nghĩa rộng phải gắn với cái đẹp. Cái đẹp có thể là do tự nhiên mang lại như cánh mây trắng nhởn nhơ bay trên bầu trời xanh thẳm, tạo ra cảm giác dễ chịu cho người ngắm nhìn. Hoặc, "chất thơ cũng có thể tạo ra từ những tỉnh cảm, hành động của con người như: Sự nhớ nhung, sự uyển chuyển của các điệu múa...*Dưới bóng hoàng lan* mang một chất thơ dịu mát

***Dưới bóng hoàng lan* mang chất thơ của tình đời, tình người thiết tha**. Đó là vẻ đẹp của một khu vườn cổ tích lọt thỏm giữa cuộc đời còn lắm bề bộn, bon chen, xô bồ với con mèo già, bể nước mưa, giàn hoa thiên lý và đặc biệt là người bà như một bà tiên phúc hậu. Thạch Lam đưa người đọc trở về với những miền quê êm đềm yên ả của nông thôn Việt Nam: "Thanh lách cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người, trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mủi lá tươi non phảng phất trong không khí... Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn .. Thanh bước xuống giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào... Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng, lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt.". Một thế giới hoàn toàn yên bình, tĩnh lặng và đẹp như cổ tích. Con đường gạch, giàn cây bóng mát và đặc biệt là hương hoa đã xoa dịu tâm hồn con người sau một quãng đường

dài dầy bụi bặm. Trở về với quê hương chính là trở về với dân tộc, trở về với những nét đẹp truyền thống được lưu giữ từ thuở xa xưa. Trong khung cảnh ấy, tâm hồn con người trở nên trong sáng hơn, thuần khiết hơn, đẹp đẽ hơn. Đó là vẻ đẹp của tình người. Vẻ đẹp của tình bà cháu thắm thiết. Vẻ đẹp của một mối tình trai gái được bao bọc trong hương hoàng lan thoang thoảng. Đó chưa thể gọi là một tình yêu nhưng cũng không dùng lại ở một tình bạn như tình bạn ngày nào bởi có cái nhìn âu yếm và cách xưng hô của cô gái, có cử chỉ nắm tay của chàng trai. Tình cảm chỉ dừng lại ở đó. Tất cả cứ khẽ khàng, nâng niu như đứng trước một cái gì dễ vỡ.

Rồi cảm giác về mùi hương cùng tình yêu ở buổi đầu hò hẹn: "đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió mát... có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải.". Ai rồi cũng trải qua mối tình đầu đầy ngọt ngào và thơ mộng. Ai rồi cũng có sự hồi hộp của buổi hò hẹn đầu tiên. Đọc Thạch Lam, tất cả những cảm giác về tạo vật, cuộc sống và tình yêu bỗng bừng dậy. Nó thức tỉnh tâm hồn con người, giúp ta yêu hơn, trân trọng hơn những xúc cảm ngọt ngào, những phút giây hạnh phúc đã có và đang có trong cuộc đời. Cái đẹp trong truyện ngắn của Thạch Lam là những cái đẹp gần gũi, giản dị. Những cái đẹp mà trên đường đời bận bịu con người muốn dừng chân đứng lại để thư giãn. Cái đẹp làm con người thấy yêu thêm cuộc sống này, những gì đang có, đang được tận hưởng. Cái đẹp giúp con người sống đẹp hơn, ý nghĩa hơn.

Chất thơ trong *Dưới bóng hoàng lan* còn là kiểu truyện mà không có cốt truyện. Thanh - nhân vật chính của truyện sau hai năm xa nhà làm việc trên tỉnh trở về thăm nhà. Một thế giới cổ tích mở ra trước mắt chàng đó là người bà hiền hậu nhân ái, là khu vườn thoảng hương ngọc lan và đặc biệt là cô bạn gái xinh xắn từng chơi đùa với chàng thủa ấu thơ. Hôm sau, Thanh ra đi mang theo những kỷ niệm đẹp đẽ, dịu êm và cả hương ngọc lan thoang thoảng ngọt ngào

Trong truyện Dưới *bóng hoàng lan*, dư vị trữ tình ẩn trong từng nhân vật. Tất cả được đặt trong không gian trong lành, mát rượi, thoảng hương ngọc lan, từ những câu đối đáp khẽ khàng của các nhân vật và tên gọi là những thanh không dấu (Nga - Thanh), đặc biệt là ở các cảm giác yên bình dịu ngọt trong tâm hồn Thanh- người vừa từ chốn thị thành ồn ã trở về. Truyện mở đầu bằng cảm giác xúc động đến nghẹn giọng "khi Thanh từ giã cái bức nóng của phố xá bước chân vào ngôi nhà mát rượi của bà, gặp lại những gì thương mến sau hai năm xa cách. Sự chăm sóc ân cần của bà, của hương ngọc lan dịu ngọt phảng phất đâu đây đã đem đến cho chàng sự nhẹ nhõm, "tươi mát như tắm suối".

Về không gian nghệ thuật, có thể ví Dưới *bóng hoàng lan* như khu vườn cổ tích còn sót lại trên cõi nhân gian này. Đó là không gian bàng bạc chất thơ. Khu vườn với gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí.", có "Giàn thiên lý pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lý non và thơm rủ liền trong giàn, lẫn vào đám lá." và phảng phất trong không khí là hương hoa hoàng lan dịu nhẹ bao trùm cả khu vườn. Cái hay trong Dưới *bóng hoàng lan* là đã tạo ra được một trường nghĩa về quê, về không gian quê. Đó là chốn thanh bình "Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bực cửa". Đó là cảnh tượng "gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày xưa và hình ảnh người bà vẫn tóc bạc phơ hiền từ. Đó là nơi chôn dấu những kỷ niệm tuổi thơ êm đềm của Thanh mà chàng luôn thầm nhớ rằng - Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành ở đấy bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để yêu mến chàng". Không gian ấy tràn ngập tình yêu

thương của bà cháu, của một mối tình thuở nhỏ. Nơi ấy có người mà Thanh vẫn hằng mong nhớ. Đối với Thanh quê mới là nơi chàng muốn trở về chứ không phải tỉnh. Quê là lý tưởng, đồng nhất với sự trở về với mơ ước hương hoàng lan là chút hương đầy lưu luyến gợi nhắc Thanh về một vùng quê thanh bình yên ả mà chàng muốn trở về chứ không phải tỉnh. Quê là lý tưởng, đồng nhất với sự trở về với mơ ước hương hoàng lan là chút hương đầy lưu luyến gợi nhắc Thanh về một vùng quê thanh bình yên ả mà chàng muốn trở về. Hương hoàng lan cũng làm minh chứng tình yêu của Thanh và Nga – một mối tình không ngỏ...

Thạch Lam không cầu kỳ trong việc lựa chọn chi tiết, hình ảnh để làm nên không gian đầy chất thơ ấy. Tất cả đều hết sức gần gũi thân thuộc với con người. Tuy nhiên, trong khi bài trí, sắp xếp chi tiết, hình ảnh, nhà văn đã chú ý chọn một điểm nhấn. Điểm nhấn ấy có thể là một sự việc, một cảnh sắc hay một hương vị được các nhân vật nhận biết bằng trực cảm và sự nhận biết ấy gợi dẫn biết bao xúc cảm, thức dậy những vùng ký ức đẹp đẽ…

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân

b. Nội dung: Thực hiện buổi sinh hoạt câu lạc bộ người yêu truyện

c. Sản phẩm: Các bài tham luận

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ người yêu truyện.
- GV chia nhóm, phân công HS chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề cụ thể như sau:

1. Vẻ đẹp nghệ thuật trong một truyện ngắn của Nam Cao.
2. Ấn tượng về nghệ thuật kể chuyện của Kim Lân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức buổi sinh hoạt trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được sau buổi sinh hoạt, lưu ý những kĩ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS.

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 1)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 3 nhóm thảo luận 3 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Qua bài học này, theo bạn, điều gì làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại?

Câu 2. Suy nghĩ của bạn về hình tượng các nhân vật nữ: thị Nở (truyện ngắn *Chí Phèo* – Nam Cao) và người vợ nhặt (truyện ngắn *Vợ nhặt* – Kim Lân). Từ đó, hãy đánh giá giá trị nhân đạo của mỗi tác phẩm.

Câu 3: Tìm đọc thêm một số truyện ngắn của Nam Cao (*Lão Hạc, Đời thừa, Bài học quét nhà, cái chết của con mực*,…) và Kim Lân (*Con chó xấu xí, Làng*,…); từ đó, phân tích những nét nổi bật trong cách kể chuyện của từng tác giả.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Điều làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại:

- Truyện ngắn có dung lượng nhỏ, ngắn gọn mà cô đúc nên có sức ám ảnh lớn. Nó tập trung vào một hoặc một vài biến cố trong một không gian, thời gian nhất định, tạo ra ấn tượng mạnh mẽ và sự liên tưởng cho người đọc.
- Đề tài, nội dung truyện ngắn có thể lấy ở nhiều mặt của cuộc sống, nhiều vấn đề có tính chất thời sự xã hội.
- Nhân vật trong truyện ngắn đa phần được khắc họa bằng nội tâm chứ ít khi thông qua sự đối thoại như văn bản kịch.
- Về điểm nhìn và phương thức kể chuyện đa dạng, linh hoạt,…

Câu 2:

1. Hình tượng nhân vật người phụ nữ

a. Thị Nở (*Chí Phèo* – Nam Cao)

- Ngoại hình: Miêu tả khách quan, trần trụi:

+ Ngẩn ngơ: hành động theo bản năng.

+ Xấu ma chê quỷ hờn: từng đường nét trên khuôn mặt không giống với những gì nên có trên khuôn mặt con người.

+ Đã vậy, Thị còn nghèo và nhà có mả hủi.

⇒ Thị khó có được hạnh phúc bởi một con người mang trên mình toàn những điều bất lợi.

- Phẩm chất tốt đẹp, giàu tình người: Nam Cao xây dựng hình tượng nhân vật thị Nở xấu ma. chê quỷ hờn không phải để miệt thị mà nhằm làm nổi bật nội tâm đầy tình thương của Thị Nở:

+ Thị Nở quan tâm đến Chí Phèo, nấu cháo hành cho Chí ăn khi hắn bị ốm. Bưng bát cháo hành thị Nở đưa cho "hắn thấy mắt mình hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho".

+ Chính thị Nở đã suy nghĩ về Chí Phèo: "Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người" ⇒ một cái nhìn khác với những cái nhìn của người làng Vũ Đại.

+ Tình cảm và sự quan tâm của Thị Nở với Chí Phèo đã như một liều thuốc chữa lành bao nhiêu "vết thương, vết rạch" để Chí Phèo quay trở lại thành một người với sự lương thiện trong căn tính.

- Khát khao hạnh phúc gia đình:

+ Thị Nở thích cuộc sống gia đình có vợ có chồng.
+ Suy nghĩ rất nghiêm túc về mối quan hệ với Chí.
+ Đối với Chí, cảm giác "ngượng ngượng mà thinh thích".
+ Bởi khát khao và suy nghĩ nghiêm túc về hạnh phúc gia đình nên Thị đã trở về xin phép bà cô và thái độ tức giận khi bà cô từ chối.
- Là nhân vật góp phần làm nổi bật chủ đề tác phẩm: bi kịch cuộc đời Chí Phèo.
+ Ban đầu, thị Nở và Chí Phèo đến với nhau chỉ bởi sự chung đụng về mặt thể xác.
+ Sau đó, chính tình thương của thị Nở đã làm thức dậy sự lương thiện vốn có trong Chí.
+ Khi Thị Nở từ chối Chí, Chí Phèo từ chỗ khát khao và hạnh phúc đến tột cùng bị đẩy xuống tận cùng của nỗi tuyệt vọng ⇒ đẩy Chí đến những hành động sau này: uống rượu, xách dao đi giết Bá Kiến và tự sát.
⇒ Nhận xét chung: Thị Nở là nhân vật thúc đẩy sự phát triển của câu chuyện, đồng thời cho người ta cảm nhận sâu sắc hơn bi kịch của nhân vật chính: Chí Phèo.
b. Người vợ nhặt (*Vợ nhặt* – Kim Lân)
- Lai lịch, xuất thân và hoàn cảnh của Thị:
+ Không có quê hương gia đình → nạn đói năm 1945 đã khiến biết bao con người bị dứt khỏi quê hương, gia đình.
+ Tên tuổi cũng không có và qua tên gọi "vợ nhặt" → cho thấy sự rẻ rúng của con người trong cảnh đói.
+ Hoàn cảnh:
++ Không việc làm cụ thể, cuộc sống bấp bênh, bị nạn đói dồn đẩy đến trên bờ vực cái chết.
++ Cái đói quay quắt đã dồn đẩy chị, làm chị đánh mất cả sĩ diện và lòng tự trọng.
=> Thị là nạn nhân của nạn đói với số phận bi thảm, đáng thương.
- Chân dung ngoại hình của Thị:
+ Quần áo tả tơi như tổ đỉa, gầy sọp.
+ Khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn hai con mắt.
+ Cái ngực gầy lép nhô lên.
=> Ngoại hình không mấy dễ nhìn, là hiện thân của sự nghèo đói, khốn khổ.
- Hành động, cử chỉ:
+ Lần thứ nhất: khi nghe câu hò vui của Tràng, thị đã vui vẻ giúp đỡ → đây chính là sự hồn nhiên vô tư của người lao động nghèo.
+ Lần thứ hai:
++ Thị sưng sỉa mắng Tràng, từ chối ăn giầu để được ăn một thứ có giá trị hơn.
++ Khi được mời ăn tức thì ngồi sà xuống, mắt sáng lên, "ăn một chặp bốn bát bánh đúc".
++ Khi nghe Tràng nói đùa "đằng ấy có về với tớ... cùng về", thị đã theo về thật → Trong cái đói khổ, đó là cơ hội để thị bấu víu lấy sự sống.
=> Cái đói khổ không chỉ làm biến dạng ngoại hình mà cả nhân cách con người, khiến người ta mất đi cả lòng tự trọng, sĩ diện và sự e thẹn, dịu dàng vốn có của người phụ nữ.
- Phẩm chất, vẻ đẹp tâm hồn của Thị
+ Có khát vọng sống mãnh liệt:
++ Quyết định theo Tràng về làm vợ dù không biết về Tràng, chấp nhận theo không về không cần sính lễ vì thị sẽ không phải sống cảnh lang thang đầu đường xó chợ.

++ Khi đến nhà thấy hoàn cảnh nghèo khổ, trái ngược lời tuyên bố "rích bố cu", thị "nén một tiếng thở dài", dù ngao ngán nhưng vẫn chịu đựng để có cơ hội sống.

+ Thị là người ý tứ và nết na:

++ Trên đường về, thị cũng rón rén e thẹn đi sau Tràng, đầu hơi cúi xuống, thị ngại ngùng cho thân phận vợ nhặt của mình.

++ Khi vừa về đến nhà, Tràng đon đả mời ngồi, chị ta cũng chỉ dám ngồi mớm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, thể hiện sự ý tứ khi chưa xác lập được vị trí trong gia đình.

++ Khi gặp mẹ chồng, ngoài câu chào thị chỉ cúi đầu, "hai tay vân vê tà áo đã rách bợt", thể hiện sự lúng túng ngượng nghịu.

++ Sáng hôm sau, thị dậy sớm quét tước nhà cửa, không còn cái vẻ "chao chát, chỏng lỏn" mà hiền hậu, đúng mực.

++ Lúc ăn cháo cám, mới nhìn "mắt thị tối lại", nhưng vẫn điềm nhiên và vào miệng thể hiện sự nể nang, ý tứ trước người mẹ chồng, không muốn làm bà buồn.

=> Cái đói có thể cướp đi nhân phẩm trong khoảnh khắc nào đó chứ không vĩnh viễn cướp đi được tâm hồn con người.

+ Thị còn là người có niềm tin vào tương lai: kể chuyện phá kho thóc trên Thái Nguyên, Bắc Giang để thắp lên hi vọng cho cả gia đình, đặc biệt là cho Tràng.

=> Nhận xét chung: Nhân vật người vợ nhặt là nhân vật thể hiện giá trị hiện thực và nhân đạo trong tác phẩm, tiêu biểu cho những người nghèo khổ, khốn cùng bị cái đói, cái chết đe dọa, dồn đẩy đến bước đường cùng. Thị luôn khao khát hạnh phúc gia đình, đem đến làn gió tươi sáng, ấm áp cho gia đình anh Tràng và cả người dân ở xóm ngụ cư trong hoàn cảnh bi đát nhất.

2. Giá trị nhân đạo

a. *Chí Phèo* – Nam Cao

- Niềm cảm thương sâu sắc đối với những số phận khổ đau, bất hạnh như Chí Phèo, thị Nở.
- Khẳng định, đề cao nhân tính, đề cao con người.
- Nam Cao phê phán những thế lực bạo tàn chà đạp con người.
- Nam Cao đề ra giải pháp mang tính nhân đạo, mang ý nghĩa hiện thực và triết lí sâu sắc: lật đổ xã hội tàn bạo để bảo toàn nhân tính của con người.

b. *Vợ nhặt* – Kim Lân

- Niềm cảm thương, đồng cảm sâu sắc của nhà văn trước số phận của những người nghèo khổ.
- Là tiếng nói khẳng định, đề cao những tình cảm cao đẹp của người lao động nghèo khổ: đó là tình yêu thương đùm bọc, tình mẫu tử, khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc.
- Thể hiện niềm tin, niềm hi vọng vào cuộc sống vào tương lai dù ở trong tình cảnh khốn khó nhất.
- Lên án tố cáo tội ác dã man của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp.

Câu 3:

* Một số truyện ngắn của Nam Cao (*Lão Hạc, Đời thừa, Bài học quét nhà, cái chết của con mực*,…) và Kim Lân (*Con chó xấu xí, Làng*,…)

* Những nét nổi bật trong cách kể chuyện của từng tác giả:

1. Nhà văn Nam Cao

- Đề tài, chủ đề: Nam Cao thường hướng ngòi bút của mình vào miêu tả những cái nhỏ nhặt, xoàng xĩnh cuộc sống hàng ngày, từ đó đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, những triết lý sâu sắc về con người, cuộc sống, nghệ thuật.

- Cốt truyện, kết cấu: Trong nhiều tác phẩm của ông cốt truyện được hư cấu rất đơn giản, dường như không cần đến sự tổ chức, sắp xếp. Có nhiều truyện của Nam Cao không có cốt truyện.

- Nghệ thuật miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật: Hướng ngòi bút vào thế giới bên trong của con người, miêu tả tâm lý trong chiều sâu của sự vận động và phát triển của nhân vật.

- Ngôn ngữ, giọng điệu:

+ Ngôn ngữ trong sáng tác của Nam Cao là ngôn ngữ đa âm, phức điệu, hiện đại. Ông không chỉ sử dụng đắc địa đại từ nhân xưng: nó, hắn, y, thị, gã mà còn có khả năng hóa thân, nhập vai vào tất cả các nhân vật, suy nghĩ và nói năng bằng tiếng nói của nhân vật. Có sự hòa quyện giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật, có sự chuyển hóa, trao đổi từ ngôn ngữ người kể chuyện sang ngôn ngữ nhân vật.

+ Trong truyện của Nam Cao ta thường bắt gặp một giọng điệu có sắc thái tưởng chừng đối lập nhau. Ấy là giọng khách quan lạnh lùng, tàn nhẫn bên ngoài mà cảm thông, thương xót bên trong.

2. Nhà văn Kim Lân

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật: Kim Lân khắc họa được hình tượng sinh động. Bà cụ Tứ, Tràng, ông Hai tiêu biểu cho những người lao động cơ cực, nhưng vẫn nguyên vẹn tấm lòng nhân hậu, trong sáng, tình nghĩa, thủy chung.

- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo: Kim Lân thường đưa nhân vật vào những tình huống éo le, độc đáo để làm nổi bật tính cách, suy nghĩ, vẻ đẹp nội tâm của nhân vật.

- Sử dụng ngôn ngữ bình dân, tinh tế, có duyên: mộc mạc, giản dị. Ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, nhưng có sự chắt lọc kĩ lưỡng, có sức gợi đáng kể.

- Nghệ thuật trần thuật tự nhiên, hấp dẫn: Trần thuật thông qua đối thoại giữa các nhân vật cũng là một nét đặc sắc của Kim Lân.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- Chuẩn bị bài 2: Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình (Đọc Tri thức Ngữ văn và văn bản 1. *Nhớ đồng* - Tố Hữu).

BÀI 2
CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc

- VB 1: *Nhớ đồng* (Tố Hữu)
- VB 2: *Tràng giang* (Huy Cận)
- VB 3: *Con đường mùa đông* (A-lếch-xan-đrơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin)
- Thực hành đọc: *Thời gian* (Văn Cao)

2. Thực hành tiếng Việt: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

3. Viết: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

4. Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 12, 13, 14
VĂN BẢN 1: NHỚ ĐỒNG **(Tố Hữu)**

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

2. Phẩm chất

- Yêu thiên nhiên.
- Yêu đất nước, sẵn sàng đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc.
- Luôn có ý chí, nghị lực để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm tham gia trò chơi "Đuổi hình bắt chữ".

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi ***Đuổi hình bắt chữ*** - Hình thức: HS xung phong tham gia qua các vòng. ***Vòng 1:*** Đoán từ ngữ qua các hình ảnh (GV chiếu hình ảnh: Chim sổ lồng, Người bị giam cầm, Cánh đồng, cô gái chèo đò, bầu trời tự do,...) ***Vòng 2:*** Sắp xếp từ ngữ tìm thấy theo một trật tự hợp lí. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV gọi HS tham gia trò chơi ***Đuổi hình bắt chữ*** (các HS có thể nối tiếp nhau khi thua cuộc). - HS quan sát, lắng nghe**,** trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động. - HS trả lời câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, chọn ra HS thắng cuộc trao phần thưởng hoặc cho điểm. **èGV dẫn vào bài:** Đôi khi, chỉ một tiếng hò mà gợi bao nhung nhớ. Và thơ ca là phương tiện diệu kì giúp chuyển tải những xúc cảm mà không có một loại hình nghệ thuật nào có thể thay thế được. Hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau mở cánh cửa trái tim nhờ một bài thơ đặc biệt trong một hoàn cảnh đặc biệt của nhà thơ quen thuộc mà ai cũng biết: Tố Hữu.	**- Các từ ngữ HS có thể tìm:** *Tự do (bầu trời), nhà tù (song sắt, giam cầm, tù đày), cánh đồng (bình yên), điệu hò, quyết tâm, sổ lồng (tung cánh, giải thoát, vươn tới bầu trời tự do).* **- Trật tự sắp xếp:** HS lựa chọn theo suy nghĩ cá nhân. VD: *Tù đày -> điệu hò, bình yên -> khát khao vươn tới bầu trời tự do -> quyết tâm -> Tự do.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu một số yếu tố đặc trưng thơ ca (Cấu tứ thơ, yếu tố tượng trưng trong thơ) và đặc điểm ngôn ngữ văn học.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày. một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: ***Đấu trường tri thức***

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi ***Đấu trường tri thức:*** + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.54,55 (5 phút), sau đó gấp SGK lại.	**I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn** **1. Cấu tứ (tứ thơ)** ***- Vai trò:*** Một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng.

+ Cả lớp là một đấu trường cùng tham gia trò chơi. - GV chuẩn bị bảng có ghi sẵn đáp án: A, B, C hoặc D để HS chọn khi tham gia trả lời câu hỏi. - HS lần lượt tham gia bằng cách giơ đáp án lựa chọn sau khi nghe câu hỏi, người giơ đáp án sai sẽ bị loại khỏi đấu trường (đứng về một phía quan sát người còn lại). Người ở lại đấu trường là người chiến thắng. (HS tham gia trả lời 12 câu hỏi, mỗi câu hỏi trong 20s), cụ thể: **<u>Cấu tứ:</u>** **Câu 1.** Ý nào diễn đạt chính xác nhất vai trò của cấu tứ trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng? A. Một khâu quyết định để kết thúc tác phẩm. B. Một khâu trọng yếu để dẫn dắt vấn đề. C. Một khâu then chốt để giải quyết vấn đề. D. Một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu. **Câu 2.** Cấu tứ thơ được hiểu là: A. Cách sắp xếp và thể hiện hệ thống hình ảnh trong bài thơ. B. Việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ. C. Cấu trúc của bài thơ. D. Ý tứ của bài thơ. **Câu 3.** Vai trò của cấu tứ thơ: A. Giúp cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất. B. Giúp cho toàn bộ ý tứ bài thơ được sắp xếp theo cách hợp lí nhất, tạo được sức hấp dẫn, thú vị cao nhất cho toàn bài. C. Giúp cho ý tứ bài thơ được bộc lộ một cách sâu sắc nhất, tạo được sức hấp dẫn cao nhất cho toạn bộ bài thơ. D. Giúp cho thế giới quan của nhà thơ được bộc lộ rõ và đến gần hơn với độc giả. **Câu 4.** Cấu tứ có thể được đồng nhất với yếu tố nào sau đây? A. Cấu trúc bài thơ. B. Mạch thơ. C. Tứ thơ. D. Diễn biến tình cảm của nhà thơ. **<u>Yếu tố tượng trưng trong thơ</u>** **Câu 5.** Yếu tố tượng trưng trong thơ được hiểu là: A. Các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất.	***- Định nghĩa:*** Trong lĩnh vực thơ, ***cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ***, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất. ***- Ý nghĩa, tác dụng:*** + *Tứ* đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có *tứ,* tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng - hình ảnh trung tâm. + Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có *ý* nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ. **2. Yếu tố tượng trưng trong thơ** ***- Định nghĩa:*** Các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. ***- Các yếu tố tượng trưng trong thơ:*** hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng... ***- Nguồn gốc yếu tố tượng trưng trong thơ:*** *Sự tự ý* thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ. ***- Đặc điểm những bài thơ có yếu tố tượng trưng:*** + Các tác giả rất chú ý tô đậm tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,... + Phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp

B. Tính đa nghĩa của hình ảnh, ngôn từ, chi tiết trong thơ. C. Ý nghĩa ẩn dụ của một số chi tiết, hình ảnh và từ ngữ trong bài thơ. D. Một số chi tiết, hình ảnh và từ ngữ trong bài thơ mang hàm ý sâu xa. **Câu 6.** Nguồn gốc của yếu tố tượng trưng trong thơ là: A. Yêu cầu tất yếu của thể loại thơ ca. B. Nhà thơ có trái tim đa sầu, đa cảm, luôn nhìn tạo vật đa diện, nhiều chiều. C. Sự tự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ. D. Tâm hồn nhà thơ là một cõi bí ẩn nhuốm đầy sắc màu tâm linh.	điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng hết sức được quan tâm. + Hoà trộn cảm nhận của nhiều giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...
<u>Ngôn ngữ văn học</u> **Câu 7.** Ngôn ngữ văn học là: A. Ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học. B. Ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác thơ ca và truyện kí. C. Ngôn ngữ biểu đạt giàu tính trữ tình và tính nhạc. D. Ngôn ngữ biểu đạt giàu giá trị nghệ thuật. **Câu 8.** Nguồn gốc của ngôn ngữ văn học A. Là ngôn ngữ bắt nguồn từ văn học dân gian. B. Là ngôn ngữ của những nhà thơ, nhà văn tài năng. C. Là ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên. D. Là ngôn ngữ ra đời từ những phút thần hứng của con người. **Câu 9.** Ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ? A. Sự tập hợp của ngôn ngữ dân gian. B. Sự hòa trộn ngôn ngữ cá nhân nhà văn và ngôn ngữ dân tộc. C. Sự biến thiên ngôn ngữ. D. Lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn. **Câu 10.** Ngôn ngữ văn học thể hiện rõ điều gì sau đây?	**3. Ngôn ngữ văn học** ***- Định nghĩa:*** Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học. ***- Sự hình thành ngôn ngữ văn học:*** Trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn. ***- Ý nghĩa, tác dụng:*** Ngôn ngữ văn học thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết. ***- Tính chất của ngôn ngữ văn học:*** Tính hình tượng và tính thẩm mĩ là hai tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn học, chi phối các tính chất khác như tính chính xác, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm, tính cá thể hoá,... ***- Tính chất đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học:*** Từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt.

A. Tính trữ tình. B. Thế giới nội tâm của người viết. C. Nhân sinh quan của người viết. D. Cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết. **Câu 11.** Tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn học là: A. Tính chính xác, tính đa nghĩa, B. Tính tạo hình, tính biểu cảm, C. Tính hình tượng và tính thẩm mĩ, D. Tính cả thể hoá, tính khoa học... **Câu 12.** "*Từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt*" là biểu hiện tính chất gì của ngôn ngữ văn học ? A. Tính chính xác B. Tính đa nghĩa C. Tính biểu cảm D. Tính trừu tượng **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu. - Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS tham gia trò chơi, ai nhanh và trả lời đúng sẽ ở lại với đấu trường, người chiến thắng là người ở lại lâu nhất. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm HS trả lời nhanh và đúng.	

2.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Tham gia trò chơi để tìm hiểu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS tham gia trò chơi ***"Đường đời – đường thơ Tố Hữu"*** dựa vào tri thức SGK và việc chuẩn bị ở nhà. - GV chọn 1 HS làm MC dẫn trò chơi (GV tư vấn cho MC hệ thống câu hỏi và GV đóng vai trò trọng	**II. Đọc- Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Tố Hữu** - Tố Hữu (1920 - 2002) sinh ra và lớn lên trong gia đình Nho học ở Huế, ông sớm giác ngộ cách mạng, hăng say hoạt động

tài) tổ chức cho các tổ đại diện nối tiếp nhau trả lời: 1. Năm sinh – năm mất của nhà thơ Tố Hữu? 2. Xuất thân của Tố Hữu? 3. Con đường hoạt động Cách mạng của Tố Hữu? 4. Tại sao thơ Tố Hữu là thơ trữ tình - chính trị? 5. Đặc sắc về hình thức nghệ thuật thơ Tố Hữu? 6. Một số tập thơ tiêu biểu của Tố Hữu? 7. Xác định thể thơ bài *Nhớ đồng*? 8. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ *Nhớ đồng*? 9. Bài thơ *Nhớ đồng* ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt nào? 10. Hãy xác định bố cục của bài thơ *Nhớ đồng*? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** MC dẫn dắt theo hệ thống câu hỏi, gọi đại diện các tổ HS trả lời. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần).	và đấu tranh cách mạng, trải qua nhiều lần tù ngục. Tố Hữu liên tục giữ nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của đất nước, đặc trách mặt trận văn hóa văn nghệ. - Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình - chính trị, gắn bó và phản ánh chân thực những chặng đường cách mạng, mang đậm tính sử thi, tràn dầy niềm tin ở tương lai, tất cả được thể hiện bằng một hình thức thơ giàu tính dân tộc, gần gũi với đại chúng. - Một số tập thơ tiêu biểu: *Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa, Một tiếng đờn, Ta với ta …* - Tố Hữu là nhà thơ lớn của dân tộc, là "lá cờ đầu của thơ ca cách mạng" Việt Nam hiện đại. **2. Tác phẩm** - **Thể loại:** Thể thơ 7 chữ - **Phương thức biểu đạt chính** : Biểu cảm - **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** + **Xuất xứ**: Bài thơ nằm trong phần *Xiềng xích* của tập thơ *Từ ấy* + **Hoàn cảnh sáng tác**: Đang say sưa hoạt động Cách mạng, Tố Hữu bị bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (Huế) - **Bố cục:** + Phần 1 (9 khổ thơ đầu): Nỗi nhớ da diết cuộc sống bên ngoài nhà tù. + Phần 2 (2 khổ tiếp): Nỗi nhớ về chính mình trong những ngày chưa bị giam cầm. + Phần 3 :(còn lại): Trở lại thực tại trại giam, lòng trĩu nặng với nỗi nhớ triền miên.

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: ngôn từ, cấu tứ, hình ảnh, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

b. Nội dung hoạt động: HS đọc văn bản, tham gia hoạt động nhóm, tham gia chương trình ***Tiếng nói người yêu thơ*** để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản ***Nhớ đồng - Tố Hữu.***.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc văn bản *Nhớ đồng*	**III. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích**
***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **GV hướng dẫn HS tham gia chương trình: "*Tiếng nói người yêu thơ*"** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành các nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ, chuẩn bị tham gia chương trình. **Nhóm 1: Tìm hiểu nhan đề** - Nên hiểu về nghĩa của từ "đồng" trong nhan đề như thế nào? - Nhan đề "Nhớ đồng" đã bao quát được toàn bộ nội dung cảm xúc của bài thơ hay chưa? Vì sao? **Nhóm 2: Tìm hiểu cấu trúc và hình ảnh thơ** - Nhận xét gì về đặc điểm hình thức và nội dung của các khổ thơ 1, 4, 7, 13 trong	**IV. Khám phá văn bản** **1. Nhan đề:** "Nhớ đồng" - Từ "đồng" ở đây có thể hiểu là đồng quê, đồng chí, đồng bào. - "Nhớ đồng" thể hiện rõ tâm sự, nỗi nhớ da diết, niềm khao khát tự do cháy bỏng, nôn nóng muốn trở về của một người thanh niên yêu nước giàu nhiệt huyết sát cánh với đồng chí, đồng bào lúc phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ. => Nhan đề "Nhớ đồng" đã bao quát toàn bộ nội dung cảm xúc của bài thơ. **2. Cấu trúc và hình ảnh thơ** **a. Cấu trúc bài thơ** Các đoạn thơ chỉ có 2 câu cảm thán "Gì sâu bằng…) xuất hiện khi nhân vật trữ tình đã trở về với thực tại đang bị giam cầm. Chính **cách phân bổ đặc biệt** đó đã thể hiện chuỗi tâm tư của nhân vật trữ tình: nhớ

văn bản và chỉ ra "quy luật"phân bố các khổ thơ? - Hệ thống hình ảnh trong bài thơ biểu đạt được những nội dung gì? Nhận xét cách đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh đó. - Phân tích tác dụng nghệ thuật của việc sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm trong văn bản. - Nêu suy nghĩ về các hình ảnh đặc sắc được gợi ý từ các thẻ chỉ dẫn trong văn bản; chỉ ra hình ảnh nào mang tính tượng trưng rõ nét hơn cả trong bài thơ. **Nhóm 3: Tìm hiểu cấu tứ bài thơ** - Từ *"đâu"* xuất hiện bao nhiêu lần và đóng vai trò gì trong cấu tứ của bài thơ? - Bài thơ cho thấy điều gì về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình? Nêu cảm nhận của bạn về những cảm xúc, tâm tình được tác giả bộc lộ trong bài thơ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm thảo luận theo định hướng. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV lựa chọn HS làm MC cho chương trình ***Tiếng nói người yêu thơ: Nhớ đồng – đường đời, đường thơ Tố Hữu.*** - Đại diện HS các nhóm tham gia chương trình (vai khách mời) chia sẻ theo câu hỏi dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt vấn đề.	quê hương, nhớ đồng đội, suy ngẫm về tình cảnh ngục tù của bản thân trong hiện tại và khát khao tự do cháy bỏng; tất cả trở đi, trở lại thành vòng tròn bất tận, kéo dài không nguôi. **b. Hình ảnh trong bài thơ** **- Sự đan cài, phối hợp và sắp xếp các cụm hình ảnh:** + Hệ thống hình ảnh trong bài thơ biểu đạt nội dung về nỗi nhớ quê hương da diết. Đó là nỗi nhớ bình dị thể hiện qua những hình ảnh rất đỗi quen thuộc mà ta có thể dễ dàng bắt gặp tại bất kỳ một vùng nông thôn Việt Nam tại thời điểm đó. Đây cũng là tình cảm của tác giả đối với quê hương của mình, là sự trân trọng của một người con xa quê tự ý thức được nghĩa vụ của mình phải bảo vệ những thứ bình dị, tuyệt đẹp ấy. + Cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh hết sức hợp tình, hợp lý, nỗi nhớ được diễn tả theo trình tự từ bao quát đến cụ thể: ++ Đầu tiên là những sự vật bình dị, gắn bó mật thiết với quê hương như hình ảnh rặng tre, cánh đồng, những mái nhà… ++ Tiếp đến là "hồn thân" – những người dân chất phác đã ngã xuống vì độc lập dân tộc… => Trình tự này phù hợp với tâm tư, tình cảm lúc bấy giờ của tác giả: đang bị giam giữ, nhớ về quê hương, về con đường cách mạng mà buồn da diết bởi tình cảnh bị giam, không thể cùng với nhân dân, với anh em đồng chí tiếp tục sự nghiệp cách mạng. **- Việc sử dụng thành công luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm thán:** + Việc sử dụng luân phiên những câu hỏi ("Đâu những nương khoai ngọt sắn bùi?"; "Vãi giống tung trời những sớm mai?") gợi lên tâm trạng ngổn ngang của tác giả khi nhớ về quê hương với những hình ảnh quen thuộc, thân thương, gợi khát khao, mong ngóng về một ngày được gặp lại những khung cảnh ấy, để thỏa mãn được nỗi nhớ, tâm tư của tác giả. + Những câu kể cũng được đan xen hết sức tài tình (kể về hình ảnh quê hương trong tâm trí của tác giả: cồn đất thơm, những ô mạ xanh, những rặng tre, những xóm nhà tranh…) giúp người đọc hình dung ra được quê hương trong tác giả: giản dị, ấm no và ngập tràn hạnh phúc.

	+ Việc đan xen những câu cảm thán bên cạnh câu kể và câu hỏi giúp làm tăng thêm giá trị biểu cảm của bài thơ, giúp tác giả bộc lộ cảm xúc đang dâng trào với nỗi cồn cào, với tấm lòng yêu nước sôi sục. **- Một số hình ảnh thơ đặc sắc:** **+ *Hình ảnh "bàn tay … vãi giống tung trời"*** àĐó là bàn tay của những người nông dân chất phác hồn hậu đang vất vả trên cánh đồng. Đó là bàn tay gieo trồng lên đất sự giống, gieo cho đời những tinh túy yêu thương. Chính họ, chính những người lao động chân chất thôn quê ấy là những người gieo những tia hi vọng vào tương lai. **+ *Hình ảnh "cánh chim buồn nhớ gió mây"*** àNỗi nhớ mênh mang được ví với hình ảnh so sánh: "Như cánh chim buồn nhớ gió mây" đã thể hiện thần tình nỗi nhớ đồng, thực chất là nỗi nhớ quê hương, đồng bào, đồng chí, đồng thời là khao khát tự do mãnh liệt của người chiến sĩ cách mạng đang chịu cảnh tù đày. Cánh chim đó, cánh chim của tự do, của tình yêu quê hương, cánh chim bay vút lên để đón nhận lí tưởng cao đẹp. **=>Những hình ảnh đồng quê đơn sơ, gần gũi quen thuộc** hiện lên trong nỗi nhớ của tác giả **nhưng đều bị ngăn cách:** cồn thơm, ruồng tre, ô mạ xanh mơn mởn, nương khoai ngọt sắn bùi, chiều sương phủ bãi đồng, xóm làng, con đường thân thuộc, xóm nhà tranh,… **- Hình ảnh trong bài thơ mang tính tượng trưng rõ nét**: **+ *Hình ảnh tiếng hò quê hương:*** àCảm hứng của nhà thơ được gợi lên từ một thứ âm thanh đặc biệt - tiếng hò quê hương - gợi nhớ lại làn điệu dân ca xứ Huế mộng mơ, trữ tình. àTiếng hò vang lên lẻ loi, đơn độc giữa trưa tĩnh lặng, sâu lắng - gợi lên nỗi buồn, hiu quạnh, đồng điệu với cảnh ngộ tâm trạng người tù. + **Hình ảnh gợi ra qua từ *"đồng":*** àHình ảnh điển hình của nông thôn Việt Nam thời đó – những cánh đồng xanh bất tận, trải dài gợi lên một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân khi mùa màng bội thu. àTừ "đồng" còn để chỉ những người đồng chí, bạn bè, những người cùng chí hướng cách mạng với tác giả.

	Họ vẫn đang ngày đêm chiến đấu trên các mặt trận. **3. Cấu tứ bài thơ** **- Sự bố trí có dụng ý của từ "đâu":** àTừ "đâu" xuất hiện 10 lần, trải ra mênh mông theo nỗi nhớ của nhà thơ. Nó khơi gợi để nhà thơ hồi tưởng và nhớ thương về tất cả những gì đã gắn bó máu thịt với mình. Đôi chân đã bị cùm, đôi mắt đã bị giam hãm bởi bốn bức tường của nhà lao, nhà thơ chỉ còn có thể nghe và cảm nhận bằng tâm hồn nhạy cảm của mình. **- Cấu tứ của bài thơ được tạo nên bởi tâm trạng của nhân vật trữ tình khi ở trong nhà ngục của kẻ thù:** + Ban đầu là nỗi nhớ của người tù cộng sản về cuộc sống bên ngoài nhà tù (Tiếng hò, cảnh đồng quê, những con người quê hương). + Tiếp đó là dòng hồi tưởng về bản thân trước khi bị vào tù (Những ngày tháng tự do hoạt động cách mạng, những sinh hoạt trong cuộc sống thường ngày). + Cuối cùng nhân vật trữ tình trở lại thực tại trong nhà giam với những xúc cảm mãnh liệt (Đau buồn, xót thương, nhớ da diết, phẫn uất và căm hờn thực tại). **- Tâm tư nhân vật trữ tình và cảm hứng chủ đạo:** **+ *Tâm tư nhân vật trữ tình: Đối tượng hướng tới của nhân vật trữ tình là "hồn thân"*** – là những người nông dân nơi xóm làng gần gũi trong nỗi nhớ nhung, trong dòng hồi ức miên man không dứt, là những người thân yêu đã phải ngã xuống vì độc lập dân tộc… **+ *Sự chuyển biến của cái "tôi":*** ++ "Tôi" ở khổ thơ trên là cái tôi trong những ngày lang thang đi tìm chân lí, tìm lí tưởng sống của cuộc đời mình, đứng trước nhiều lựa chọn, không biết đi đâu, về đâu, băn khoăn rồi lại chán nản -> Đó là một cái tôi đang chìm trong đen tối, buồn tủi bởi chưa tìm ra được chân lí của đời mình. ++ "Tôi" ở khổ thơ sau là cái tôi đã tìm cho mình một lẽ sống, được chiếu sáng bởi ánh sáng của mặt trời chân lí, một cái tôi phấn đấu, thực hiện lí tưởng. Đó là một cái tôi đầy vui vẻ, yêu đời, tràn ngập niềm tin vào cuộc sống ẩn sau hình ảnh "con chim cà lơi". **+ Tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình:** Cái tôi trữ tình dạt dào cảm xúc nhớ thương

	về quê hương, về đồng bào. Để rồi từ đó càng dậy lên khát khao được tự do, khát khao hành động, khát khao thực hiện lí tưởng đem lại độc lập cho dân tộc, sự no ấm cho quê hương. + **Cảm hứng chủ đạo:** Bài thơ là tiếng lòng tha thiết với cuộc đời, với cuộc sống tự do, là tình yêu nhân dân, đất nước, là niềm say mê cách mạng của nhân vật trữ tình. => Bài thơ "Nhớ đồng" đánh thức tình yêu quê hương tha thiết, khơi dậy niềm khâm phục, tự hào trước lí tưởng cách mạng, trước tình yêu đất nước, trước khát vọng tự do hành động, hi sinh vì Tổ quốc của người chiến sĩ cộng sản.

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**V. Tổng kết** **1. Nội dung** - Bài thơ là tiếng lòng da diết với cuộc đời, cuộc sống tự do và say mê cách mạng của nhân vật trữ tình. - Thể hiện khát vọng tự do, tình yêu nhân dân, đất nước, yêu cuộc sống của chính mình. **2. Nghệ thuật** - Sử dụng thành công biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc. - Sử dụng thành công luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm thán. - Giọng thơ da diết, khắc khoải, sâu lắng. - Hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mộc mạc, đời thường mà có ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc "nhớ đồng" trong bài thơ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép)

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSc7i3TMHFK0ah7-LxlDAiMpVlpHy-OGi_XOvfgWUHoaF9hF1A/viewform?usp=sf_link

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	**0**
Nội dung	Làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh và thế giới cảm xúc trong bài thơ *Nhớ đồng.*	
	Chọn được các chi tiết, hình ảnh đặc sắc.	**2**
	Nhận diện được thế giới cảm xúc trong bài thơ *Nhớ đồng.*	**2**
	Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh và thế giới cảm xúc trong bài thơ *Nhớ đồng.*	**2**
	Qua phân tích thấy được vẻ đẹp thơ trữ tình chính trị và tính dân tộc đậm đà của thơ Tố Hữu.	**1**
	So sánh với những tứ thơ khác để thấy vẻ đẹp riêng.	**1**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Những ngày bị giam hãm trong tù, tâm hồn nhà thơ Tố Hữu luôn hướng ra cuộc sống bên ngoài với tất cả nỗi nhớ thương và tình yêu mến. Tiếng hò ngân dài trên sông nước, văng vẳng lúc gần lúc xa đã làm sống dậy bao hình ảnh của cuộc sống mến thương trong tâm tưởng nhà thơ. Đó là hình ảnh của mảnh đất cắt rốn chôn nhau cùng với những người dân quê lao động lam lũ, vất vả trên đồng ruộng. Đó là bức tranh thiên nhiên và bức tranh sinh hoạt của quê ngoại nhà thơ, một làng nhỏ với những cồn bãi mướt xanh cây trái, có chiếc cầu An Cựu lặng lẽ soi bóng xuống dòng Hương giang lững lờ trôi. Khung cảnh thật đẹp và tình người ấm áp xiết bao! Vậy mà giờ đây, quê hương thân yêu chỉ cách có bức tường nhà lao mà sao xa vời vợi? Những câu hỏi đầy trăn trở cứ lặp đi lặp

lại phản ánh nỗi nhớ thương, khắc khoải và hoài vọng đau đáu khôn nguôi. Tất cả những gì gần gũi, thân quen của đời sống đều được Tố Hữu trân trọng miêu tả trong thơ. Tác giả cố gắng bắt lấy những hình ảnh, âm thanh của đời thường nhưng xiết bao gợi cảm đối với bản thân trong chốn lao tù. Giờ đây, nhà thơ chỉ có thể nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy khung cảnh quê hương trong tưởng tượng bằng trái tim chất chứa nhớ thương.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.

b. Nội dung: HS thực hiện các bài tập vận dụng theo năng lực.

c. Sản phẩm: Sản phẩm sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS:

1. Lập hồ sơ nghiên cứu lịch sử qua thơ Tố Hữu: Sức mạnh Việt Nam trong thời chiến qua thơ Tố Hữu.
2. Vẽ tranh ấn tượng liên quan đến chủ đề bài học.
3. Làm thơ, sáng tác nhạc phẩm,...có liên quan đến bài học.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS làm việc cá nhân hoặc nhóm hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo (sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, góp ý hình thành những cảm quan thẩm mĩ tích cực cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Tràng giang* – Huy Cận (tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 15, 16

VĂN BẢN 2: TRÀNG GIANG

(Huy Cận)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

2. Phẩm chất

- Biết sống hòa đồng với con người, thiên nhiên;
- Biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng vốn thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi "***Câu chữ diệu kì"***

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi "***Câu chữ diệu kì"*** - Hình thức: + GV chọn 2 đội chơi lên bảng (mỗi đội 5 – 7 người) + HS thực hiện trò chơi qua 2 vòng: ***Vòng 1:*** Trong 1 phút mỗi đội ghi được nhiều nhất các từ cùng trường nghĩa với các từ: Sông nước, buổi chiều, nỗi buồn. ***Vòng 2:*** Trong 2 phút mỗi đội viết được nhiều nhất những câu thơ được gợi ý từ các từ trên. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV gọi HS tham gia trò chơi "***Câu chữ diệu kì"*** - HS quan sát, lắng nghe**,** trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.	**- Các từ ngữ HS có thể tìm:** + ***Sông nước***: thuyền, bèo, sóng, tôm cá, đánh lưới, bờ sông, mạn thuyền,... + ***Buổi chiều***: phía tây, ráng chiều, tịch dương, mặt trời khuất bóng, ngả bóng,... + ***Nỗi buồn***: man mác, sầu bi, ảo não, nước mắt, tâm trạng nặng nề,... **- Một số câu thơ liên quan:** - "Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,

- GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động. - HS đại diện mỗi đội trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, chọn ra đội thắng cuộc (hoặc HS khác có nhiều câu trả lời đúng) trao phần thưởng hoặc cho điểm. **èGV dẫn vào bài:** Cảnh trời đất mênh mông trong buổi chiều tà thường có một ý nghĩa đặc biệt đối với tâm hồn của mỗi người. Hãy đến với *Tràng giang* của nhà thơ Huy Cận để xem cái mênh mông của đất trời có có tác động như thế nào đến hồn thơ ảo não bơ vơ của người thi si này nhé!	Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn." (*Chiều hôm nhớ nhà* - Bà Huyện Thanh Quan) - "Chiều tà bỏ lại phía sau Còn vương chút nắng nhuộm màu nhớ thương." (*Hoàng hôn* – Trần Thị Lý) - "Buổi chiều đi lảng ở chân mây, Hoa tím trên sông thoảng điệu gầy." (*Buổi chiều* – Xuân Diệu) …

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS tham gia trò chơi ***"Tiếp sức"*** dựa vào tri thức SGK và việc chuẩn bị ở nhà. - GV trình chiếu kiến thức về tác giả, tác phẩm, yêu cầu HS nối tiếp nhau (tiếp sức) điền các từ bị bỏ trống: **1. Về tác giả:** - Huy Cận (…), tên khai sinh là Cù Huy Cận, quê ở xã …, huyện Hương Sơn (nay là xã Đức Ân, huyện Vũ Quang), tỉnh… - Năm 1939, ông ra Hà Nội học ở trường Cao đẳng … Từ năm 1942, Huy Cận tích cực hoạt động trong ... Sau cách mạng, ông liên tục tham gia…, giữ nhiều trọng trách khác nhau. - Huy Cận là một trong những tác giả xuất sắc của phong trào.... Sáng tác tiêu biểu nhất trước cách mạng tháng Tám là ... Sau cách mạng, ông sáng tác dồi dào và có nhiều…, tìm thấy sự hòa điệu giữa…, tiêu biểu là các tập thơ: *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958), *Đất nở hoa* (1960)...	**I. Đọc -Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Huy Cận** - Huy Cận (1919 – 2005), tên khai sinh là Cù Huy Cận, quê ở xã Ân Phú, huyện Hương Sơn (nay là xã Đức Ân, huyện Vũ Quang), tỉnh Hà Tĩnh. - Năm 1939, ông ra Hà Nội học ở trường Cao đẳng Canh Nông. Từ năm 1942, Huy Cận tích cực hoạt động trong mặt trận Việt Minh. Sau cách mạng, ông liên tục tham gia chính quyền cách mạng, giữ nhiều trọng trách khác nhau. - Huy Cận là một trong những tác giả xuất sắc của phong trào Thơ mới. Sáng tác tiêu biểu nhất trước cách mạng tháng Tám là *Lửa thiêng*. Sau cách mạng, ông sáng tác dồi dào và có nhiều đổi mới, tìm thấy sự hòa điệu giữa con người và xã hội, tiêu biểu là các tập thơ: *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958), *Đất nở hoa* (1960)...

- Thơ Huy Cận …, giàu … tràn đầy cảm xúc về vũ trụ, luôn thể hiện khát khao hòa điệu với cuộc đời và tạo vật. - Thơ Huy Cận đã tạo được sự cân bằng hiếm có giữa vẻ đẹp... và vẻ đẹp…, giữa chất…và chất…	- Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng, tràn đầy cảm xúc về vũ trụ, luôn thể hiện khát khao hòa điệu với cuộc đời và tạo vật. - Thơ Huy Cận đã tạo được sự cân bằng hiếm có giữa vẻ đẹp... và vẻ đẹp…, giữa chất…và chất…
2. Về tác phẩm: - Bài thơ *Tràng giang* rút trong tập … (tập thơ khẳng định vị trí của nhà thơ trong làng …). - Bài thơ là tác phẩm tiêu biểu … của Huy Cận. - Bài thơ ra đời từ cảm hứng trong một chiều trên bến … -… sông ... vào mùa thu năm... - Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là:... - Bố cục: … **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV lần lượt trình chiếu kiến thức về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp sức cho nhau điền các từ bị bỏ trống. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	**2. Tác phẩm** **- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** + Bài thơ *Tràng giang* rút trong tập *Lửa thiêng* (tập thơ khẳng định vị trí của nhà thơ trong làng Thơ mới). + Bài thơ là tác phẩm tiêu biểu trước. Cách mạng của Huy Cận. + Bài thơ ra đời từ cảm hứng trong một chiều trên bến Chèm –Vẽ ở sông Hồng vào mùa thu năm 1939. **- Phương thức biểu đạt chính:** Biểu cảm **- Bố cục:** 2 phần. + Đoạn 1 (Khổ 1 + 2 + 3): Khung cảnh thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ. + Đoạn 2 (Khổ 4): Lòng yêu nước thầm kín của tác giả.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: cấu tứ, ngôn từ, thi liệu, hình ảnh, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; hiểu hoàn cảnh, tâm trạng và sự lựa chọn của nhân vật trữ tình trong bài thơ cũng như tâm trạng chung của một bộ phận trong xã hội lúc bấy giờ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích**	**II. Đọc và tìm hiểu chú thích**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip diễn ngâm văn bản *Tràng giang* (Trần Thị Tuyết diễn ngâm)	**1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích**
***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể: **Nhóm 1,2: Tìm hiểu cấu tứ bài thơ theo gợi ý sau:** - Chú ý điều được gợi mở từ câu thơ đề từ. - Bạn có cảm nhận gì về nhan đề *Tràng giang*? Nhan đề và lời đề từ liên quan thế nào với nội dung cảm xúc của bài thơ? - Bài thơ đã được cấu tứ như thế nào? Bạn dựa vào đâu để xác định như vậy? - Bài thơ đã giúp bạn có thêm được cảm nhận gì về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên? **Nhóm 2,3: Tìm hiểu hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu thơ theo các gợi ý sau:** - Hình ảnh xuất hiện ở câu cuối khổ thơ thứ nhất có thể gợi lên những cảm nhận gì? - Thế nào là "sâu chót vót"? - Chú ý đặc điểm chính tả và ngữ âm của từ láy "dợn dợn"? - Chỉ ra sự tương phản giữa các hình ảnh trong khổ thơ thứ hai. Sự tương phản đó có ý nghĩa gì và tiếp tục được triển khai ở các khổ thơ kế tiếp như thế nào? - Có thể dùng những từ ngữ nào để chỉ tính chất của	**III. Khám phá văn bản** **1. Tìm hiểu cấu tứ bài thơ** **a. Lời đề từ:** Điều được gợi mở từ câu thơ đề từ về một âm điệu nhẹ nhàng, xen lẫn nỗi buồn man mác, nỗi nhớ thương trong tâm hồn của con người. **b. Nhan đề**: - ***Tràng giang*** là cách đọc chệch âm của ***Trường giang*** nghĩa là sông dài. Tuy nhiên, nhà thơ Huy Cận đã không lựa chọn lối biểu đạt thông thường mà cách tân âm đọc thành *Tràng giang* để truyền tải nhiều hơn những ý nghĩa, tư tưởng cũng như cảm xúc chủ đạo của bài thơ. - Nhan đề ***Tràng giang*** được điệp âm ***ang***, một âm mở nên bên cạnh gợi ý nghĩa về một con sông dài thì ***Tràng giang*** mở rộng chiều kích cảm nhận cho người đọc cả về chiều rộng, nhờ vậy mà con sông xuất hiện trong bài thơ trở lên dài, rộng, mênh mông hơn. ***Tràng giang*** còn gợi ra một nỗi buồn mênh mang của con người khi đứng trước dòng sông. - Nhan đề và lời đề góp phần nêu lên chủ đề và thể hiện nội dung chính của bài thơ. **c. Cấu tứ:** - *Tràng giang* được cấu tứ trên nền cảm

khung cảnh được "vẽ" ra trong bài thơ? - Bài thơ có những điểm khác lạ nào trong cách sử dụng ngôn ngữ. Hãy làm rõ hiện tượng này qua phân tích một ví dụ bạn cho là tiêu biểu. - Nêu một số thi liệu truyền thống xuất hiện trong văn bản. Việc tác giả sử dụng những thi liệu ấy cho biết thêm điều gì về cấu tứ của bài thơ? - *Tràng giang* thường được nhìn nhận là bài thơ giàu yếu tố tượng trưng. Bạn suy nghĩ về vấn đề đó như thế nào? - Bước 2: Sau thảo luận HS các nhóm lựa chọn đại diện lên tham gia cuộc trao đổi ***Bàn tròn văn chương*** với chuyên mục: *Tràng giang - nhìn từ cấu tứ và hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu.* - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS các nhóm tham gia cuộc trao đổi ***Bàn tròn văn chương*** với chuyên mục: *Tràng giang - nhìn từ cấu tứ và hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu* do MC dẫn dắt. - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi phản biện,... **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS, chốt kiến thức. **GV nhấn mạnh hiệu quả của nghệ thuật tương**	hứng không gian sóng đôi: Có dòng "tràng giang" thuộc về thiên nhiên trong tư cách một không gian hữu hình và dòng "tràng giang" tâm hồn như một không gian vô hình trong tâm tưởng. Đây vốn là cấu tứ quen thuộc của Đường thi. - Toàn bộ bài *Tràng giang* là một nỗi buồn. Bài thơ gồm bốn khổ thơ giống như bốn bài tứ tuyệt Đường thi, mỗi khổ thơ là một sự triển khai của nỗi buồn đó. Mặc dù trong mỗi khổ thơ, cảnh vật và tâm trạng con người được thể hiện khác nhau ở mức độ nào đó nhưng đều có điểm chung hệ thống trong một chỉnh thể là cảnh sóng nước mênh mang bao la và con người với cái tôi nhỏ bé, mang tâm trạng cô đơn, buồn sầu. - Bài thơ đã giúp ta có những cảm nhận mới về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên. Đó là một vũ trụ vô cùng vô tận và sự nhỏ nhoi của kiếp người với nỗi sầu thiên cổ. Khi đứng trước không gian vô tận như vậy, con người càng cảm thấy bâng khuâng, cô đơn vì nhớ quê hương da diết. **2. Vẻ đẹp của hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu thơ** **a. Một số từ ngữ - hình ảnh thơ đặc sắc:** - Hình ảnh *"Củi một cành khô lạc mấy dòng"*: sự vô định, lạc lõng, ngổn ngang trong tâm hồn của nhân vật trữ tình. - "*Sâu chót vót"*: không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu). - *"Dợn dợn"* là một từ láy hoàn toàn. Thường thì người ta sẽ sử dụng từ "rợn rợn" để thể hiện cảm giác ghê sợ trong lòng người. Nhưng ở đây, tác giả sử dụng từ "dợn dợn" không chỉ gợi cảm giác có điều gì canh cánh trong lòng mà ẩn sau đó là hình ảnh những con sóng nhấp nhô, liên tiếp mở ra muôn trùng trường giang.

phản trong khổ 2: Sự tương phản giữa một bên là không gian rộng lớn của vũ trụ và bên kia, con người trở nên thật nhỏ bé, cô đơn gợi tâm trạng buồn bã, băn khoăn, ngơ ngác trước những ngã rẽ của cuộc đời rộng lớn. Đây không phải là nỗi buồn của cá nhân ông mà là cảm xúc chung của cả một thế hệ, đặc biệt là giới văn nghệ sĩ đầu thế kỉ XX.	- Sự tương phản giữa các hình ảnh trong khổ thơ thứ hai: nắng xuống – trời lên, sông dài – trời rộng – bến cô liêu -> Vũ trụ thì bao la, vô tận -> Con người thì quá nhỏ bé, đơn độc, lẻ loi. - Sự tương phản này tiếp tục được triển khai ở các khổ thơ tiếp theo: + Khổ thơ thứ ba gợi ảnh vật cô liêu nhưng không có sự gắn kết với nhau, thiếu đi dấu vết của sự sống, của bóng hình con người. + Khổ thơ thứ tư gợi cảnh thiên nhiên hùng vĩ nhưng lòng người thì buồn vời vợi bởi nỗi nhớ quê hương. - Từ ngữ để chỉ tính chất của khung cảnh trong bài thơ như: *điệp điệp, song song, đìu hiu, sâu chót vót, dợn dợn, xuống – lên, mênh mông, lớp lớp…* -> đìu hiu, vắng lặng, mênh mang, ảo não vũ trụ, không gian hoang vắng, buồn da diết, cô đơn, trống vắng.,…
GV mở rộng kiến thức và nhấn mạnh sự độc đáo về ngôn ngữ và thi liệu: **- Về ngôn ngữ:** Ví dụ: "Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng": bình thường, câu thơ sẽ là "Bờ xanh lặng lẽ tiếp bãi vàng". Tác giả đã khéo léo đảo từ láy "lặng lẽ" lên đầu câu nhằm nhấn mạnh sự yên ắng, đìu hiu, một không gian hiu quạnh tại những bãi nương dọc bờ sông. Qua đó, giúp người đọc thấy được sự vắng vẻ, hiu quạnh của cảnh vật hay của lòng người đang hiện hữu qua hình ảnh của cảnh vật. **- Về thi liệu:** Việc sử dụng những thi liệu truyền thống giúp bài thơ mang không khí cổ điển, trầm mặc, thể hiện sự trang nhã trong lời thơ, câu từ của tác giả. Đồng thời, nó cũng góp phần trong việc thể hiện tâm tư, cảm xúc thầm kín của tác giả mang đậm một tấm lòng yêu quê hương, đất nước.	**b. Độc đáo về ngôn ngữ và thi liệu** **- Bài thơ có những điểm khác lạ trong cách sử dụng ngôn ngữ:** + Sử dụng hệ thống từ láy hoặc điệp âm gợi âm hưởng cổ kính (10 lần/16 dòng thơ, cách ngắt nhịp truyền thống: 3/4): Tràng giang", "điệp điệp", "song song", "lơ thơ", "đìu hiu", "chót vót", "mênh mông", "lặng lẽ", "lớp lớp", "dợn dợn" -> Những từ láy giàu tính tạo hình, giúp cho lời thơ mềm mại, giàu cảm xúc. + Cách dùng và sử dụng những hình ảnh đối lập: *củi một cành>< mấy dòng. Nắng xuống >< trời lên, sông dài, trời rộng bến cô liêu, không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.* + Biện pháp nghệ thuật tượng trưng: *củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.* + Những hình ảnh màu sắc đẹp như: bờ xanh tiếp bãi vàng, mây cao đùn núi bạc, chim nghiêng cánh, sóng gợn. + Khéo léo sử dụng từ ngữ bằng cách đảo

	tính từ lên đầu câu để nhấn mạnh sự việc, cảnh vật. **- Thi liệu truyền thống:** đề tài sông nước quen thuộc của thi sĩ xưa; sử dụng từ Hán Việt (tràng giang); thể thơ thất ngôn, tỏ rõ sự suy tư, cảm xúc mênh mông của con người; tứ thơ quen thuộc của thơ cổ lấy cảnh vật để nói về nỗi niềm của con người. **- Giàu yếu tố tượng trưng:** *củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.* => Các yếu tố này đều tượng trưng cho nỗi sầu nhân thế của Huy Cận. Nhà thơ mượn thiên nhiên, cảnh vật để bày tỏ nỗi lòng của mình.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** - Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên. - Nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết. **2. Nghệ thuật** - Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại. - Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm. - Hình ảnh thơ giàu ý nghĩa tượng trưng,…

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150) chữ bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ *Tràng giang*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSc7i3TMHFK0ah7-LxlDAiMpVlpHy-OGi_XOvfgWUHoaF9hF1A/viewform?usp=sf_link

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà).

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	**0**
Nội dung	Lựa chọn được một phương diện nổi bật của bài thơ *Tràng giang* về mặt nội dung hoặc hình thức nghệ thuật. Phân tích được vẻ đẹp của phương diện đó.	
	Gợi rung cảm thẩm mĩ cho người đọc.	**2**
	Tái hiện hình ảnh thế giới sinh động, đẹp đẽ.	**2**
	Thể hiện cá tính sáng tạo của nhà thơ.	**2**
	Mang những đặc điểm của trào lưu lãng mạn và tinh thần thời đại.	**1**
	So sánh với những tứ thơ khác để thấy vẻ đẹp riêng.	**1**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Trong bút pháp tạo hình, Huy Cận đặc biệt chú trọng tới việc khai thác những hình ảnh, chi tiết "tả thực". Các hình ảnh thơ đều là sản phẩm của sự quan sát kĩ lưỡng, tinh nhạy hòa trong tình yêu con người, niềm tự hào thầm kín mà mãnh liệt với mảnh đất này mà nhà thơ có được. Hình ảnh: "Củi một cành khô lạc mấy dòng" sẽ còn được nhiều người nhắc đến như một kiểu mẫu trong bút pháp tạo hình. Bởi lẽ. nó không chỉ hay trong cách mà Huy Cận khai thác một thi liệu quen thuộc, gần gũi từ hiện thực đời sống và phương thức tạo hình của Huy Cận độc đáo vô cùng. "Củi" đã nhỏ bé, khô héo, xơ xác, thế nhưng còn ấn tượng hơn nữa khi Huy Cận liên kết hình ảnh ấy với một loạt những đặc tính đi kèm. Củi đã bé nhỏ nay nó chỉ có "một cành" ít ỏi, rồi lại còn "khô", cằn cỗi, vậy mà phải lênh đênh, trôi dạt "lạc mấy dòng". Câu thơ dường như không một chữ thừa. Tất cả cùng

liên hợp, cộng hưởng ý nghĩa để hình ảnh "củi" gây ấn tượng mạnh mẽ về sự lẻ loi, đơn độc, bơ vơ và mất phương hướng. Bên cạnh đó, đặt trong bối cảnh chung của khổ thơ đầu, hình ảnh củi ở câu bốn tạo ra sự tương phản với cái mênh mông, tít tắp của sông nước, tô đậm sự đơn chiếc, cô lẻ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi "Tìm kiếm tài năng" (Tập 1).

c. Sản phẩm: HS viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa về cảnh vật sông nước đẹp mà buồn.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Tổ chức cuộc thi **"Tìm kiếm tài năng"** với các hình thức: viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa về cảnh vật sông nước đẹp mà buồn.
- Chia lớp thành 2 khu vực: Viết và vẽ.
- Giáo viên cung cấp: giấy, bút vẽ cho tất cả các HS có năng khiếu hội họa.
- Thời gian: chuẩn bị: 5 phút, thể hiện: 5 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo khu vực lựa chọn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS xung phong thể hiện tài năng.
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS tài năng.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 3. *Con đường mùa đông* - A-lếch-xan-đrơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin (tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 17

VĂN BẢN 3: CON ĐƯỜNG MÙA DÔNG

A-lếch-xan-đrơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

2. Phẩm chất

- Biết sống hòa đồng với con người, thiên nhiên.
- Biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng vốn thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu video, HS xem và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS trải nghiệm cung đường mùa đông nơi nước Nga qua video: https://www.youtube.com/watch?v=Q57_zc4ORKM (00:00 – 01:00) Và tinh thần Nga qua Kachiusa: https://www.youtube.com/watch?v=WSqoXRieV8Y (00:20 – 02:30) - HS trả lời câu hỏi: 1. Em cảm nhận gì về thiên nhiên và con người Nga qua những Clip trên? 2. Thử tìm hiểu mối quan hệ giữa thiên nhiên khắc nghiệt Nga và tinh thần Nga vĩ đại?	***- Thiên nhiên:*** Rộng lớn, mênh mông, rất trong trẻo, thuần khiết nhưng khắc nghiệt, dữ dội. ***- Con người Nga:*** Kiên cường, dũng cảm, phóng khoáng, thuần hậu. ***- Mối quan hệ thiên nhiên – con người:*** Con người mến yêu thiên nhiên nhưng cũng đủ dũng mãnh để vượt qua thiên nhiên khắc nghiệt.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động. - HS trả lời câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi ***"Kể chuyện theo tranh"*** .

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **1. Về tác giả:** - HS tham gia trò chơi ***"Kể chuyện theo tranh"*** dựa vào tri thức SGK và việc chuẩn bị ở nhà. - GV chiếu cho HS xem những hình ảnh về Puskin (theo gợi ý nội dung sau): + Mặt trời của thi ca Nga. + Tài năng từ nhỏ. + Say mê sáng tác. + Tình yêu. + Đấu tranh cho chân lí. + Đi đày. + Tiếp tục đấu tranh. + Đấu súng. + Biểu tượng của thi ca Nga. - HS chọn một trật tự phù hợp, sắp xếp thành câu chuyện cuộc đời Pu-skin. **2. Về tác phẩm:** GV gọi HS trả lời nhanh: - Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính của văn bản. - Nêu xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, của tác phẩm.	**I. Đọc -Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin (1799 – 1837) là người đặt nền móng cho văn học hiện thực Nga thế kỉ XIX. - Pu-skin được xem là "mặt trời của thi ca Nga". - Về nội dung: thơ của Pu-skin thể hiện tâm hồn khao khát tự do và tình yêu của nhân dân Nga. - Về nghệ thuật: Pu-skin có đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển ngôn ngữ văn học Nga hiện đại. **2. Tác phẩm** **- Thể loại:** Thể thơ trữ tình. **- Phương thức biểu đạt chính:** Biểu cảm. **- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** Tháng 12 năm 1825, một cuộc khởi nghĩa do đông đảo những người trí thức quý tộc tiến bộ lãnh đạo chống lại chế độ nông nô chuyên chế đã nổ ra rộng khắp trên nước Nga. Đầu năm 1826, cuộc khởi nghĩa bị Nga hoàng dập tắt. Vào mùa đông năm ấy, nỗi buồn của riêng nhà thơ nơi đày ải, nỗi buồn chung của nhân dân sau thất bại của cuộc khởi nghĩa, cùng ý chí và khát vọng vượt qua những giây phút buồn tủi trong hành trình cuộc sống riêng tư, cũng như của dân tộc, đã trở thành nguồn cảm hứng để Pu-skin sáng tác nên bài thơ *Con đường mùa đông*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** HS trả lời, HS khác nghe, quan sát, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: cấu tứ, ngôn từ, thi liệu, hình ảnh, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng (1 HS đọc bản dịch nghĩa, 1 HS đọc bản dịch thơ). - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS.	**II. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích**

- GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu clip đọc văn bản https://www.youtube.com/watch?v=Srbzc2WDJ1U ***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** ***GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể:** **Nhóm 1: Tìm hiểu *Con đường mùa đông* - Mạch cảm xúc phong phú của nhân vật trữ tình:** - Xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ. - Sự chuyển biến thời gian, không gian và tâm tư nhân vật trữ tình: Xác định không gian, thời gian tâm tưởng của nhân vật trữ tình trong hai khổ thơ 5 - 6. Hãy hình dung nhân vật trữ tình được tận hưởng những gì và tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn ra sao? **Nhóm 2: Tìm hiểu *Con đường mùa đông* - Yếu tố tương trưng tạo sức hấp dẫn riêng:** - Nhan đề bài thơ *Con đường mùa đông* gợi cho bạn những liên tưởng gì? - Những hình ảnh ("trăng", "cột sọc chỉ đường") và âm thanh ("tiếng lục lạc", "kim đồng hồ kêu tích tắc") trong bài thơ đã diễn tả mâu thuẫn giữa nỗi buồn với ý thức vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông như thế nào? - Những hình tượng "xe tam mã", "bài ca của người xà ích", "mái lều, ánh lửa", "Nhi-na" có	**III. Khám phá văn bản** **1. *Con đường mùa đông* - Mạch cảm xúc phong phú của nhân vật trữ tình** **a. *Con đường mùa đông* - Cảm hứng chủ đạo không đơn giản là nỗi buồn** - Văn bản chứa đựng nhiều cung bậc cảm xúc: buồn - vui, tĩnh - động, sáng - tối, đơn điệu - mới lạ,...trong tuyết lạnh nhưng nhân vật trữ tình vẫn nghĩ về lửa đỏ, mái ấm gia đình hạnh phúc, trong chia ly lại nghĩ đến sum họp, trong xa vắng mà hy vọng về gặp người thương. - Niềm khao khát ấy khiến cho nhân vật trữ tình không trở nên ủy mị mà lại càng tha thiết yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp và luôn tin tưởng mình có thể vượt lên số phận. **=> Nỗi buồn bao trùm cả bài thơ nhưng đó là nỗi buồn trong sáng giúp thanh lọc tâm hồn. Một nỗi buồn mang đậm dấu ấn Pu-skin và rất Nga.** **b. *Con đường mùa đông* – Sự chuyển biến không gian, thời gian tạo mạch diễn biến tâm tưởng của nhân vật trữ tình** ***- Chuyển biến không gian:*** Trên con đường mùa đông hoang vắng -> bên lò lửa đỏ. ***- Chuyển biến thời gian:*** Đêm lạnh lẽo trong hiện tại -> đêm đông ấm cúng yêu thương trong ngày mai. ***- Chuyển biến trong tâm tư nhân vật trữ tình:*** Buồn đau nhưng không tuyệt vọng, không bi lụy-> Nhân vật trữ tình liên tục đấu tranh với nỗi buồn bằng cách gọi tên người yêu-> Hy vọng được trở về trong sum họp đầy hạnh phúc. Trong tuyết lạnh mà nghĩ về lò lửa đỏ, mái ấm hạnh phúc gia đình, trong chia li mà nghĩ đến đoàn tụ, trong xa vắng mà hy vọng trở về gặp Nhi-na – người yêu thương. **2. *Con đường mùa đông* – Yếu tố tương trưng tạo sức hấp dẫn riêng** **a. *Con đường mùa đông* - Nhan đề mang đậm sắc màu biểu trưng** - Nhan đề "Con đường mùa đông" gợi liên tưởng về một con đường cô đơn, vắng vẻ trong mùa đông, một con đường băng giá, mịt mù với cái giá rét cắt da cắt thịt, khiến người đi trên đó cảm thấy đơn độc và thê lương. - Có lẽ tác giả muốn sử dụng hình ảnh này để miêu tả hoàn

ý nghĩa tinh thần thế nào đối với hành trình của nhân vật trữ tình trên "con đường mùa đông"? **Nhóm 3: Tìm hiểu *Con đường mùa đông* - Cách cấu trúc hình tượng thơ độc đáo:** + Nêu nhận xét về những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối. Hãy chia sẻ suy nghĩ của bạn về cách lấy lại cảm giác bình yên trên những "con đường mùa đông" trong cuộc đời. + Xác định những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ 4. Nhân vật trữ tình xuất hiện ở khổ thơ này có còn chìm trong cảnh vật u buồn nữa không? Vì sao? **Nhóm 4: Tìm hiểu *Con đường mùa đông* - Sức hấp dẫn từ cấu tứ độc đáo:** - Bạn có nhận xét gì về cấu tứ của bài thơ? Hãy liên hệ với một bài thơ khác có kiểu cấu tứ này mà bạn biết. ***Sau thảo luận, HS các nhóm lựa chọn đại diện lên tham gia buổi sinh hoạt *CLB người yêu thơ Puskin*** với chuyên mục: ***Con đường mùa đông – Yếu tố tượng trưng trong một tứ thơ lạ*** - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia. - GV quan sát, khích lệ HS.	cảnh hiện tại của bản thân mình, một cảm giác cô đơn, lạnh lẽo và đầy đau khổ. **b. *Con đường mùa đông* – Chuỗi những hình ảnh âm thanh mang tính biểu tượng.** - ***Những hình ảnh "trăng" và "cột chỉ đường"*** gợi không gian hun hút vô tận, xa thẳm, mông lung, quạnh quẽ: ánh trăng mờ và cánh đồng xa. - ***Âm thanh "tiếng lục lạc" và "kim đồng hồ kêu tích tắc"*** chỉ âm thanh lục lạc đơn điệu buồn tẻ, tiếng đồng hồ kêu tích tắc như một kỉ vật nhắc nhở bao hoài niệm thương yêu. **=> Những hình ảnh mang tính vật chất, cụ thể ấy đã diễn tả mâu thuẫn giữa nỗi buồn với ý thức vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông:** + Hình ảnh và âm thanh diễn tả nhà thơ đăm chiêu cảm nhận cảnh vật trong sự mơ màng và xúc động. Bao dặm đường xa đã vượt qua, người lữ khách không chỉ buồn mà còn mệt mỏi. Trong không gian như vậy, nhân vật trữ tình nghĩ tới mái ấm gia đình hạnh phúc, trong chia ly lại nghĩ đến sum họp, trong xa vắng mà hy vọng về gặp người thương. + Niềm khao khát ấy khiến cho nhân vật trữ tình không trở nên ủy mị mà lại càng tha thiết yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp và luôn tin tưởng mình có thể vượt lên số phận. ***- Những hình tượng "xe tam mã", "bài ca của người xà ích", "mái lều, ánh lửa", "Nhi-na"*** có ý nghĩa như điểm tựa nâng đỡ tâm hồn người lữ khách một đêm trăng mờ sương trên con đường mùa đông tuyết trắng: + ***Hình tượng "xe tam mã", "bài ca của người xà ích"*** gợi lên những nét thân thiết, quen thuộc với tâm hồn Nga. Làm dấy lên trong lòng lữ khách một nỗi buồn dịu ngọt. + ***Hình tượng "mái lều, ánh lửa"*** gợi mái ấm hạnh phúc gia đình. + ***"Nhi-na" -*** Nhà thơ nhắc đến tên người yêu để cố xua đi một phần nào nỗi buồn, nỗi cô đơn. **3. *Con đường mùa đông* – Cách cấu trúc hình tượng thơ độc đáo:** **a. *Con đường mùa đông* – Sự bố trí hình ảnh theo kiểu đầu cuối tương ứng đầy dụng ý:** - Những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối được lặp lại để diễn tả sâu hơn tâm trạng người lữ hành, từ mơ tưởng trở về thực tại, với con đường mùa đông lạnh lẽo, con đường đi đày với nỗi buồn xa vắng cô đơn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm tham gia buổi sinh hoạt ***CLB người yêu thơ Puskin*** với chuyên mục: ***Con đường mùa đông – Yếu tố tượng trưng trong một tứ thơ lạ*** do MC dẫn dắt. - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi,... **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, đánh giá hoạt động nhóm (theo Rubric 1- bên dưới) và phần trình bày của HS, chốt kiến thức.	- Để lấy lại cảm giác bình yên trên những "con đường mùa đông" trong cuộc đời, chúng ta có thể suy nghĩ về những điều tốt đẹp mà ta hướng tới, nghĩ về những điều làm điểm tựa tâm hồn như gia đình, tình yêu,… **b. *Con đường mùa đông* – Một loạt tương phản có ý nghĩa** - Những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ 4: + Không một ánh lửa, không một mái lều / Rừng sâu và tuyết bao la. + Những cột sọc chỉ đường / ngược chiều tôi. - Nhân vật trữ tình xuất hiện ở khổ thơ này tuy vẫn buồn man mác nhưng đã không còn quá chìm đắm trong cảnh vật u buồn nữa. Nhà thơ đã quay lại và nhìn ngắm, cảm nhận cảnh vật hiện tại trước mắt mình, đã biết tìm kiếm ngôi lều và ánh lửa giữa khu rừng bao la, lấy lại động lực để tìm kiếm một nơi an trú, sưởi ấm cho tâm hồn đã mỏi mệt của mình. Giữa khu rừng rộng lớn, có lẽ cũng giống như tâm hồn tác giả được mở rộng hơn trước, lạc quan đón chờ tương lai. Đặc biệt là hình ảnh cột dài cây số đang chào tác giả chứng tỏ tác giả đã bớt cô đơn hơn và sẵn sàng tiếp tục hành trình mới đang gọi mời.
GV có thể khơi gợi để HS tìm những bài thơ có cấu tứ tương tự. - Một số bài thơ khác có cấu tứ như trên: "Đoàn thuyền đánh cá" - Huy Cận; "Màu tím hoa sim" - Hữu Loan,…	**4. *Con đường mùa đông* – Sức hấp dẫn từ cấu tứ độc đáo** - Cấu tứ của bài thơ: Các hình ảnh về "con đường mùa đông" và những hình ảnh trong tâm tưởng nhà thơ "trăng, lò sưởi, mái lều, ánh lửa,…" đều lặp đi lặp lại, tạo kết cấu đầu cuối tương ứng cho bài thơ. Hình ảnh con đường mùa đông cô đơn, lạnh lẽo, từ "buồn" xuất hiện với tần số rất cao tô đậm ấn tượng về "Con đường mùa đông"- con đường lưu đày, là con đường ly biệt…

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút.	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** - *Con đường mùa đông* là sự băn khoăn pha chút lo lắng của nhà thơ đối với cuộc đời và đất nước. - Tuy lắng sâu trong nỗi buồn nhưng nhân vật trữ tình vẫn tìm được điểm tựa tinh thần cho chính mình, không để bị chìm

- GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	sâu trong nỗi buồn riêng của bản thân, trong nỗi buồn chung của đất nước. **2. Nghệ thuật** - Cấu tứ độc đáo với sự đối xứng, tương phản về hình ảnh. - Bài thơ là chuỗi những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng độc đáo.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bạn cho là đặc sắc nhất trong bài thơ *Con đường mùa đông*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép)

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSc7i3TMHFK0ah7-LxlDAiMpVlpHy-OGi_XOvfgWUHoaF9hF1A/viewform?usp=sf_link

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric 2.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric 2 (ở nhà).

Rubric 2. Đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	**0**
Nội dung	Lựa chọn một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng đặc sắc trong bài thơ *Con đường mùa đông*.	
	Chọn được hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng đặc sắc.	**2**
	Nhận diện được ý nghĩa tượng trưng đặc sắc của hình ảnh đó.	**2**
	Chỉ ra được vẻ đẹp của hình ảnh đó, vai trò, ý nghĩa tác dụng của nó trong toàn bài thơ.	**2**
	Qua phân tích thấy tài năng độc đáo của nhà thơ Pu-skin.	**1**
	So sánh với những hình ảnh thơ khác để thấy vẻ đẹp riêng.	**1**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**

Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Nhân vật trữ tình cảm tưởng cuộc đời chàng sao phiền muộn và không có nhiều hy vọng, hệt cảnh **"cỗ xe tam mã"** lao đi trong đêm vắng lặng trên con đường mùa đông. **Chiếc xe tam mã** và người lữ hành như bị bao vây bởi rừng sâu và tuyết trắng; những cột cây số hữu hình mà vô cảm đang chạy ngược chiều… Pu-skin đã "vẽ" lên một bức tranh thủy mặc với gam màu đen trắng: ánh trăng trắng, tuyết trắng, mặt trăng trắng, sương trắng trên cái nền đen sẫm của rừng. Trên con đường mùa đông kéo dài tưởng chừng như vô tận, **"cỗ xe tam mã băng đi"** - một cỗ xe "Nga", vô cùng thân thiết với tâm hồn Nga còn có cả khúc nhạc dịu êm, du dương: tiếng lục lạc đơn điệu buồn tẻ, khúc hát dân ca của người xà ích "Như niềm vui mừng khôn xiết/ Như nỗi buồn nặng đìu hiu", làm dấy lên trong lòng lữ khách một nỗi buồn dịu ngọt. Kết thúc bài thơ vẫn là tiếng: "Nhạc ngựa đều đều buông xa thẳm", gieo vào lòng người một nỗi buồn da diết, khôn nguôi. Không gian đêm trên "con đường mùa đông" tĩnh lặng, hiu quạnh. Những âm thanh khe khẽ tuy giúp cho bức tranh cựa mình nhưng lại làm nổi bật cái im lìm của đêm đông. Trên cái nền thiên nhiên trong trẻo, thanh khiết, đẹp chân thực mà hoang liêu vô cùng, **cỗ xe tam mã** độc hành sao cô đơn đến vậy?

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi "Tìm kiếm tài năng" (Tập 2).

c. Sản phẩm: HS viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa được gợi ý từ bài thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Tổ chức cuộc thi **"Tìm kiếm tài năng"** với các hình thức: viết cảm nghĩ, sáng tác thơ, nhạc hoặc hội họa được gợi ý từ bài thơ.
- Chia lớp thành 2 khu vực: Viết và vẽ.
- Giáo viên cung cấp: giấy, bút vẽ cho tất cả các HS có năng khiếu hội họa.
- Thời gian: chuẩn bị: 5 phút, thể hiện: 5 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo khu vực lựa chọn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS xung phong thể hiện tài năng.
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS tài năng.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc. *Thời gian* – Văn Cao (tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐỌC

THỜI GIAN (VĂN CAO)

I. Đọc -Tìm hiểu chung

1. Tác giả Văn Cao

- Văn Cao tên đầy đủ là Nguyễn Văn Cao, tác giả của *Tiến quân ca* – quốc ca của nước Việt Nam.
- Được nhận xét là hình mẫu thiên tài, bởi tài năng nghệ thuật của ông rất đa dạng và phong phú mang tính tổng hợp cao giữa hội họa - âm nhạc - văn chương.
- Văn Cao là người có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của nền tân nhạc Việt Nam.
- Thơ ông tuy số lượng không nhiều nhưng luôn thể hiện một phong cách nghệ thuật độc đáo.

2. Tác phẩm

- Thể loại: Thể thơ tự do.

- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:

+ Bài thơ *Thời gian* ra đời vào mùa xuân Đinh Mão (tháng 2/1987) khi Văn Cao tuổi đã xế chiều, ông để lại phía sau cuộc đời mình biết bao trải nghiệm vui buồn. Bài thơ giúp ông giãi bày những tâm sự về cuộc sống, về nghệ thuật, về tình yêu sau một chặng đường dài đầy thăng trầm, biến cố...

+ Bài thơ in trong *Tuyển tập Văn Cao - Thơ* (1994)

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

- Bố cục: 2 phần

+ Phần 1 (4 câu thơ đầu): Sức tàn phá của thời gian.

+ Phần 2 (3 câu cuối): Những điều có sức sống mãnh liệt, trường tồn với thời gian.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Đặc điểm thể loại và cấu tứ của bài thơ

- Đặc điểm thể loại: Thơ tự do

- Cấu tứ:

+ Bắt đầu từ quy luật của thời gian: trôi "qua kẽ tay".

-> mang theo sự lụi tàn của sự vật, cảnh vật và thậm chí cả con người.

+ Tác giả lần ngược lại những điều đẹp đẽ vẫn còn sống mãi, vẫn luôn "còn xanh". Đó là sự trường tồn của vẻ đẹp, của sức sống vĩnh cửu nơi những câu thơ, những bài hát – biểu hiện của tình yêu, của cái đẹp.

2. Tính chất tượng trưng của các hình ảnh thơ

- Hình ảnh "Thời gian qua kẽ tay": Gợi liên tưởng đến sự tương phản giữa cái hữu hình và vô hình, cái hữu hạn và vô hạn.

→ Thời gian không vô hình mà là một khối vật chất có thể cân đo đong đếm, có thể cầm được trên tay.

-"Khô những chiếc lá", "Rơi những kỷ niệm": Gợi lên liên tưởng về sự lụi tàn, mờ nhạt của sự vật theo thời gian như lá rơi vào mùa thu, kỷ niệm quá lâu dần bị con người lãng quên.

→ Hình tượng ẩn dụ có tính khái quát cao hé mở một góc nhìn về thời gian và cuộc sống nghiệt ngã của đời người mà ai cũng phải trải qua, đấy là quy luật của sinh và tử.

- Phép so sánh kỉ niệm như tiếng sỏi: Những viên sỏi kỷ niệm đã hiện về nhưng không để lại âm thanh gì vì lòng giếng đời người đã cạn. Khi lòng giếng bị lấp đầy cũng là lúc kỷ niệm biến mất cùng khói sương.

- "Câu thơ còn xanh", "bài hát còn xanh" → liên tưởng về sự trường tồn của những giá trị nghệ thuật theo thời gian.

- "Đôi mắt em như hai giếng nước" → hình ảnh đẹp tượng trưng cho người con gái mà tác giả yêu thương, nó cũng luôn tồn tại cùng với thời gian đó là sự đẹp đẽ và tình yêu của con người.
→ Thời gian làm khô chiếc lá đời người nhưng lại làm tươi xanh chiếc lá thơ, chiếc lá nhạc.

3. Suy ngẫm của tác giả về bản chất của thời gian, nghệ thuật, tình yêu và mối tương quan giữa chúng

- Về bản chất của thời gian:

+ Thời gian qua đi là miên viễn không bao giờ trở lại. Sự nghiệt ngã ấy chính là bi kịch của phận người, con người không thể nào nắm giữ, níu kéo được thời gian.

+ Sức tàn phá của thời gian là không thể phủ nhận. Như cây thay lá mỗi khi đến mùa thu, thời gian làm mờ nhạt bao kỷ niệm… đó là sự tàn phá khốc liệt của thời gian lên sự vật. Cái vô tận của nó luôn khiến con người đôi khi cảm thấy sợ hãi bởi nó cũng không chừa một ai cả.

- Nghệ thuật và tình yêu: Những giá trị thuộc về nghệ thuật và cái đẹp được kết tinh từ *những câu thơ, những bài hát* và đặc biệt là từ *đôi mắt em*.

-> Nghệ thuật và tình yêu luôn khác biệt và luôn vượt lên mọi thứ tầm thường, tự thân nó luôn mang một sức mạnh trường tồn, vĩnh cửu bởi nó là hiện thân của cái đẹp.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 18

MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- HS biết thực hành phân tích một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt đồng thời chú trọng các hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để phục vụ cho hoạt động giao tiếp một cách hiệu quả, thú vị, hấp dẫn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem, cặp đôi suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

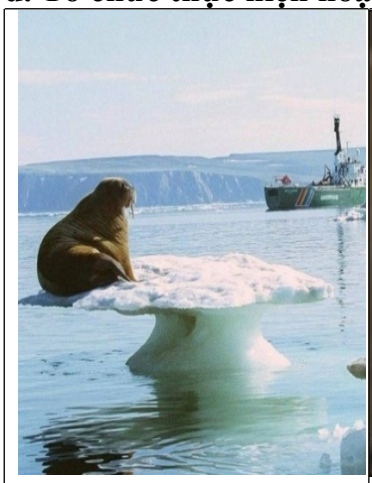

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ***Nhiệm vụ 1:*** GV hướng dẫn HS xem các hình ảnh (ở trên). ***Nhiệm vụ 2:*** HS thực hiện các yêu cầu: - Tìm từ diễn tả điểm chung của những bức tranh đó. - Nhận xét về những hình ảnh đó. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi thảo luận cặp đôi tìm từ và suy nghĩ cá nhân bày tỏ quan điểm về những hình ảnh vừa quan sát. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS tham gia trả lời câu hỏi nhanh. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung, góp ý, phản biện.	***Từ ngữ diễn tả điểm chung của những bức tranh đã cho:** - Phá vỡ quy tắc. - Vượt qua định luật. - Bất quy tắc. - Chống lại quy luật thông thường. - Phi thường. - Độc đáo. - Đặc biệt. *** Nhận xét về những hình ảnh đã cho** (HS thể hiện suy

Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: *Trong thực tế cuộc sống, chúng ta chứng kiến nhiều hiện tượng không tuân theo quy luật mà lại tạo ra những điều bất ngờ, độc đáo, thậm chí là nghệ thuật. Ngôn ngữ thông thường cũng vậy, khi phá vỡ những quy tắc sẽ đem lại những tác dụng kì diệu nào? Bài học hôm nay sẽ trả lời cho chúng ta: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.*	nghĩ cá nhân)

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. **Mục tiêu**:

- HS nhận biết được những hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- HS biết thực hành phân tích một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi tham gia trò chơi *Ai nhanh ai đúng?* để nhận diện được một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường và vận dụng làm bài tập SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi Ai nhanh, ai đúng?
GV viên chia lớp thành 4 đội chơi:
Vòng 1: Các đội có thời gian tối đa 3 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành việc nối cột trên giấy khổ lớn.
<table>
<tr><th>STT</th><th>Ngữ liệu</th><th>Nối</th><th>STT</th><th>Dạng phá vỡ quy tắc</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
(Xuân Diệu, Vội vàng)</td><td rowspan="2"></td><td>a</td><td rowspan="2">Tạo ra kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói tới</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ
Hoa bưởi thơm rồi:</td><td></td></tr>
</table>
</td><td>
I. Nhận biết một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường
(Bảng nhận biết một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường) - bên dưới.
II. Thực hành phân tích một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng
1. Tạo ra kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói tới: Hiện tượng tạo ra kết hợp từ trái logic “buồn điệp điệp” ở dòng mở đầu bài thơ Tràng giang – Huy Cận.
- Từ láy “điệp điệp” vốn được dùng để chỉ những sự vật có số lượng nhiều và nối tiếp nhau như núi trùng trùng điệp điệp → chỉ những ngọn núi nhấp nhô nối tiếp nhau từ dãy núi này đến dãy núi khác.
- Ở đây, tác giả sử dụng từ “điệp điệp” không phải để chỉ sự vật mà để chỉ nỗi buồn của nhân vật trữ tình.
</td></tr>
</table>

	đêm đã khuya (Xuân Diệu, Buồn trăng)				=> Tác giả đã tạo ra cách kết hợp từ trái với logic để diễn tả nỗi buồn kéo dài bất tận miên man theo chiều thời gian lẫn không gian.
3	*Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc* (Hồ Xuân Hương, *Đèo Ba Dội*)		**b**	Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện	***2. Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập:*** hiện tượng cung cấp nét nghĩa mới cho cụm từ *"sâu chót vót"* trong bài thơ *Tràng giang.* - *Chót vót* là từ láy vốn chỉ được sử dụng để diễn tả độ cao, trong câu thơ của Huy Cận, nó lại đi với chiều sâu. - Cảm giác *sâu chót vót* là có thật bởi tác giả nhìn dòng sông và thấy bầu trời dưới đáy sông sâu. => Tác giả cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ để gợi lên không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu). **3. *Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện:*** việc sử dụng hình thức đảo ngữ trong hai dòng thơ (trích *Tràng giang* – Huy Cận) - Theo lẽ thường, dòng thơ có thể là: Cồn nhỏ lơ thơ gió đìu hiu/ Tiếng làng xa đâu còn vì chợ chiều đã vãn. - Ở đây tác giả sử dụng hình thức đảo ngữ: đảo từ "lơ thơ" và từ "đâu" lên đầu mỗi dòng thơ. + Cồn cát thì trở lên đìu hiu, vắng vẻ, heo hút càng nhấn mạnh sự cô đơn, chán nản, buồn tẻ cho nhân vật trữ tình. + Những tiếng chợ vãn đã gợi bao tiêu điều, xơ xác, thế mà từ để hỏi "đâu" lại còn được đặt lên đầu câu càng nhấn mạnh tiếc nuối, ngóng trông vô vọng bóng dáng con người. => Nỗi buồn thầm kín ẩn sâu trong tâm hồn của một cái tôi cô đơn giữa đất trời, vũ trụ bao la rộng lớn. **4. *Phá vỡ quy tắc khi sử dụng dấu câu:***
4	*Vừa thoáng tiếng còi tàu Lòng đã Nam đã Bắc* (Xuân Quỳnh, *Sân ga chiều em đi*)				
5	*Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái* (Nguyễn Khuyến, *Thu vịnh*)		**c**	Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập	
6	*-Non xanh ngây cả buổi chiều* *- Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia* (Huy Cận, *Thu rừng*)				
7	*Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em* (Tế Hanh, *Hà Nội vắng em*)		**d**	Bổ sung chức năng mới cho dấu câu	
8	*Cột đèn rớm điện Là chiều Bích Câu*				

	(Lê Đạt, *Chiều Bích Câu*)			

Vòng 2:

<u>Nhóm 1:</u>

- Thảo luận về hiện tượng tạo ra kết hợp từ trái logic *"buồn điệp điệp"* ở dòng mở đầu bài thơ *Tràng giang.*
- Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê.

<u>Nhóm 2:</u>

- Thảo luận về hiện tượng cung cấp nét nghĩa mới cho cụm từ *"sâu chót vót"* trong bài thơ *Tràng giang.*
- Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê.

Nhóm 3:

- Thảo luận về việc sử dụng hình thức đảo ngữ trong hai dòng thơ (trích *Tràng giang*):

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

- Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê.

Nhóm 4:

- Thảo luận về giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ "*Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa*"
- Thử lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm cử đại diện trình bày hoặc thuyết trình sản phẩm.
- HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét hoàn thiện sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức.

giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ *Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa*

- Dấu hai chấm không chỉ đơn thuần để ngắt câu, để giải thích ý thơ mà nó còn được tác giả bổ sung chức năng mới với dụng ý nghệ thuật sâu sắc diễn tả hai hình ảnh đối lập nhau:

+ Một bên là cánh chim nhỏ bé.
+ Một bên là buổi chiều bát ngát đang sa xuống.

-> Con chim lẻ loi, đơn độc như đang mang một gánh nặng, ấy là một bóng chiều đang xuống trĩu nặng ưu sầu, ảo não vô biên.

=> Tâm trạng của một lữ thứ tha hương mang một nỗi buồn thương sâu sắc giữa vũ trụ bất tận, khôn cùng.

5. *Sức hấp dẫn của những vần thơ chứa vẻ đẹp của sự phá cách:* lí giải sự biến đổi hai dòng thơ cuối trong bài *Tì bà* của Bích Khê

- Ở bản in thơ năm 1939 có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường:

+ Tác giả bổ sung chức năng mới cho dấu chấm than ở câu thơ thứ nhất "Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng".
+ Thông thường dấu chấm than dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc kết thúc câu cầu khiến.
+ Ở trong câu thơ này, dấu chấm than chia câu thơ làm hai vế, vừa để bộc lộ cảm xúc, vừa như có ý để hỏi, như băn khoăn, như ngỡ ngàng như thực như mơ rằng có phải chính buồn vương cây ngô đồng đã khiến thu mênh mông theo lá vàng rơi.
+ Ở bản in năm 1988, người dịch đã bỏ dấu chấm than đi và để câu thơ thành "Ô hay buồn vương cây ngô đồng" -> nỗi buồn không còn mơ hồ, hư hư ảo ảo mà hiện hình rõ nét với những miên man, mênh mông bao trùm lên tạo vật.

Bảng nhận biết một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

STT	Ngữ liệu	Nối	STT	Dạng phá vỡ quy tắc
1	*Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều* (Xuân Diệu, *Vội vàng*)		**a**	Tạo ra kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói tới
2	*Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ* *Hoa bưởi thơm rồi: đêm đã khuya* (Xuân Diệu, *Buồn trăng)*			
3	*Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc* (Hồ Xuân Hương, *Đèo Ba Dội*)		**b**	Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện
4	*Vừa thoáng tiếng còi tàu* *Lòng đã Nam đã Bắc* (Xuân Quỳnh, *Sân ga chiều em đi*)			
5	*Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái* (Nguyễn Khuyến, *Thu vịnh*)		**c**	Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập
6	*Non xanh ngây cả buổi chiều* *-Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia* (Huy Cận, *Thu rừng*)			
7	*Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em* (Tế Hanh, *Hà Nội vắng em*)		**d**	Bổ sung chức năng mới cho dấu câu
8	*Cột đèn rớm điện* *Là chiều Bích Câu* (Lê Đạt, *Chiều Bích Câu*)			

(Đáp án:1,7-a, 3,5-b, 4,8-c, 2,6-d)

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Vận dụng kĩ năng giải quyết vấn đề trong thực tế.

- Vận dụng sự hiểu biết về sự phá cách để nhận diện và hiểu được vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca.
- Vận dụng sự phá cách trong thực hành viết văn, làm thơ.
- Vận dụng sự phá cách trong lời ăn tiếng nói hàng ngày để đạt hiệu quả cao nhất.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm các ngữ liệu thơ ca chứa sự phá cách, thử phân tích vẻ đẹp của sự phá cách.
- Thành lập CLB sáng tác thơ ca.
- Trao đổi các kĩ năng giao tiếp.

c. Sản phẩm:

- Sổ tay giao tiếp, sổ tay văn học.
- Sản phẩm sáng tạo thơ ca của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Về nhà) Nhóm 1: Tạo sổ tay giao tiếp (bằng cách sưu tầm và ghi lại những sự phá cách trong lời ăn tiếng nói hàng ngày).	Sản phẩm thực tế của các nhóm được cập nhật theo quy định (theo ngày hoặc theo tuần)

Nhóm 2: Tạo sổ tay văn học (bằng cách tìm các ngữ liệu thơ ca chứa sự phá cách, thử phân tích vẻ đẹp của sự phá cách). Nhóm 3: Tạo sổ tay sáng tác (bằng cách cập nhật các sản phẩm thơ ca chứa sự phá cách của CLB sáng tác thơ ca). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm)** Các nhóm trao đổi, thu thập thông tin, suy nghĩ hoàn thành nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm theo từng tuần hoặc tạo sổ tay điện tử cập nhật hằng ngày có sự chọn lọc và kiểm duyệt sản phẩm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS.	

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

VIẾT

Tiết: 19, 20

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ
(Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;…).
- Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh).
- Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng.
- Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống.

Thực hành viết

- HS biết cách viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp, giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá.
- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS xem một số hình ảnh, đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem một số hình ảnh dòng sông yên bình, hiền hòa.	- Tác phẩm viết về dòng sông*: Nhớ con sông quê hương* - Tế Hanh, *Dòng sông của anh, dòng sông của em* - Lai

- GV hỏi: + Em biết câu thơ nào, bài thơ nào viết về đề tài trên? + Những câu thơ, bài thơ đó có giống nhau không? Vì sao? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh quan sát hình ảnh, suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS (Gợi ý từ những kiến thức đã học hoặc đã đọc, nghe). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2-3 HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, nghe và bổ sung ý kiến. **Bước 4: Đánh giá kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: Từng nhiều lần viết bài nghị luận về một tác phẩm thơ, hẳn các em đã quen với một số thao tác viết cơ bản mà kiểu bài đòi hỏi. Hôm nay, với kiểu bài xác định trọng tâm là tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ, chúng ta sẽ cần phải thực hiện quy trình viết như thế nào? Hãy cùng nhau đến với bài học để trải nghiệm.	Vu, *Vàm Cỏ Đông* - Hoài Vũ**,...** **-** Mỗi tác phẩm hay theo cách riêng (HS thể hiện quan điểm cá nhân).

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài viết văn bản nghị luận về một tác thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- HS hiểu được ứng dụng của bài viết văn bản nghị luận về một tác thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

b. Nội dung hoạt động:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm) trong tương quan so sánh với yêu cầu khi viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ đã học ở CT lớp 10.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/66 và thảo luận về các vấn đề: **Câu 1:** Một văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm) cần đáp ứng những yêu cầu gì? **Câu 2:** Những yêu cầu này khác gì so với những yêu cầu trong một	**Yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm):** - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;…). - Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài	**Yêu cầu khi viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ** - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài

văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ em đã học ở lớp 10? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của 2 kiểu bài theo nhóm bàn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh). - Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng. - Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống. **Thiên về một số khía cạnh tác phẩm**	thơ để phân tích, đánh giá). - Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…) - Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.. **Đánh giá tổng thể tác phẩm**

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- HS viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 67 - 69 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được các bước để viết một văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi: - Xác định trình tự, logic triển khai hệ thống ý trong bài viết: + Bài thơ đã được giới thiệu như thế nào? + Cấu tứ và tính chất khái quát của hình ảnh trong bài	**Bài viết tham khảo: Bài thơ "Tĩnh dạ tứ" của Lý Bạch – Nguyễn Thị Bích Hải** *** Trình tự, logic triển khai hệ thống ý trong bài viết:** **1. Giới thiệu về bài thơ** Bài thơ được giới thiệu bằng cách giải thích nhan đề: "*Tĩnh dạ tứ*" thuộc đề tài "*nguyệt dạ tư hương*" thường gặp trong thơ Đường. **2. Nêu khái quát cấu tứ của bài thơ và định hướng phân tích, đánh giá** Đêm yên tĩnh trên đường lữ khách, tình quê hương ngổn ngang muôn lối; nhà thơ chớp lấy một cảm giác sai lạc, tức cảnh sinh

thơ đã được người viết đề cập ở đoạn nào, câu nào? - Sơ đồ hóa mạch triển khai các ý. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc bài tham khảo. - HS trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	tình, viết một bài thơ tuyệt diệu. **3. Phân tích, đánh giá từng phần của bài thơ** Phân tích theo bố cục của bài thơ. **4. Chú ý làm rõ tính khái quát của hình ảnh, chi tiết** - Ánh trăng vào tận phòng cho biết đêm sâu, nhân thấy ánh trăng rọi sáng đầu giường rõ ràng là người không ngủ. - Nhà thơ ngẩng đầu ngắm trăng sáng vì thấy trăng như thấy "cố tri". - Nhà thơ gặp lại trăng như gặp lại người quen, thấy trăng mà sinh ra nỗi nhớ. - Ánh trăng làm xót xa lòng người, nỗi nhớ quê nhà trĩu nặng đã khiến mái đầu cúi xuống. - Chủ đề của bài thơ "tư hương" nhưng lại dành đến ba câu tả trăng, đến câu tâm niệm "tư cố hương" thì liền dừng lại. **5. Đánh giá chung** - Lấy cái vô tình nói tình thì tất tình hiện ra, lấy cái vô ý tả ý thì ý chân thật. - Ở đây "lấy cái vô tình" là dùng đến ba câu để tả trăng. "Lấy cái vô ý" tức là động tác "cử đầu" và "đê đầu" đều như phản xạ tự nhiên, "vô ý", do sự "điều khiển" tự nhiên gần như vô thức. **6. Kết luận** *"Tĩnh dạ tứ"* có tính chất tự nhiên, chân thực, đầy hàm ý *** Sơ đồ mạch triển khai các ý:** 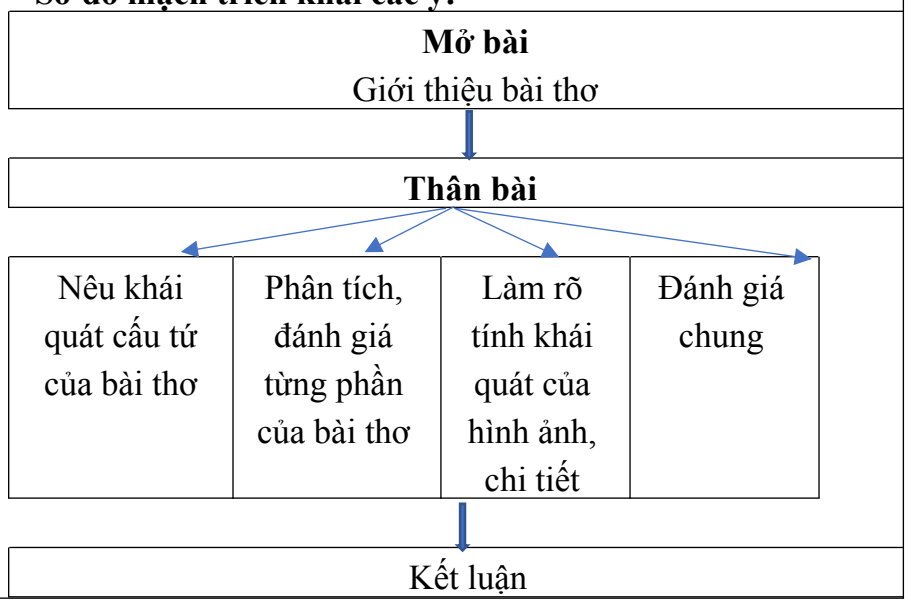

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

*** Chuẩn bị viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 1.

Đề bài tham khảo:

Đề bài 1: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang* - Huy Cận.

Đề bài 2: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Nhớ đồng* - Tố Hữu.

Đề bài 3: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Con đường mùa đông* - A. Pu – skin.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cá nhân, điền câu trả lời vào phiếu 1(cột bên).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét phần trình bày của HS.

*** Tìm ý, lập dàn ý**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm: Từ những chỉ dẫn, gợi mở từ phần Chuẩn bị viết, hãy tìm ý và lập dàn ý bằng cách hoàn thành phiếu học tập số 2,3 (cột bên).

- Nhóm 1,2 hoàn thành phiếu HT số 2.
- Nhóm 3,4 hoàn thành phiếu HT số 3.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS.

***Viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS viết bài hoàn chỉnh theo sự lựa chọn.

</td><td>

1. Chuẩn bị viết:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

<table>
<tr><th colspan="2">Hướng dẫn</th><th>Trả lời</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Bạn ấn tượng về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ nào?</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="3">2. Xem xét bài thơ ở góc độ cấu tứ và hình ảnh</td><td>a. Cấu tứ bài thơ có gì đặc biệt?</td><td></td></tr>
<tr><td>b. Hình ảnh trong bài thơ mang vẻ đẹp độc đáo nào?</td><td></td></tr>
<tr><td>c. Cấu tứ và hình ảnh thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả?</td><td></td></tr>
</table>

2. Tìm ý, lập dàn ý:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Phiếu tìm ý

<table>
<tr><th>Các ý cần tìm</th><th colspan="2">Yêu cầu cụ thể</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr>
<tr><td>Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm</td><td colspan="2">Bài thơ của ai, được sáng tác trong hoàn cảnh nào, xuất bản ở đâu, từng được đón nhận ra sao?</td><td></td></tr>
<tr><td>Giới thiệu vấn đề nghị luận</td><td colspan="2">Vấn đề chính sẽ bàn trong bài viết là gì? Những phương diện nào của bài thơ sẽ đề cập?</td><td></td></tr>
<tr><td>Đánh giá từng khía cạnh cụ thể của vấn đề nghị luận</td><td>Đánh giá ban đầu về từng khía cạnh của vấn đề nghị luận</td><td>Ở từng phương diện nói trên, giá trị của bài thơ đã được thể hiện ra sao? Câu thơ, chi tiết, hình ảnh nào chứng tỏ điều đó? Có những kết</td><td></td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

GV lưu ý: - HS cần dựa vào dàn ý đã lập để thực hiện bài viết. Khi cần, có thể đảo trật tự ý đã có hoặc bổ sung ý mới nảy sinh trong quá trình viết. - Chú ý nêu những cách nhìn nhận khác nhau (nếu có) về cấu tứ của bài thơ trước khi trình bày ý kiến riêng. Có thể vẽ sơ đồ cấu tứ của bài thơ để người đọc dễ nhận biết. - Khi nêu hàm nghĩa của các hình ảnh, chi tiết trong bài thơ, cần tránh cách diễn đạt mang tính khẳng định một chiều (vì hình ảnh thơ vốn đa nghĩa, có thể gợi những cách cảm nhận, lý giải khác nhau), nên dùng những từ thể hiện thái độ thận trọng khi nhận xét, bày tỏ cảm nhận riêng như *phải chăng, có thể hiểu (nghĩ) là,…* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Cá nhân HS viết bài. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chấm điểm theo **Rubric đánh giá bài viết** (bên dưới)			quả nghiên cứu, phê bình nào đáng chú ý về vấn đề sẽ được triển khai ở bài viết?	
		Tìm hiểu, đánh giá cấu tứ của bài thơ	- Bài thơ đã hình thành và hoàn thiện dựa trên ý tưởng cơ bản nào? Điều gì đã làm cho ý tưởng ấy được thể hiện một cách sinh động? - Có thể nêu nhận định khái quát gì về cấu tứ của bài thơ? Nhận định này có gì khác biệt so với những nhận định từng có và đã bao quát hết mọi yếu tố cấu thành của bài thơ chưa? - Với cách cấu tứ đã nêu, bài thơ thể hiện được phát hiện riêng gì của nhà thơ	

			về thế giới và con người?	
		Tìm hiểu, phân tích hệ thống hình ảnh trong bài thơ	- Bài thơ có những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó có thể gợi cho người đọc ấn tượng, liên tưởng gì? - Có thể nhìn nhận như thế nào về logic kết nối các hình ảnh trong bài thơ với nhau? Cái tứ của bài thơ đã chi phối điều này ra sao? - Theo mạch triển khai của bài thơ, giữa các hình ảnh có sự vận động phát triển nào đáng chú ý? - Có thể nói gì về những hàm nghĩa của các hình ảnh trong bài thơ? Sự chuyển hoá về ý nghĩa của các hình ảnh đã được thể hiện ra	

		sao?
Đánh giá khái quát vấn đề nghị luận	Bài thơ đã tác động đến bạn như thế nào? Qua khám phá tác phẩm cụ thể này, bạn tích luỹ được kinh nghiệm gì về việc đọc một văn bản thơ nói chung?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Phiếu Lập dàn ý

Hướng dẫn	**Thực hành**
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết	
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.	
3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - *Mở bài:* Giới thiệu chung về bài thơ và xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận trong bài viết. - *Thân* bài: Cần triển khai các ý: + Cảm giác chung mà cấu tứ cùng những hình ảnh và cách diễn tả khác lạ trong bài thơ gợi cho người đọc. + Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ (thực hiện những so sánh cần thiết để chỉ ra được sự khác biệt). + Những khả năng hiểu (cắt nghĩa) khác nhau đối với một số yếu tố, hình ảnh trong bài thơ (cần nêu cụ thể). + Điều được làm sáng tỏ qua	

	việc đọc thăm dò và thử nghiệm các cách đọc khác nhau với bài thơ. + Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ. - *Kết* bài: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.	
	3. Viết: Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang* - Huy Cận (Tham khảo dàn ý bên dưới).	

DÀN Ý THAM KHẢO:

Vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang* – Huy Cận

1. Mở bài

- Giới thiệu chung về bài thơ *Tràng giang*: Một thi phẩm tiêu biểu của phong trào Thơ mới, đánh dấu tên tuổi của nhà thơ Huy Cận. Bài thơ ca ngợi thiên nhiên tạo vật với nỗi buồn ảo não, mênh mang.
- Xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận: Vẻ đẹp bài thơ được gợi lên từ cấu tứ và hình ảnh thơ.

2. Thân bài: Cần triển khai các ý:

a. Vẻ đẹp cấu tứ thơ

- Cấu tứ bài thơ được mở ra ngay từ nhan đề *Tràng giang*:

+ ***Tràng giang*** là cách đọc chệch âm của ***Trường giang*** nghĩa là sông dài. Tuy nhiên, nhà thơ Huy Cận đã không lựa chọn lối biểu đạt thông thường mà cách tân âm đọc thành *Tràng giang* để truyền tải nhiều hơn những ý nghĩa, tư tưởng cũng như cảm xúc chủ đạo của bài thơ.

+ Nhan đề ***Tràng giang*** được điệp âm ***ang***, một âm mở nên bên cạnh gợi ý nghĩa về một con sông dài thì ***Tràng giang*** mở rộng chiều kích cảm nhận cho người đọc cả về chiều rộng, nhờ vậy mà con sông xuất hiện trong bài thơ trở lên dài, rộng, mênh mông hơn. ***Tràng giang*** còn gợi ra một nỗi buồn mênh mang của con người khi đứng trước dòng sông.

- *Tràng giang* được cấu tứ trên nền cảm hứng không gian sóng đôi:

+ Có dòng "tràng giang" thuộc về thiên nhiên trong tư cách một không gian hữu hình và dòng "tràng giang" tâm hồn như một không gian vô hình trong tâm tưởng. Đây vốn là cấu tứ quen thuộc của Đường thi.

+ Toàn bộ bài ***Tràng giang*** là một nỗi buồn. Bài thơ gồm bốn khổ thơ giống như bốn bài tứ tuyệt Đường thi, mỗi khổ thơ là một sự triển khai của nỗi buồn đó. Mặc dù trong mỗi khổ thơ, cảnh vật và tâm trạng con người được thể hiện khác nhau ở mức độ nào đó nhưng đều có điểm chung hệ thống trong một chỉnh thể là cảnh sóng nước mênh mang bao la và con người với cái tôi nhỏ bé, mang tâm trạng cô đơn, buồn sầu.

- Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ: So sánh với một số bài thơ *Nhớ con sông quê hương* – Tế Hanh, *Dòng sông của anh, dòng sông của em - Lai Vu, Vàm Cỏ Đông - Hoài Vũ:*

+ *Tràng giang*: Từ cảnh sông nước mênh mang mà khắc sâu cái cô lẻ, hoang vắng bằng cách thêm hình ảnh, thêm sắc màu cho bức tranh sông nước nhưng lại cố tình xóa mờ đi bóng dáng con người, để rồi cuối cùng chỉ còn lại là cái đơn côi, bé nhỏ như cánh chim chiều của lữ khách giữa đất trời vô tận.

+ *Nhớ con sông quê hương* -Tế Hanh: Dòng sông trở về trong kí ức gắn với tuổi thơ, những kỉ niệm thơ bé lần lượt hiện ra, cuối cùng kết đọng lại là tình yêu thiết tha với quê hương đất nước

+ *Dòng sông của anh, dòng sông của em* - Lai Vu*:* Từ dòng sông tự nhiên đã trở thành dòng sông tâm tưởng của đôi lứa yêu nhau.

+ *Vàm Cỏ Đông* - Hoài Vũ: Từ dòng sông cụ thể nơi một vùng đất hướng tới muôn dòng sông lịch sử, chứa chở sức mạnh chiến đấu và tinh thần dân tộc thiêng liêng.

b. Vẻ đẹp của hình ảnh thơ

- Hình ảnh *"cành củi khô – lạc mấy dòng"*: sự vô định, lạc lõng, ngổn ngang trong tâm hồn của nhân vật trữ tình -> Tâm trạng của tác giả như một cành củi khô đang chới với, không biết đi đâu về đâu mà cứ quanh quẩn trong những dòng suy tư thầm kín.

- *Sâu chót vót*: không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu).

- "Dợn dợn" là một từ láy hoàn toàn. Thường thì người ta sẽ sử dụng từ "rợn rợn" để thể hiện cảm giác ghê sợ trong lòng người. Nhưng ở đây, tác giả sử dụng từ "dợn dợn" không chỉ gợi cảm giác có điều gì canh cánh trong lòng mà ẩn sau đó là hình ảnh những con sóng nhấp nhô, liên tiếp mở ra muôn trùng trường giang.

- Sự tương phản giữa các hình ảnh trong khổ thơ thứ hai: nắng xuống – trời lên, sông dài – trời rộng – bến cô liêu -> Vũ trụ thì bao la, vô tận -> Con người thì quá nhỏ bé, đơn độc, lẻ loi

-> Sự tương phản giữa một bên là không gian rộng lớn của vũ trụ, có nắng, có trời, có sông gợi lên một sự hùng vĩ, bao la, mênh mông của vũ trụ và bên kia, con người trở lên thật nhỏ bé, cô đơn -> tâm trạng buồn bã, băn khoăn, ngơ ngác trước những ngã rẽ của cuộc đời rộng lớn. Đây không phải là nỗi buồn của cá nhân ông mà là cảm xúc chung của cả một thế hệ, đặc biệt là giới văn nghệ sĩ đầu thế kỉ XX.

- Sự tương phản này tiếp tục được triển khai ở các khổ thơ tiếp theo:

+ Khổ thơ thứ ba gợi ảnh vật cô liêu nhưng không có sự gắn kết với nhau, thiếu đi dấu vết của sự sống, của bóng hình con người.

+ Khổ thơ thứ tư gợi cảnh thiên nhiên hùng vĩ nhưng lòng người thì buồn vời vợi bởi nỗi nhớ quê hương.

- Bài thơ có những điểm khác lạ trong cách sử dụng ngôn ngữ:

+ Sử dụng hệ thống từ láy hoặc điệp âm gợi âm hưởng cổ kính (10 lần/16 dòng thơ, cách ngắt nhịp truyền thống: 4/3): Tràng giang", "điệp điệp", "song song", "lơ thơ", "đìu hiu", "chót vót", "mênh mông", "lặng lẽ", "lớp lớp", "dợn dợn" -> Những từ láy giàu tính tạo hình, giúp cho lời thơ mềm mại, giàu cảm xúc.

+ Cách dùng và sử dụng những hình ảnh đối lập: củi một cành>< mấy dòng. Nắng xuống >< trời lên, sông dài, trời rộng bến cô liêu, không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

+ Biện pháp nghệ thuật tượng trưng: củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.

+ Những hình ảnh màu sắc đẹp như: bờ xanh tiếp bãi vàng, mây cao đùn núi bạc, chim nghiêng cánh, sóng gợn.

+ Tác giả đã rất khéo léo trong việc sử dụng từ ngữ bằng cách đảo tính từ lên đầu câu để nhấn mạnh sự việc, cảnh vật. Điều đó ta có thể thấy rõ qua câu thơ "Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng". Theo bình thường, câu thơ sẽ là "Bờ xanh lặng lẽ tiếp bãi vàng". Tác giả đã khéo léo đảo từ láy "lặng lẽ" lên đầu câu nhằm nhấn mạnh sự yên ắng, đìu hiu, một không gian hiu quạnh tại những bãi nương dọc bờ sông. Qua đó, giúp người đọc thấy được sự vắng vẻ, hiu quạnh của cảnh vật hay của lòng người đang hiện hữu qua hình ảnh của cảnh vật.

- Thi liệu truyền thống có thể kể đến trong bài thơ: đề tài sông nước quen thuộc của thi sĩ xưa; sử dụng từ Hán Việt (tràng giang); thể thơ thất ngôn, tỏ rõ sự suy tư, cảm xúc mênh mông của con người; tứ thơ quen thuộc của thơ cổ lấy cảnh vật để nói về nỗi niềm của con người.

-> Tác dụng: việc sử dụng những thi liệu truyền thống giúp bài thơ mang không khí cổ điển, trầm mặc, thể hiện sự trang nhã trong lời thơ, câu từ của tác giả. Đồng thời, nó cũng góp phần trong việc thể hiện tâm tư, cảm xúc thầm kín của tác giả mang đậm một tấm lòng yêu quê hương, đất nước.

- Bài thơ *Tràng giang* giàu yếu tố tượng trưng: *củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa* => Các yếu tố này đều tượng trưng cho nỗi sầu nhân thế của Huy Cận. Nhà thơ mượn thiên nhiên, cảnh vật để bày tỏ nỗi lòng của mình.

c. Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ

-> Bài thơ đã giúp ta có những cảm nhận mới về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên. Đó là một vũ trụ vô cùng vô tận và sự nhỏ nhoi của kiếp người với nỗi sầu thiên cổ. Khi đứng trước không gian vô tận như vậy, con người càng cảm thấy bâng khuâng, cô đơn vì nhớ quê hương da diết.

3. Kết bài: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp.Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo
Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (cấu tứ và hình ảnh).

b. Nội dung: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (cấu tứ và hình ảnh).

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết văn bản nghị luận phân tích vẻ đẹp cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Thời gian* - Văn Cao, *Từ ấy* -Tố Hữu.
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật.

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 21

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,…).
- Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm.
- Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại.
- Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,… xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,…

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình**.**

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem review phim, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ	- Đây là một phân cảnh trong phim

GV hướng dẫn HS xem review phim nhà thờ Đức Bà Paris: https://www.youtube.com/watch?v=DdzK4eccNrg (05:43 – 08:10) Em có biết tác phẩm này không (dạng phim, dạng truyện, dạng kịch,…)? Em hãy giới thiệu cho các bạn chưa biết? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	"*Thằng gù ở nhà thờ Đức Bà Paris*" - Vic-to Huy-go. - HS giới thiệu tác phẩm phim, truyện theo hiểu biết cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe về một tác phẩm nghệ thuật (thơ, truyện, bản nhạc, bộ phim, bức tranh,…).

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe về một tác phẩm nghệ thuật.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình đúng yêu cầu và quy trình về một tác phẩm nghệ thuật.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** CHUẨN BỊ** **1. NGƯỜI NÓI** **a. Yêu cầu** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** Đọc phần yêu cầu của bài giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật, gạch chân các từ khóa, xác định các yêu cầu người nói cần nắm được. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK, trao đổi theo cặp ghi ra giấy các yêu cầu. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu. **b. Quy trình thuyết trình** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** Đọc phần hướng dẫn trong SGK, chỉ ra quy trình mà người nói cần thực hiện. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK và thảo luận nhóm (2 bàn)	**I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE** **1. Người nói** **a. Yêu cầu** - Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,…). - Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm. - Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại. - Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật. **b. Quy trình thuyết trình** **- Lựa chọn đề tài** Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó. **- Tìm ý và sắp xếp ý** **+ Tìm ý:** <table><tr><th>STT</th><th>Các ý cần tìm</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr><tr><td>1</td><td>Tên tác phẩm</td><td></td></tr></table>

<table>
<tr>
<td>
ghi ra giấy quy trình.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu.
2. NGƯỜI NGHE
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
Theo em, người nghe cần chuẩn bị những gì khi nghe bài giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật?
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS hoạt động cá nhân ghi ra giấy theo suy nghĩ của mình.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
GV gọi HS trình bày 1 phút kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung.
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu.
</td>
<td>
<table>
<tr><td>2</td><td>Tác giả</td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Địa chỉ tìm kiếm</td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>Nội dung tác phẩm</td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td>Sự độc đáo về hình thức tác phẩm</td><td></td></tr>
<tr><td>6</td><td>Thông điệp từ tác phẩm</td><td></td></tr>
<tr><td>7</td><td>Ý nghĩa của tác phẩm</td><td></td></tr>
<tr><td>8</td><td>Sự đóng góp của tác phẩm</td><td></td></tr>
</table>
+ Sắp xếp ý:
Nhận diện → Tìm hiểu → Đánh giá → Đề xuất thái độ, cách thức tiếp nhận phù hợp.
2. Người nghe
- Tìm hiểu trước về nội dung của bài.
- Chuẩn bị các tài liệu, câu hỏi liên quan để nghe và phản hồi.
- Chuẩn bị tâm thế chủ động, sẵn sàng, cầu thị, xây dựng.
</td>
</tr>
</table>

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xây dựng một bài thuyết trình theo quy trình và thực hành nói nghe.

b. Nội dung: Thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
- HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thuyết trình theo bố cục ba phần (HD Thực hành nói tr.72 SGK):
1. Giới thiệu về Tràng giang – Huy Cận (hoặc một tác phẩm em đã học trong chương trình).
2. Giới thiệu về một bộ phim em thích.
3. Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật mà em biết (Hội họa. điêu khắc, sân khấu, điện ảnh, kiến trúc, vũ đạo,…).
- Đọc HD trao đổi, đánh giá để chuẩn bị sau nói, nghe.
- Tự đánh giá về bài trình bày theo bảng (Phụ lục 1 bên dưới).
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
</td>
<td>
II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI
1. Thực hành nói
- Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu - Triển khai - Kết luận.
- Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ.
<table>
<tr><td>Mở đầu</td><td>Nêu tên tác phẩm được giới thiệu và lí do chọn giới thiệu tác phẩm đó.</td></tr>
<tr><td>Triển khai</td><td>Miêu tả đặc điểm của tác phẩm (thể loại, tính chất, quy mô, dung lượng,…) và nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các góc độ tiếp cận khác nhau.</td></tr>
<tr><td>Kết luận</td><td>Khẳng định giá trị chung và ý</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>HS làm việc nhóm, sắp xếp, kiểm tra lại phần thuyết trình và phương tiện sử dụng của nhóm.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
- Đại diện HS các nhóm thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật.
- Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn.
- Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn.
Bước 4. Kết luận, nhận định
- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm,
- Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật để HS rút kinh nghiệm.
- Tham khảo bài thuyết trình (Phụ lục 2 bên dưới)</td>
<td>
<table>
<tr><td></td><td>nghĩa của tác phẩm.</td></tr>
</table>
2. Trao đổi
<table>
<tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr>
<tr><td>- Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm.
- Trao đổi lại những điểm chưa thống nhất về ý kiến.
- Thể hiện thái độ tiếp thu tích cực, cầu thị.</td><td>- Nêu những vấn đ hơn về tác phẩm.
- Nêu quan điểm đá tác phẩm (trên ti luận).
- Bổ sung thông tin
- Góp ý với người hiện bài nói.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

PHỤ LỤC 1

Người nói và người nghe tham khảo bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn được tác phẩm nghệ thuật phù hợp để giới thiệu.		
2	Cung cấp được thông tin toàn diện về tác phẩm.		
3	Trình bày được ý nghĩa của việc giới thiệu tác phẩm.		
4	Thể hiện được những đánh giá xác đáng, có căn cứ về tác phẩm.		
5	Lựa chọn được cách giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.		
6	Thực hiện được sự tương tác tích cực với người nghe.		

PHỤ LỤC 2

Bài tham khảo: Giới thiệu bức danh họa "Bữa tiệc cuối cùng"- Leonardo da Vinci

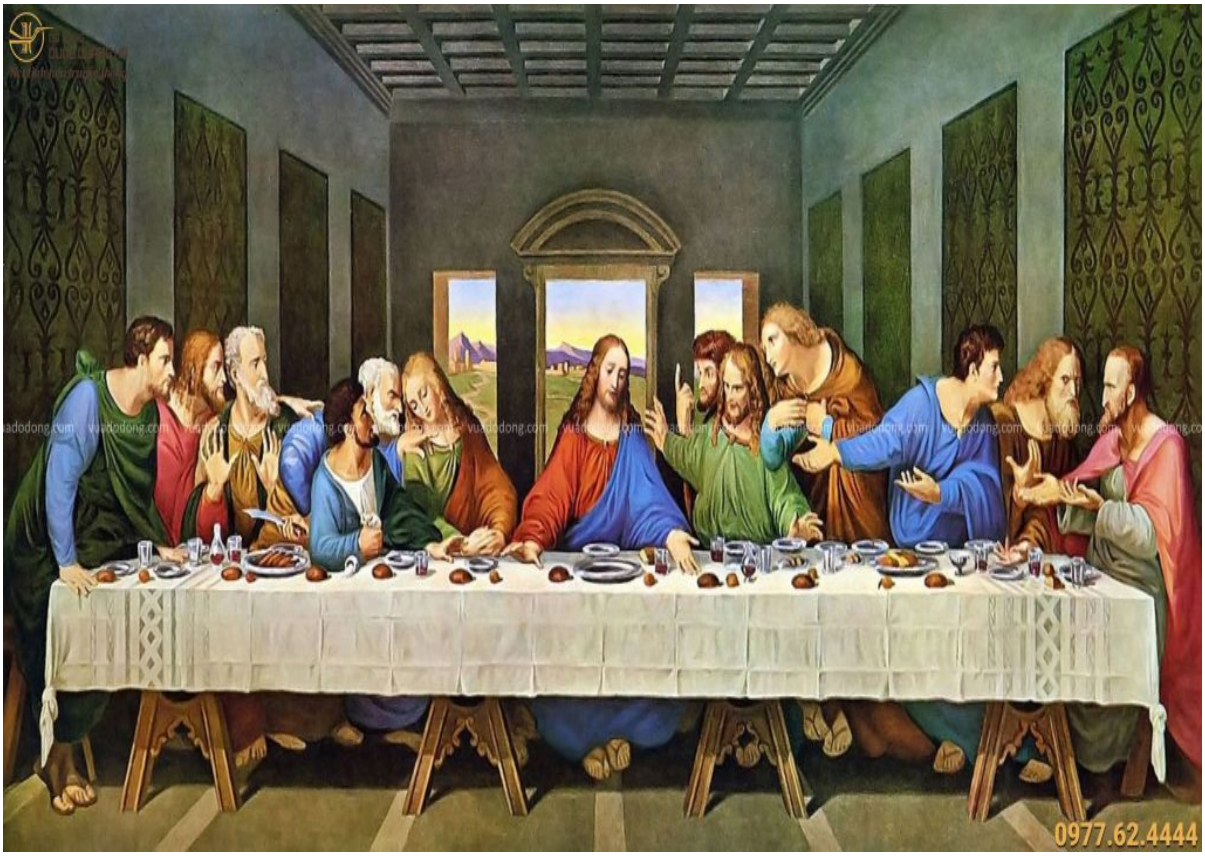

"Bữa tiệc cuối cùng" hay "Bữa tiệc ly" là bức bích họa vô cùng nổi tiếng của danh họa Leonardo da Vinci. Tác phẩm được sáng tác vào khoảng năm 1495 – 1498, miêu tả trai phòng của Tu viện Santa Maria ở thành phố Milano.

Theo câu chuyện được kể lại, Leonardo Da Vinci đã phải mất 7 năm để có thể hoàn thành bức tranh. Khi bắt đầu vẽ, Da Vinci đã vẽ chúa Jesus đầu tiên. Thời gian sau đó, ông lần lượt hoàn thành hình ảnh của 11 vị tông đồ trong bức tranh. Tuy nhiên, còn 1 người cuối cùng vẫn chưa được Ông vẽ đó chính là kẻ phản bội: Judas Iscariot.

Ban đầu, Leonardo Da Vinci muốn tìm một mẫu người đê tiện, hèn hạ nhất của đáy xã hội để vẽ Judas. Cuối cùng, sau hơn 6 năm tìm kiếm, ông đã tìm thấy hình mẫu cho Judas tại nhà ngục của Roma. Sau khi được nhà vua cho phép, tên tội phạm đã được hoãn ngày thi hành án để đến làm mẫu cho Da Vinci. Sau 6 tháng ròng rã vẽ Judas, bức tranh cuối cùng cũng đã được hoàn thành, tên tử tù phải bị đưa đi hành quyết.

Đến lúc này, hắn khóc lóc lao đến chỗ Leonardo Da Vinci, hỏi ông rằng có còn nhớ hắn không. Lúc này ông mới nhận ra một sự thật trớ trêu là kẻ được chọn làm hình mẫu bỉ ổi, đê tiện cho Judas lại chính là người thanh niên đẹp đẽ mà 7 năm trước được ông chọn để làm hình tượng cho Chúa Jesus. Một hình tượng hoàn hảo lúc trước sau cùng đã trở thành kẻ đồi bại.

Hiện nay, bức họa gốc đã bị biến đổi nhiều bởi sự hư hại cũng như qua các lần phục chế. Ngày nay, các bức tranh bữa tiệc cuối cùng đều được chế tác dựa trên các hình ảnh lưu lại được cũng như các dị bản. Gia chủ có thể lựa chọn các mẫu tranh đồng, tranh sơn dầu,… để có thể trang trí trong gia đình.

Bữa tiệc ly là thời điểm cuối cùng Chúa Jesus cùng ngồi ăn với các môn đồ của mình trước khi ngài bị chính quyền La Mã bắt và đóng đinh lên thập tự giá.

Bức tranh bữa tiệc ly là hình ảnh mô tả lại một đoạn trong sách Kinh Thánh rằng: Judas – một trong số các môn đồ của Chúa Jesus – đã tố giác Thầy của mình với nhà cầm quyền La Mã để

đổi lấy 30 thỏi bạc. Ở bữa ăn cuối cùng này, Chúa Jesus đã nói với các môn đồ của mình rằng: "Trong các người có kẻ muốn bán rẻ ta".

Mười hai môn đồ ngồi trên bàn ăn, mỗi người mang một vẻ mặt khác nhau, biểu hiện những thái độ khác nhau với lời nói của Jesus. Có 3 người thì thầm với nhau, ba người lại tỏ vẻ giận dữ, một người lộ vẻ nghi ngờ, một người khác lại tỏ ra ngạc nhiên. Có 2 người lại để lộ vẻ xúc động, một người ngồi ngay ngắn tỏ lòng trung thành. Riêng chỉ có một môn đồ mặt tái nhợt, lưng hơi ngả về phía sau, tay nắm chặt túi tiền - đó chính là kẻ phản bội Judas.

Ngoài ra, trong bức tranh, chúng ta còn có thể thấy rằng tay phải của Chúa đang với tới một chiếc bánh mì, tay trái cũng đang hướng tới chiếc bánh mì khác. Điều này đã được nhắc đến trong Kinh Thánh, là do Chúa Jesus đã tiên tri rằng kẻ phản Chúa sẽ lấy bánh mì vào cùng thời điểm với ngài. Mà vào lúc chúa Jesus đang lấy bánh mì thì Judas cũng đã đưa tay ra lấy bánh, cũng chính là cái bánh mì mà tay phải của Chúa Jesus đang với tới. Từ đó, Judas chính là kẻ phản bội ứng nghiệm với lời tiên tri của Chúa.

Nếu để ý kỹ, chúng ta có thể thấy sau lưng Judas là một khoảng tối trong khi sau lưng chúa Jesus là hình ảnh cửa sổ đầy ánh sáng. Những tia sáng chiếu vào gương mặt Jesus làm ánh lên vẻ hiền từ, điềm tĩnh và cương nghị. Sự tương phản này chính là sự biểu đạt cho sự căm thù của tác giả đối với gian ác, cũng như sự ngưỡng vọng đối với chính nghĩa.

Một phát hiện về những tài liệu trong khoảng thời gian Leonardo Da Vinci vẽ bức tranh vào năm 1800 đã để lộ ra danh tính của những người trong tranh. Danh tính của 12 vị môn đồ này gồm có: John, Peter, Judas, Andrew, Jame (nhỏ), Bartholomew, Thomas, James (lớn), Philip, Matthew, Thaddeus và Simon.

Trong bức tranh, Jesus ngồi giữa, những tông đồ của ông ngồi thành 4 nhóm tượng trưng cho 4 loại người trên bàn ăn:

– **Nhóm người sợ hãi**: Bartholomew, James "Nhỏ" và Andrew. 3 người này ngồi ở phía bên trái ngoài cùng của bức tranh, tức là bên tay phải của Chúa. Cả 3 người họ đều tỏ ra một vẻ mặt vô cùng kinh sợ.

– **Nhóm người gây nhiều tranh cãi:** Judas, Peter, John. Peter biểu lộ sự tức giận khó kiềm chế được, trong tay cầm một con dao, nói chuyện với John. Trong khi John thì có vẻ như đang bị sốc đến mức gần ngất đi. Judas thì lại biểu lộ nét sợ hãi khi nghe lời tiên tri, trong tay nắm chặt một túi tiền.

– **Nhóm người nghi ngờ:** Thomas, James "Lớn", Philip. Thomas trông có vẻ rất buồn, khuôn mặt tỏ rõ sự ngờ vực còn James tỏ vẻ bất ngờ đến mức không thể tin được, đôi tay ông dang rộng ra. Trong khi đó, Philip có vẻ như muốn xin Chúa giải thích để bày tỏ lòng trung thành của mình.

– **Nhóm người tranh luận:** Matthew, Thaddeus và Simon. Đây là nhóm 3 người ngồi ở phía cuối dãy bàn, góc phải bức tranh. Dường như họ đang tranh luận cùng nhau để xem ai là kẻ mà Jesus đang nói tới.

Da Vinci đã dành rất nhiều thời gian và công sức để vẽ nên bức tranh và mô tả những người ở bên cạnh chúa Jesus. Cục diện bàn ăn chính là hình ảnh ẩn dụ cho mức độ thân tình và gắn bó của những nhân vật trong tranh. Thế nhưng, trên bàn ăn đó không hề có hình ảnh vui vẻ và nụ cười mà chỉ có câu nói của Chúa Jesus: "Trong các người có kẻ muốn bán rẻ ta".

Bức tranh là một xã hội thu nhỏ, cho ta thấy rất nhiều mặt xấu xí trong cuộc sống. Những nhóm người ngồi trên bàn ăn cũng chính là những người mà tất cả chúng ta đều phải đối mặt. Đó là kẻ phản bội hay trung thành, là kẻ hèn nhát hay ngốc nghếch, đều rất khó để nhận thấy.

Tuy nhiên nổi bật hơn trong tranh lại là khuôn mặt điềm tĩnh của chúa Jesus, ngay cả khi Người đang thốt lên câu nói đau lòng nhất. Đó là hình ảnh thể hiện rõ nhất cho câu nói "thứ giúp cho bạn có thể đứng trên bậc cao nhất của cuộc sống chính là thái độ của chính bạn". Cũng giống như cái cách mà Leonardo Da Vinci đã vẽ kẻ phản bội vẫn được ngồi cùng bàn với Chúa Jesus vậy. Sống không phải là tìm cách loại bỏ, mà đó chính là sự dũng cảm đối mặt!

Bức tranh bữa tiệc cuối cùng không chỉ là một bức tranh. Mà câu chuyện đằng sau nó nói với chúng ta rằng bản chất con người không phải thứ cố định. Một chân dung đẹp đẽ, nhân hậu, được lựa chọn kỹ càng từ hàng vạn người, nhưng rốt cuộc vẫn có thể trở thành một hình nhân dối trá, hèn hạ, đê tiện, tận đáy xã hội.

Ngày hôm nay, bạn có thể là một người rất đẹp đẽ, nhưng ngày mai, không ai có thể nói trước rằng bạn sẽ thay đổi ra sao. Bạn tốt hay xấu không phải được quyết định trong một ngày bạn sống. Vì thế, đừng bao giờ quên trở thành người tốt và cũng đừng bao giờ bỏ cuộc khi hôm nay bạn lỡ là người xấu. Tương lai không hề được định trước mà chính chúng ta là người quyết định số phận của chính mình.

Bức tranh bữa tiệc cuối cùng của Leonardo Da Vinci là một tuyệt tác mà ông để lại cho nhân loại. Bức tranh không chỉ mang hơi thở nghệ thuật của thời kỳ Phục Hưng mà ẩn sâu trong tranh còn là những câu chuyện, những ý nghĩa về cuộc sống vô cùng quý giá.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân.

b. Nội dung: Thành lập các nhóm khám phá nghệ thuật: Phục Hưng, Ánh sáng, Tượng trưng, Siêu thực, Hiện đại,… hoặc văn học, hội họa, điêu khắc, điện ảnh, kiến trúc,… hoặc theo sở thích cá nhân,…

c. Sản phẩm: Các bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm có cùng sở thích tìm hiểu các trào lưu nghệ thuật nổi tiếng thế giới.
- GV lựa chọn nhóm trưởng, hướng dẫn phân công HS chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề chẳng hạn như:

1. Giới thiệu một tác phẩm Phục Hưng (hoặc Ánh sáng, Tượng trưng, Siêu thực, Hiện đại,…)
2. Giới thiệu một bộ phim em yêu thích.
3. Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật để lại cho em ấn tượng sâu đậm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức buổi trao đổi trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.

HS chuyển tài liệu qua đường link:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSf_8LNicDuVKr7LE6D6BvCaeHPPK1bUf0l6KLewKgriLbOOEg/viewform?usp=sf_link

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kĩ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS.

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 2)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?

Câu 2. Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3. Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì? Hãy kể tên một số bài thơ có yếu tố tượng trưng mà bạn đã tìm đọc thêm.

Câu 4. Chọn phân tích một bài thơ hoặc một câu thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.

Câu 5. Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Bài học đã đưa lại những hiểu biết mới về thơ:

- Cấu tứ trong thơ.
- Yếu tố tượng trưng trong thơ.
- Ngôn ngữ trong thơ (một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường).

Câu 2. Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của bài thơ góp phần xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, giúp hiểu được nhận thức, cảm xúc, cảm giác của tác giả về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó.

Câu 3.

- Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể:

+ Tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,…

+ Việc sử dụng biểu tượng, hình ảnh nghệ thuật so sánh, ẩn dụ,…

+ Sự sáng tạo về ngôn từ.

+ Tính nhạc trong thơ.

- Một số bài thơ có yếu tố tượng trưng: *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải), *Xuân tượng trưng* (Bích Khê), *Tiếng thu* (Lưu Trọng Lư), *Đêm mưa gió* (Thế Lữ), *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử) *Màu thời gian* (Đoàn Phú Tứ),...

Câu 4.

VD1:

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.

- Hai câu thơ mở đầu của khổ thơ thứ hai, tuy là tả cảnh nhưng khi đọc lên lại thấy nhuốm màu tâm trạng. Hình ảnh thiên nhiên gợi ra sự chia ly "gió theo lối gió, mây đường mây". Nếu trong tự nhiên, gió và mây vốn là những sự vật luôn quấn quýt, gắn bó với nhau thì ở đây Hàn Mặc Tử lại để "mây và gió" chia cách

đôi ngả. Và đến cả dòng nước - một sự vật vô tri, vô giác nhưng qua cái nhìn của nhà thơ giờ đây cũng có cảm xúc. Dòng nước "buồn thiu" - biện pháp tu từ nhân hóa khiến con sông giống như một con người, có tâm trạng. Cuối cùng là hình ảnh "hoa bắp lay". - bông hoa bắp nhỏ bé trôi theo dòng nước cũng giống như cuộc đời lưu lạc trôi nổi của con người.

- Và bức tranh sông nước trong đêm trăng thì sao có thể thiếu mất đi ánh trăng:

"Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?"

"Trăng" đã trở thành một biểu tượng quen thuộc của thi ca. Ở đây, "sông trăng" mang tính tượng trưng, gợi ra hình ảnh ánh trăng vàng in bóng xuống mặt nước. Ánh trăng lan tỏa ra khắp dòng sông tạo nên một dòng sông trăng. Kết thúc khổ thơ là câu hỏi tu từ "Có chở trăng về kịp tối nay?". Từ "kịp" được tác giả sử dụng nhằm thể hiện tâm trạng lo âu. Bởi với một người bình thường, nếu không kịp trở về vào "tối nay" thì sẽ còn những đêm khác, Còn với Hàn Mặc Tử, thì đêm nào cũng có thể là đêm cuối cùng.

VD2: Đoạn thơ trích trong bài "Màu thời gian" - Đoàn Phú Tứ:

Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngắt
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh

Phân tích:

- *Thời gian* trong bài thơ là tượng trưng. Nó không phải thời gian vật lí mà là thời gian tâm trạng, thời gian của sự trầm tư.
- Màu tím tượng trưng cho tình yêu, cho sự thủy chung của tác giả.
- *Màu thời gian* và *hương thời gian* gợi liên tưởng đến màu tình yêu và hương tình yêu: vừa cụ thể, vừa nhiều mộng mơ; vừa trần tục, vừa thanh cao thoát tục.

Câu 5: Chọn văn bản tham khảo: *Từ ấy* - Tố Hữu

I. Mở bài

– Tác giả Tố Hữu

– Hoàn cảnh ra đời của bài thơ *Từ ấy*: *Từ ấy* là bài thơ có ý nghĩa mở đầu cho con đường cách mạng, con đường thi ca của Tố Hữu, là cái mốc đánh dấu thời điểm (1937) và được kết nạp Đảng năm 1938 – Tố Hữu giác ngộ và gặp ánh sáng lí tưởng cộng sản. Đó cũng chính là tuyên ngôn nghệ thuật của Tố Hữu.

– Nội dung chính *Từ ấy*: Tâm nguyện cao đẹp của người thanh niên trẻ trung nhiệt tình cách mạng. Đó là niềm say mê mãnh liệt và vui sướng tràn trề cùng với nhận thức mới về lẽ sống, sự chuyển biến sâu sắc trong tâm hồn khi gặp gỡ và được giác ngộ lí tưởng cộng sản.

II. Thân bài

1. Khổ 1: Diễn tả niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng

- Hai câu thơ đầu viết theo bút pháp tự sự: "Từ ấy trong tôi…" Từ ấy, là lúc nhà thơ mới vào tuổi 18 thật trẻ trung được mặt trời "chân lí" cách mạng soi sáng đường đời. Hình ảnh ẩn dụ "nắng hạ" cho nguồn nhiệt lượng cách mạng làm bùng sáng tâm hồn nhà thơ, "mặt trời chân lí" là một liên kết đầy sáng tạo giữa hình ảnh và ngữ nghĩa. Câu thơ ca ngợi ánh sáng diệu kỳ của cách mạng. Đó là thứ ánh sáng của tư tưởng cộng sản – ánh sáng của những công bình xã hội, của chân lí xã hội.
- Hai câu thơ sau là một bức tranh vô cùng sinh động: chợt vụt thoát bay bổng, dạt dào cảm hứng lãng mạn. Những vang động và vui tươi tràn ngập trong tâm hồn được so sánh bằng những hình ảnh và âm thanh lấy từ thiên nhiên tạo vật: "vườn hoa lá", "đậm hương" "rộn tiếng chim".

2. Khổ 2: Biểu hiện những nhận thức về lẽ sống

- Hai dòng thơ đầu: nhà thơ khẳng định quan niệm mới mẻ về lẽ sống là sự gắn bó hài hòa giữa "cái tôi" cá nhân với "cái ta" chung của mọi người.
- Động từ "buộc" thể hiện ý thức tự nguyện sâu sắc và quyết tâm sắt đá của Tố Hữu để vượt qua "ranh giới" của "cái tôi" để chan hòa mọi người "Tôi buộc lòng tôi với mọi người".
- Từ đó, tâm hồn nhà thơ vươn đến "trăm nơi" (hoán dụ) và "trang trải" sẻ chia bằng những đồng cảm sâu sắc, chân thành và tự nguyện đến với những con người cụ thể.

- Hai dòng thơ sau bộc lộ tình yêu thương con người bằng tình yêu giai cấp rõ ràng. Nhà thơ đặc biệt quan tâm đến quần chúng lao khổ "Để hồn tôi với bao hồn khổ" và từ đó như một biện chứng mang cái tất yếu là sức mạnh tổng hợp "Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời". Ta cũng gặp điều đó trong thơ Nguyễn Khoa Điềm - nhà thơ trưởng thành trong thời kì chống Mĩ xâm lược: "khi chúng ta cầm tay mọi người – Đất nước vẹn tròn, to lớn".

3. Khổ 3: Sự chuyển biến sâu sắc trong tâm hồn nhà thơ

- Trước khi gặp cách mạng, Tố Hữu là một thanh niên tiểu tư sản. Khi ánh sáng cách mạng như "Mặt trời chân lí chói qua tim", đã giúp nhà thơ vượt qua những tầm thường ích kỉ trong đời sống tâm hồn chật hẹp để vươn đến một tình yêu "vẹn tròn to lớn".
- Nhà thơ tự nhận mình "là con của vạn nhà" trong nghĩa đồng bào thiêng liêng nhất; là em của "vạn kiếp phôi pha" gần gũi bằng tình cảm xót thương những kiếp đời lao khổ, bất hạnh, những kiếp sống mòn mỏi, đáng thương; là anh của "vạn đầu em nhỏ" "cù bất cù bơ". Từ những cảm nhận ấy đã giúp nhà thơ say mê hoạt động cách mạng với những thiết tha cao đẹp cống hiến đời mình góp phần giải phóng đất nước, giải phóng những kiếp lầm than trong xã hội tăm tối dưới bóng thù xâm lược.

III. Kết bài

- Thơ Tố Hữu chứa chan tình yêu giai cấp và niềm biết ơn sâu sắc cách mạng, hướng người đọc đến chân trời tươi sáng.
- Tiếng nói trong thơ là tiếng nói của một nhà thơ vô sản chân chính, là người thanh niên trẻ trung hướng theo lý tưởng của Đảng, của cách mạng.
- Giọng thơ chân thành và hình ảnh thơ tươi sáng, ngôn ngữ giàu tính dân tộc.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 3:** Cấu trúc của văn bản nghị luận (Đọc Tri thức Ngữ văn và văn bản 1. *Cầu hiền chiếu* – Ngô Thì Nhậm)

BÀI 3
CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc

- VB 1: *Cầu hiền chiếu* (Ngô Thì Nhậm)
- VB 2: *Tôi có một ước mơ* (Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery*, Mác-tin Lu-thơ Kinh)
- VB 3: *Một thời đại trong thi ca* (Trích *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh)

Thực hành đọc: *Tiếp xúc với tác phẩm* (Thái Bá Vân)

2. Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (Tiếp theo)

3. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)

4. Nói và nghe: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 10 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 23, 24

VĂN BẢN 1: CẦU HIỀN CHIẾU

(*Chiếu cầu hiền*)

- Ngô Thì Nhậm -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Biết được đặc điểm của *chiếu* như là một thể loại văn bản nghị luận đặc thù của thời trung đại. Cũng như *hịch* và *cáo*, *chiếu* thuộc loại văn bản chức năng, được viết (hay ủy nhiệm viết) và ban bố bởi những người đứng đầu nhà nước (vua), nhằm mục đích điều hành xã hội.
- Hiểu được chiếu cũng được tạo nên bởi các thành tố như bất cứ một văn bản nghị luận nào khác. Qua việc đọc, HS cần nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố bổ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.

- Hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm qua *Cầu hiền chiếu* - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết.

2. Phẩm chất

Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip https://www.youtube.com/watch?v=rI8aIwyVRsU&t=29s - HS trả lời nhanh câu hỏi: Anh (chị) biết gì về Quang Trung - Nguyễn Huệ? (Gợi ý: Đời tư Nguyễn Huệ, cuộc tiến quân thần tốc, một số chính sách ưu việt mà Quang Trung - Nguyễn Huệ ban hành - chẳng hạn chính sách trọng hiền tài,...?) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS bàn bạc, trao đổi theo nhóm tổ thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động. - Đại diện HS trả lời câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài**:** ***Có không ít câu chuyện thú vị về nhà vua Quang Trung, trong số đó, câu chuyện chiêu mộ hiền tài và việc trọng dụng hiền tài khiến chúng ta thêm một lần suy ngẫm về ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với cộng đồng, đất nước. "Cầu hiền chiếu" - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho Ngô Thì Nhậm viết là một minh chứng***.	HS tự do thể hiện những hiểu biết về Quang Trung Nguyễn Huệ, khuyến khích những mẩu chuyện mang tính dã sử (thường có tính chất văn học và huyền sử); Chẳng hạn chuyện vua Quang Trung tiến quân thần tốc ra Bắc, chuyện vua Quang Trung tổ chức cho quân sĩ ăn Tết, chuyện mối tình vua Quang Trung với Ngọc Hân công chúa, chuyện vua Quang Trung đối sách với nhà Thanh, chuyện vua Quang Trung sử dụng người tài, chuyện vua Quang Trung cầu hôn công chúa nhà Thanh, chuyện vua Quang Trung băng hà,...ueêệHu

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu cấu trúc của văn bản nghị luận.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: ***Ô chữ bí mật***

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu Tri thức Ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi ***Ô chữ bí mật***

+ Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.75, 76 (5 phút), sau đó gấp SGK lại.

+ Cả lớp cùng tham gia trò chơi.

- GV chuẩn bị Ô CHỮ để HS chọn khi tham gia trả lời câu hỏi.

- HS lần lượt tham gia bằng cách chọn ô chữ và trả lời câu hỏi để tìm bí mật có trong ô chữ.

(HS tham gia trả lời 8 câu hỏi, mỗi câu hỏi trong 20s), cụ thể:

<table>
<tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>C</td><td>Â</td><td>U</td><td>C</td><td>H</td><td>U</td><td>Y</td><td>Ê</td><td>N</td></tr>
<tr><td>2</td><td></td><td></td><td>L</td><td>U</td><td>Â</td><td>N</td><td>Đ</td><td>Ê</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td></td><td>M</td><td>I</td><td>Ê</td><td>U</td><td>T</td><td>A</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>T</td><td>Ư</td><td>S</td><td>Ư</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td></td><td>B</td><td>Ô</td><td>T</td><td>R</td><td>Ơ</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>6</td><td></td><td></td><td>T</td><td>H</td><td>U</td><td>Y</td><td>Ê</td><td>T</td><td>M</td><td>I</td><td>N</td><td>H</td><td></td></tr>
<tr><td>7</td><td>B</td><td>I</td><td>Ê</td><td>U</td><td>C</td><td>A</td><td>M</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>

Cột dọc: Cách tổ chức văn bản nghị luận thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất. **(Đáp án: Cấu trúc)**

Hàng ngang:

Hàng 1. Vấn đề cốt yếu mà phương thức tự sự đảm nhiệm kể lại.

(Đáp án: Câu chuyện)

Hàng 2. Thành tố có tính chất bao trùm có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm trong văn bản nghị luận.

(Đáp án: Luận đề)

Hàng 3. Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan.

(Đáp án: Miêu tả)

Hàng 4. Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên.

(Đáp án: Tự sự)

</td><td>

I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

1. Cấu trúc của văn bản nghị luận

- Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng… được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất.

- Là thành tố có tính chất bao trùm: **luận đề** có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm. Các **luận điểm** trong văn bản nghị luận, với sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng, có nhiệm vụ làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề. Mối quan hệ có tính bản chất giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của **văn bản nghị luận.**

2. Yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận

Để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, người viết còn có thể sử dụng một số **yếu tố bổ** trợ như: thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm,…

- **Thuyết minh** trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn

</td></tr>
</table>

Hàng 5. Yếu tố tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, được gọi là yếu tố… **(Đáp án: Bổ trợ)** **Hàng 6.** Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. **(Đáp án: Thuyết minh)** **Hàng 7**. Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục. **(Đáp án: Biểu cảm)** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu. - Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS tham gia trò chơi, ai tìm ra cột dọc nhanh nhất sẽ là người chiến thắng. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức**,** phát thưởng hoặc cho điểm HS trả lời nhanh và đúng.	trở nên xác thực. - **Miêu tả** được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. - **Tự sự** đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. - **Biểu cảm** giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.

2.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, vị trí văn học, sự đóng góp; hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà để tìm hiểu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao cho các nhóm chuẩn bị trước ở nhà: 1. Tìm kiếm tư liệu về Ngô Thì Nhậm và *Chiếu cầu hiền.* 2. Thiết kế bài thuyết trình có sự hỗ trợ của phần mềm powerpoint. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV tổ chức cho các nhóm học sinh thực hiện phần thi "*Những con người làm nên lịch sử*".	**II. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Ngô Thì Nhậm** **-** Ngô Thì Nhậm (1746 – 1803) hiệu là Hy Doãn, người làng Tả Thanh Oai (làng Tó), huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội). - Là danh sĩ, nhà văn đời hậu Lê và Tây Sơn, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh. - Ngô Thì Nhậm thông minh, học giỏi, sớm có những công trình về lịch sử, văn học, triết học,… **2. Tác phẩm** **- Hoàn cảnh ra đời:** Do Ngô Thì Nhậm viết thay vua Quang Trung vào khoảng năm 1788 – 1789 nhằm thuyết phục sĩ phu Bắc Hà ra cộng tác với triều đại Tây Sơn. **- Thể loại:**

- Chọn MC dẫn dắt để đại diện các nhóm HS thuyết trình về sản phẩm đã thiết kế trước ở nhà. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần).	+ ***Chiếu*** thuộc loại văn nghị luận cổ, thường do vua chúa ban bố mệnh lệnh (công bố những chủ trương, đường lối, nhiệm vụ) xuống triều đình và nhân dân thực hiện. + Có thể do vua đích thân viết nhưng thường do các văn tài võ lược viết thay vua. **- Phương thức biểu đạt chính*:*** Nghị luận. **- Bố cục:** 4 phần. + Phần 1 (Từ đầu đến ...*người hiền vậy*): Theo lẽ phải xưa nay, người hiền tài phải phát huy tài năng, thể hiện vai trò của mình trong cuộc sống. + Phần 2 (Tiếp đến ...*vương hầu chăng?*): Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua mong gặp được người hiền tài. + Phần 3 (Tiếp đến ...*của trẫm hay sao?*): Những khó khăn buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài giúp nước. + Phần 4 (Còn lại): Nêu cách thức chiêu mộ, sử dụng người hiền tài.

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Qua việc đọc, HS cần nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố bổ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.
- HS hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm qua *Cầu hiền chiếu* - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.
- HS thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia chương trình: ***Chiếu cầu hiền - quyết sách một thời, tư tưởng ngàn đời*** để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV nhắc HS mấy điều trước khi đọc: + Thứ nhất, nắm được bố cục của văn bản (qua việc đánh số thứ tự văn bản trong SGK). + Thứ hai, giọng đọc phải phù hợp với nội dung từng đoạn.	**III. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** Giọng tha thiết, tình cảm (phần 2, 3); giọng hùng hồn, mạnh mẽ (phần 4). **2. Tìm hiểu chú thích (SGK)**

+ Thứ ba, cần chú ý các thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản để nắm được những thao tác nghị luận mà người viết sử dụng. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV gọi 2 HS đọc VB, 1 HS đọc cước chú giải thích nghĩa từ khó, kết hợp gọi các HS khác trả lời nhanh các câu hỏi - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc văn bản	
Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **GV hướng dẫn HS tham gia chương trình: *Chiếu cầu hiền - quyết sách một thời, tư tưởng ngàn đời **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành các nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ và chuẩn bị tham gia chương trình. **Nhóm 1: Nhà sử học** ***1. Tìm hiểu lí do và mục đích của bài chiếu:*** *Chiếu cầu hiền* được ban bố với lí do và mục đích gì? ***2. Tìm hiểu đối tượng của bài chiếu hướng tới:*** Văn bản hướng tới đối tượng nào trong xã hội lúc bấy giờ? Khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn chiếu này, Ngô Thì Nhậm đối diện với những khó khăn gì trong việc thuyết phục các đối tượng đó ra gánh vác việc nước? **Nhóm 2: Nhà ngôn ngữ học** ***1. Tìm hiểu cấu trúc bài chiếu:*** Văn bản có mấy phần? Phân tích mối quan hệ giữa nội dung các phần. ***2. Tìm hiểu nghệ thuật lập luận của bài chiếu:*** - Nghệ thuật lập luận thể hiện như thế nào qua việc dùng lí lẽ và bằng chứng, phối hợp với các yếu tố biểu cảm, thuyết minh? - Theo bạn, điều gì tạo nên sức thuyết phục của *Chiếu cầu hiền*? **Nhóm 3: Nhà chính trị gia** ***Tìm hiểu thông điệp của bài chiếu:***	**IV. Khám phá văn bản** **1. Lí do và mục đích của bài chiếu** **- Lí do bài chiếu ra đời:** Những bất cập của triều đại mới, gặp nhiều khó khăn nên đòi hỏi sự trợ giúp của nhiều bậc hiền tài. **- Mục đích của bài chiếu:** Kêu gọi các hiền tài của chế độ cũ (nhà Lê) cởi bỏ tị hiềm, gắng đem hết tài sức của bản thân ra cộng tác với triều đại Tây Sơn do vua Quang Trung đứng đầu để chấn hưng đất nước. **2. Đối tượng *Chiếu cầu hiền* hướng tới** - Đối tượng mà *Cầu hiền chiếu* hướng tới là những người có học, có tài, từng gắn bó với triều đại nhà Lê, ở những cương vị khác nhau. Đó là những "sĩ phu Bắc Hà" theo cách hiểu của người thời đó. - Khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn *Cầu hiền chiếu*, **Ngô Thì Nhậm đối diện với những thử thách không nhỏ**: + Một mặt, đó là nếp nghĩ "tôi trung không thờ hai chủ" đã ăn sâu vào ý thức của những người sĩ phu. + Mặt khác, trong ý thức của nhiều vị sĩ phu, triều đại mới của vua Quang Trung chưa được xem là chính thống, họ chưa

- Bài chiếu có xuất xứ đặc biệt như thế nào? - Viết *Chiếu cầu hiền* trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt, tác giả đã gửi gắm khát vọng lớn lao nào đối với đất nước? - Chính sách của Quang Trung - Nguyễn Huệ có còn ý nghĩa trong xã hội ngày nay không? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm thảo luận theo định hướng **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV lựa chọn HS làm MC cho chương trình: ***Chiếu cầu hiền – quyết sách một thời, tư tưởng ngàn đời*** thực hiện cuộc phỏng vấn với các chuyên gia lịch sử, chuyên gia ngôn ngữ và chuyên gia chính trị - Đại diện HS các nhóm tham gia chương trình (vai khách mời) chia sẻ theo câu hỏi dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt vấn đề. - GV nhấn mạnh, mở rộng thêm ở một số nội dung sau: **+ Những thử thách Ngô Thì Nhậm đối diện khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn *Cầu hiền chiếu*:** ++ *Hoàng Lê nhất thống chí* kể lại, thời ấy, có người trí thức tên là Lý Trần Quán đã yêu cầu người thân chôn sống mình để tạ lỗi với chúa Trịnh Khải. Rõ ràng, ở thời điểm này, việc kêu gọi người hiền tài ra phò vua mới (Quang Trung), gánh vác việc nước là điều rất khó khăn. ++ Sử sách từng ghi lại nhiều cuộc thanh toán đẫm máu của triều đại mới đối với bề tôi của triều đại cũ, vì sợ đó là mầm mống của phản loạn. Trong bối cảnh ấy, dùng tờ chiếu để tạo được niềm tin, khiến cho những trí thức tài năng dẹp bỏ nghi kị, sẵn sàng cộng tác với triều Tây Sơn là chuyện vô cùng nan giải. **+ Nghệ thuật lập luận của bài chiếu:** ++ Ví dụ cho **<u>lí lẽ</u>** :"Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này, cứ cái ấp mười nhà ắt phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính	có thiện cảm. Thậm chí, họ còn nơm nớp sợ hãi khi biết mình thuộc lực lượng của triều vua cũ. **3. Cấu trúc bài chiếu** - Văn bản có bốn phần: + Phần 1: Theo lẽ phải xưa nay, người hiền tài phải phát huy tài năng, thể hiện vai trò của mình trong cuộc sống. + Phần 2: Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua mong gặp được người hiền tài. + Phần 3: Những khó khăn buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài giúp nước. + Phần 4: Nêu cách thức chiêu mộ sử dụng người hiền tài. - Mối liên hệ về nội dung giữa các phần: Lẽ phải ở đời: Người tài cần thể hiện vai trò, phát huy tài năng. (Phần 1) → Vậy mà nhiều người hiền tài có tư tưởng lánh đời. Tình trạng thiếu người hiền dẫn đến những khó khăn trong việc xây dựng triều đại mới. (Phần 2) → Vì vậy, con đường đúng đắn duy nhất là phải mời gọi người hiền tài ra đảm nhận trọng trách, giúp vua phục hưng đất nước. (Phần 3) → Muốn chiêu mộ được người hiền tài, cần có cách thức phù hợp. (Phần 4). => Như vậy, các phần của văn bản có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: Phần 1 là cơ sở để nêu Phần 2; Phần 2 tất yếu sẽ dẫn đến nội dung cần trình bày ở Phần 3. Nhờ ba phần trước mà những cách thức chiêu mộ nhân tài nêu ở Phần 4 mới hợp lí, logic. **4. Nghệ thuật lập luận của bài chiếu** - **Lí lẽ** được người viết sử dụng là những suy luận rất logic, chạm đến chân lí phổ biến, ai cũng phải thừa nhận, - **Bằng chứng** được lấy từ thực tế liên quan đến đời sống, cho nên rất khó bác bỏ. Đồng thời, ngay ở những câu nêu

quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?". ++ Ví dụ cho **<u>bằng chứng</u>**: :"Kìa như, trời còn tăm tối, thì đấng quân tử phải trổ tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kỉ cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi".	bằng chứng, yếu tố biểu cảm cũng rất đậm, thể hiện ở những lời gan ruột của một vị vua nên càng tăng thêm sức thuyết phục. **- Việc phối hợp các yếu tố biểu cảm, thuyết minh với lí lẽ, bằng chứng** như nêu trên khiến một số nội dung trở nên rõ ràng, tường minh, văn bản tăng thêm sức thuyết phục, tác động mạnh vào lí trí và tình cảm của người đọc. **- Những điều góp phần làm nên sức thuyết phục của *Cầu hiền chiếu*:** + Có một tư tưởng đúng đắn, quang minh chính đại được thể hiện qua luận đề: Cần người hiền tài giúp vua dựng đất nước. + Các luận điểm rõ ràng, mạch lạc, quan hệ với nhau rất chặt chẽ. + Lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, thái độ chân thành thể hiện sự thấu hiểu lòng người, lời mời gọi tha thiết.
+ Thông điệp của bài chiếu: Khi tìm hiểu thông điệp cần lưu ý đến xuất xứ đặc biệt của bài chiếu: Ngô Thì Nhậm nhân danh vua Quang Trung viết *Cầu hiền chiếu*. Nghĩa là, Ngô Thì Nhậm chấp bút, nhưng chủ thể phát ngôn là Quang Trung (thể hiện qua đại từ *trẫm*). "Nhập vai" vua Quang Trung viết tờ chiếu, Ngô Thì Nhậm hiểu được tầm quan trọng của việc ban chiếu, yêu cầu về tính thuyết phục của tờ chiếu khi hướng tới những đối tượng đặc biệt. **+ Ý nghĩa xã hội của bài chiếu:** Từ những ngày đầu dựng nước, trọng dụng hiền tài là một cách thức để nhà nước tìm kiếm những vị anh tài giúp ích cho đất nước, để đưa đất nước đi lên. Hiện nay, việc trọng dụng hiền tài càng trở nên thiết thực và cấp bách hơn nữa bởi thế giới đang vận hành theo một phương thức mới, nơi mà công nghệ kĩ thuật dần thay thế sức lao động con người. Chính vì vậy, trí tuệ của con người vô cùng đáng giá và là nguồn lực chủ đạo đối với quá trình phát triển của mỗi quốc gia.	**5. Thông điệp bài chiếu** **- Thông điệp:** Bài chiếu chứa chở khát vọng lớn lao: muốn thuyết phục người hiền tài vượt qua những e dè, nghi ngại, đồng tâm hợp lực để cùng vua xây dựng triều đại mới, cũng chính là làm cho đất nước ngày càng vững mạnh. Đây là tư tưởng lớn của một người toàn tâm toàn ý với đại nghiệp của quốc gia. **- Ý nghĩa xã hội:** + Trọng dụng hiền tài là điều hết sức cần thiết ở mọi quốc gia. Một đất nước muốn phát triển thì không thể không chiêu mộ những người tài, người giỏi trước hết là ở trong quê mình. Hiền tài là người hội tụ đầy đủ về đạo đức lẫn trí tuệ. + Trọng dụng hiền tài là chủ trương đúng đắn và luôn được nhà nước ta từ xưa đến nay chú trọng, đề cao.

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:
- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. .

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**V. Tổng kết** **1. Nội dung** - *Cầu hiền chiếu* là một văn kiện lịch sử quan trọng thể hiện chủ trương, đường lối đúng đắn của vua Quang Trung. - Qua bài chiếu, ta thấy được tấm lòng đối với người tài, đối với đất nước cũng như nhân cách cao đẹp của vua Quang Trung. **2. Nghệ thuật** *Cầu hiền chiếu* là một áng văn nghị luận mẫu mực: - Lập luận chặt chẽ, hợp lí, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt có sức thuyết phục cả về lý và tình. - Lời lẽ khiêm nhường, chân thành, ngắn gọn, súc tích, tư duy sáng rõ. - Từ ngữ, hình ảnh: Từ ngữ giàu sức gợi, cách nói sùng cổ, sử dụng điển cố, hình ảnh ước lệ, tượng trưng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về quan điểm: Người có tài cần phát huy tài năng của mình để đóng góp cho sự nghiệp chung.

- GV gợi ý để HS suy nghĩ thêm một số khía cạnh:

+ Người có tài có ưu thế gì so với người bình thường khi giải quyết các công việc?

+ Vì sao cuộc sống của cộng đồng cần sự chung tay của nhiều người?

+ Người có tài có thể đóng góp được gì cho cuộc sống của cộng đồng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV có thể dành thời gian (khoảng 10 - 15 phút) cuối tiết học cho HS viết tại lớp. Lưu ý HS về dung lượng, cách tổ chức đoạn văn; chuẩn mực ngữ pháp và việc diễn đạt của các câu; liên kết câu trong đoạn.
- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

https://docs.google.com/forms/d/1h4q0-o4s9jYUu0CzOApjdesgQu5L-E-yISuAlVr2XaA/edit

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà).
- GV thu kết quả viết để theo dõi năng lực viết của từng HS và sử dụng trong việc dạy học cách triển khai từng luận điểm thành đoạn văn (gắn với phần Viết của các bài).

Đoạn văn tham khảo

Nhân tố con người là chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn gốc của cải vật chất và văn hóa, mọi nền văn minh của các quốc gia. Lịch sử cho thấy những bậc "minh quân" đều rất coi trọng người tài, có thể kể đến như: vua Lê Thái Tổ với "Chiếu cầu hiền" (năm 1429), vua Quang Trung với "Chiếu lập học",…Tất cả đều thể hiện mong muốn có nhiều nhân tài để xây dựng triều đại thịnh trị, làm cho "Quốc thái dân an". Nhân tài có vai trò quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc, hiền tài được coi là "nguyên khí của quốc gia". Nhân tài không dùng tài năng để mưu cầu hạnh phúc riêng mà thường đem tài năng ấy đóng góp cho sự tiến bộ và phát triển của cộng đồng, đất nước cũng như của cả nhân loại, được xã hội thừa nhận, trọng dụng và tôn vinh.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện bài tập dự án.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập dự án.

c. Sản phẩm: Dự án học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS: Tìm hiểu chính sách sử dụng hiền tài qua các thời đại ở nước ta.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS làm việc nhóm hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo (sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, góp ý hình thành tư duy khoa học và thẩm mĩ cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài nghị luận cùng chủ đề.

- Chuẩn bị bài: Văn bản 2. *Tôi có một ước mơ* (Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri-Montgomery*, Mác-tin Lu-thơ Kinh): tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 25, 26

VĂN BẢN 2: TÔI CÓ MỘT ƯỚC MƠ

(Trích *Bước đến tự do*, *Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery*)

Mác-tin Lu-thơ Kinh

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- HS phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó, khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,...) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp cần thiết.

2. Phẩm chất

Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Luận bàn về ước mơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip bài hát *Glory* trong phim	- HS quan sát, nghe bài hát. - HS chia sẻ mơ ước của bản thân.

Selma (Bài hát nằm trong bộ phim tiểu sử về Martin Luther King Jr - *Selma* (Giấc mơ thay đổi thế giới) - do nam ca sĩ John Legend và rapper Common trình bày. Bài hát đầy cảm xúc *Glory* gợi nhớ những khoảnh khắc quan trọng của phong trào đòi nhân quyền từ sự kiện người phụ nữ Rosa Parks và chiến dịch tẩy chay xe buýt lớn nhất lịch sử những năm 1950 đến vụ biểu tình sau cái chết của thiếu niên da đen Michael Brown bị cảnh sát da trắng Darren Wilson bắn chết ở Ferguson, Missouri hồi cuối năm 2014. *Glory* cũng giành được chiến thắng bài hát trong phim xuất sắc nhất tại giải *Quả cầu vàng.* - GV hướng dẫn HS viết ước mơ của mình lên giấy nhớ và cùng dán lên bảng. - Hãy nêu cảm nhận của bạn về ý nghĩa của ước mơ? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, lắng nghe**,** thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi đại diện khoảng 3-5 HS chia sẻ ước mơ của mình và nêu cảm nhận về ý nghĩa của ước mơ. - HS khác quan sát, lắng nghe, xung phong chia sẻ, bổ sung quan điểm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV tiếp tục đọc những chia sẻ của HS trên giấy nhớ và dẫn dắt giúp HS hình dung tới những ước mơ vĩ đại về hạnh phúc cho nhân dân, bình yên cho đất nước trong *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh), hoặc qua những áng thơ văn hoặc lời phát biểu nổi tiếng… **èGV dẫn vào bài:** Dân tộc nào cũng có quyền tự hào vì có những con người kiệt xuất cống hiến hết mình cho dân, cho nước, nhiều người vừa là nhà chính trị vừa là nhà văn, nhà thơ lớn. Việc tìm hiểu văn bản *Tôi có một ước mơ* của Mác-tin Lu-thơ Kinh sẽ giúp chúng ta hiểu rõ thêm điều này.	- HS thể hiện suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của ước mơ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, vị trí văn học, sự đóng góp; hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, quan sát video để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu kiến thức về tác giả, tác phẩm qua đoạn Clip. https://www.youtube.com/watch?v=wX4uTB04gRs&t=29s - GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi để nêu vắn tắt những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS trình bày nội dung thảo luận. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - GV bổ sung thêm kiến thức về Martin Luther King: + Martin Luther King là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ cũng như lịch sử đương đại của phong trào bất bạo động. King được nhiều người trên khắp thế giới ngưỡng mộ như một anh hùng, nhà kiến tạo hoà bình và thánh tử đạo. + Ngày 4 tháng 4 năm 1968, King bị ám sát tại Memphis, Tennessee. Năm 1977, Tổng thống Jimmy Carter truy tặng King Huân chương Tự do của Tổng thống. + Đến năm 1986, ngày Martin Luther King, Jr. được công nhận là quốc lễ. Năm 2004, ông được truy tặng Huân chương vàng Quốc hội.	**I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm** **1. Tác giả - Martin Luther King** (1929 – 1968) là mục sư Baptist, nhà hoạt động nhân quyền người Mỹ gốc Phi, và là người đoạt giải Nobel Hoà bình năm 1964. **2. Tác phẩm** **- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** ngày 28 – 8 – 1963, Mác-tin Lu-thơ Kinh đã tham gia tổ chức tuần hành tại Oa-sing-ton. Buổi tuần hành nhằm mục đích kêu gọi tham gia đạo luật dân quyền, bình đẳng cho người da đen. Tại đây, Mac-tin đã đọc bài diễn thuyết này. **- Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận. **- Bố cục:** Văn bản chia thành 3 phần: + Phần 1 (từ đầu… "xấu hổ này"): Thực trạng cuộc sống người da đen. + Phần 2 (tiếp theo… "Ten-nơ-xi"): Cuộc đấu tranh của những người da đen. + Phần 3 (còn lại): Giấc mơ của người da đen ở nước Mỹ.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó, khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,...) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp cần thiết.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - Sau khi HS đọc, GV cần nhận xét về cách đọc và chú ý những điểm cần khắc sâu khi đọc văn bản. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc của Luther (có phụ đề).	**II. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích**
***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể: **Nhóm 1,2: Tìm hiểu sức thuyết phục từ tư tưởng chủ đề và thông điệp của bài diễn văn theo gợi ý sau:** - Vấn đề trọng tâm được đề cập ở văn bản *Tôi có một ước mơ* là gì? - Nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả đối với nước Mỹ qua văn bản. - Theo bạn, quan điểm và ước mơ của tác giả được thể hiện trong văn bản đến nay còn có ý nghĩa không? Hãy lí giải ý kiến của bạn. **Nhóm 3,4: Tìm hiểu sức thuyết phục từ cấu trúc bài diễn văn theo các gợi ý sau:** - Chỉ ra các luận điểm được tác giả triển khai trong văn bản. - Phân tích cách tác giả dùng lí lẽ và bằng chứng để trình bày quan điểm của mình nhằm thuyết phục người nghe, người đọc. - Trong đoạn kết của văn bản, tác giả đã bộc lộ ước mơ gì? Hình ảnh "tự do ngân vang từ những đỉnh đồi, […] ngọn núi" có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện ý tưởng và cảm xúc của tác giả? - Hãy chỉ ra và phân tích hiệu quả của các biện pháp	**III. Khám phá văn bản** **1. Sức thuyết phục từ tư tưởng chủ đề và thông điệp của bài diễn văn** **a. Vấn đề trọng tâm của văn bản** Khẳng định quyền bình đẳng của người da đen, kêu gọi hành động đấu tranh vì sự tự do, bình đẳng của người da đen trên đất Mỹ. **b. Thái độ, tình cảm của người viết** **- Mục đích và quan điểm đấu tranh của tác giả:** trước hết là vì tự do, bình đẳng cho người da đen, nhưng cao cả hơn, đó là vì một nước Mỹ hùng cường, bình đẳng như bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ đã khẳng định. Mỹ là một quốc gia đa sắc tộc, đa văn hóa. Tuy nhiên, ẩn sau bức màn văn hóa đó bao năm qua vẫn âm ỉ tình trạng phân biệt sắc tộc, đặc biệt là sự kỳ thị của những người Mỹ da trắng với cộng đồng người Mỹ

tu từ (điệp ngữ, ẩn dụ,…) đã được tác giả sử dụng. - Bước 2: Các nhóm trao đổi chéo theo cặp *Thành viên nhóm 1 và thành viên nhóm 3 trao đổi cặp với nhau* *Thành viên nhóm 2 và thành viên nhóm 4 trao đổi cặp với nhau* - Bước 3: Đại diện các nhóm lên tham gia tọa đàm: ***Tôi có một ước mơ - áng văn nghị luận giàu tính thuyết phục*** - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS các nhóm tham gia tọa đàm để thể hiện ý kiến đã thảo luận. - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi phản biện,... **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS, chốt kiến thức.	gốc Phi. Chính vì lẽ đó, tác giả muốn tất cả mọi người dân đều được sống trong một đất nước tự do bình đẳng để đất nước có thể phát triển. **- Tình cảm của người viết:** Tình yêu lớn đối với nước Mỹ và người dân Mỹ gốc Phi bị đối xử phân biệt; quan điểm đấu tranh bất bạo động của tác giả chính là yếu tố tạo nên vị trí và sức thuyết phục với đông đảo người da đen và cả người da trắng. **c. Thông điệp của bài diễn văn** **- Bối cảnh ra đời của bài diễn văn:** Bài diễn văn được phát biểu vào ngày 28/8/1963. Nước Mỹ hiện nay đã tiến được những bước dài trên con đường hiện thực hoá giấc mơ của Mác-tin Lu-thơ Kinh khi người da đen nói riêng và người da màu nói chung đã có những quyền tự do, dân chủ cơ bản như người da trắng (có tổng thống là người da đen). **- Bối cảnh của nước Mỹ và của thế giới hiện nay:** Nước Mỹ ngày nay vẫn đang phải tiếp tục giải quyết tình trạng bất bình đẳng và kì thị chủng tộc, nhất là đối với người da đen. **- Nhìn rộng ra trên phạm vi toàn cầu:** Thế giới vẫn còn tồn tại sự bất bình đẳng về sắc tộc, vẫn còn những con người phải sống cuộc sống trên "hòn đảo nghèo đói giữa một đại dương mênh mông thịnh vượng về vật chất", vẫn còn những hành vi bạo lực. => **Do vậy**, quan điểm đấu tranh của Lu-thơ Kinh, niềm tin và ước mơ của Lu-thơ Kinh không chỉ có ý nghĩa đối với nước Mỹ thời điểm

đó mà còn có ý nghĩa thức tỉnh đối với nhiều người, nhiều dân tộc hiện nay trên toàn thế giới trong cuộc đấu tranh vì hoà bình và công lí cho các dân tộc.

2. Sức thuyết phục từ cấu trúc bài diễn văn

a. Hệ thống luận điểm - luận cứ

Hệ thống luận điểm		**Lí lẽ**
STT	**Luận điểm**	**Lí lẽ**
1	Thực trạng cuộc sống của người da đen.	Người da đen chưa được tự do, trái ngược với những gì đã được tuyên bố trong bản *Tuyên ngôn Giải phóng Nô lệ.*
2	Xác định thời điểm quan trọng nhất để đòi lại công lí cho người da đen.	- Khẳng định đây là thời điểm quan trọng nhất để đòi lại công lí cho người da đen - Phản bác thái độ "phớt lờ vấn đề cấp bách ở thời điểm này."
3.	Cần có thái độ đấu tranh đấu tranh kiên	- Tác giả đã khẳng định cần có cách đấu tranh đúng đắn

	quyết nhưng không phải bằng bạo lực.	- "đừng phạm lỗi bởi hành động sai trái" .
4	Cần đoàn kết trong cuộc đấu tranh đòi công lí.	- Chúng ta không thể bước đi đơn độc - Chúng ta không thể quay lại…
4	Niềm tin và ước mơ về tự do, công lí cho người da đen.	- Không thể hài lòng khi công lí chưa được thực thi - Tin rằng công bằng, bình đẳng sẽ đến.

b. Cách sử dụng các biện pháp tu từ

<u>- Biện pháp điệp ngữ:</u>

+ *Tôi mơ rằng,*

+ *Chúng ta,*

+ *Đây là lúc…*

=> **Hiệu quả:** Tạo giọng điệu hùng hồn, tha thiết, vừa chứa đựng trong đó tư tưởng lớn vừa bộc lộ những cảm xúc mãnh liệt.

<u>- Biện pháp ẩn dụ:</u>

+ *hòn đảo nghèo đói giữa một đại dương mênh mông thịnh vượng về vật chất*

+ *Mùa hè ngột ngạt của người da đen, làn gió thu của tự do và bình đẳng mát mẻ thổi đến*

+ *cơn khát tự do, những chén hận*

	thù và cay đắng *+ bóng đêm và thung lũng hoang tàn của sự phân biệt chủng tộc,* *+ con đường chan hòa ánh nắng của sự bình đẳng về chủng tộc,* *+ vùng cát lún của sự bất công,…* **=> Hiệu quả:** Biện pháp tu từ ẩn dụ giúp nhấn mạnh thái độ và tình cảm của tác trước những sự việc người da đen bị đối xử phân biệt, bất công. Từ đó, bày tỏ ước mơ về tự do và nhân quyền trước công chúng của tác giả, kêu gọi quyền bình đẳng cho những người da đen. Đồng thời làm tăng sức biểu đạt, tính hàm súc và sức gợi mở lớn cho văn bản. **c. Đoạn kết** - "Tôi mơ…" vang lên như một điệp khúc cho thấy ước mơ của tác giả về sự bình đẳng, tình bằng hữu, sự tôn trọng nhân cách của cả người da đen và da trắng. - Hình ảnh "tự do ngân vang từ những đỉnh đồi, […] ngọn núi" mang ý nghĩa biểu tượng cho sự lớn lao, vĩ đại của nước Mỹ trong niềm ước mơ của tác giả.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Từ bài diễn văn "Tôi có một ước mơ", bạn rút ra được bài học gì trong việc tạo lập một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút.	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** Bài diễn văn đã thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với quan điểm của Luther Kinh về việc chống nạn phân biệt chủng tộc; đồng thời ủng hộ ước mơ của ông cho tương lai của nước

- GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	Mỹ - một tương lai công bằng, bình đẳng. **2. Nghệ thuật** - Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và quan hệ giữa chúng với luận đề; tình cảm, thái độ của tác giả đối với vấn đề bàn luận được thể hiện qua giọng điệu văn bản -> Các thành tố này được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, thuyết phục người đọc. - Các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm và các biện pháp tu từ làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn thấy tâm đắc khi đọc văn bản *Tôi có một ước mơ*.

- GV gợi ý để HS có thể lựa chọn được điều mình tâm đắc nhất khi đọc văn bản *Tôi có một ước mơ,* chẳng hạn:

+ Quan điểm đấu tranh hoà bình của tác giả;

+ Niềm tin và ước mơ được nói đến trong văn bản;

+ Chất hùng biện của văn bản,..).

- Qua việc phân tích vấn đề mình tâm đắc trong văn bản, HS làm sáng tỏ suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

https://docs.google.com/forms/d/1m_9Eu5axH435zgt04_gCghNxV2kx5CjPtxVFiTpgyVE/edit?pli=1

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.

- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà).

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	**1.0**

	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	**0.0**
Nội dung	Lựa chọn được một phương diện nổi bật của văn bản. Đánh giá được phương diện đó.	
	Lựa chọn được một phương diện có ý nghĩa nhân văn trong văn bản.	**2.0**
	Đưa ra được những đánh giá xác đáng, hợp lí.	**3.0**
	So sánh với những văn bản khác cùng nội dung đã chọn để thấy vẻ đẹp riêng.	**2.0**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**1.0**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Cả cuộc đời tranh đấu cho lẽ phải, cho công bằng, cho nhân quyền đã giúp Luther Kinh nhận ra: điều quan trọng nhất với mỗi con người, với cả nhân loại chính là niềm tin và mơ ước. Mỗi chúng ta ai cũng có những giấc mơ riêng mình, có những giấc mơ nhỏ nhoi nuôi lớn tâm hồn một con người, có những ước mơ vĩ đại làm bất diệt thêm lẽ phải cuộc đời… Với Luther Kinh, giấc mơ đau đáu chính là sự công bình, là quyền con người. Chính những điều chân thành, giản dị mà ông viết lên đã nói với chúng ta rằng cuộc sống dù có khó khăn, hiện thực dù không mấy tốt đẹp, thì cũng đừng bao giờ đánh mất đi niềm tin và mơ ước. Sức mạnh của niềm tin thôi thúc ta nghĩ về viễn cảnh tươi sáng của ngày mai và trở thành một quyết tâm mạnh mẽ giúp ta hoàn thành được niềm mơ ước ấy. Sống là phải có niềm tin và mơ ước. Những giấc mơ thành sự thật đều bắt nguồn từ niềm tin vững chắc rằng không gì là không thể.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung: HS xem phim *Selma* rồi trả lời câu hỏi về Luther Kinh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS xem phim rồi trả lời câu hỏi về Luther Kinh: Luther Kinh đã có ước mơ gì? Ông đã làm gì để thực hiện ước mơ của mình? Ước mơ đó có thành sự thực không?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi (vào tiết học sau).
- HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện (nếu cần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài nghị luận cùng chủ đề.

- Chuẩn bị bài: Văn bản 3. ***Một thời đại trong thi ca*** (Trích *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh): tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 27

VĂN BẢN 3: MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

(Trích *Thi nhân Việt Nam*)

Hoài Thanh

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tính cảm của người viết, vai trò của các yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,...) của thời kì 1930 – 1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.

2. Phẩm chất

HS có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, yêu tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ, thẻ nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm tham gia trò chơi "**Ai nhanh ai đúng?"**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 5 đội chơi (mỗi đội khoảng 9 thành	**1. Thơ cũ (trung đại)** **- Tác giả:** Nguyễn Trãi, Nguyễn

viên) - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi "**Ai nhanh ai đúng?"** - GV chuẩn bị sẵn các thẻ, trên đó ghi: + Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Thế Lữ, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Đoàn Phú Tứ, Anh Thơ + Cây chuối, Đọc Tiểu Thanh kí, Tự tình, Chinh phụ ngâm, Bài ca ngắn đi trên bãi cát, Nhàn, Bài ca ngất ngưởng, Câu cá mùa thu, Thương vợ, Nhớ rừng, Xuân, Đây thôn Vĩ Dạ, Tương tư, Vội vàng, Chiều xuân, Màu thời gian + Chữ quốc ngữ, chữ Hán, chữ Nôm, trí thức Tây học, Nho sĩ (hoàng đế, quan lại, nhà sư,...), cảm xúc cá nhân, sự vận động của cảnh vật, ý thức về bổn phận, vẻ đẹp bất biến, hợp thể, thơ tự do, theo luật (thất ngôn, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú) - HS thực hiện trò chơi phân loại thẻ và đặt tên theo gợi ý từ các tấm thẻ trong thời gian 5 phút **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, lắng nghe**,** trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động. - Đại diện các đội chơi trình bày ý tưởng. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, chọn ra đội thắng cuộc (là đội nhanh và đúng) trao phần thưởng hoặc cho điểm.	Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương. **- Tác phẩm:** Cây chuối, Nhàn, Đọc Tiểu Thanh kí, Tự tình, Chinh phụ ngâm, Bài ca ngắn đi trên bãi cát, Bài ca ngất ngưởng, Câu cá mùa thu, Thương vợ. **- Một số đặc điểm sáng tác:** + Văn tự: Chữ Hán, chữ Nôm + Tác giả: Nho sĩ (hoàng đế, quan lại, nhà sư,...), + Nội dung: Ý thức về bổn phận, vẻ đẹp bất biến, + Thể thơ: Theo luật (thất ngôn, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú) **2. Thơ mới** **- Tác giả:** Thế Lữ, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Anh Thơ Đoàn Phú Tứ **- Tác phẩm:** Nhớ rừng, Xuân, Đây thôn Vĩ Dạ, Tương tư, Vội vàng, Chiều xuân, Màu thời gian **- Một số đặc điểm sáng tác:** + Văn tự: Chữ quốc ngữ + Tác giả: Trí thức Tây học, + Nội dung: Cảm xúc cá nhân, sự vận động của cảnh vật, hợp thể. + Thể thơ: Thơ tự do

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; thể loại, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt chính, vị trí, bố cục,...

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các	**I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích** **1. Tác giả** - Hoài Thanh (1909 – 1982), tên khai sinh Nguyễn Đức Nguyên.

tư liệu thu thập). - Trình bày hiểu biết ngắn gọn của em về tác giả. - Xác định: Hoàn cảnh sáng tác, thể loại, giá trị, phương thức biểu đạt chính của tác phẩm và vị trí, bố cục của đoạn trích. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV chia nhóm yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, thiết kế bản trình chiếu về tác giả Hoài Thanh và tác phẩm ở nhà. - GV hướng dẫn đại diện HS thuyết trình trước lớp. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS thuyết trình, HS khác nghe, quan sát, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Quê ở Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An, xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo. - Ông tham gia cách mạng và chủ yếu hoạt động trong ngành Văn hóa – nghệ thuật. - Ông là nhà lý luận phê bình xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại: *"lấy hồn tôi để hiểu hồn người"*. - Cách phê bình của ông nhẹ nhàng, tinh tế gần gũi và giàu cảm xúc, hình ảnh. Có sự kết hợp giữa tính khoa học với tính văn chương logic, độc đáo. - Năm 2000, Hoài Thanh được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật. **2. Tác phẩm** - Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1942. - Thể loại: Phê bình văn học. - Giá trị văn bản: bản "tổng kết" về phong trào Thơ mới ngay trong thời kì phát triển đỉnh cao của nó. - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. **3. Đoạn trích** - Vị trí đoạn trích: Đoạn trích là tiểu luận mở đầu cuốn ***Thi Nhân Việt Nam 1932 – 1941.*** - Bố cục: 3 phần: + Phần 1 (Từ đầu ... ***phải nhìn vào đại thể***): Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới. + Phần 2 (Tiếp theo ... ***rẻ rúng đến thế***): Tinh thần thơ mới: chữ tôi + Phần 3 (Còn lại): Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tính cảm của người viết, vai trò của các yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,...) của thời kì 1930 – 1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS đọc văn bản. - GV đọc mẫu một đoạn ở phần đầu, cần đọc diễn cảm theo các giọng điệu phù hợp (có phần đùa bỡn, châm biếm,...), sau đó gọi một vài HS đọc tiếp. - Trong quá trình đọc, GV lưu ý HS các thẻ đọc ở bên phải văn bản để nhận ra các ý chính, cũng là các đoạn của văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu clip đọc văn bản https://www.youtube.com/watch?v=rcS6hgsx6mM&t=8s	**II. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích (SGK)**
***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành 3 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể: **Nhóm 1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm của văn bản** Để làm sáng tỏ luận đề: "tinh thần Thơ mới", Hoài Thanh đã nêu lên những luận điểm nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó. **Nhóm 2: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận** + **Lập luận về mối quan hệ cũ - mới:** Ở phần đầu văn bản, tác giả đưa ra các tiêu chí so sánh thơ cũ – thơ mới nhằm mục đích gì? + **Lập luận về "cái tôi":** Hãy nhận xét cách diễn giải về "cái tôi" của Hoài Thanh trong văn bản (đặc biệt chú ý đoạn: "Đời chúng ta... cùng Huy Cận"). + **Cách đưa bằng chứng:** Phân tích cách sử dụng bằng chứng trong nghệ thuật lập luận của Hoài Thanh được thể hiện qua văn bản. + **Các biện pháp tu từ:** Hãy chỉ ra và phân tích giá trị đặc sắc của những biện pháp tu từ được tác giả sử	**III. Khám phá văn bản** **1. Hệ thống luận điểm** - Để làm sáng tỏ luận đề "tinh thần thơ mới", Hoài Thanh đã nêu lên những luận điểm sau: + Thực trạng khó phân biệt rạch ròi thơ cũ – thơ mới. + Tiêu chí phân biệt: "bài hay sánh với bài hay" và "nhìn vào đại thể". + Nhận diện sự khác biệt: "Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi". + Tình trạng "cái tôi" (ý thức cá nhân) khi mới xuất hiện trong văn học Việt Nam. + Những biểu hiện khác nhau của "cái tôi" trong phong trào Thơ mới. + Ý nghĩa của "cái tôi" trong Thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời. - Các luận điểm này liên kết chặt chẽ với nhau, được trình bày tuần tự theo mạch suy luận: Bắt đầu từ thực trạng → Đưa ra tiêu chí phân biệt → Nhận diện điểm khác biệt ("cái tôi" → Phân tích tình trạng "cái tôi" trước Thơ mới → Làm rõ những biểu hiện của" cái tôi" trong Thơ mới → Chỉ

dụng ở cuối văn bản. **Nhóm 3: Tìm hiểu thông điệp của văn bản và phong cách phê bình của Hoài Thanh** Qua văn bản, bạn hiểu được những gì về phong trào Thơ mới và lối văn phê bình của Hoài Thanh? - Sau thảo luận, các nhóm cử đại diện lên thuyết trình trước lớp với chủ đề: *Sức thuyết phục của Một thời đại trong thi ca.* - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS các nhóm tham gia thuyết trình dưới sự dẫn dắt của MC - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi,... **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá hoạt động nhóm (theo Rubric 1- bên dưới) và phần trình bày của HS, chốt kiến thức.	ra ý nghĩa của "cái tôi" trong Thơ mới. **2. Nghệ thuật lập luận** **- Lập luận về mối quan hệ cũ – mới:** Từ thực tế "các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau" và thơ cũ không hoàn toàn dở, thơ mới không phải toàn kiệt tác, tác giả đã đưa ra tiêu chí so sánh ("sánh bài hay với bài hay", thời đại sánh cùng thời đại) nhằm mục đích "hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn". Đây cũng là điểm tựa để tác giả thuyết phục người đọc đồng thuận với những luận giải về "tinh thần thơ mới", về một thời đại mới trong thơ ca Việt Nam. **- Lập luận về "cái tôi":** Trong đoạn trích này, Hoài Thanh đã diễn giải về "cái tôi" một cách tinh tế và độc đáo bằng cách gia tăng những biện pháp tu từ giàu tính biểu cảm. Ví dụ: + Dùng "chữ tôi" để diễn đạt khái niệm ý thức cá nhân, đối sánh với "chữ ta" thể hiện ý thức cộng đồng (gia đình, đoàn thể, quốc gia). + Dùng biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ: "nó thực bỡ ngỡ", "nó như lạc loài", "bao nhiêu con mắt nhìn nó khó chịu", "nó đến một mình", "nó được vô số người quen", "nó đáng thương" để diễn tả tình trạng của ý thức cá nhân khi mới xuất hiện trong văn học Việt Nam. + Sử dụng hàng loạt từ ngữ thể hiện cảm xúc để biểu đạt về những hướng tìm tòi và những biểu hiện khác nhau của ý thức cá nhân trong Thơ mới: "Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi... Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận". Đoạn văn đặc sắc này của Hoài Thanh vừa có nhịp điệu vừa có hình tượng độc giả đồng cảm, đồng hành để khám phá "cái tôi" của các nhà thơ mới tiêu biểu. **- Cách đưa bằng chứng:** Trong văn bản, tác giả đã dùng bằng chứng trích dẫn từ các tác giả nổi tiếng

	trong thơ trung đại và Xuân Diệu – nhà thơ được Hoài Thanh coi là "mới nhất trong các nhà Thơ mới": + Trích dẫn thơ Xuân Diệu và các "nhà thơ cũ" (Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương) để so sánh, minh hoạ cho tình trạng khó rạch ròi giữa thơ mới – thơ cũ. + Dùng chú thích để đưa dẫn chứng minh hoạ cho tình trạng thiếu vắng "cái tôi" trong thơ cũ (đoạn nói về Cao Bá Nhạ), để làm rõ sự khác biệt cảm xúc giữa thơ mới và thơ cũ (đoạn về Nguyễn Công Trứ). Những dẫn chứng được chọn lọc và trình bày hợp lí đã góp phần tăng thêm sức thuyết phục của các lập luận diễn giải trong bài. **- Các biện pháp tu từ:** Ở đoạn cuối văn bản, tác giả sử dụng các biện pháp tu từ điệp ngữ, lặp cấu trúc cú pháp "Chưa bao giờ như bây giờ" để nhấn mạnh trạng thái đặc biệt trong cảm xúc, tâm thế, khát vọng của các nhà Thơ mới, những người đã làm nên "một thời đại trong thi ca". Tác giả đã bày tỏ cảm xúc tin tưởng, khích lệ các nhà thơ trong phong trào Thơ mới. **3. Thông điệp của văn bản và phong cách phê bình của Hoài Thanh** **- Về phong trào Thơ mới:** + Đã làm nên một thời đại mới trong quá trình phát triển thơ Việt Nam mà điểm quan trọng nhất là sự thể hiện ý thức cá nhân. + Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã thể hiện "cái tôi" rất phong phú, đa dạng. + "Cái tôi" Thơ mới "buồn" và "xôn xao". **- Về lối viết phê bình văn học của Hoài Thanh:** + Hệ thống ý rành mạch, logic cho thấy tư duy khoa học và hiện đại. + Đưa dẫn chứng hợp lí, giàu sức thuyết phục.

	+ Lời văn "được viết bằng tâm hồn thi sĩ" (Thiếu Mai), giàu hình ảnh, nhịp điệu, có giọng điệu, phối thanh bằng trắc nhịp nhàng,... làm cho "phê bình cũng là văn chương".

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. .

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** - Chỉ ra được nội dung cốt lõi của tinh thần thơ mới: cái tôi và nói lên cái bi kịch ngấm ngầm trong hồn người thanh niên hồi bấy giờ. - Đánh giá được thơ mới trong cả ý nghĩa văn chương và xã hội. **2. Nghệ thuật** - Kết hợp một cách hài hòa giữa tính khoa học và tính văn chương nghệ thuật. - Luận điểm khoa học, chính xác, mới mẻ; kết cấu và triển khai hệ thống luận điểm cũng như nghệ thuật lập luận rất chặt chẽ, logic. - Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng một cách khéo léo, tài tình có khả năng khơi gợi và tạo sức cuốn hút lớn....

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Hoài Thanh cho rằng: Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã "gửi tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt". Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về ý kiến này.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV nên dành thời gian cho HS trao đổi ngắn về yêu cầu của đề bài. Có thể nhắc lại một vài ví dụ về việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong một số bài Thơ mới.
- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn. Lưu ý triển khai luận điểm bằng các lí lẽ và bằng chứng minh hoạ.
- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

https://docs.google.com/forms/d/1Khra4TUUsXMInY-qrxEWgiuL-umx7MISeKiRbYcHBQg/edit

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric 2.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric 2 (ở nhà)

Rubric Đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	**0**
Nội dung	Hoài Thanh cho rằng: Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã "gửi tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt".	
	- Giới thiệu câu nhận định: Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã "gửi tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt."	**1**
	- Khẳng định quan điểm: Các nhà thơ mới bộc lộ tình yêu nước tha thiết nhưng thầm kín bằng cách gửi qua tình yêu tiếng Việt.	**1**
	- Chứng minh bằng lí lẽ + bằng chứng:	
	+ Sử dụng tiếng Việt để thể hiện hồn Việt, cảnh Việt, đời sống Việt.	**2**
	+ Sử dụng tiếng Việt trong trẻo, thuần hậu.	**2**
	+ Thể hiện cá tính, sự táo bạo của bản thân qua những bài thơ có phần phóng túng, tự do.	**2**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học kết hợp năng lực cá nhân tạo lập các nhóm trao đổi.

b. Nội dung: Hình thành các câu lạc bộ.

c. Sản phẩm: Những sưu tầm của HS về phong trào Thơ mới, về những tác phẩm phê bình văn học về Thơ mới hoặc những bài viết của HS đánh giá về Thơ mới,...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS tạo lập nhóm theo sở thích và năng lực cá nhân để thiết lập câu lạc bộ yêu Thơ mới:

+ Sưu tầm, trao đổi những bài Thơ mới đặc sắc.

+ Sưu tầm trao đổi những bài phân tích, đánh giá Thơ mới.

+ Trao đổi những quan điểm, góc nhìn về Thơ mới.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm (thời gian 1 tuần).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ sản phẩm trên nhóm lớp sau thời gian quy định.
- HS nhận xét phần thể hiện của bạn chéo nhóm, có sự hỗ trợ, định hướng của GV.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài nghị luận cùng chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc. *Tiếp xúc với tác phẩm* (Thái Bá Vân).

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐỌC

TIẾP XÚC VỚI TÁC PHẨM **(Trích *Tiếp xúc với nghệ thuật*)** **Thái Bá Vân**

I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả Thái Bá Vân

- Ông sinh ngày 2/1/1934 tại huyện Đô Lương, Nghệ An.
- Ông tốt nghiệp khoa Sử học nghệ thuật, trường Đại học Karlova, Praha, Tiệp Khắc từ 1955 đến 1961, rồi về công tác tại Viện Mỹ thuật Hà Nội khi vừa mới thành lập năm 1962.
- Trở lại Tiệp Khắc làm thực tập viên ưu tú của Viện hàn lâm khoa học Slovaki và đại học Mỹ thuật Bratislava trong năm 1985.
- Về nước ông công tác tại viện Mỹ thuật Việt Nam cho đến lúc về hưu 1996. Ông mất năm 1999.
- Thái Bá Vân viết không nhiều, nhưng những bài viết của ông mang dấu ấn riêng, sâu sắc, độc đáo và độc lập.

2. Tác phẩm

- **Thể loại:** Phê bình nghệ thuật.
- **Xuất xứ:** Theo Thái Bá Vân, *Tiếp xúc với nghệ thuật* - Viện Mỹ thuật Việt Nam ấn hành, Hà Nội, 1998, tr 8-10.
- **Chủ đề:** Mỹ thuật.
- **Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận.
- **Bố cục:** Theo các phần được đánh số trong văn bản.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Tính thuyết phục từ hệ thống luận điểm của văn bản

Cấu trúc của văn bản:

Luận điểm	**Lí lẽ**	**Dẫn chứng**	**Nghệ thuật lập luận**

Nội dung các khái niệm đời sống vật thể và đời sống hình tượng được tác giả sử dụng trong văn bản	Đời sống vật thể: tồn tại vật thể như một đời sống đồ vật.	Bức tranh *Em Thúy* là một tấm vải, khổ 45 x 60 cm, rằng nó được vẽ bằng màu dầu, kiểu hội họa bác học châu Âu, rằng nó có khung bằng gỗ,… đó là đồ vật.	Đưa dẫn chứng lên trước, phân tích dẫn chứng sau đó mới nêu các lí lẽ.
	Đời sống hình tượng: là sự tồn tại tinh thần như một hình tượng nghệ thuật của giá trị thẩm mĩ, thể hiện nội dung của tác phẩm.	Ở bức tranh *Em Thúy*, hiện tượng phân hóa này không xảy ra trên bức tranh. Hiện tượng này xảy ra trong ý thức tôi, ở cái khả năng trừu tượng hóa của đầu óc con người.	
Vấn đề giá trị chủ quan của tác phẩm	Không phải ta cứ nhìn vào những gì hiện hữu lên trên tác phẩm thì đó chính là nội dung, ý nghĩa của việc truyền tải; ta phải căn cứ vào thời cuộc, ai là người vẽ, vẽ cái gì và đặc biệt qua đó, ta hiểu được ý nghĩa sâu xa mà tác giả muốn nói với người đọc là gì.	Bức tranh *Em Thúy* + Ông không biết đó là ai, xấu xí hay xinh đẹp, có giống thật hay không… + Ông chỉ biết tác giả là Trần Văn Cẩn - người đang sống giữa thời cuộc đầy bất ổn khi cái Âu hóa bắt đầu du nhập vào nước ta.	Chọn cách nói phủ định liên tục, khai thác dẫn chứng trước khi đưa kết luận.
Vai trò của người xem, người đọc trong việc giúp hình tượng nghệ thuật trường tồn	- Hiện thực và nội dung của tác phẩm còn sinh nở vô hạn trong đầu óc và con mắt người xem. Một tác phẩm hàm súc bao giờ cũng dành cho trí tưởng tượng của người xem một cách tự do hé mở, chờ đợi ở người xem bù đắp sự chủ quan. - Người xem, người đọc giúp hình tượng nghệ thuật trên đó được thức tỉnh, sống lại và sống thêm một cuộc đời mới.	Sức sống của bức tranh Em Thúy	Dùng cách nói hình ảnh, các phép ẩn dụ, nhân hóa để khẳng định vai trò của người xem, người đọc đối với sức sống của nghệ thuật.

2. Tính thuyết phục trong cách triển khai các luận điểm

- Các luận điểm trong văn bản triển khai rõ ràng theo một trật tự logic, các luận điểm có sự liên kết với nhau, có tính định hướng nhằm giải đáp những vấn đề nhận thức và tư tưởng đặt ra trong tác phẩm (quan hệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng).
- Các luận điểm đi thẳng vào vấn đề, có tính nghệ thuật, hợp tình hợp lí.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 28

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT (TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS hiểu được sự cần thiết của việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết để tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).
- HS nắm vững hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả của cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem, cặp đôi suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ***Nhiệm vụ 1:*** GV hướng dẫn HS xem hình ảnh lá đơn xin nghỉ học (ở trên). ***Nhiệm vụ 2:*** HS thực hiện các yêu cầu: - Hình ảnh trên cho em hiểu điều gì? - Đâu là yếu tố gây cười khi em đọc lá đơn nghỉ học đó? - Nếu rơi vào tình thế phải nghỉ học, em sẽ viết đơn như thế nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	- Hình ảnh trên là một lá đơn xin nghỉ học. - Tình thế của người viết lá đơn: ốm -> cố đi học -> mệt thêm -> buộc phải xin phép nghỉ học. - Yếu tố gây cười:

- HS trao đổi thảo luận cặp đôi tìm từ và suy nghĩ cá nhân bày tỏ quan điểm về những hình ảnh vừa quan sát. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS tham gia trả lời câu hỏi nhanh. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung, góp ý, phản biện. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: *Trong thực tế, hiện tượng lạc phong cách (dùng lẫn các yếu tố ngôn ngữ nói vào văn bản viết hoặc sử dụng các yếu tố đặc trưng của ngôn ngữ viết vào nói năng hằng ngày rất phổ biến. Bài 1, chúng ta đã hiểu được khái niệm và đặc trưng của từng dạng ngôn ngữ. Bài học này, qua việc thực hành sẽ giúp chúng ta củng cố thêm kiến thức cơ bản, biết phân biệt hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết - một biểu hiện sáng tạo trong ngôn ngữ văn xuôi.*	ngôn ngữ nói, cảm xúc cá nhân,… không phù hợp với một lá đơn (ngôn ngữ nói: thưa cô, lí do nghỉ học chỉ cần ghi ốm là đủ nhưng lại kể lể dài dòng như một câu chuyện tán gẫu, tự do trong sinh hoạt hàng ngày,…) - HS tự do trả lời theo suy nghĩ của cá nhân về việc sẽ viết đơn xin nghỉ học nếu rơi vào tình thế phải nghỉ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. **Mục tiêu**:

- HS hiểu được sự cần thiết của việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết để tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).
- HS nắm vững hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả của cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi tham gia trò chơi *Ai nhanh ai đúng?* để nhận diện được một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường và vận dụng làm bài tập SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Phân biệt hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV viên chia lớp thành 2 nhóm. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi: ***Bước 1: Thảo luận nhóm*** **Nhóm 1:** Tìm hiểu những ngữ liệu lạc phong cách (GV tìm nguồn ngữ liệu từ chính bài viết của HS). **Nhóm 2:** Tìm hiểu những ngữ liệu mang tính sáng tạo của nhà văn khi sử dụng cộng hưởng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. ***Bước 2: Trao đổi cặp***	**I. Phân biệt hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết** - Hiện tượng lạc phong cách: HS lẫn lộn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. - Hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết – một biểu hiện sáng tạo trong ngôn ngữ văn xuôi: + Hiện tượng lời nửa trực tiếp trong ngôn ngữ kể chuyện. + Lời độc thoại nội tâm. + Lời nhại. **Ngữ liệu** *Chí Phèo* *Bà lão phấp phỏng bước theo con vào nhà.*

Mỗi thành viên nhóm 1 kết hợp với 1 thành viên nhóm 2 trao đổi cặp hoàn thành bảng (Bảng 1).

Ngữ liệu	*Chí Phèo là truyện ngắn đỉnh nhất của Nam Cao. Tác phẩm đã miêu tả quá ư chân thực tâm lí của người nông dân trong xã hội cũ.*	*Bà lão phấp phỏng bước theo con vào nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà? Ai thế nhỉ?*
Nguồn		
Giống nhau		
Khác nhau		

Các đội có thời gian tối đa 3 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn sản phẩm của một số nhóm trình bày trước lớp.
- HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét hoàn thiện sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức.

	là truyện ngắn đỉnh nhất của Nam Cao. Tác phẩm đã miêu tả quá ư chân thực tâm lí của người nông dân trong xã hội cũ.	*Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà? Ai thế nhỉ?*
Nguồn	Bài viết của HS	Trích *Vợ nhặt* – Kim Lân
Giống nhau	Kết hợp ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	
Khác nhau	Dùng các khẩu ngữ trong văn viết	Tái tạo, mô phỏng ngôn ngữ nói bằng ngôn ngữ viết: câu văn mang hình thức nửa trực tiếp (kể chuyện nương theo ý thức nhân vật, tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật)

II. Thực hành sử dụng ngữ nói và ngôn ngữ viết

1. Bài tập 1

- Ngữ liệu: Trong bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận, tình yêu thiên nhiên chắc chắn có

<u>Nhiệm vụ 2:</u> Thực hành sử dụng ngữ nói và ngôn ngữ viết

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV viên chia lớp thành 4 nhóm.

GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm.

Bước 1: Thảo luận nhóm

Nhóm 1: Vạch lá tìm sâu.

Hãy tìm trong các bài viết của mình hoặc bạn bè một số trường hợp diễn đạt "giống văn nói" và đề xuất cách chỉnh sửa.

Bảng 2

Nguồn	**Ngữ liệu**	**Lỗi**	**Đề xuất cách sửa**

Nhóm 2: Mọt truyện.

Tìm trong văn bản *Chí Phèo* những đoạn có sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Có thể thực hành theo bảng.

Bảng 3

Loại ngữ liệu chứa sự cộng hưởng nói – viết.	Ngữ liệu	Những câu hỏi, câu cảm thán được dùng xen ở các đoạn trên.	Chủ thể phát ngôn của lời kể và của những câu hỏi, câu cảm thán đó.	Sự khác nhau về các yếu tố ngôn ngữ giữa lời kể và những lời nói của nhân vật nào đó xen vào.
Lời nửa trực tiếp				
Độc thoại nội tâm				
Lời nhại				

Nhóm 3: Mọt phim

dính líu đến lòng yêu nước.

+ **Lỗi lạc phong cách:** Câu này lẽ ra phải thể hiện đặc trưng của ngôn ngữ viết. Tuy nhiên, ở đây, người viết đã sử dụng cụm từ "chắc chắn có dính líu" nên câu văn bị lạc phong cách (viết như nói).

+ **Sửa lại:** Trong bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận, tình yêu thiên nhiên cũng là một biểu hiện của lòng yêu nước.

2. Bài tập 2

- Gợi ý một số đoạn:

+ Từ "Hắn vừa đi vừa chửi!" đến "cả làng Vũ Đại cũng không ai biết.." trong SGK Ngữ văn 11, tập một, tr. 23.

+ Từ "Nhưng bây giờ thì hắn tỉnh" đến "Chao ôi là buồn!" trong SGK Ngữ văn 11, tập một, tr. 27.

3. Bài tập 3, 4

- Phim làng *Vũ Đại ngày ấy.*
- Phim *Vợ chồng A Phủ.*
- Phim *Số đỏ.*

4. Bài tập 5: Ưu thế, hạn chế của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Nội dung	**Ngôn ngữ nói**	**Ngôn ngữ viết**	**Nhận xét**
Sự tiện lợi trong sử dụng.	Ngôn ngữ nói được thực hiện nhờ các bộ phận phát âm của chính cơ thể con người;	Ngôn ngữ viết cần các phương tiện phụ trợ như bút, giấy, máy vi tính, máy điện thoại,...	Như vậy, ở khía cạnh này, ngôn ngữ nói ưu thế hơn ngôn ngữ viết.
Thời gian tác động đến đối tượng	Ngôn ngữ nói thường gắn với sự hiện diện của	Trong khi ngôn ngữ viết phải có thời gian cho	Ở khía cạnh này, ngôn ngữ viết

- Chọn một cảnh có hội thoại trong một bộ phim hoặc một chương trình trên truyền hình và nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong cảnh này. Từ đó, hãy đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói ở ví dụ mà bạn đã chọn.
- Thể hiện nội dung của hội thoại được chọn ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết và nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.

Bảng 4

Bộ phim.		
Đoạn hội thoại trong phim.		
Nội dung đoạn hội thoại.		
Nhân vật tham gia đoạn hội thoại.		
Hiệu quả đối thoại của các nhân vật.		
Sự khác biệt giữa đoạn hội thoại với đoạn văn viết lại nội dung hội thoại.	Sự khác biệt về hình thức được ghi thành văn bản và đoạn hội hội thoại trong phim.	
	Sự khác biệt về đặc điểm từ ngữ, câu và các phương tiện biểu hiện tình thái giữa đoạn hội thoại và đoạn văn viết.	
	Sự khác biệt về việc truyền đạt nội dung thông tin ở đoạn hội thoại và đoạn văn viết.	

Nhóm 4: Chuyên gia

Phân tích những ưu thế và giới hạn của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Bảng 5

Nội dung	**Ngôn ngữ nói**	**Ngôn ngữ viết**	**Nhận xét**
Sự tiện lợi trong sử dụng.			
Thời gian tác động đến đối tượng tiếp nhận.	người nói và người nghe. Điều này khiến cho việc tiếp nhận thông tin của người nghe diễn ra tức thì;	người đọc tiếp nhận và thời gian phản hồi.	không có ưu thế bằng ngôn ngữ nói.
Khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin.	Người phát và người nhận thông tin trao đổi trực tiếp.	Người phát và người nhận thông tin trao đổi gián tiếp qua trang sách.	Ưu thế tùy thuộc vào văn cảnh.
Dung lượng thông tin được truyền đạt.	Ngôn ngữ nói chỉ có thể truyền đạt một lượng thông tin hạn chế.	Trong khi lượng thông tin được truyền đạt bằng ngôn ngữ viết là rất lớn, ví dụ bộ sử thi hàng chục ngàn câu thơ, bộ tiểu thuyết hàng ngàn trang,...	Ở khía cạnh này, ngôn ngữ viết có ưu thế vượt trội so với ngôn ngữ nói.

nhận.			
Khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin.			
Dung lượng thông tin được truyền đạt.			
Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian.			
Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian.			

Bước 2: Thuyết trình sản phẩm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm cử đại diện thuyết trình sản phẩm
- HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét hoàn thiện sản phẩm

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức

Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian.	Ngôn ngữ nói chỉ có thể truyền đạt thông tin trong không gian hạn chế,	Ngôn ngữ viết có khả năng truyền đạt thông tin không giới hạn.	Ở khía cạnh này, ngôn ngữ viết có ưu thế vượt trội so với ngôn ngữ nói.
Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian.	Ngôn ngữ nói chỉ có thể lưu giữ thông tin trong thời gian tức thi, hoặc trong kí ức con người (không hoàn toàn chính xác).	Ngôn ngữ viết có thể lưu giữ thông tin trong thời gian vô hạn.	Ở khía cạnh này, ngôn ngữ viết có ưu thế vượt trội so với ngôn ngữ nói.

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Vận dụng kĩ năng giải quyết vấn đề trong thực tế:

- Vận dụng sự hiểu biết về đặc điểm ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết để không mắc lỗi trong lời ăn tiếng nói hàng ngày.
- Vận dụng sự hiểu biết về đặc điểm ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết trong thực hành viết văn để đạt hiệu quả cao nhất.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm các ngữ liệu lạc phong cách trong đời sống, trong các bài văn của chính mình, của mọi người.
- HS tìm các ngữ liệu cộng hưởng ngôn ngữ nói và viết trong văn học.
- Thành lập CLB ngôn ngữ.
- Trao đổi các kĩ năng giao tiếp.

c. Sản phẩm:

- Sổ tay giao tiếp, sổ tay văn học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **(Về nhà)** Nhóm 1: Tạo sổ tay giao tiếp (bằng cách sưu tầm và ghi lại tình trạng lạc phong cách trong lời ăn tiếng nói hàng ngày). Nhóm 2: Tạo sổ tay văn học (bằng cách tìm các ngữ liệu văn học chứa sự cộng hưởng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm)** Các nhóm trao đổi, thu thập thông tin, suy nghĩ hoàn thành nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm theo từng tuần hoặc tạo sổ tay điện tử cập nhật hằng ngày có sự chọn lọc và kiểm duyệt sản phẩm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS.	Sản phẩm thực tế của các nhóm được cập nhật theo quy định (theo ngày hoặc theo tuần).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

VIẾT

Tiết: 29, 30

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

(Con người với cuộc sống xung quanh)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận có nội dung đề cập những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thường nhật; có ý thức rèn luyện kĩ năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân bằng ngôn ngữ viết.

Thực hành viết

- Từ định hướng trên, HS biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề, đáp ứng yêu cầu đối với kiểu bài được nêu trong SGK.

2. Phẩm chất

- Có ý thức rèn luyện kĩ năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân bằng ngôn ngữ viết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS tìm hiểu điểm tin trên một số đầu báo, đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu điểm tin trên một số đầu báo Dantri.com, Vnexpress.net, Vietnamnet, điểm tin theo chủ đề: *Các vấn đề xã hội mà giới trẻ quan tâm* trên Youtube.com. - Học sinh quan sát các thông tin và trả lời câu hỏi: Em quan tâm thông tin nào nhiều hơn cả, quan điểm của em về điều đó?	- HS lựa chọn vấn đề xã hội. - HS thể hiện quan điểm cá nhân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh quan sát điểm tin, suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2-3 HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, nghe và bổ sung ý kiến. **Bước 4: Đánh giá kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: Mỗi giây, mỗi phút, mỗi giờ, mỗi ngày có biết bao tin tức về những vấn đề xã hội đáng để giới trẻ quan tâm. Vậy, bạn quan tâm đến vấn đề nào nhất, nếu viết về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh), bạn sẽ viết như thế nào? Hãy bắt đầu bài học ngày hôm nay:	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận có nội dung đề cập những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thường nhật; có ý thức rèn luyện kĩ năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân bằng ngôn ngữ viết.

b. Nội dung hoạt động:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh) trong tương quan so sánh với yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội đã học ở CT lớp 10.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
	Lớp 10	**Lớp 11**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/91 và thảo luận về các vấn đề: **Câu 1:** Một văn bản nghị luận về một về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh) cần đáp ứng những yêu cầu gì? **Câu 2:** Những yêu cầu này có điểm gì chung và riêng so với những yêu cầu trong một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội em đã học ở lớp 10? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK và sử dụng sơ	- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận. - Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận. - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ. - Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản. - Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.	- Nêu được vấn đề đáng quan tâm của đời sống thường nhật để bàn luận, - Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; - Sử dụng được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ; **- Đưa ra được những ý kiến trái chiều** có thể có về vấn đề được bàn luận và có **lí lẽ phản bác** nhằm tăng sức thuyết phục cho bài viết; - Rút ra được **ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân**.

đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của 2 kiểu bài theo nhóm bàn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**=> Như vậy:** + Tiếp nối với các bài thực hành viết văn bản nghị luận ở các lớp dưới, để viết bài văn nghị luận đề cập đến đối tượng là con người với đời sống xung quanh, HS cần rèn luyện các kĩ năng: triển khai bài nghị luận một cách chặt chẽ, nêu rõ luận đề, trình bày có hệ thống các luận điểm, từng luận điểm đều được triển khai bằng các lí lẽ chắc chắn và bằng chứng xác thực, đáng tin cậy. **+ Ở lớp 11, yêu cầu đối với dạng bài cao hơn khi HS phải đưa ra được những ý kiến trái chiều, lí lẽ phản bác và ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân.**

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cách triển khai vấn đề của bài viết.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 91,92 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được các bước để viết một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV tổ chức cho HS đọc kĩ bài viết tham khảo (có thể tổ chức đọc theo nhóm đôi), tóm lược từng phần của bài viết, chú ý những thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản để nhận biết được cách triển khai vấn đề của bài viết.
- Hoàn thành Phiếu học tập đọc và phân tích bài viết tham khảo:
<table>
<tr><td>Vấn đề đời sống mà bài viết tập trung bàn luận.</td><td></td></tr>
<tr><td>Các luận điểm được triển khai.</td><td></td></tr>
<tr><td>Mối quan hệ giữa các luận điểm.</td><td></td></tr>
<tr><td>Những lí lẽ và bằng chứng mà người viết đã sử dụng khi triển khai từng luận điểm.</td><td></td></tr>
<tr><td>Điều bạn muốn bổ sung cho bài viết.</td><td></td></tr>
</table>
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS đọc bài tham khảo.
- HS trả lời câu hỏi.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- HS chia sẻ câu trả lời.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Đánh giá, kết luận
- GV nhận xét, chốt kiến thức bằng gợi ý phiếu học tập ở dưới.
</td><td>
Bài viết tham khảo: Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống – Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa.
(Xem Phiếu học tập đọc và phân tích bài viết tham khảo bên dưới)
</td></tr>
</table>

- HS có thể học tập kĩ năng diễn đạt và trình bày ở bài viết tham khảo để viết kiểu bài nghị luận tương tự.	

PHIẾU HỌC TẬP ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

Vấn đề đời sống mà bài viết tập trung bàn luận.	Đó là việc trong đời sống thường nhật, con người cần biết lắng nghe "những tiếng thì thầm", đó là những tiếng nói, tiếng lòng thầm kín của con người và cả thế giới tự nhiên mà cần đến sự chủ động, tinh tế từ phía người nghe khi tiếp nhận những thanh âm đó.
Các luận điểm được triển khai.	- LĐ1: Bàn về nghĩa của từ "lắng nghe". - LĐ2: Bàn về việc lắng nghe nỗi buồn vui của con người với những bằng chứng thực tế. - LĐ3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm. - LĐ4: Phản bác ý kiến trái chiều. - LĐ5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe.
Mối quan hệ giữa các luận điểm.	Các luận điểm trên có mối quan hệ mật thiết, bổ sung, hỗ trợ cho nhau trong việc làm sáng tỏ vấn đề mà bài viết bài luận.
Những lí lẽ và bằng chứng mà người viết đã sử dụng khi triển khai từng luận điểm.	**- LĐ1: Bàn về nghĩa của từ "lắng nghe"** **+ Lí lẽ:** Chỉ khi lắng nghe, chúng ta mới nhận ra được những tiếng thì thầm, khẽ khàng hay những âm thanh không lời… lắng nghe có nghĩa là thấu hiểu, đồng cảm. **+ Bằng chứng:** Biết lắng nghe là khả năng chia sẻ với những suy nghĩ, tâm tư, ước vọng của người khác hoặc biết hòa điệu với thế giới xung quanh. **- LĐ2: Bàn về việc lắng nghe nỗi buồn vui của con người với những bằng chứng thực tế.** **+ Lí lẽ:** Khi lắng nghe tiếng nói từ cuộc sống hàng ngày của con người, ta sẽ nhận thấy có những tiếng nói chỉ "thì thầm" thôi mà ẩn chứa bao nỗi niềm, bao cung bậc tình cảm. **+ Bằng chứng:** Tâm sự của một em bé đang nằm trên giường bệnh về ước mơ được tiếp tục đến trường; tiếng thở dài của những người nông dân; nỗi mong mỏi được về quê sum họp dâng lên trong ánh mắt của những người lao động nghèo… **+ Lí lẽ:** Biết lắng nghe, ta biết xúc động, cùng vui cùng buồn với từng cảnh ngộ **+ Bằng chứng:** Vui mừng khi nghe tin em bé mười tám tháng tuổi được cứu sống trên biển Thổ Nhĩ Kì; đau buồn khi nghe những lời nói trong tiếng nấc nghẹn ngào của thân nhân những hành khách… **- LĐ3: Bàn luận về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên trải nghiệm** **+ Lí lẽ:** Sẽ là đơn giản hơn nếu nghĩ rằng trong cuộc sống này, chỉ con người mới cất lên tiếng nói. **+ Bằng chứng:** Thiên nhiên quanh ta cũng có tiếng nói riêng của nó; tiếng lá rơi; tiếng giọt sương lăn trên tàu tiêu… tiếng thở dài bất lực của rừng câu, tiếng lá xạc xào run rẩy, tiếng kêu khe khẽ đầy sợ hãi của loài thú hoang… **- LĐ4: Phản bác ý kiến trái chiều**

	+ **Lí lẽ:** Bạn cũng có quyền chọn cách sống bỏ qua những tiếng thì thầm ấy để tránh phiền toái, không phải lo nghĩ về những việc không liên quan. + **Bằng chứng:** Chẳng còn những ánh mắt chia sẻ, những bàn tay đan kết, những cử chỉ dịu dàng gửi chút tấm lòng "để gió cuốn đi". **- LĐ5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe** + **Lí lẽ:** Lắng nghe là để hiểu, để hành động và hướng tới những điều tốt đẹp. + **Bằng chứng:** Giúp chúng ta biết cảm nhận chân thực và trân quý hơn những giá trị sống quanh mình; lắng nghe từng tiếng tích tắc đồng hồ trên vách, ta sẽ hiểu thời gian đang thì thầm nhắc mình về tuổi trẻ đang qua, về những khát vọng còn dang dở…
Điều bạn muốn bổ sung cho bài viết.	- Làm thế nào để có thể lắng nghe? - Bài học khi liên hệ cá nhân.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** Chuẩn bị viết** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - HS có thể chủ động lựa chọn vấn đề mình đã trải nghiệm và có nhiều suy ngẫm; có thể chọn vấn đề được gợi ý trong SGK hoặc vấn đề cá nhân thấy quan tâm và có ý nghĩa. - GV có thể gợi ý để HS chọn vấn đề: Những vấn đề gì diễn ra trong nhà trường, gia đình và môi trường xung quanh thường khiến em có trăn trở, suy nghĩ. Hãy phát biểu vấn đề đó bằng một mệnh đề (thể hiện "tình huống có vấn đề") như những vấn đề được gợi ý trong SGK. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá, kết luận**	**1. Chuẩn bị viết:** **Một số đề tài gợi ý:** - Về một hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở địa phương mà em đã tham gia - Vai trò của cách tổ chức cuộc sống cá nhân với việc hoàn thiện nhân cách - Tìm hiểu mối liên hệ giữa việc tiếp thu ý kiến của người khác và tính tự chủ bản thân - Ý nghĩa của việc phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội - Nghiện mạng xã hội - Người trẻ hiện đại thiếu đề kháng với áp lực xã hội - Trào lưu sống ảo - Giới trẻ với lối sống khép kín sợ giao tiếp xã hội - Làm gì khi giới trẻ xa rời văn hóa truyền thống? … **2. Tìm ý, lập dàn ý:** **Phiếu tìm ý** **Các ý cần** | **Yêu cầu cụ thể** | **Kết quả**

GV nhận xét phần trình bày của HS.

*** Tìm ý, lập dàn ý**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tìm ý theo phiếu tìm ý (cột bên)

- GV yêu cầu HS dự kiến cả những lí lẽ và bằng chứng.

Lưu ý:

+ Bằng chứng: Nên lựa chọn những bằng chứng sát hợp, tiêu biểu, có ý nghĩa để tăng sức thuyết phục (bằng chứng được thu thập thông qua quan sát, trải nghiệm trực tiếp của cá nhân hoặc bằng chứng được khai thác từ sách báo và các phương tiện truyền thông. Cần lưu ý đặc biệt những bằng chứng gần gũi, thiết thực.)

+ Lí lẽ: Cần có cách tiếp cận vấn đề từ những góc nhìn khác nhau, từ đó đưa ra cùng lúc cả lí lẽ mang tính khẳng định và lí lẽ phản bác các quan điểm trái chiều.

- Hướng dẫn HS lập dàn ý theo phiếu Lập dàn ý (cột bên)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS.

*** Viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS viết bài hoàn chỉnh theo sự lựa chọn.

GV lưu ý:

- Hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để triển khai bài viết

+ HS viết bài theo bố cục ba phần được gợi ý trong SGK.

+ HS có thể viết bài trên lớp hoặc ở nhà. GV lưu ý HS cần viết bằng suy nghĩ và ngôn ngữ của cá nhân, tránh sao chép.

- Sau khi viết, HS cần đọc lại, chỉnh sửa,

tìm		**thảo luận**
Giới thiệu vấn đề nghị luận	Vấn đề chính sẽ bàn trong bài viết là gì? Vấn đề đó được xã hội quan tâm như thế nào?	
Bàn bạc về vấn đề nghị luận	- Vấn đề đó được hiểu như thế nào? - Biểu hiện của vấn đề đó trong cuộc sống là gì? Vấn đề đó có ý nghĩa gì? - Thực trạng của vấn đề hiện nay và nguyên nhân của nó là gì?	
Mở rộng vấn đề	- Cần làm gì để phát huy yếu tố tích cực của vấn đề? - Vấn đề đó có tác động thế nào đối với cá nhân?	

Phiếu Lập dàn ý

Hướng dẫn	**Thực hành**
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết.	
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.	
3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: **- Mở bài:** Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,… **- Thân bài:** Cần triển khai các ý: + Trình bày bản chất của	

hoàn thiện bài viết theo hướng dẫn của GV. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Cá nhân HS viết bài. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài** - GV nhận xét chung về tình hình làm bài của HS trong lớp, những ưu điểm và nhược điểm phổ biến (về việc lựa chọn và triển khai vấn đề; về kĩ năng viết bài nghị luận theo yêu cầu cụ thể; về cách trình bày, diễn đạt;...). - GV nhận xét, chấm điểm theo **Rubric đánh giá bài viết (bên dưới).** - GV trả bài cho HS, yêu cầu các em xem kĩ nhận xét của GV trong bài, dựa vào bảng hướng dẫn để sửa viết (thực hiện ở nhà). Cho HS đọc chéo bài của nhau để trao đổi về những ưu điểm và nhược điểm của bài viết.	vấn đề đời sống được bàn luận và nêu quan điểm của người viết (lí lẽ và bằng chứng). + Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề viết (lí lẽ và bằng chứng). + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (lí lẽ và bằng chứng). + Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng (lí lẽ và bằng chứng). **- Kết bài:** Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,…)	

3. Viết:

Đề bài: Tục ngữ Châu Phi có câu:

"Mỗi buổi sáng ở châu Phi, con linh dương thức dậy, nó biết phải chạy nhanh hơn con sư tử chạy nhanh nhất nếu không nó bị giết.

Mỗi buổi sáng con sư tử thức dậy, nó biết phải chạy vượt con linh dương chạy chậm nhất hoặc nó chết đói.

Không thành vấn đề bạn là sư tử hay linh dương, khi mặt trời lên, tốt hơn bạn bắt đầu chạy."

Từ câu tục ngữ trên, anh/ chị hãy suy nghĩ về thái độ sống của thanh niên thời hiện đại.

(Tham khảo dàn ý bên dưới.)

DÀN Ý THAM KHẢO:

Từ câu tục ngữ Châu Phi, suy nghĩ về thái độ sống của thanh niên thời hiện đại.

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận: Từ câu tục ngữ Châu Phi nghĩ về thái độ sống của thanh niên thời hiện đại.

2. Thân bài: Cần triển khai các ý:

- Bản chất của vấn đề và quan điểm của người viết:

+ Con linh dương và con sư tử phải chạy theo bản năng sinh tồn của loài. Nếu không chạy, chúng sẽ bị ăn thịt hoặc chết đói.
+ Con người cũng cần phải chạy:
++ Nghĩa đen: Chỉ hoạt động của đôi chân.
++ Nghĩa bóng: Con người luôn phải sống, hoạt động, học tập, làm việc để tồn tại.
. Chạy là sống khẩn trương có ý nghĩa, tận hưởng vẻ đẹp của cuộc sống từng giây, từng phút.
. Chạy còn là tiến kịp với nhịp sống mau lẹ, sự thay đổi trong từng giây, từng phút của thế giới. Nếu không, sẽ bị bỏ lại phía sau, tụt hậu so với mọi người và xã hội.
. Chạy là để có thêm cơ hội khám phá những giá trị mới mẻ của cuộc sống, tiếp thu những tri thức mới để có thể thích ứng với sự thay đổi của thời đại.
+ Quan điểm của người viết: Câu tục ngữ nói lên một vấn đề sống còn với con người thời hiện đại. Nếu muốn tồn tại, phát triển trong xã hội không ngừng vận động thì con người không được đứng yên, ngủ quên mà phải sống, học tập và làm việc hết mình, luôn mở mang tri thức để theo kịp thời đại.
- Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề viết
+ Cuộc sống luôn vận động không ngừng. Vì vậy, con người không thể trì trệ, lãng phí thời gian mà phải luôn có tốc độ sống tích cực thì mới có thể bắt kịp với sự thay đổi của thế giới.
+ Đối với thế hệ trẻ, không thể thiếu tri thức trong hành trang bước vào thế kỉ mới bởi chính mình sẽ quyết định tương lai của mình và cả tương lai của người xung quanh, cả cộng đồng, xã hội.
+ Dẫn chứng: Những tấm gương như Lê Quang Liêm, Ngô Bảo Châu,…
- Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:
+ Chạy không những là đuổi theo một cách vô thức mà là hướng theo những lí tưởng, ước mơ, những mục tiêu cao đẹp.
+ Để sống, con sư tử phải ăn thịt con linh dương nhưng con người không thể vì hạnh phúc, quyền lợi, mục đích của mình mà giẫm đạp lên những kẻ yếu thế. Ngược lại phải giúp người khác chạy đua với mình để họ cùng cố gắng tiến bộ.
+ Dù chạy để theo kịp thời đại nhưng cũng có lúc trong hành trình mệt mỏi đi tìm ước mơ, con người cũng phải biết dừng lại để tâm hồn tĩnh lặng và không ngoái lại phía sau để cảm nhận được hạnh phúc đang có, trong những gì tốt đẹp có giá trị khác mà mình đang sở hữu. Suy cho cùng, chạy cũng là để sống tốt hơn.
+ Phê phán lối sống trì trệ, lãng phí thời gian, sa vào tệ nạn xã hội, vô trách nhiệm, bỏ bê chính mình…
- Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng:
+ Để có thể có đủ sức "chạy", chúng ta cần chuẩn bị hành trang thật vững chắc về tri thức, sức khỏe, bản lĩnh,…
+ Bản thân luôn luôn phải nỗ lực phấn đấu, học tập, sống tích cực.
3. Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề.

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù

	tả.		hợp.Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo
Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết văn bản nghị luận về *mối liên hệ giữa việc tiếp thu ý kiến của người khác và tính tự chủ bản thân.*
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội.

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 31

TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận; trình bày được ý kiến của bản thân về vấn đề; rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.
- Thể hiện sự tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác đối với một vấn đề xã hội cụ thể.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,… xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,…

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem review phim, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip. https://www.youtube.com/watch?v=u-1AZLYm4BU&t=1094s (18:30 – 22:18) HS trả lời câu hỏi: Em có bị thuyết phục bởi những phát biểu của các nhân vật trong Clip không? Tại sao em bị thuyết phục? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	HS thể hiện quan điểm cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe: **Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.**

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe: **Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.**

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình đúng yêu cầu và quy trình.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
* CHUẨN BỊ
1. NGƯỜI NÓI
a. Yêu cầu
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói ở nhà (tìm ý, lập dàn ý cho bài nói theo đề tài đã chọn; tìm thêm tư liệu, bằng chứng để sử dụng khi cần;...).
- Vào tiết học, GV kiểm tra nhanh nội dung chuẩn bị của HS, đặc biệt là những em được chỉ định trình bày bài nói; nhắc lại yêu cầu của kiểu bài nói sẽ thực hiện trong tiết học để HS chú ý.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện các yêu cầu.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu
b. Quy trình thuyết trình
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
Đọc phần hướng dẫn trong SGK, chỉ ra quy trình mà người nói cần thực hiện.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS đọc SGK và thảo luận nhóm (2 bàn) ghi ra giấy quy trình.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu.
2. NGƯỜI NGHE
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
</td><td>
I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE
1. Người nói
a. Yêu cầu
- Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.
- Làm rõ được bản chất và vai trò của vấn đề trong đời sống xã hội.
- Trình bày được ý kiến đánh giá, bình luận của cá nhân về vấn đề; biết phân tích, đánh giá ý kiến của người khác.
- Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá, bình luận về vấn đề.
- Thể hiện sự tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác đối với vấn đề cần bàn luận.
b. Quy trình thuyết trình
- Lựa chọn đề tài: Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó, chẳng hạn:
- Về một hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở địa phương mà em đã tham gia.
- Vai trò của cách tổ chức cuộc sống cá nhân với việc hoàn thiện nhân cách.
- Tìm hiểu mối liên hệ giữa việc tiếp thu ý kiến của người khác và tính tự chủ bản thân.
- Ý nghĩa của việc phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội.
- Nghiện mạng xã hội.
- Người trẻ hiện đại thiếu đề kháng với áp lực xã hội.
- Trào lưu sống ảo.
- Giới trẻ với lối sống khép kín sợ giao tiếp xã hội.
- Làm gì khi giới trẻ xa rời văn hóa truyền thống?
- Hiến máu nhân đạo.
- Du học.
- Học đại học có phải con đường duy nhất để thành công,…
- Tìm ý và sắp xếp ý
+ Tìm ý:
<table>
<tr><th>STT</th><th>Các ý cần tìm</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Vấn đề thuyết trình.</td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Mức độ quan tâm của xã hội đối với</td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>Theo em, người nghe cần chuẩn bị những gì khi nghe bài: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội?
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS hoạt động cá nhân ghi ra giấy theo suy nghĩ của mình.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
GV gọi HS trình bày 1 phút kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung.
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu.</td>
<td>
<table>
<tr><td></td><td>vấn đề.</td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Bản chất của vấn đề.</td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>Các khía cạnh của vấn đề.</td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td>Những ý kiến trái chiều về vấn đề.</td><td></td></tr>
<tr><td>6</td><td>Tác động của việc nghị luận về vấn đề đối với bản thân và xã hội.</td><td></td></tr>
</table>
+ Sắp xếp ý: theo trật tự Mở đầu – Triển khai– Kết luận
2. Người nghe
-Tìm hiểu trước về nội dung của bài.
- Chuẩn bị các tài liệu, câu hỏi liên quan để nghe và phản hồi.
- Chuẩn bị tâm thế chủ động, sẵn sàng, cầu thị, xây dựng.
</td>
</tr>
</table>

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xây dựng một bài thuyết trình theo quy trình và thực hành nói nghe.

b. Nội dung: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Thực hành nói** - GV lần lượt yêu cầu từng HS đã được giao nhiệm vụ lên trình bày bài nói (đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội). Ấn định trước về thời gian cho mỗi lượt trình bày để HS chủ động thu xếp. Mỗi người trình bày có thể đi vào đề tài riêng, không trùng lặp. GV yêu cầu HS trong tư cách người nghe chú ý theo dõi bài nói, ghi chép nhanh những ý kiến nảy sinh để trao đổi sau đó. - Trước một vấn đề xã hội, ý kiến đánh giá, bình luận của mọi người thường khác nhau. GV yêu cầu HS tôn trọng quan điểm, ý kiến của người khác trên cơ sở trình bày rõ ràng quan điểm riêng của mình; nhắc nhở HS chú trọng tính thuyết phục của ý kiến cá nhân. **1. Trao đổi** - Sau khi những HS được giao nhiệm vụ hoàn thành phần trình bày, GV tổ chức cho cả lớp trao đổi. Nội dung trao đổi tập trung vào một số khía cạnh: + Vấn đề xã hội được người nói lựa chọn để đánh giá, bình luận.	**II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI** **1. Thực hành nói** - Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu - Triển khai - Kết luận. - Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ. + **Mở đầu:** Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,… + **Triển khai:** Cần triển khai các ý: ++ Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận và nêu quan điểm của người nói (lí lẽ và bằng chứng). ++ Xem xét vấn đề dưới nhiều góc

<table>
<tr>
<td>
+ Chất lượng của bài nói (quan điểm của người nói về vấn đề; các ý kiến bình luận, đánh giá; khả năng sử dụng lí lẽ và bằng chứng để lập luận; mức độ thuyết phục của các ý kiến,...).
+ Kĩ năng trình bày bài nói: cách sử dụng ngôn ngữ và yếu tố phi ngôn ngữ, sự tương tác với người nghe; việc giải quyết những thắc mắc của người nghe;...
+ Mức độ chú ý và khả năng nắm bắt nội dung của người nghe; việc phân tích đánh giá quan điểm, ý kiến mà người nói trình bày,...
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS làm việc nhóm, sắp xếp, kiểm tra lại phần thuyết trình và phương tiện sử dụng của nhóm.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
- Đại diện HS các nhóm thuyết trình về vấn đề xã hội.
- Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn.
- Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn.
Bước 4. Kết luận, nhận định
- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm,
- Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội để HS rút kinh nghiệm
- GV phát phiếu và yêu cầu HS điền thông tin vào phiếu, thu lại để theo dõi hoạt động nói và nghe của lớp, từ đó, có thêm cơ sở đánh giá năng lực của từng HS (Phụ lục 1 bên dưới).
- Tham khảo bài thuyết trình (Phụ lục 2 bên dưới).
</td>
<td>
nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề nói (lí lẽ và bằng chứng).
++ Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (lí lẽ và bằng chứng).
++ Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng (lí lẽ và bằng chứng).
+ Kết luận: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,…)
2. Trao đổi
<table>
<tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr>
<tr><td>- Nắm được những thắc mắc của người nghe để trả lời thỏa đáng, tiếp thu ý kiến của người nghe để điều chỉnh cần thiết
- Khẳng định lại những ý kiến, quan điểm mà mình cho rằng có cơ sở.</td><td>- Chủ động nêu ý kiến cần thảo luận.
- Cần hướng vào cả 2 khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

PHỤ LỤC 1

Người nói và người nghe tham khảo bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội để nêu ý kiến.		
2	Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.		
3	Trình bày đúng bản chất vấn đề.		
4	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
5	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		

PHỤ LỤC 2

Dàn ý tham khảo cho bài nói: *Biết lắng nghe – điều kì diệu của cuộc sống.*

1. Mở đầu: Giới thiệu vấn đề: *Biết lắng nghe – điều kì diệu của cuộc sống.*

2. Triển khai: Cần trình bày các ý:

- Bản chất của vấn đề và quan điểm của người nói:

+ Bản chất của vấn đề:

++"*Nghe"* là sự tiếp nhận âm thanh, bằng tai (thính giác).

++ "*Biết lắng nghe – điều kì diệu của cuộc sống*" là một trong những cách tiếp nhận, học hỏi của con người nhằm làm cho bản thân ngày càng hoàn thiện.

+ Quan điểm của người nói:

++"*Biết lắng nghe"* tùy thuộc vào ý thức chủ quan của mỗi người. Đó là đức tính, là năng lực cần phải học hỏi, là yếu tố thúc đẩy để con người tự hoàn thiện nhân cách và trưởng thành hơn …do đó, *"Biết lắng nghe"* là điều kì diệu của cuộc sống.

- Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề nói:

+ "*Biết lắng nghe"* phụ thuộc vào nhiều yếu tố như kinh nghiệm sống, vốn văn hóa, tầm nhìn, sự nhạy cảm, độ tinh tường, tinh thần cầu thị, quan niệm sống của con người,…

+ "*Biết lắng nghe"* là điều kì diệu của cuộc sống: nghe để hiểu, để hành động, để hướng tới giá trị chân, thiện, mĩ. Chẳng hạn, biết nghe tiếng vọng về từ quá khứ, nghe những gì đang diễn ra ở hiện tại, nghe được cả tương lai; nghe được lời của thiên nhiên, đất trời, lời của cây cối, chim muông; nghe để phân biệt phải trái, hay dở, tốt xấu, nghe được cả tiếng trái tim mình…

- Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:

+ Không biết lắng nghe thì cuộc sống thật vô nghĩa, tẻ nhạt, …

+ Chống tư tưởng chủ quan, bảo thủ và phê phán lối sống ích kỉ, *"biết nghe mà vẫn giả điếc",…*

- Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng:

+ *"Biết lắng nghe"* có vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người, vì vậy, mỗi người cần phải có ý thức rèn luyện năng lực *"lắng nghe".*

+ Biết lắng nghe một cách chân thành, cầu thị để có thể chia sẻ, đồng cảm với người khác và làm cho cuộc sống của mình ngày càng có ý nghĩa,…

- Kết luận: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động).

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân.

b. Nội dung: Thành lập các nhóm tìm hiểu các vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm: Các bài Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm có cùng sở thích tìm hiểu các vấn đề xã hội.

- GV lựa chọn nhóm trưởng, hướng dẫn phân công HS tìm hiểu, thu thập thông tin và chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề, chẳng hạn như:

1. Những vấn đề giới trẻ quan tâm.
2. Vấn đề nghề nghiệp trong tương lai.
3. Đối mặt với những vấn nạn xã hội,…

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức buổi trao đổi trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.
- HS chuyển tài liệu lên trang: https://drive.google.com/drive.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kĩ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS.

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 3)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Hãy so sánh luận đề, luận điểm, các yếu tố bổ trợ của ba văn bản: *Cầu hiền chiếu, Tôi có một ước mơ, Một thời đại trong thi ca.*

Câu 2. Qua việc đọc ba văn bản trong bài đọc, theo bạn, sự chặt chẽ trong cấu trúc của văn bản nghị luận phụ thuộc vào những điều gì?

Câu 3. Yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm được sử dụng trong văn bản nghị luận có tác dụng gì?

Câu 4. Bạn hãy chọn một đề tài trong mục *Chuẩn bị viết* của phần *Viết* và thực hiện các nhiệm vụ sau:

a. Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết về đề tài đã chọn. Viết hai đoạn triển khai hai ý kề nhau.

b. Chuyển từ dàn ý bài viết sang dàn ý bài nói, dựa vào đó để tập luyện cách trình bày bài nói.

Câu 5. Tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận và ghi chép các thông tin cơ bản sau:

- Vấn đề được bàn luận, ý nghĩa của vấn đề;
- Quan điểm của người viết;
- Đối tượng tác động;
- Nghệ thuật lập luận;
- Mức độ thuyết phục;

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, tự chọn cách thức trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi theo cách HS lựa chọn.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI:

Câu 1. So sánh luận đề, luận điểm, các yếu tố bổ trợ của ba văn bản: *Cầu hiền chiếu, Tôi có một ước mơ, Một thời đại trong thi ca.*

	Cầu hiền chiếu	**Tôi có một ước mơ**	**Một thời đại trong thi ca**

Luận đề	Bài viết hướng tới các sĩ phu Bắc Hà, nhằm kêu gọi nhân tài giúp nước.	Giấc mơ bình đẳng, tự do của người da đen ở nước Mỹ.	Tinh thần của Thơ mới.
Luận điểm	- Nêu sứ mệnh của kẻ hiền tài. - Lời kêu gọi người hiền và những hứa hẹn về chính sách trọng dụng người hiền của nhà nước. - Lời bố cáo.	- Thực trạng cuộc sống người da đen. - Cuộc đấu tranh của những người da đen. - Giấc mơ của người da đen ở nước Mỹ.	- Nguyên tắc chung của việc đánh giá Thơ mới. - Đối sánh, tìm ra đặc trưng giữa thơ cũ và Thơ mới. - Luận giải về nội dung, biểu hiện của chữ ta và chữ tôi trong thơ ca.
Các yếu tố bổ trợ	- Kết hợp các yếu tố biểu cảm, tự sự,… - Sử dụng điển cố, hình ảnh ẩn dụ. - Từ ngữ giàu sức gợi.	- Kết hợp các yếu tố biểu cảm, tự sự,… - Sử dụng những hình ảnh, câu văn có sức truyền cảm.	- Cách viết linh hoạt, uyển chuyển, giàu hình ảnh, so sánh gợi nhiều liên tưởng, có sức hấp dẫn mạnh mẽ. - Dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc, phân tích tinh tế.

Câu 2. Yếu tố tạo nên sự chặt chẽ trong cấu trúc của văn bản nghị luận:

- Văn nghị luận đòi hỏi sự chặt chẽ của lập luận, sự xác đáng của luận cứ, sự chính xác, tinh tế của lời văn; đạt tới yêu cầu thấu lí đạt tình, không chỉ thuyết phục người ta bằng cách nêu vấn đề, cách luận giải sắc sảo, chặt chẽ mà còn tác động cả tới tình cảm của người đọc (người nghe).
- Kĩ năng lựa chọn và sử dụng dẫn chứng: là việc huy động dẫn chứng, chọn dẫn chứng cho phong phú, đa dạng và sử dụng hiệu quả. Kĩ năng trích dẫn dẫn chứng: yêu cầu dẫn chứng phải chính xác; dẫn chứng phải đủ trong phạm vi yêu cầu của đề về tư liệu; dẫn chứng phải tiêu biểu, xác đáng, có tính mới. Khi lấy dẫn chứng cần chú ý đến tính hệ thống, sắp xếp theo trục thời gian tuyến tính, không gian từ xa đến gần.

Câu 3. Tác dụng của yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận:

- Thuyết minh trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực.
- Miêu tả được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan.
- Tự sự đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên.
- Biểu cảm giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.

Câu 4. Đề tài lựa chọn: Vai trò của yếu tố giao tiếp đối với sự hình thành, phát triển nhân cách.

a. Tìm ý và lập dàn ý bài viết

*** Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.

*** Thân bài:** Cần triển khai các ý:

- Bản chất vấn đề:

+ Giao tiếp là hình thức đặc trưng của mối quan hệ giữa con người với con người, qua đó nảy sinh sự tiếp xúc tâm lý và được biểu hiện ở các quá trình thông tin, hiểu biết, rung cảm, ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau.

+ Từ trong giao tiếp, sự tiếp xúc tâm lí sẽ cụ thể hóa các quan hệ xã hội, nghĩa là chuyển các quan hệ gián tiếp xã hội (thể chế, pháp luật…) thành các quan hệ trực tiếp (giao tiếp).

- Các khía cạnh của vấn đề:

+ Giao tiếp là điều kiện tồn tại của cá nhân và xã hội loài người.

+ Nhờ giao tiếp mỗi người nhận ra và xác định được tư tưởng, tình cảm, nhu cầu, vốn sống, kinh nghiệm, hiểu biết, quan điểm,… của đối tượng mà mình giao tiếp.
+ Giao tiếp là điều kiện để tâm lý, nhân cách phát triển bình thường.
+ Nhờ có giao tiếp, con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội, lĩnh vực văn hóa xã hội, chuẩn mực xã hội đồng thời thông qua giao tiếp, con người đóng góp năng lực của mình vào kho tàng chung của nhân loại
+ Từ quá trình giao tiếp, con người sẽ có cách nhìn nhận về nhau, hiểu ý nhau nên từ đó mỗi người sẽ tự điều chỉnh, điều khiển nhận thức, hành vi của mình để phù hợp với những quy phạm đạo đức, chuẩn mực xã hội, các quan hệ xã hội.
+ Qua giao tiếp con người hình thành năng lực tự ý thức trong giao tiếp con người không chỉ nhận thức người khác, nhận thức các quan hệ xã hội mà còn nhận thức, đánh giá bản thân mình.
- Ý kiến trái chiều: Nếu không giao tiếp với mọi người xung quanh liệu chẳng phải cá nhân đó hoặc luôn xem mình là nhất hoặc lúc nào cũng mặc cảm tự ti cho rằng mình yếu kém,…
- Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng:
+ Cần nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của giao tiếp trong xã hội đối với việc hoàn thiện nhân cách của bản thân.
+ Thường xuyên rèn luyện kĩ năng giao tiếp là điều kiện thiết yếu để nâng cao nhân cách bản thân.
+ Không ngừng học hỏi các kĩ năng cũng như chú trọng đến nội dung khi giao tiếp.
+ Trong công việc, lao động cũng như trong đời sống hằng ngày, giao tiếp là sợi dây liên kết giữa người với người. Giao tiếp cùng các yếu tố khác tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ, móc nối nhau giúp con người hình thành và phát triển nhân cách.
*** Kết bài:** Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động)

Viết hai đoạn triển khai hai ý kề nhau (tham khảo):

Qua giao tiếp, con người hình thành năng lực tự ý thức, con người không chỉ nhận thức người khác, nhận thức các quan hệ xã hội mà còn nhận thức, đánh giá bản thân mình. Bằng cách này mỗi người sẽ thông qua người khác xem những người xung quanh mình nghĩ thế nào về bản thân họ, nói cách khác là họ đánh giá bản thân thông qua những người họ giao tiếp, xem ý kiến của mình có đúng đắn không, có được người khác thừa nhận không. Trên cơ sở đó, mỗi người sẽ tự nhận thức được và tự điều chỉnh, điều khiển hành vi của bản thân theo hướng tăng hoặc giảm sự thích ứng với mọi người xung quanh.

Ta thử đặt những câu hỏi ngược lại, nếu không giao tiếp liệu cá nhân đó có biết được xã hội chấp nhận hay không chấp nhận họ? Nếu không giao tiếp với mọi người xung quanh liệu chẳng phải cá nhân đó hoặc luôn xem mình là nhất hoặc lúc nào cũng mặc cảm tự ti cho rằng mình yếu kém. Một người chỉ khi tham gia các hoạt động xã hội, tiếp xúc, giao tiếp với tập thể, cộng đồng thì mới tự nhận thức được mình nên làm gì là tốt nhất, trong hoàn cảnh nào thì không nên làm gì.

b. Lập dàn ý bài nói:
*** Mở đầu:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.
*** Triển khai các ý:**
(1) Ta cần hiểu vấn đề trên như thế nào?
- Giao tiếp là hình thức đặc trưng của mối quan hệ giữa con người với con người, qua đó nảy sinh sự tiếp xúc tâm lý và được biểu hiện ở các quá trình thông tin, hiểu biết, rung cảm, ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau.
- Từ trong giao tiếp, sự tiếp xúc tâm lí sẽ cụ thể hóa các quan hệ xã hội, nghĩa là chuyển các quan hệ gián tiếp xã hội (thể chế, pháp luật…) thành các quan hệ trực tiếp (giao tiếp).
(2) Vậy giao tiếp ảnh hưởng tới việc hình thành nhân cách ra sao?

- Giao tiếp là điều kiện tồn tại của cá nhân và xã hội loài người.
- Nhờ giao tiếp mỗi người nhận ra và xác định được tư tưởng, tình cảm, nhu cầu, vốn sống, kinh nghiệm, hiểu biết, quan điểm,… của đối tượng mà mình giao tiếp.
- Giao tiếp là điều kiện để tâm lý, nhân cách phát triển bình thường.
- Nhờ có giao tiếp, con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội, lĩnh vực văn hóa xã hội, chuẩn mực xã hội đồng thời thông qua giao tiếp, con người đóng góp năng lực của mình vào kho tàng chung của nhân loại.
- Từ quá trình giao tiếp, con người sẽ có cách nhìn nhận về nhau, hiểu ý nhau nên từ đó mỗi người sẽ tự điều chỉnh, điều khiển nhận thức, hành vi của mình để phù hợp với những quy phạm đạo đức, chuẩn mực xã hội, các quan hệ xã hội.
- Qua giao tiếp, con người hình thành năng lực tự ý thức trong giao tiếp. con người không chỉ nhận thức người khác, nhận thức các quan hệ xã hội mà còn nhận thức, đánh giá chính bản thân mình.

(3) Có những người có ý kiến trái chiều

- Một số người cho rằng nhân cách vốn tồn tại sẵn có trong mỗi người không cần đến giao tiếp
- Nếu không giao tiếp với mọi người xung quanh liệu chẳng phải cá nhân đó hoặc luôn xem mình là nhất hoặc lúc nào cũng mặc cảm tự ti cho rằng mình yếu kém chăng?

(4) Chúng ta cần nhận thức như thế nào về vấn đề trên?

- Bản thân cần nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của giao tiếp trong xã hội đối với việc hoàn thiện nhân cách của bản thân.
- Thường xuyên rèn luyện kĩ năng giao tiếp là điều kiện thiết yếu để nâng cao nhân cách bản thân.
- Không ngừng học hỏi các kĩ năng cũng như chú trọng đến nội dung khi giao tiếp.
- Trong công việc, lao động cũng như trong đời sống hằng ngày, giao tiếp là sợi dây liên kết giữa người với người. Giao tiếp cũng các yếu tố khác tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ, móc nối nhau giúp con người hình thành và phát triển nhân cách.

*** Kết luận:** Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động).

Câu 5.

Một số văn bản nghị luận khác: *Đừng gây tổn thương* (Karen Casey), *Bản sắc là hành trang* (Tham khảo Ngữ văn 10 tập hai, Cánh Diều),…

Một số thông tin cơ bản của văn bản: *Đừng gây tổn thương.*

- Vấn đề bàn luận: đừng gây tổn thương cho người khác dưới bất cứ hình thức nào; ý nghĩa: Đừng bao giờ gây tổn thương tới người khác dưới bất kì hình thức nào. Chúng ta hãy sống yêu thương lẫn nhau vì con người đã quá mệt mỏi trong guồng quay công việc bộn bề của xã hội hiện đại rồi. Nếu chúng ta sống không gây tổn thương tới người khác thì không chỉ họ mà cả tâm hồn và thể chất chúng ta cũng được nhẹ nhõm, thanh thản.
- Quan điểm của người viết: lời khuyên cho mọi người trước vấn đề đừng gây tổn thương cho người khác dưới bất cứ hình thức nào.
- Đối tượng tác động: mọi người.
- Nghệ thuật lập luận:

+ Dùng lí lẽ, ngôn từ sắc bén, thuyết phục.
+ Lập luận chặt chẽ.
+ Luận điểm rất rõ ràng.

- Mức độ thuyết phục: Bài học ý nghĩa về cách cư xử, đối nhân xử thế giữa con người với con người trong xã hội.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- Chuẩn bị bài 4: Tự sự trong truyện thơ dân gian và trong thơ trữ tình (Đọc Tri thức Ngữ văn và văn bản 1. *Lời tiễn dặn*)

BÀI 4
TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc

Đọc văn bản

- VB 1: *Lời tiễn dặn* (Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)
- VB 2: *Dương phụ hành* (*Bài hành về người thiếu phụ phương Tây* – Cao Bá Quát)
- VB 3: *Thuyền và biển* (Xuân Quỳnh)

Thực hành đọc: *Nàng Ờm nhắn nhủ* (Trích *Nàng Ờm – chàng Bồng Hương* – truyện thơ dân tộc Mường)

2. Thực hành tiếng Việt: Lỗi về thành phần câu và cách sửa

3. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

4. Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: … tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 35, 36

VĂN BẢN 1: LỜI TIỄN DẶN

(Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**
- Nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả,…
- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc).
2. Phẩm chất: HS đồng cảm với tình yêu sắt son giữa hai nhân vật và thái độ ca ngợi tình yêu đó của tác giả dân gian.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.
2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:
- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.
b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip https://www.youtube.com/shorts/msaR1Zlu31A - GV hỏi: + Clip cho em biết về điều gì? + Em thấy các nhân vật có tâm trạng như thế nào? + Từ trải nghiệm của bản thân, em hãy đọc câu thơ hoặc kể mẩu chuyện em biết về vấn đề em thấy ở trên. + Nêu một vài suy nghĩ của em về điều mà chúng ta vừa trao đổi ở trên. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS bàn bạc, trao đổi theo nhóm bàn thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động.	- Chuyện tình li tán, người yêu đi lấy chồng. - Cô gái không vui, chàng trai đau khổ. - HS thể hiện những trải nghiệm của bản thân. - HS nêu những suy nghĩ cá nhân.

- Đại diện HS trả lời câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài**:** ***Tình yêu với nhiều cung bậc, sắc thái,… muôn đời hấp dẫn con người. Điều gì khiến tình yêu trở thành một đề tài bất tận của văn học? Chúng ta hãy cùng nhau đến với "Lời tiễn dặn" (Trích "Tiễn dặn người yêu" – truyện thơ dân tộc Thái) để tìm hiểu nhé!***	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu truyện thơ, truyện thơ dân gian và yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: ***Con số may mắn***

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi ***Con số may mắn:*** + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.101, 102 (5 phút), sau đó gấp SGK lại. + GV chọn MC và 4 người chơi, người chơi trả lời thua sẽ mất lượt chơi nhường phần trả lời và chọn số cho người tiếp theo. + GV đặt cho mỗi câu hỏi một con số, chọn một vài con số là con số may mắn có trị giá 20 điểm, những con số khác có trị giá điểm từ 1 điểm – 10 điểm. + Để bắt đầu cuộc chơi, người chơi chọn con số để biết thứ tự được trả lời theo mỗi vòng chơi. - HS lần lượt tham gia bằng cách chọn số và trả lời câu hỏi để được nhiều điểm nhất. (HS tham gia trả lời 3 vòng câu hỏi, mỗi câu hỏi trong 20 s), cụ thể: **Vòng 1. Luật chơi: Loại người có số điểm thấp nhất, chỉ còn 3 người chơi vòng tiếp theo.** **Câu 1.** Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,… A. Đúng B. Sai **(Đáp án:** Đúng - 1 điểm **)** **Câu 2.** Truyện thơ được thể hiện dưới hình thức thơ A. Đúng B. Sai **(Đáp án:** Đúng - 5 điểm **)**	**I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn** **1. Truyện thơ và truyện thơ dân gian** **a. Truyện thơ** **- Định nghĩa:** Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,… nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. **- Dung lượng và đề tài:** + Dung lượng tương đối lớn, + Bao quát nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật. **- Điều kiện tồn tại và phát triển:** Truyện thơ hiện diện trong nhiều nền văn học, có lịch sử lâu đời, phát triển thành một số dòng riêng theo sự chi phối của các điều kiện văn hóa, xã hội cụ thể. **b. Truyện thơ dân gian** **- Lực lượng sáng tác:** Tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác; **- Lưu hành:** chủ yếu bằng con

Câu 3. Truyện thơ dân gian do tầng lớp trí thức Tây học sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác

A. Đúng

B. Sai

(Đáp án: Sai - 20 điểm – con số may mắn **)**

Câu 4. Truyện thơ dân gian phát triển chủ yếu trong sinh hoạt văn hóa, văn học của cộng đồng dân tộc người Kinh.

A. Đúng

B. Sai

(Đáp án: Sai - 5 điểm **)**

Câu 5. Thơ trữ tình đặt trọng tâm vào việc kể một câu chuyện, có nhân vật, có tính cách, có bối cảnh không gian và thời gian với rất nhiều chi tiết cụ thể.

A. Đúng

B. Sai

(Đáp án: Sai - 5 điểm **)**

Vòng 2. Luật chơi: Loại người nối chậm nhất, sai nhiều nhất

Nối cột

Dân tộc	STT	Nối	STT	Truyện thơ
Tày Nùng	1		A	*Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu, Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt biển,…*
Thái	2		B	*Tiễn dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;…*
Mường	3		C	*Si Thạch; Tum Tiêu*
Mông	4		D	*Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ờm – chàng Bồng Hương*
Chăm	5		E	*Hoàng tử Um Rup và cô gái chăn dê; Têva Mưnô*
Khơ-me	6		G	*Tiếng hát làm dâu; Nhàng Dợ - Chà Tăng*

(Đáp án: 20 điểm – con số may mắn**):**

Dân tộc Tày Nùng có: *Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu; Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt*

đường truyền miệng nhưng cũng có khi thông qua các văn bản viết.

- Nguồn gốc đề tài của truyện thơ dân gian: Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường.

- Đặc điểm:

+ Kế thừa truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình

+ Nội dung: Thể hiện được một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo.

+ Ngôn ngữ: giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,…

- Điều kiện phát triển riêng biệt: Đặc biệt phát triển trong sinh hoạt văn hóa, văn học của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

- Một số truyện thơ dân gian tiêu biểu:

+ Dân tộc Tày Nùng có: Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu; Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt biển;…

+ Dân tộc Thái có: Tiễn dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;…

+ Dân tộc Mường có: Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ờm – chàng Bồng

biển;… **Dân tộc Thái có:** *Tiễn dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;…* **Dân tộc Mường có:** *Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ờm – chàng Bồng Hương;…* **Dân tộc Mông có:** *Tiếng hát làm dâu; Nhàng Dợ - Chà Tăng;…* **Dân tộc Chăm có:** *Hoàng tử Um Rup và cô gái chăn dê; Têva Mưnô;…* **Dân tộc Khơ-me có:** *Si Thạch; Tum Tiêu*;… **Vòng 3. Chọn người chơi chiến thắng** **Câu 6.** Với dung lượng tương đối lớn, truyện thơ có thể A. bao quát được nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật. B. bàn đến những diễn biến lớn trong đời sống cộng đồng C. mô tả được những trận thiên tai lớn. D. đi sâu vào được thế giới nội tâm phong phú và bí ẩn của con người. **(Đáp án:** A - 2 điểm **)** **Câu 7.** Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ các nguồn A. những sáng tác cá nhân của một số nhà Nho, nhà sư trung đại. B. tích truyện kì lạ lưu truyền trong dân gian trên khắp mọi miền đất nước. C. truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường. D. những chuyện có thật trên khắp mọi vùng miền được nhân dân tôn thờ, ngưỡng mộ. **(Đáp án:** C - 20 điểm – con số may mắn**)** **Câu 8.** Truyện thơ dân gian có thể thể hiện một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo, bởi đã A. mang đầy đủ đặc điểm của những tác phẩm tự sự lớn. B. kế thừa truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình. C. mang hơi hướng của những bộ sử thi. D. mang cảm hứng thế sự sâu sắc. **(Đáp án:** B - 6 điểm **)** **Câu 9.** Đặc điểm ngôn ngữ truyện thơ dân gian là: A. giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây.	Hương;… + Dân tộc Mông có: Tiếng hát làm dâu; Nhàng Dợ - Chà Tăng;… **+ Dân tộc Chăm có:** Hoàng tử Um Rup và cô gái chăn dê; Têva Mưnô;… **+ Dân tộc Khơ-me có:** Si Thạch; Tum Tiêu;… **2. Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình** **- Đặc trưng cơ bản của thơ trữ tình:** thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. **- Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình:** + Biểu hiện: có bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện với những đường nét cốt yếu của nó. + Tác dụng: làm nền cho tiếng nói trữ tình, chịu sự chi phối của mạch cảm xúc mà tác giả triển khai. + Mức độ xuất hiện của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình: các câu chuyện thường chỉ được "kể" ở mức độ vừa đủ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.

B. thuần phác, giản dị, tinh tế, nhẹ nhàng uyển chuyển, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, nhạc điệu. C. trau chuốt và phóng khoáng, tài hoa uyên bác, có ngôn từ khoa học, có ngôn từ thể thao, có ngôn từ quân sự, có ngôn từ đời thường. D. hàm súc, mộc mạc, ngắn gọn, dễ hiểu và dễ nhớ, rất ít khi dùng từ trừu tượng, không dùng điển tích xa lạ, khó hiểu, phô trương. **(Đáp án:** A - 6 điểm **)** **Câu 10.** Yếu tố tự sự có ý nghĩa như thế nào trong thơ trữ tình? A. Tăng tính sinh động, hấp dẫn, li kì. B. Tạo ra một cốt truyện đầy kịch tính. C. Tăng độ bất ngờ cho yếu tố trữ tình. D. Làm nền cho tiếng nói trữ tình và luôn chịu sự chi phối của mạch cảm xúc mà tác giả triển khai. **(Đáp án:** A - 10 điểm **)** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu. - Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS tham gia trò chơi, ai có số điểm cao nhất sẽ là người chiến thắng. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức**,** phát thưởng hoặc cho điểm HS trả lời nhanh và đúng.	

2.2. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được xuất xứ, dung lượng, cốt truyện, thể loại, phương thức biểu đạt, vị trí đoạn trích, bố cục đoạn trích.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần giới thiệu tác phẩm và đoạn trích trong SGK tr. 106, sau đó hoàn thành phiếu học tập: **Tìm hiểu chung** Xuất xứ Dung lượng Cốt truyện Thể loại	**II. Tìm hiểu chung** **1. Xuất xứ:** ***Tiễn dặn người yêu*** là truyện thơ thộc loại nổi tiếng và phổ biến nhất của dân tộc Thái sống ở vùng Tây Bắc, Việt Nam. **2. Dung lượng:** Gồm 1846 câu thơ là lời của nhân vật trong cuộc kể lại câu chuyện tình yêu, hôn nhân của vợ chồng mình. **3. Cốt truyện:** Diễn ra theo 3 chặng: Yêu nhau tha thiết - Chia lìa, đau khổ - Đoàn tụ hạnh phúc.

Phương thức biểu đạt	
Vị trí đoạn trích	
Bố cục đoạn trích	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, trao đổi theo cặp hoàn thành phiếu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện 2-3 cặp đôi báo cáo kết quả.
- HS còn lại chuyển phiếu nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.
- Mở rộng thêm (nếu cần).

4. Thể loại: Truyện thơ dân gian.

5. Phương thức biểu đạt: Tự sự và biểu cảm.

6. Vị trí đoạn trích: Đoạn trích miêu tả tâm trạng chàng trai trên đường tiễn cô gái về nhà chồng và phải chứng kiến cảnh cô bị chồng đánh đập.

7. Bố cục đoạn trích: 2 đoạn

- Đoạn 1 (từ đầu đến "ta sẽ lấy nhau khi góa bụa về già"): Tâm sự của chàng trai khi chạy theo tiễn cô gái về nhà chồng.

- Đoạn 2 (đoạn còn lại): Niềm thương xót của chàng trai khi chứng kiến cảnh cô gái bị nhà chồng hành hạ.

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả,…
- HS nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc)

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia cuộc tranh luận **Trường Teen:** ***Lời tiễn dặn – yếu tố nào tạo nên sức hấp dẫn***? để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV nhắc HS mấy điều trước khi đọc: + Nắm được bối cảnh diễn ra câu chuyện trong văn bản. + Các nhân vật trong văn bản. + Chủ thể của lời nói trong văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV gọi 1 HS đọc lời dẫn, 2 HS đọc VB, 1 HS đọc cước chú giải thích nghĩa từ khó, kết hợp gọi các HS khác trả lời nhanh các câu hỏi.	**III. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích (SGK)**

- GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc văn bản. ***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**	
GV hướng dẫn HS tham gia cuộc tranh luận Trường Teen: *Lời tiễn dặn – yếu tố nào tạo nên sức hấp dẫn*? **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ hoặc thiết kế slide trình chiếu nếu điều kiện cho phép (khoảng 10 phút), chuẩn bị tham gia tranh luận (mỗi nhóm cử đại diện tranh luận khoảng 5 phút). **Nhóm 1: Nhóm trữ tình** Thảo luận các khía cạnh trữ tình của văn bản theo các gợi ý sau: - Cảm hứng chủ đạo - Nhân vật trữ tình - Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình **Nhóm 2: Nhóm tự sự** Thảo luận khía cạnh tự sự của văn bản theo các gợi ý sau: **- Bối cảnh của câu chuyện** (Qua hai lời tiễn dặn trong đoạn trích, người đọc có thể nắm bắt được điều gì về bối cảnh của câu chuyện?) **- Lời người kể chuyện** (Lời kể trong đoạn trích là của ai? So với một số tác phẩm viết bằng văn xuôi đã học, lời kể ở đây có điểm gì đặc biệt?)	**IV. Khám phá văn bản** **1. Cảm hứng chủ đạo:** Là khát vọng mãnh liệt về tình yêu tự do và hạnh phúc lứa đôi qua khúc hát dạt dào cảm xúc thể hiện một tình yêu chân thành, trong sáng, thuỷ chung, cao đẹp của chàng trai dân tộc Thái đối với cô gái trong cảnh ngộ éo le, đau khổ. **2. Nhân vật trữ tình:** Chàng trai trên đường tiễn cô gái anh yêu về nhà chồng và phải chứng kiến cảnh cô bị chồng đánh đập. **3. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:** - Chàng trai thấu hiểu cô gái trên đường về nhà chồng: + Anh thấu hiểu cô gái, anh biết rằng cô như muốn níu kéo cho dài ra những giây phút được ở bên anh. + Anh quyến luyến, không nỡ xa rời, tình cảm sâu đậm, mãnh liệt, thiết tha; anh ân cần, chu đáo, vị tha, cao thượng và vẫn nguyện lời thề son sắt, thủy chung với cô. - Anh xót xa, thương yêu vô hạn khi chứng kiến người mình yêu bị đánh đập, giày vò; anh dành cho cô cử chỉ ân cần, ấm áp, chân tình khiến nỗi đau của cô gái như được xoa dịu bởi sự bao dung, độ lượng. **4. Yếu tố tự sự trong đoạn trích:** - **Bối cảnh của câu chuyện** là những trở ngại ngăn đôi trai gái yêu nhau kết thành vợ chồng, do đó, càng làm bùng cháy ước nguyện gắn bó ở hai người. Cụ thể, trở ngại đó là: Chàng trai sau bao ngày đi xa, trở về xin cưới cô gái thì gặp đúng lúc cô phải bước chân về nhà chồng; chứng kiến cảnh cô gái bị hành hạ nhưng chỉ biết nói lời an ủi, vì cô gái đã thuộc về nhà người ta và chàng không thể làm gì được. - **Lời kể trong đoạn trích** là của chàng trai. Như vậy, chàng trai là người tự kể câu chuyện từ ngôi thứ nhất. Nhưng do lời kể được thể hiện bằng hình thức thơ nên tính trữ tình gia tăng, gây ấn tượng đoạn trích mang đặc điểm tương tự một bài thơ trữ tình dài với nội dung chính là thổ lộ cảm xúc của chủ thể.

- Các nhân vật và diễn biến cốt truyện (Nêu nhận xét về tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng và cách thể hiện tâm trạng ấy trong lời tiễn dặn 1; Qua toàn bộ đoạn trích, hình ảnh chàng trai hiện lên với những đặc điểm gì? Bạn thấy xúc động nhất với những biểu hiện nào của nhân vật này?; So sánh nội dung lời thề nguyền thủy chung và cách thể hiện lời thề nguyền ấy trong hai lời tiễn dặn). **Nhóm 3: Nhóm bản sắc** Thảo luận về đặc sắc truyện thơ dân gian và bản sắc dân tộc Thái qua *Lời tiễn dặn* theo các gợi ý: - Qua tìm hiểu đoạn trích và phần giới thiệu chung về tác phẩm *Tiễn dặn người yêu*, hãy nêu nhận xét về sự khác nhau giữa một bài thơ trữ tình và một truyện thơ. - Đoạn trích cho biết điều gì về không gian tồn tại và đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào dân tộc Thái – chủ nhân truyện thơ *Tiễn dặn người yêu*? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm thảo luận theo định hướng, chọn người tham gia tranh luận. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV lựa chọn HS làm MC dẫn dắt chương trình. - Đại diện HS các nhóm tham gia tranh luận theo sự dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt vấn đề. - GV mở rộng, so sánh yếu tố tự	**- Nhân vật:** *** Nhân vật cô gái:** + Tâm trạng cô gái trên đường về nhà chồng: đau nhớ, chờ, đợi, ngóng trông → tất cả tâm trí hướng về người yêu, không quan tâm gì đến thực tại đang diễn ra. + Cách thể hiện tâm trạng cô gái: vừa trực tiếp gọi tên tâm trạng (đau nhớ, chờ đợi, ngóng trông), vừa miêu tả các cử chỉ ngoại hiện vốn phản ánh sâu sắc những gì đang diễn ra trong cõi lòng: *ngoảnh lại, ngoái trông, ngắt lá ớt ngồi chờ, ngắt lá cà ngồi đợi, tới rừng lá ngón, bẻ lá xanh em ngồi,...* Các cách thể hiện đó phối hợp với nhau, làm nổi bật được tình cảnh bi thiết của cô gái. Những cử chỉ được miêu tả mang đậm tính biểu tượng, có khả năng khắc hoạ ấn tượng những gì đang thực sự diễn ra trong nội tâm sâu kín của cô gái. *** Nhân vật chàng trai:** + Đặc điểm nhân vật chàng trai: chung tình, nhân hậu, kiên trì (chung tình: không thay lòng đổi dạ với người yêu dù gặp nghịch cảnh; nhân hậu: xót thương người yêu gặp cảnh éo le, khổ cực, sẵn sàng nâng niu, yêu thương con của người yêu; kiên trì: không bỏ cuộc trong việc bảo vệ tình yêu và khẳng định điều đó bằng lời thề thiêng liêng). + Những biểu hiện đầy xúc động của chàng trai có thể nhắc tới: ++ luôn nói lời nguyện ước sắt son ("Xin hãy cho anh kề vóc mảnh"; "Đôi ta yêu nhau đợi tới tháng Năm lau nở"; "Lòng ta thương nhau trăm lớp nghìn trùng";...); ++ thể hiện thái độ ân cần với con người yêu ("Con nhỏ hãy đưa anh ẵm,/ Bé xinh hãy đưa anh bồng"); ++ thể hiện ý muốn vỗ về, chăm sóc người yêu khi người yêu bị hành hạ ("Đầu bù anh chải cho,/ Tóc rối đưa anh búi hộ!"; "Lam ống thuốc này em uống khỏi đau";...). + Khác với hình ảnh cô gái hiện lên như một đối tượng của lời miêu tả khách quan, hình ảnh chàng trai được người đọc nhận biết qua những lời tự biểu hiện của chính anh (vì anh đồng thời cũng là người kể chuyện). **- Lời thề nguyền – ước nguyện lứa đôi:** + Ở lời tiễn dặn 1: ++ Nội dung thề nguyền: sẽ vẫn yêu nhau trong mọi thời điểm, tình huống (Đôi ta yêu nhau đợi tới tháng Năm lau nở,.... Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi goá bụa về già."). ++ Cách thể hiện: Liệt kê dồn dập các tiết, các mùa trong năm, làm nổi bật sự bền bỉ, nồng đượm của tình yêu qua năm

sự và trữ tình trong một bài thơ và truyện thơ (Mục 5. Đặc sắc của thể loại truyện thơ) + Ở bài thơ trữ tình, nội dung chính thường là một trạng thái cảm xúc, suy tư của nhân vật trữ tình, tồn tại như một lát cắt đời sống, còn ở truyện thơ, nội dung chính là một câu chuyện tương đối hoàn chỉnh với các nhân vật và sự kiện có sự diễn tiến trong thời gian, không gian. + Ở bài thơ trữ tình, tiếng nói của nhân vật trữ tình giữ vai trò chi phối, vì vậy, gây ấn tượng về sự thuần nhất, trong khi đó, ở truyện thơ có thể có sự đan cài, hoà nhập về tiếng nói giữa người kể chuyện và nhân vật. - Hướng dẫn HS đánh giá theo bảng kiểm (bên dưới)	tháng. + Ở lời tiễn dặn 2: ++ Nội dung thề nguyền: sẽ quyết chống lại mọi tác động ngược chiều để bảo vệ tình yêu ("Chết thành sông, vục nước uống mát lòng,/ Chết thành đất, mọc dây trầu xanh thắm,.... Ta yêu nhau tàn đời gió, không rung không chuyển,/ Người xiểm xui không ngoảnh, không nghe"). ++ Cách thể hiện: Liên tục nêu các tình huống giả định mang tính thử thách đặc biệt để tô đậm sự kiên định trong tình yêu, trong đó, cái chết luôn được nhắc đến như một thử thách cao nhất. Bên cạnh đó, thủ pháp so sánh cũng được chú ý sử dụng: "Bền chắc như vàng, như đá!" / "Yêu nhau, yêu trọn đời gỗ cứng";… **5. Đặc sắc của thể loại truyện thơ: Sự kết hòa yếu tố tự sự và trữ tình.** - Yếu tố tự sự: nội dung chính là một câu chuyện tương đối hoàn chỉnh với các nhân vật và sự kiện có sự diễn tiến trong thời gian, không gian. - Yếu tố trữ tình: không thuần nhất như trong bài thơ mà có thể có sự đan cài, hoà nhập về tiếng nói giữa người kể chuyện và nhân vật. **6. Bản sắc tâm hồn người Thái qua đoạn trích** - Không gian tự nhiên nơi đồng bào dân tộc Thái cư trú là miền núi, nơi có rừng cây, có suối nước khi vơi khi đầy, có chim tăng ló hót, có hoa lau nở vào tháng Năm... - Đồng bào dân tộc Thái có những phong tục riêng về hôn nhân, tang lễ, sinh hoạt (ở rể, hoả táng, dệt vải, nấu cơm lam,...). - Đồng bào dân tộc Thái có đời sống tâm linh phong phú, thực hiện những nguyên tắc ứng xử đầy nhân ái, nhân văn (cho rằng có sự cảm ứng giữa con người với thiên nhiên, tin vào sự hoá thân sau khi chết,...).

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm được những yêu cầu cần thiết khi đọc hiểu truyện thơ.

b. Nội dung:

- GV gợi lại những yếu tố đặc sắc của bài học, sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, chia sẻ kinh nghiệm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV gợi lại những yếu tố đặc sắc của bài học (một số đoạn hay, yếu tố tự sự kết hợp	**V. Tổng kết** **Yêu cầu cần thiết khi đọc truyện thơ dân gian:** - Nắm chắc vẻ đẹp độc đáo của truyện thơ: thuộc

trữ tình) - GV: Để đọc hiểu truyện thơ, theo em, cần nắm được những yêu cầu cần thiết nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,… nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. - Đọc truyện thơ, cần hiểu các yếu tố: + Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. + Yếu tố tự sự với cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,… (nhưng nó chỉ làm nền cho tiếng nói trữ tình và chịu sự chi phối của mạch cảm xúc trong tác phẩm). + Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,… - Qua văn bản, hiểu được bản sắc tinh thần của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một đoạn thơ trong văn bản *Lời tiễn dặn* đã để lại cho bạn những ấn tượng thực sự sâu sắc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV có thể dành thời gian (khoảng 5 – 7 phút) cuối tiết học cho HS viết tại lớp. Lưu ý HS về dung lượng, cách tổ chức đoạn văn; chuẩn mực ngữ pháp và việc diễn đạt của các câu; liên kết câu trong đoạn.
- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép)

https://docs.google.com/forms/d/14tWn_BJqLCVVSPYEGoPKqH7Ec8yVHkB5YhgDAUs5To/edit

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo gợi ý.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- GV thu các bài viết làm hồ sơ phục vụ cho việc đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Gợi ý:

Đoạn 1: Hành động, tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng

- Vừa đi vừa ngoảnh lại, vừa đi vừa ngóng trông.

-> Dùng dằng, chùng chình, nấn ná, không muốn rời xa người mình yêu.

- Cô gái cũng muốn níu kéo cho dài ra những giây phút được ở bên người yêu: đầu "ngoảnh lại", mắt "ngoái trông", chân bước càng xa thì lòng càng đau. Mỗi lần đi qua một cánh rừng cô gái đều coi là cái cớ để dừng lại chờ người yêu, lòng đầy khắc khoải. Hình tượng: Lá ớt, lá cà, lá ngón tượng trưng cho những điều không may mắn.
-> Con đường về nhà chồng trở thành con đường khắc khoải, ngóng trông tình xưa, người cũ.
=> Tâm trạng của cô gái mâu thuẫn, đắng cay, đau khổ đến tuyệt vọng.
- Cách mô tả đó chứng tỏ chàng trai rất thấu hiểu tình cảm của cô gái. Hai người có chung một cảm nhận khi phải xa nhau: bịn rịn, quyến luyến, đau khổ khi phải chia lìa.
- Chàng trai tin tưởng, khẳng định tình yêu của hai người sẽ vượt qua cả không gian và thời gian để đoàn tụ bên nhau,…

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:
- Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực
- Từ trải nghiệm cá nhân thể hiện sự đồng cảm với những người phụ nữ xưa

b. Nội dung: HS thực hiện các bài tập vận dụng theo năng lực.
c. Sản phẩm: Sản phẩm sáng tạo của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập
1. Từ đoạn trích "Lời tiễn dặn", em hãy tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.

Gợi ý:

- HS tùy theo năng lực viết văn, sáng tác thơ, vẽ, diễn kịch,...

2. Từ đoạn trích "Lời tiễn dặn", em hãy nêu một số hủ tục hôn nhân đáng sợ trong xã hội xưa?

Gợi ý:

- Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng.
- Hôn nhân do cha mẹ sắp đặt, tiêu chuẩn là sự môn đăng hộ đối.
- Nữ thập tam, nam thập lục (tảo hôn),...

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận
- HS làm việc cá nhân hoặc nhóm hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo (sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nhận xét, góp ý hình thành những cảm quan thẩm mĩ tích cực cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các truyện thơ dân gian của các dân tộc có cùng chủ đề.
- Chuẩn bị bài: Văn bản 2. *Dương phụ hành* – Cao Bá Quát (tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 37

VĂN BẢN 2: DƯƠNG PHỤ HÀNH

(*Bài hành về người thiếu phụ phương Tây*)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết được các yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.
- Phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
- Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

2. Phẩm chất: Biết tôn trọng sự khác biệt; biết trân trọng tình yêu, tình cảm gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi "**Đi tìm ẩn số sau tranh vẽ"**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi: "**Đi tìm ẩn số sau tranh vẽ".** - HS xem tranh tìm tên tác phẩm (tên tác phẩm ẩn sau bức tranh) - HS trả lời một số câu hỏi: Những tác phẩm vừa tìm được nói về ai? Anh/Chị có nhận ra sự khác biệt giữa những người phụ nữ phương Đông và phương Tây không? Hãy nêu cảm nhận của mình về điều đó. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, lắng nghe**,** trao đổi, thảo luận theo bàn thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động. - HS đại diện xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, cho điểm hoặc phát thưởng cho HS trả lời đúng và	**1. Tên tác phẩm sau 7 bức tranh (theo thứ tự):** - Truyện *Tấm Cám* - *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ) - *Tự tình* (Hồ Xuân Hương) - *Thương vợ* (Tú Xương) - *Trong lòng mẹ* (Nguyên Hồng) - *Anna Karenina* (Lev Nikolayevich Tolstoy) - *Dương phụ hành* (Cao Bá Quát) **=> Đề tài chung: Người phụ nữ** **2. HS thể hiện quan điểm**

nhanh. **èGV dẫn vào bài:** Nếu được đến một xứ sở khác, được tiếp xúc với một nền văn hóa khác, cảm xúc của chúng ta sẽ như thế nào? Đặc biệt khi chứng kiến sự khác biệt giữa những người phụ nữ phương Đông và phương Tây. Hãy đi tìm ẩn số trong bài học hôm nay.	**cá nhân khi nhìn nhận sự khác biệt giữa những người phụ nữ phương Đông và phương Tây**

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, vị trí văn học, sự đóng góp; hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, quan sát video để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu một số thông tin bằng hình ảnh và con chữ: Gợi ý: Chu Thần, Gia Lâm, thông minh, chăm chỉ và văn hay chữ tốt, lận đận, phong phú về đề tài, nhân văn, dân chủ, xuất dương, thể hành,… - HS dựa trên gợi ý hoàn thành bài thuyết trình ngắn gọn về tác giả Cao Bá Quát và tác phẩm *Dương phụ hành.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi cặp đôi chuẩn bị thuyết trình. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS trình bày nội dung thảo luận. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - GV gọi HS thể hiện thêm những hiểu biết về giai thoại Cao Bá Quát (Thánh Quát, nguyên	**I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm (SGK tr.108,109)** **1. Tác giả** - Cao Bá Quát (1808 – 1855), tự Chu Thần, hiệu Mẫn Hiên, lại có hiệu Cúc Đường, quê ở làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh; nay thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội. - Thuở nhỏ, Cao Bá Quát sống trong cảnh nghèo khó, nhưng nổi tiếng là trẻ thông minh, chăm chỉ và văn hay chữ tốt. Nổi tiếng học rộng, tài cao, đỗ cử nhân sớm nhưng lận đận trên con đường làm quan. - Thơ văn Cao Bá quát rất phong phú về đề tài, thể hiện tình cảm thiết tha gắn bó với gia đình, quê hương; đồng cảm với những thân phận cùng khổ. Ông mang đến cái nhìn nhân văn, tinh thần dân chủ của một nghệ sĩ có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, sẵn sàng đón nhận và trân trọng những nét đẹp mới mẻ, xa lạ với truyền thống. **2. Tác phẩm** **a. Hoàn cảnh sáng tác:** *Dương phụ hành* được Cao Bá Quát sáng tác trong chuyến xuất dương hiệu lực năm 1844. **b. Thể loại:** *Dương phụ hành* thuộc thể loại hành (một thể thơ của thơ cổ phong).

nhân luyện chữ, luyện chữ như thế nào, câu nói nổi tiếng, chữa bài thi của học trò,…)	**c. Phương thức biểu đạt:** Tự sự kết hợp biểu cảm. **d. Bố cục:** gồm 2 phần. - Phần 1: Hình tượng người thiếu phụ phương Tây. - Phần 2: Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.
- HS phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
- HS hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc, tìm hiểu chú thích và so sánh bản dịch thơ với nguyên tác** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định 3 HS đọc diễn cảm thành tiếng (1 HS đọc phiên âm, 1 HS đọc dịch nghĩa và 1 HS đọc dịch thơ). - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. - GV yêu cầu HS so sánh và chỉ ra những chỗ khác biệt giữa bản dịch thơ với nguyên tác. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi, so sánh và chỉ ra những chỗ khác biệt giữa bản dịch thơ với nguyên tác. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - Sau khi HS đọc, GV cần nhận xét về cách đọc và chú ý những điểm cần khắc sâu khi đọc văn bản. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc.	**II. Đọc, tìm hiểu chú thích và so sánh bản dịch thơ với nguyên tác** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích (SGK)** **3. So sánh bản dịch thơ với nguyên tác** - Ở câu 1, "y như tuyết": (áo trắng như tuyết) - hình ảnh so sánh được dịch là "áo trắng phau" chỉ gợi màu sắc, không làm toát lên được ngầm ý nói về vẻ đẹp thanh khiết, chưa thể hiện được cái nhìn đầy thiện cảm của nhân vật trữ tình với đối tượng quan sát. - Ở câu 7, từ "phiên thân" (nghiêng mình) được dịch là "uốn éo"; cách dịch này tuy chuyển tải được nét nghĩa miêu tả hình dáng, tư thế nhưng lại chưa thật phù hợp với sắc thái biểu cảm của từ trong nguyên tác vốn chỉ vẻ nũng nịu, duyên dáng của người thiếu phụ. **III. Khám phá văn bản**

Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể: **Nhóm 1,2: Vẻ đẹp trữ tình của bài hành** **HS thảo luận dựa trên các gợi ý:** *** Tâm trạng của nhân vật trữ tình:** **-** Hình tượng người thiếu phụ phương Tây trong bài thơ được tái hiện qua cái nhìn của một nhà Nho đồng thời cũng là một nhà thơ phương Đông. Hãy phân tích những cảm xúc, thái độ được tác giả bộc lộ từ các điểm nhìn đó. (**gợi ý:** Hãy chỉ ra những nét khác biệt, thậm chí tương phản giữa hình ảnh người thiếu phụ phương Tây trong bài thơ với hình ảnh người phụ nữ phương Đông theo quan niệm Nho giáo. Nhà Nho Cao Bá Quát có thể hiện thái độ kì thị hay phê phán khi miêu tả người thiếu phụ phương Tây không? Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện rõ nhất thái độ của tác giả từ điểm nhìn này? Hình tượng người thiếu phụ phương Tây hiện lên với những vẻ đẹp nào? Em hình dung như thế nào về hình ảnh người chồng được tác giả gợi lên trong bài thơ? Qua cách miêu tả của nhà thơ, em cảm nhận được điều gì về cuộc sống gia đình của họ?) - Phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình trong câu thơ kết và những ý tứ được mở ra từ câu thơ này. *** Cảm hứng chủ đạo:** Đọc bài thơ, em cảm nhận được những gì về tư tưởng, tâm hồn tác giả? Em có biết một vài bài thơ viết về đề tài tình yêu, tình cảm gia đình của Cao Bá Quát? **Nhóm 3,4: Vẻ đẹp của các yếu tố tự sự** **HS thảo luận dựa trên các gợi ý:** *** Bối cảnh câu chuyện:** Xác định thời gian, không gian, sự việc của câu chuyện được kể trong bài thơ. *** Nhân vật người thiếu phụ phương Tây:** Chỉ ra những chi tiết miêu tả người thiếu phụ phương Tây, qua đó, nêu các đặc điểm nổi bật của hình tượng này. - Đại diện các nhóm lên tham gia tọa đàm: **Vẻ đẹp của bài *Dương phụ hành - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào	**1. Vẻ đẹp trữ tình của bài hành** **a. Tâm trạng của nhân vật trữ tình - mạch cảm xúc của bài thơ** - Cảm xúc, thái độ của tác giả được thể hiện qua cái nhìn của một nhà Nho đồng thời cũng là một nhà thơ phương Đông: + Quan niệm của Nho giáo về vị trí của người phụ nữ trong gia đình, trong mối quan hệ với người chồng: có nghĩa vụ "nâng khăn sửa túi", chăm sóc, chiều chuộng chồng; cư xử với chồng một cách khiêm nhường, lễ phép (Hình mẫu lí tưởng của người vợ hiền đức là nàng Mạnh Quang "cử án tề mi" – mỗi lúc dâng cơm cho chồng đều nâng lên ngang mày để tỏ lòng kính trọng). + Thái độ của Cao Bá Quát khi quan sát, chứng kiến những điều mới mẻ, xa lạ: ngạc nhiên, ngỡ ngàng mà không hề kì thị, không có ý phủ định. Trái lại, cách miêu tả thể hiện cái nhìn khách quan, tinh thần cởi mở, sự tôn trọng khác hẳn cách nhìn thường thấy ở một nhà Nho. - Từ điểm nhìn của một nhà thơ, ông đồng cảm, trân trọng vẻ đẹp của con người, cuộc sống, dù những vẻ đẹp ấy khác biệt, thậm chí rất xa lạ với nền văn hoá của dân tộc mình. **=> Tâm trạng của nhân vật trữ tình: đồng cảm và trân trọng hạnh phúc của vợ chồng người thiếu phụ phương Tây; bày tỏ nỗi nhớ thương và niềm khát khao hạnh phúc gia đình.** - Mạch cảm xúc của bài thơ không đóng lại ở câu kết. Trái lại, lời "trách" của "người Nam đang trong cảnh biệt li" khiến mạch cảm xúc ấy được tiếp nối, mở rộng hơn. Bởi lẽ, đây là khoảnh khắc nhân vật trữ tình trực tiếp "xuất hiện" để bày tỏ cảm xúc, thái độ trước "những điều trông thấy" và gửi gắm nỗi niềm tâm sự. Cảnh biệt li của "người Nam" càng làm nổi bật thêm cảnh vợ chồng "người ta" sum vầy, quấn quýt, yêu thương, chiều chuộng nhau. Cái hồn nhiên, vô tình của người thiếu phụ đang yêu và được yêu càng khơi thêm mối

hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia tọa đàm. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS các nhóm tham gia tọa đàm để thể hiện ý kiến đã thảo luận. - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi phản biện,... **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV chốt kiến thức. Có thể mở rộng thêm một số nội dung sau: 1. Cảm hứng chủ đạ của bài hành: Cảm hứng này xuất hiện trong nhiều bài thơ khác của ông. Ví dụ như: Ví dụ: + Bài thơ *Đề Sát viện Bùi công Yên Đài anh ngữ khúc hậu* (Đề sau khúc Yên Đài anh ngữ của quan Đô sát họ Bùi) thể hiện những quan niệm mới mẻ, tiến bộ, sâu sắc về cuộc sống và văn chương của Cao Bá Quát: *Tân Gia từ vượt con tàu* *Mới hay vũ trụ một màu bao la.* *Giật mình khi ở xó nhà,* *Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.* *Không đi khắp bốn phương trời,* *Vùi đầu án sách uổng đời làm trai...* (Trúc Khê dịch, theo *Thơ chữ Hán Cao Bá Quát*, NXB Tân dân, Hà Nội, 1940, in trong *Văn bản tác phẩm Hán Nôm trong nhà trường*, Hà Minh (Chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2018, tr. 224) + Bài thơ *Tự quân chi xuất hĩ* (Từ thuở chàng ra đi) thể hiện một cách chân thành, tinh tế, cảm động tình yêu, khát vọng hạnh phúc lứa đôi: *Từ ngày anh ra đi,* *Đêm đêm giường quạnh hiu.* *Trăng khơi soi mộng lẻ,* *Gió bến lạnh hơi chiều.* *Áo rét em cất giữ,* *Gương nhỏ anh mang theo.*	sầu li biệt, nỗi nhớ thương da diết, khát vọng đoàn tụ trong lòng "người thơ" Cao Bá Quát. **b. Cảm hứng chủ đạo của bài hành: tư tưởng nhân đạo, tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn, sâu sắc của nhà thơ** - Đây chính là đặc điểm cơ bản của thơ văn Cao Bá Quát, cảm hứng này được thể hiện ở nhiều tác phẩm khác của ông. **2. Yếu tố tự sự trong bài hành** **a. Bối cảnh câu chuyện** **- Thời gian, không gian:** đêm trăng trên biển, con tàu có người thiếu phụ phương Tây và con thuyền của "người Nam trong cảnh biệt li". **- Các yếu tố tự sự trong bài thơ:** người thiếu phụ tựa vai chồng trong đêm trăng; thấy thuyền Nam có ánh đèn, kéo áo nói với chồng; cốc sữa (trong bản phiên âm là chữ "hồ", có thể là sữa hoặc một đồ uống khác) cầm trên tay một cách hững hờ; gió lạnh không chịu nổi, nghiêng mình đòi chồng đỡ dậy,... **b. Nhân vật người thiếu phụ phương Tây** **- Chi tiết miêu tả người thiếu phụ phương Tây:** trang phục, tư thế, cử chỉ, điệu bộ, phong thái,… **- Đặc điểm nổi bật của hình tượng người thiếu phụ phương Tây:** + Vẻ ngoài sang trọng, trẻ trung, duyên dáng: màu áo trắng thanh khiết nổi bật trên nền khung cảnh đêm trăng; cử chỉ, điệu bộ (tựa vai chồng, kéo áo chồng, nghiêng mình đòi chồng đỡ dậy) rất tự nhiên, chủ động và yêu kiều. + Nếp sinh hoạt biểu thị cuộc sống sung túc và đầm ấm, hạnh phúc: cầm cốc sữa một cách hững hờ; thể hiện tình yêu chồng và hạnh phúc của người phụ nữ được chồng yêu thương, chiều chuộng bằng những cử chỉ, điệu bộ thân mật, nũng nịu.

Tạm để cùng yên ủi, *Không lạt tình thương yêu.* (Hoá Dân dịch, theo *Thơ chữ Hán Cao Bá Quát*, NXB Văn học, Hà Nội, 1970, in trong *Văn bản tác phẩm Hán Nôm trong nhà trường*, Hà Minh (Chủ biên), Sđd, tr. 229) - GV đánh giá phần trình bày của HS	

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Từ việc đọc bài ***Dương phụ hành***, bạn rút ra được bài học gì trong việc đọc một tác phẩm thơ thuộc thể hành? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức bằng sơ đồ, tổng kết bài đọc.	**IV. Tổng kết** **Lưu ý khi đọc một tác phẩm thơ thuộc thể hành:** **- Nắm chắc đặc điểm độc đáo của thể hành:** không hạn định về số câu, chỉ cần có vần, không cần đối, niêm, luật bằng trắc như thơ Đường luật. Do không bị gò bó bởi niêm, luật nên thể thơ cổ phong này thường được sử dụng khi tác giả có nhu cầu kể, bày tỏ cảm xúc, suy ngẫm về một sự việc gây ấn tượng. Vì vậy, bài thơ viết theo thể hành thường có yếu tố tự sự. **- Khi đọc, cần hiểu được các yếu tố:** + Vẻ đẹp trữ tình của tác phẩm (cảm hứng chủ đạo, nhân vật trữ tình, mạch cảm xúc,…) + Các yếu tố tự sự của bài thơ: Câu chuyện (với bối cảnh, nhân vật, diễn biến, điểm nhìn,…)

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: HS thực hiện trò chơi "**Hành trình tri thức"**

GV chọn MC dẫn dắt chương trình, người chơi là HS trong cả lớp, hành trình tri thức là 16 câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Tác giả bài thơ *Dương phụ hành* là ai?

A. Nguyễn Khuyến

B. Cao Bá Quát

C. Nguyễn Trãi
D. Nguyễn Công Trứ
Câu 2. Cao Bá Quát quê ở đâu?
A. Gia Lâm – Hà Nội
B. Thừa Thiên Huế
C. Bình Lục – Hà Nam
D. Chí Linh – Hải Dương
Câu 3. Không gian được tác giả nói đến trong bài *Dương phụ hành* là:
A. Không gian rộng lớn mênh mông
B. Không gian chật hẹp.
C. Trên chiếc thuyền nhỏ.
D. Trên một tửu lầu.
Câu 4. Nội dung thơ văn của Cao Bá Quát là:
A. Tiếng nói phê phán đả kích chế độ sâu cay.
B. Trữ tình sâu sắc.
C. Thể hiện tình cảm tha thiết gắn bó với gia đình, quê hương, đồng cảm với những thân phận cùng khổ.
D. Tất cả các đáp án trên.
Câu 5. Bài thơ *Dương phụ hành* được viết theo thể nào?
A. Thể hành
B. Thể hát nói
C. Thể thất ngôn
D. Thể lục bát
Câu 6. Hoàn cảnh sáng tác của bài *Dương phụ hành*:
A. Năm 1852 khi ông đang nhận chức Giáo thụ phủ Quốc Oai.
B. Sáng tác trong chuyến xuất dương hiệu lực năm 1844.
C. Sáng tác năm 1831 khi ông vừa đỗ cử nhân.
D. Sáng tác năm 1831 khi ông đi sứ sang Trung Quốc.
Câu 7. Các sáng tác của Cao Bá Quát bao gồm:
A. Cả chữ Hán và chữ Nôm
B. Chữ Nôm
C. Chữ quốc ngữ
D. Chữ Hán
Câu 8. Giá trị nội dung của bài thơ *Dương phụ hành* là gì?
A. Nỗi niềm của nhân vật trữ tình nơi đất khách.
B. Thể hiện sự cô đơn hiu quạnh của nhân vật trữ tình khi một mình đang đi công cán.
C. Thể hiện cái nhìn đổi mới của nhà thơ về hình ảnh thiếu phụ phương Tây.
D. Cả B và C đều đúng.
Câu 9. Thời gian được tác giả nhắc đến trong bài thơ *Dương phụ hành* là:
A. Ban ngày
B. Buổi trưa
C. Ban đêm
D. Buổi chiều

Câu 10. Dòng nào sau đây nói không đúng về Cao Bá Quát:
A. Sinh năm 1808 mất 1855, nổi tiếng là người học rộng tài cao.
B. Ông đỗ cử nhân sớm nhưng lận đận trên con đường làm quan.
C. Vì vi phạm quy định nghiêm ngặt của việc chấm bài mà bị khép tội chết sau đó được giảm án cho theo phục dịch phái bộ đi công cán một số nước vùng Hạ Châu để chuộc tội.
D. Ông làm quan lớn có cuộc sống vô cùng vinh hoa sung túc.
Câu 11. Hình ảnh người thiếu phụ phương Tây hiện lên mang dáng vẻ gì?
A. Người phụ nữ yếu đuối mỏng manh.
B. Người phụ nữ can trường mạnh bạo.
C. Người phụ nữ nhỏ bé, đáng yêu.
D. Người phụ nữ mỏng manh đang đắm chìm trong tình yêu đôi lứa
Câu 12. Câu thơ cuối 'Biết đâu nỗi khách biệt ly này' thể hiện điều gì?
A. Sự cô đơn trống vắng của nhân vật trữ tình khi ở xứ người
B. Sự buồn tủi, u uất của lữ khách.
C. Sự đau đớn tủi nhục của người tha phương.
D. Sự xót xa, ân hận vì chưa đem lại được hạnh phúc cho gia đình.
Câu 13. Những chi tiết nào sau đây miêu tả người thiếu phụ phương Tây?
A. Áo như tuyết, tựa vai chồng dưới bóng trăng.
B. Kéo áo chồng thì thầm nói.
C. Tay cầm uể oải một chén sữa, nghiêng mình đòi chồng đỡ dậy.
D. Tất cả các đáp án trên
Câu 14. Hình ảnh người thiếu phụ phương Tây gợi cho tác giả liên tưởng đến ai?
A. Người yêu của mình.
B. Nhớ về những người phụ nữ trong gia đình mình.
C. Những người phụ nữ Phương Đông chưa bao giờ được chồng chiều chuộng, đỡ đần.
D. Những đóa sen thơm ngát.
Câu 15. Hình tượng người thiếu phụ phương Tây trong bài thơ được tái hiện như thế nào?
A. Dưới cái nhìn của người đàn ông thấu hiểu phụ nữ
B. Dưới cái nhìn của một nhà Nho đồng thời cũng là một nhà thơ phương Đông.
C. Dưới cái nhìn của người chồng dành cho người vợ của mình.
D. Dưới cái nhìn của người con đối với mẹ.
Câu 16. Câu kết của bài thơ thể hiện có gì đặc biệt?
A. Lời bộc lộ chân thành về tình cảm của tác giả dành cho người thiếu phụ Phương Tây.
B. Lời than của tác giả về nỗi nhớ xa quê, xa gia đình.
C. Lời giãi bày tâm tư, tình cảm về người thương của tác giả.
D. Lời cảm thán trước thiên nhiên tuyệt đẹp.
Nhiệm vụ 2: Kết nối đọc – viết (hoàn thành ở nhà)
Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn thấy tâm đắc nhất ở bài *Dương phụ hành.*
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện trò chơi trả lời các câu hỏi trắc nghiệm theo sự dẫn dắt của MC.
- GV gợi ý để HS có thể lựa chọn được điều mình tâm đắc nhất khi đọc văn bản *Dương phụ hành*:
+ Về nội dung (một nét đẹp của hình tượng người thiếu phụ phương Tây hoặc của nhân vật trữ tình);

+ Về nghệ thuật (kết cấu của bài thơ, bối cảnh thời gian, không gian, nghệ thuật trữ tình, giọng điệu,..)

- Qua việc phân tích vấn đề mình tâm đắc trong văn bản, HS làm sáng tỏ suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép)

https://docs.google.com/forms/d/1m_9Eu5axH435zgt04_gCghNxV2kx5CjPtxVFiTpgyVE/edit?pli=1

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh hoàn thành trò chơi "**Hành trình tri thức"** tại lớp.
- HS viết đoạn văn ở nhà theo gợi ý của GV và gửi sản phẩm vào nhóm lớp.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, phát thưởng hoặc cho điểm HS có nhiều câu trả lời trắc nghiệm đúng.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết đoạn văn theo Rubric (ở nhà).

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	**1.0**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	**0.0**
Nội dung	Lựa chọn được một phương diện nổi bật của văn bản. Đánh giá được phương diện đó.	
	Lựa chọn được một phương diện có ý nghĩa nhân văn trong văn bản.	**2.0**
	Đưa ra được những đánh giá xác đáng, hợp lí.	**3.0**
	So sánh với những văn bản khác cùng nội dung đã chọn để thấy vẻ đẹp riêng.	**2.0**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**1.0**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng hiểu biết về đời sống, biết đồng cảm với số phận con người, nhất là người phụ nữ**.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS phác họa chân dung người phụ nữ hiện đại (thơ ca, nhạc, họa, diễn xuất,…)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi (vào tiết học sau).
- HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện (nếu cần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả
- Chuẩn bị bài: Văn bản 3. ***Thuyền và biển*** – Xuân Quỳnh (tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 38, 39

VĂN BẢN 3: THUYỀN VÀ BIỂN

Xuân Quỳnh

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại.

2. Phẩm chất: HS đồng cảm với khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình, có thái độ ứng xử nghiêm túc với tình yêu, vun đắp cho tình yêu trở thành một trong những tình cảm đẹp đẽ nhất mà con người có được.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ, thẻ nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm tham gia trò chơi "**Điều bức tranh muốn nói?"**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Điều bức tranh muốn nói?

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi"**Điều bức tranh muốn nói?"** **<u>Yêu cầu:</u>** HS được ngắm tranh trong 1 phút, HS có 1 phút để suy nghĩ về điều bức tranh muốn nói. - GV có thể phát phiếu cho HS chọn người trả lời hay nhất của cuộc thi (cũng là căn cứ tham khảo để GV đánh giá ở bước 4). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, lắng nghe**,** suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động. - HS xung phong trả lời. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, chọn ra người chiến thắng là HS thể hiện được điều bức tranh muốn nói hay nhất để trao phần thưởng hoặc cho điểm. - GV dẫn vào bài**:** ***Bạn đã biết những so sánh thú vị nào về tình yêu và về sự gắn bó giữa những người yêu nhau? Bạn cũng đã từng nghe ca khúc nào phổ thơ của nữ sĩ Xuân Quỳnh về điều này? Hôm nay chúng ta hãy đến với "Thuyền và biển" để cùng nhau thưởng thức nhé!***	- Bức tranh thuyền và biển, gợi cô đơn, gợi tình yêu, gợi sự bí ẩn của vũ trụ,... - HS tùy ý thể hiện suy nghĩ của bản thân (có thể bằng đọc tác phẩm thơ, truyện, sự kiện lịch sử,... có liên quan từ bức tranh).

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; thể loại, xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục,...

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi **"Lật mảnh ghép"**.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên hướng dẫn cho HS tham gia trò chơi **"Lật mảnh ghép"** dựa vào tri thức SGK và việc chuẩn bị ở nhà. - GV giấu hình ảnh Xuân Quỳnh phía sau 6 ô chữ. - HS trả lời đúng các ô chữ, hình ảnh Xuân Quỳnh sẽ dần hiện ra: 1. Cuộc đời Xuân Quỳnh có điểm gì đặc biệt? 2. Thơ Xuân Quỳnh mang đặc điểm độc đáo gì? 3. Vị trí của Xuân Quỳnh mà em được biết. 4. Một tập thơ của Xuân Quỳnh mà em ấn tượng. 5. Đọc một đoạn thơ Xuân Quỳnh mà em yêu thích. 6. Em biết gì về bài thơ *Thuyền và biển*? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** HS trả lời, HS khác nghe, quan sát, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức	**I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích** **1. Tác giả** - Xuân Quỳnh (1942 - 1988) tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh. - Quê quán: La Khê, thành phố Hà Đông - Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). - Xuất thân trong một gia đình công chức, mẹ mất sớm, bố thường xuyên công tác xa gia đình, bà được bà nội nuôi dạy từ nhỏ đến khi trưởng thành. - Thơ Xuân Quỳnh giàu yếu tố tự thuật. Bên cạnh việc bộc lộ niềm khát khao được yêu thương, chia sẻ và ý thức chắt chiu, gìn giữ hạnh phúc đang có, thơ bà còn chứa đựng những dự cảm đầy lo âu về cái mong manh của đời sống, của tình yêu. - Xuân Quỳnh được nhìn nhận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại nửa sau thế kỉ XX. - Tác phẩm chính: *Hoa dọc chiến hào* (1968); *Gió Lào cát trắng* (1974); *Lời ru trên mặt đất* (1978), *Sân ga chiều em đi* (1984), *Tự hát* (1984); *Hoa cỏ may* (1989),... **2. Tác phẩm** **a. Thể loại**: thể thơ năm chữ. **b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác**: Bài thơ được sáng tác vào tháng 4 năm 1963 và được in trong tập thơ *Chồi biếc* (1963). Sau này, bài thơ đã được nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, Hữu Xuân phổ nhạc thành các bài hát cùng tên. **c. Phương thức biểu đạt**: tự sự kết hợp biểu cảm. **d. Bố cục bài thơ:** - Phần 1: 3 khổ đầu: tình yêu vừa mới chớm - Phần 2: 2 khổ thơ tiếp: khi cả hai đã yêu nhau - Phần 3: 2 khổ thơ tiếp: khi tình yêu đã trở nên sâu đậm - Phần 4: khổ cuối: nếu cuộc tình phải chia xa

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại.
- HS đồng cảm với khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình, có thái độ ứng xử nghiêm túc với tình yêu, vun đắp cho tình yêu trở thành một trong những tình cảm đẹp đẽ nhất mà con người có được.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS đọc văn bản. - GV yêu cầu một số HS đọc văn bản (đọc thành tiếng trước lớp), nhắc các em chú ý những chỉ dẫn về chiến lược đọc trong các thẻ đặt bên phải văn bản, đặc biệt cần quan tâm đến cách chia khổ bất thường ở phần đầu và phần cuối bài thơ để từ đó xác định được phương án ngắt giọng, ngừng giọng phù hợp, làm nổi bật được kiểu kết cấu lồng ghép một câu chuyện vào mạch trữ tình. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc thầm VB, GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc thành tiếng văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu clip đọc văn bản.	**II. Đọc văn bản**
***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành 3 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể: **Nhóm 1: Tìm hiểu mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình** **HS thảo luận dựa trên các gợi ý:** **- Xác định nhân vật trữ tình của bài thơ:** *Bài thơ có nhắc đến những "nhân vật" nào? Các nhân vật ấy có xuất hiện trên cùng một bình diện hay không? Ai là nhân vật trữ tình? Nhân vật trữ tình đã chủ động "cuốn" người đọc vào câu chuyện của mình ra sao?* **- Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình**: *Bài thơ giúp bạn hiểu như thế nào về tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình? Bạn hình dung như thế nào về trạng thái tinh thần của*	**III. Khám phá văn bản** **1. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình** - Nhân vật trữ tình xưng "em", vì vậy có thể hiểu cả bài thơ là lời giãi bày của một người phụ nữ về tình yêu. - Trong lời giãi bày đó, ta thấy được mối quan tâm cháy bỏng về sự thuỷ chung, thấu hiểu và chia sẻ. Mọi biểu hiện đa dạng của biển như *hiền từ, thầm thì, ào ạt xô thuyền, bạc đầu thương nhớ* đều nói lên mong ước chung tình của người phụ nữ vốn xem tình yêu là toàn bộ cuộc sống của mình. Tuy nhiên, không thể xem mong ước ấy là nhỏ hẹp vì ở nhân vật xưng "em", người đọc còn nhận ra khát vọng "đưa thuyền đi muôn nơi", nghĩa là khát vọng khám phá sự bao la, vô

nhân vật trữ tình khi bắt đầu kể câu chuyện giữa thuyền và biển? Điều hàm chứa trong mỗi chi tiết của câu chuyện được "em" kể là gì? Phải chăng khát vọng của nhân vật trữ tình chỉ là luôn được ở bên "anh"? **Nhóm 2: Tìm hiểu yếu tố tự sự trong bài thơ** **HS thảo luận dựa trên các gợi ý:** **- Câu chuyện trong bài thơ:** *Bạn cảm nhận như thế nào về câu chuyện được nhân vật trữ tình kể lại trong bài thơ?* **- Nhân vật trong câu chuyện tình:** *Trong câu chuyện về thuyền và biển, hai đối tượng này được đặt trong tương quan nào? Những cung bậc tình cảm gì đã được "người kể" soi rọi, khám phá?* **- Bức thông điệp tình yêu:** *Từ câu chuyện giữa thuyền và biển, bạn suy nghĩ như thế nào về vấn đề "hiểu", "biết" và "gặp" trong tình yêu đôi lứa? Tình yêu có nhất thiết phải được xây dựng dựa trên sự "hiểu" và "biết" không? Vậy sự rung động thường được cho là "không thể giải thích được" có vị trí như thế nào? "Gặp" là cần thiết, nhưng sự "không gặp" có giá trị như thế nào trong việc giúp ta hiểu rõ bản chất của tình yêu? Bạn suy nghĩ gì khi đặt câu danh ngôn sau đây bên cạnh những lời thơ của Xuân Quỳnh trong bài "Thuyền và biển": "Tình yêu trong xa cách ví như ngọn lửa trong gió. Gió thổi tắt ngọn lửa nhỏ và thổi bùng ngọn lửa lớn" (Bui-di Rơ-bu-tanh – Bussy Rebutin)?* **Nhóm 3: Tìm hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố tự sự và trữ tình trong một bài thơ trữ tình** **HS thảo luận dựa trên các gợi ý:** **- Sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ**: *Nêu nhận xét về sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ. Số dòng thơ được dành cho từng câu chuyện được phân bố theo tỉ lệ nào? Bạn suy nghĩ gì về điều này? Đặc điểm, tính chất của câu chuyện ở đây có gì khác biệt so với đặc điểm, tính chất của những câu*	tận và vĩnh cửu của tình yêu **2. Yếu tố tự sự trong bài thơ** **a. Câu chuyện trong bài thơ:** câu chuyện hay, xúc động; câu chuyện về tình yêu thuỷ chung; câu chuyện thể hiện tâm trạng khi yêu của chính tác giả bài thơ;… **b. Mối quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện tình:** - Thuyền và biển là bài thơ viết về tình yêu. - Những từ ngữ diễn tả tình yêu thuyền và biển có thể được liệt kê là*: nghe lời, nhiều khát vọng, tình... bao la, thầm thì, hiểu, biết, gặp nhau, thương nhớ, đau, sóng gió,...* Đây đều là những từ ngữ có tần suất xuất hiện rất cao trong các bài thơ viết về tình yêu => hai đối tượng thuyền và biển đã được đặt trong mối quan hệ gắn bó – xung đột mang tính vĩnh cửu của tình yêu (trong hình dung của nhà thơ, thuyền và biển chính là một cặp tình nhân). Với lời phụ chú đặt trong ngoặc đơn ("Vì tình yêu muôn thuở/ Có bao giờ đứng yên?"), đáp án của câu hỏi đã được tác giả tự hé lộ. - Các cung bậc của tình yêu được nhà thơ soi rọi: + niềm đam mê không giới hạn ("Thuyền nghe lời biển khơi"; "Thuyền đi hoài không mỏi"); + sự êm ả lắng sâu ("Thầm thì gửi tâm tư/ Quanh mạn thuyền sóng vỗ"); + sự cồn cào, mãnh liệt ("Cũng có khi vô cớ/ Biển ào ạt xô thuyền"); + sự nhớ thương khắc khoải ("Những ngày không gặp nhau/ Biển bạc đầu thương nhớ"); + sự đau khổ giày vò ("Những ngày không gặp nhau/ Lòng thuyền đau – rạn vỡ"; "Biển chỉ còn sóng gió");... **c. Bức thông điệp tình yêu:** - "Hiểu" và "biết" ở đây có chung trường nghĩa, chỉ sự thấu tỏ về nhau qua một quá trình không ngừng chia sẻ, tương tác. Còn "gặp" chính là sự sum vầy, quấn quýt, đối lập với sự cách xa, phôi pha, lạnh nhạt. => Ba yếu tố trên là cách để ta duy trì mối quan hệ tình yêu được tốt đẹp, bền vững theo thời gian.

chuyện được kể trong truyện ngắn, tiểu thuyết, thậm chí trong truyện thơ? Hai câu mở đầu bài thơ đóng vai trò gì trong việc định hướng cách nhìn, cảm nhận của người đọc về câu chuyện giữa thuyền và biển? Lời phụ chú: (Vì tình yêu muôn thuở/ Có bao giờ đứng yên?) cho thấy điều gì về nhân vật trữ tình – người kể chuyện? Tại sao nhân vật trữ tình không triển khai thêm câu chuyện "khung" giữa "em" và "anh"? **- Vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ:** *Đánh giá chung về vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ.* - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). - Sau thảo luận, các nhóm cử đại diện lên tham gia chương trình tọa đàm: "**Chuyện tình yêu".** - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ theo định hướng và chọn cử đại diện tham gia. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS các nhóm tham gia tọa đàm dưới sự dẫn dắt của MC. - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi,... **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, đánh giá hoạt động nhóm (theo Rubric 1- bên dưới) và phần trình bày của HS, chốt kiến thức.	**3. Mối quan hệ giữa các yếu tố tự sự và trữ tình trong một bài thơ trữ tình** - Trong bài thơ, câu chuyện giữa "em" – nhân vật trữ tình – và "anh" là câu chuyện "khung". "Em" đã kể cho "anh", cũng là cho độc giả, nghe câu chuyện giữa thuyền và biển. Thực chất câu chuyện được "em" kể chính là sự hình tượng hoá các cung bậc, sắc thái của tình yêu nói chung cũng như lí tưởng, khát vọng tình yêu của "em" nói riêng. Vì câu chuyện giữa thuyền và biển đã nói thay mọi điều cần nói nên "em" không cần phải triển khai rộng hơn, dài hơn câu chuyện giữa mình và "anh". Lúc câu chuyện giữa thuyền và biển được đẩy tới cao trào ("Nếu từ giã thuyền rồi/ Biển chỉ còn sóng gió"), rất tự nhiên, "em" đã đưa ra lời khẳng định trực tiếp về tình yêu với "anh": "Nếu phải cách xa anh/ Em chỉ còn bão tố. Nhìn chung, việc lồng ghép và hợp nhất hai câu chuyện đã tạo nên các góc soi chiếu khác nhau về tình yêu, cả khách quan lẫn chủ quan, làm cho ấn tượng của người đọc về những điều thổ lộ của nhân vật trữ tình càng thêm mạnh mẽ, sâu sắc. - Bài thơ có thể nảy sinh và phát triển hoàn chỉnh từ một câu chuyện hết sức đơn giản, miễn câu chuyện này giúp tác giả hay nhân vật trữ tình bộc lộ được trọn vẹn cảm xúc về một đối tượng, vấn đề nào đó. => **Rõ ràng, trong thơ trữ tình, yếu tố tự sự xuất hiện với tư cách là một phương tiện biểu đạt hữu hiệu, hoàn toàn không làm lấn át thuộc tính trữ tình của thơ trữ tình.** **- Vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình:** + Yếu tố tự sự đã khiến người đọc bị cuốn vào cuộc hành trình tinh thần trong bài thơ một cách tự nhiên. + Yếu tố tự sự đã giúp tác giả làm sáng tỏ được nhiều cung bậc của tình yêu một cách khách quan, dễ tạo nên sự đồng thuận, chia sẻ. + Yếu tố tự sự làm đa dạng hoá các biểu hiện của nhân vật trữ tình: khi lộ diện trực tiếp, khi ẩn mình trong hình tượng "biển".

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: HS nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Theo anh (chị), yếu tố tự sự có ý nghĩa và tác dụng như thế nào trong một bài thơ trữ tình hiện đại? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức bằng sơ đồ, tổng kết bài đọc.	**IV. Tổng kết** **Ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại:** - Yếu tố tự sự đã khiến người đọc bị cuốn vào cuộc hành trình tinh thần trong bài thơ một cách tự nhiên. - Yếu tố tự sự đã giúp tác giả làm sáng tỏ được nhiều cung bậc của cảm xúc một cách khách quan, dễ tạo nên sự đồng thuận, chia sẻ. - Yếu tố tự sự làm đa dạng hoá các biểu hiện của nhân vật trữ tình: khi lộ diện trực tiếp, khi ẩn mình gián tiếp.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Tham gia trò chơi "**Ai nhanh ai đúng?"**

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: HS làm bài tập đọc hiểu về văn bản "Thuyền và biển".

Hình thức:

- HS thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi ra vở.
- Cả lớp hình thành 2 đội từ các cặp đôi để tham gia trò chơi "**Ai nhanh, ai đúng?"** với 2 phần câu hỏi: Câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận.
- Sau khi nghe xong câu hỏi, đội nào có tín hiệu trước sẽ trả lời trước. Câu trả lời không đúng sẽ thuộc quyền của đội còn lại.

Câu hỏi: Đọc văn bản sau và thực hiện những yêu cầu:

... Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mệnh mông nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu.

Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ

Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau - rạn vỡ

Nếu từ giã thuyền rồi
Biển chỉ còn sóng gió

Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố.

(Trích *Thuyền và biển*, Xuân Quỳnh)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Phong cách ngôn ngữ của đoạn thơ trên là?
A. Sinh hoạt
B. Báo chí
C. Nghệ thuật
D. Khoa học

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên là?
A. Tự sự
B. Biểu cảm
C. Miêu tả
D. Thuyết minh

Câu 3. Đoạn thơ trên được được viết theo thể thơ nào?
A. Tự do
B. Năm chữ
C. Bảy chữ
D. Thơ văn xuôi

Câu 4. Nội dung chính của bài thơ viết về chủ đề gì?
A. Thiên nhiên
B. Cảnh thuyền và biển
C. Tình yêu
D. Tình cảm gia đình

Câu 5. Đối tượng chính được đề cập trong đoạn thơ trên là?
A. Thuyền
B. Biển
C. Thuyền và biển
D. Tình yêu giữa nam và nữ

Câu 6. Biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên là?
A. Ẩn dụ
B. Hoán dụ
C. So sánh
D. Liệt kê

Câu 7. Tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên là?
A. Gợi cảm, gợi hình, tạo tính nhạc cho câu thơ
B. Thể hiện tình cảm, tình yêu khắng khít, gắn gó giữa đôi lứa yêu nhau

C. Cả hai đáp án trên đều sai

D. Cả hai đáp án trên đều đúng

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Đoạn thơ trên khiến anh/chị nghĩ đến câu ca dao tục ngữ nào?

Câu 9. Ý nghĩa của đoạn thơ trên? Từ ý nghĩa của đoạn thơ hãy viết một đoạn văn ngắn về phẩm chất trong tình yêu.

Câu 10. Cùng xuất phát dưới ngòi bút của thi sĩ Xuân Quỳnh, cùng viết về đề tài tình yêu, anh/chị hãy nêu ra tác phẩm tương tự mà mình đã biết và nêu nội dung của nó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận cặp đôi.
- GV có thể tổ chức cho 2 nhóm HS thi trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh trình bày câu trả lời.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV gợi ý trả lời:

Câu 1. C. Nghệ thuật

Câu 2. B. Biểu cảm

Câu 3. B. Năm chữ

Câu 4. C. Tình yêu

Câu 5. C. Thuyền và biển

Câu 6. A. Ẩn dụ

Câu 7. D. Cả hai đáp án trên đều đúng

Câu 8.

- *Thuyền ơi có nhớ bến chăng?/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*
- *Thuyền dời nhưng bến chẳng dời,/ Bán buôn là nghĩa muôn đời cùng nhau.*
- *Gương không có thủy gương mờ,/ Thuyền không có lái lửng lơ giữa dòng./ Mong sao nghĩa thủy tình chung/ Cho thuyền cập bến, gương trong ngàn đời.*

Câu 9. Đoạn thơ trên thể hiện một khát khao về tình yêu chung thủy, gắn bó của thi sĩ Xuân Quỳnh. Tình yêu là một loại tình cảm thiêng liêng của con người, thế nên, tình yêu của con người đòi hỏi rất nhiều thứ. Chân thành và thủy chung là hai thứ tiên quyết để đổi lấy một cuộc tình hạnh phúc trọn vẹn. Thủy chung cũng là thứ mà con người ta theo đuổi và đề cao từ bao đời nay. Một tình yêu có đủ các yêu tố trên sẽ là một tình yêu làm nên hạnh phúc, tạo nên một mái ấm thật sự. Thế nhưng trong nhịp sống vội vã ngày nay, nhiều người dường như đang đánh mất đi tính cách trân quý ấy. Hãy nhớ rằng ta chỉ nhận lại khi ta thật sự cho đi, và tình yêu chỉ đong đầy khi dùng chân thành và chung thủy đổi lấy.

Câu 10. Bài thơ viết cùng đề tài và cùng tác giả là bài thơ *Sóng*. Nội dung bài thơ: Mượn hình tượng con sóng để nói đến em - một cô gái với một tình yêu nồng nàn, cháy bỏng, vô cùng chung thủy. Em là hình tượng của những con người vì yêu mà vượt lên trên mọi khó khăn, vượt lên những khuôn khổ, thách thức của không gian, thời gian để kiếm tìm hạnh phúc.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm hoặc cho điểm HS.

STT	**Các tiêu chí**	**Kết quả**	
		Có	Không

1	Các thành viên tham gia tích cực, nhiệt tình.		
2	Các câu hỏi trắc nghiệm được thảo luận và lựa chọn chuẩn xác.		
3	Các câu hỏi tự luận được thảo luận và trả lời có sức thuyết phục cao.		
4	Cách diễn đạt các câu hỏi tự luận dễ hiểu, rõ ràng.		
5	Phong thái trả lời tự tin, dứt khoát, mạch lạc.		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học tìm hiểu thêm những tác phẩm trữ tình giàu tính tự sự.

b. Nội dung: Hình thành các câu lạc bộ.

c. Sản phẩm: Những tác phẩm sưu tầm của HS và sự nhận diện của HS về yếu tố tự sự trong thơ trữ tình

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS tìm thêm những bài thơ trữ tình chứa đựng câu chuyện ẩn dụ về tình yêu gần gũi với bài thơ *Thuyền và biển.*
- Chỉ ra sự hấp dẫn của yếu tố tự sự trong đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm (thời gian 1 tuần).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ sản phẩm trên nhóm lớp sau thời gian quy định.
- HS nhận xét phần thể hiện của bạn chéo nhóm, có sự hỗ trợ, định hướng của GV.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc *Nàng Ờm nhắn nhủ* .

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐỌC

NÀNG ỜM NHẮN NHỦ

(Trích Nàng Ờm – chàng Bồng Hương – truyện thơ dân tộc Mường)

I. Tìm hiểu chung về tác phẩm

1. Thể loại: truyện thơ (dân tộc Mường).

2. Xuất xứ: Tác phẩm là một trong những bộ truyện được sưu tầm cùng các bộ truyện thơ khác như: *Nàng Nga - Hai mối, Út Lót - Hồ Liêu, Nàng con Côi,...* Đây là những câu chuyện phổ biến trong dân gian lúc bấy giờ.

3. Phương thức biểu đạt: biểu cảm và tự sự.

4. Tóm tắt văn bản: Nàng Ờm và chàng Bồng Hương yêu nhau nhưng lại không thể công khai vì sợ khuôn phép của bố mẹ hai bên không chấp thuận. Bố mẹ nàng Ờm khinh chàng Bồng Hương nhà nghèo nên luôn ra sức cấm đoán. Trước hoàn cảnh đó, nàng Ờm bỏ nhà theo người mình yêu lên núi Làn Ai. Tuy vậy, để tránh những điều nhơ lời xấu, nàng Ờm đã ăn lá ngón để "giữ trọn lời thề về bên ma". Chàng Bồng Hương thấy vậy, cũng ăn lá ngón để đến bên người mình thương. Nơi

trần gian này không thể dung thứ cho tình yêu của bọn họ, họ liền sánh đôi bên nhau ở mường Ma. Núi Làn Ai sau này trở thành một câu chuyện đầy đau lòng và bi thương cho mối tình. Mỗi độ trăng tròn, linh hồn của cô gái trẻ lại hiện về, để kể cho đời sau nghe về mối tình thắm thiết của một cặp đôi từng cùng sống cùng chết trên ngọn núi này. Ngọn núi cũng trở thành một truyền thuyết bất tử đối với những con người có tình.

5. Bố cục văn bản

- Đoạn 1: Gia c*ảnh* của nàng Ờm, cha mẹ đều khắt khe và quản thúc hai cô con gái rất chặt. Chàng Bồng Hương gặp gỡ nàng từ năm 7, 8 tuổi và đến khi nàng 15, chàng ngỏ lời yêu.
- Đoạn 2: Cha mẹ cấm đoán và ép gả, không cho nàng ở cùng Bồng Hương vì gia cảnh của chàng nghèo khó. Em gái giúp nàng bỏ trốn. Nàng Ờm và chàng Bồng Hương cùng ăn lá ngón để gặp lại nhau ở mường Ma.
- Đoạn 3: Kết thúc, nàng hiện về khuyên cha mẹ để mình lại núi Làn Ai. Từ đây, nơi này trở thành một truyền thuyết về tình yêu.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:

a. Nhân vật trữ tình: Nàng Ờm trực tiếp thổ lộ nỗi lòng mình:

- Ước vọng về một tình yêu tự do.
- Ước mong về hạnh phúc lứa đôi.
- Ứng xử nhân văn tuy cuộc đời đầy đau khổ.

b. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:

- Ở cõi trần: Nàng Ờm và chàng Bồng Hương yêu nhau mãnh liệt nhưng cũng đớn đau không cùng vì không đến được với nhau nên đành kết liễu cuộc đời.

- Chốn mường Ma: Nàng Ờm và người nàng yêu được hưởng hạnh phúc trọn vẹn. Cái chết đã giải thoát cho họ để họ sang thế giới bên kia, có cuộc sống tự do, hạnh phúc với người mình yêu. Đó là một sự giải thoát, một kết quả cao nhất của một tình yêu bị cấm đoán.

=> Nàng Ờm không hề oán trách cha mẹ, khi cha mẹ muốn đưa nàng về nhưng hồn vía nàng đã từ chối, xin ở lại núi Làn Ai. Qua đó, nàng muốn những người còn sống "Rút ra bài học" và "Không phải chịu số phận bất hạnh" như Ờm và Bồng Hương.

2. Tìm hiểu các yếu tố tự sự trong tác phẩm

a. Câu chuyện trong tác phẩm: Tác phẩm kể về tình yêu giữa nàng Ờm - sinh ra trong gia đình giàu có và chàng Bồng Hương- nhà nghèo. Bố mẹ nàng không chấp nhận chuyện tình yêu của hai người và cuối cùng hai người trốn lên núi sinh sống. Vì sợ điều tiếng với dân làng và muốn giữ trọn lời thề với người yêu, nàng đã quyết định quyên sinh. Quá xót thương người yêu, chàng cũng quyết định đi theo nàng. Và mỗi đêm trăng sáng, nàng Ờm lại hiện về nơi đây để mà kể cho đời sau nghe về câu chuyện tình cũng như cuộc sống hạnh phúc của hai người khi đã không còn vướng bận chuyện trần thế.

b. Triển khai mạch truyện:

- Gia cảnh của nàng Ờm, cha mẹ đều khắt khe và quản thúc hai cô con gái rất chặt. Chàng Bồng Hương gặp gỡ nàng từ năm 7, 8 tuổi và đến khi nàng 15, chàng ngỏ lời yêu.
- Cha mẹ cấm đoán và ép gả, không cho nàng ở cùng Bồng Hương vì gia cảnh của chàng nghèo khó. Em gái giúp nàng bỏ trốn. Nàng Ờm và chàng Bồng Hương cùng ăn lá ngón để gặp lại nhau ở mường Ma.
- Kết thúc, nàng hiện về khuyên cha mẹ để mình lại núi Làn Ai. Từ đây, nơi này trở thành một truyền thuyết về tình yêu.

c. Nhân vật trong truyện:

- Nhân vật trong truyện cũng là người kể chuyện: Nàng Ờm
- Ý nghĩa: nàng Ờm là nhân vật chính, vì vậy các tình tiết, diễn biến sẽ được kể lại một cách đầy đủ, chính xác hơn.

d. Thông điệp tình yêu:

- Văn bản *Nàng Ờm nhắn nhủ* thể hiện khát vọng tình yêu tự do, ước mong hạnh phúc và cách ứng xử nhân văn của người từng chịu cuộc đời đau khổ.
- Tuy nhiên, ẩn phía sau ta vẫn thấy được sự phản kháng mạnh mẽ của những người dân trước hủ tục "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Đây chính là hủ tục bóc lột và áp bức quyền con người khiến con người bị giam hãm trong một lồng giam chật chội.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 40

LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi.
- HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hành nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi "**Khám phá Tiếng Việt" vòng 1.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS thực hiện vòng 1 trò chơi **Khám phá Tiếng Việt: Vòng khởi động (5 phút).** GV chia lớp thành 2 đội chơi. 2 đội chơi xem đoạn video. ***https://www.youtube.com/watch?v=qCx5JqvP9Y8&t=8s*** (Từ 03:09 – 04:29) **Câu hỏi:** Ghi lại những câu đối thoại không đầy đủ thành phần ngữ pháp. Đội nào ghi được nhiều hơn là đội chiến thắng. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS xem video, trao đổi thảo luận thực hiện trò chơi. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện đội chơi tham gia trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung, góp ý, phản biện. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: *Vậy những câu nói thiếu thành phần ở trên có phải là những câu văn mắc lỗi hay không? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta giải đáp.*	- Ừ - Mệt à? - Là họ hàng - Đúng - Bọn họ hàng - Hả? - Ừ - Sợ lắm - Mệt - Nhưng mà gọi là họ hàng chứ không được gọi là bọn họ hàng. ,…

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. **Mục tiêu**:

- HS nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi.
- HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hành nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi "**Khám phá Tiếng Việt" vòng 2, 3 và 4.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Nhận biết lỗi về thành phần câu GV lưu ý HS trả lời nhanh câu hỏi củng cố kiến thức: Câu tiếng Việt có những thành phần nào? Những thành phần nào được xem là nòng cốt của câu? Bên cạnh thành phần nòng cốt, còn có những thành phần phụ nào? Các thành phần câu tiếng Việt có trật tự như	**1. Nhận biết lỗi về thành phần câu** **Câu 1.** *Với tác phẩm này đã thể hiện tài năng của một cây bút truyện ngắn bậc thầy.* là câu văn thiếu chủ ngữ. **Đúng hay sai?** A. Đúng B. Sai **Câu 2.** *Với tác phẩm này, nhà văn đã thể hiện tài năng của một cây bút truyện ngắn bậc thầy.* là câu văn đúng. **Đúng hay sai?** A. Đúng B. Sai **Câu 3.** *Lục bát, một thể thơ "đặc sản" có từ lâu của người Việt.* là câu văn thiếu thành phần vị ngữ. **Đúng hay sai**?

thế nào? **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV hướng dẫn HS thực hiện vòng 2 trò chơi **Khám phá Tiếng Việt: Bắt bệnh ngôn từ** - GV chia lớp thành 2 đội chơi như vòng 1 (mỗi đội chọn cử ra 5 người tham gia trò chơi) - Có 8 câu hỏi trắc nghiệm**,** HS các đội chọn đúng sai cho các câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 5 điểm - Các đội có thời gian tối đa 2 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ - Hết thời gian 2 phút, 2 đội chơi bấm nút để phân quyền trả lời trước – sau - Đội nào được nhiều điểm là đội thắng cuộc. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **-** Các đội nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ - GV quan sát, khích lệ, động viên HS **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm tham gia trò chơi - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét nếu các đội chơi không trả lời được. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức **<u>Nhiệm vụ 2:</u> Thực hành tìm lỗi về thành phần câu và cách sửa** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**	A. Sai B. Đúng **Câu 4.** Lục bát là một thể thơ "đặc sản" có từ lâu của người Việt. là câu văn thiếu chủ ngữ. **Đúng hay sai**? A. Đúng B. Sai **Câu 5.** *Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng như thế.* là câu văn thiếu cả chủ lẫn vị ngữ. **Đúng hay sai?** A. Sai B. Đúng **Câu 6.** *Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng như thế, tôi không thể chần chừ.* là câu văn có đầy đủ cả chủ ngữ, vị ngữ và trạng ngữ. **Đúng hay sai?** A. Đúng B. Sai **Câu 7.** *Đang hành quân trong rừng một đơn vị bộ đội.*là câu văn có sử dụng phép đảo ngữ. **Đúng hay sai?** A. Đúng B. Sai **Câu 8.** *Trái Đất nóng lên chẳng những khiến băng ở Bắc Cực và Nam Cực tan nhanh, nhấn chìm nhiều vùng đất màu mỡ mà còn đe dọa sự sống của muôn loài.* là câu ghép chính phụ. **Đúng hay sai?** A. Đúng B. Sai **2. Thực hành tìm lỗi về thành phần câu và cách sửa** **Bài tập 1** **– Câu a:** "Bằng những khảo sát đáng tin cậy" là thành phần trạng ngữ "đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn" có thể xem là vị ngữ. Lỗi của câu này là thiếu chủ ngữ. **Sửa:** Bỏ từ *"Bằng": Những khảo sát đáng tin cậy đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn.* Hoặc: Thêm chủ ngữ: *Bằng những khảo sát đáng tin cậy, các nhà khoa học đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn.* **– Câu b:** "Rất thú vị" là cụm từ bị đặt sai vị trí, lẽ ra phải được đặt sau danh từ hoặc cụm danh từ để làm vị ngữ. **Sửa:** Đảo "rất thú vị" ra sau cụm danh từ "Truyện ngắn sử dụng các yếu tố kì ảo, lạ lùng rất thú vị". **– Câu c:** "Những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy" mới chỉ là một cụm danh từ, tự nó chưa thể làm thành một câu. **Sửa:** Thêm một cụm chủ – vị đặt phía trước cụm từ đã có, biến nó thành bổ ngữ để tạo thành câu hoàn chỉnh: *Nhân dân rất biết*

GV hướng dẫn HS thực hiện vòng 3 trò chơi **Khám phá Tiếng Việt: Chữa bệnh ngôn từ.** - GV chia lớp thành 2 đội chơi như vòng 1,2 (mỗi đội chọn cử ra 6 người tham gia trò chơi, có thể thay người sau các vòng trước). - Có 2 bài tập tự luận**,** HS các đội thảo luận hoàn thành, mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. - Các đội có thời gian tối đa 5 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ **bài tập 1,2 SGK.** - Hết thời gian 5 phút, 2 đội chơi bấm nút để phân quyền trả lời trước – sau. - Đội nào được nhiều điểm là đội thắng cuộc. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **-** Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm tham gia trò chơi. - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét nếu các đội chơi không trả lời được. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức **<u>Nhiệm vụ 3:</u> Tìm hiểu những cách đặt câu độc đáo của các nhà văn.** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV hướng dẫn HS thực hiện	*ơn những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy*. Nếu dùng cụm từ đã có làm chủ ngữ, cần bổ sung vị ngữ phía sau để có một câu mang nội dung thông báo khác: *Những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy không màng việc tên tuổi của mình có được ghi vào sử sách hay không.* **– Câu d:** Người viết nhầm "Theo báo Tuổi Trẻ cho biết" là một cụm chủ – vị, sự thực, đây mới chỉ là cụm từ có khả năng làm trạng ngữ. **Sửa:** Bỏ từ "theo, → "Báo Tuổi Trẻ" sẽ là chủ ngữ: *Báo Tuổi Trẻ cho biết, tình trạng ùn ứ nông sản của nông dân miền Tây đã bước đầu được giải quyết*. Hoặc: Bỏ cụm từ "cho biết", → "Theo báo Tuổi Trẻ" là trạng ngữ, "tình trạng ùn ứ nông sản của nông dân miền Tây đã bước đầu được giải quyết" có đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ và đó là câu hoàn chỉnh. **– Câu e:** "Chữ người tử tù" là cụm danh từ được dùng làm nhan đề của một tác phẩm; về "một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân" là thành phần giải thích cho cụm danh từ ấy. Như vậy, đơn vị này chưa phân định rõ là thành phần gì trong câu, và chưa có nội dung thông báo. Đây là một trường hợp lỗi vì chưa có thành phần nòng cốt của câu. **Sửa:** Thêm từ *"là": Chữ người tử tù là một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân.* **– Câu g:** "Với những tin tức lan truyền trên mạng xã hội" là trạng ngữ; "không phải bao giờ cũng chính xác" có thể xem là vị ngữ. Vậy câu này bị lỗi thiếu chủ ngữ. **Sửa:** Bỏ từ "Với": *Những tin tức lan truyền trên mạng xã hội không phải bao giờ cũng chính xác.* **– Câu h:** "Khổ thơ" là chủ ngữ "chỉ có một câu" là vị ngữ của câu; "rất đặc biệt" là thành phần giải thích thêm cho đặc điểm của khổ thơ. Câu này đầy đủ thành phần, đúng ngữ pháp. **Bài tập 2** **– Câu a:** "Truyện ngắn" là một thuật ngữ "thể loại linh hoạt ấy" là thành phần giải thích. Cả đơn vị ấy mới chỉ là chủ ngữ, chưa có vị ngữ. **Sửa:** Bổ sung vị ngữ: *Truyện ngắn, thể loại linh hoạt ấy,* ***chiếm vị trí quan trọng trong nền văn học hiện đại.*** **- Câu b:** Vị trí các thành phần câu bị đảo, không phù hợp. **Sửa:** *Một nhóm hoạ sĩ đến từ thành phố đã vẽ bức tranh tường hoành tráng này.* **– Câu c:** Trong câu tiếng Việt, quan hệ từ "không chỉ" bao giờ cũng đi với "mà còn" thành một cặp. Câu này thiếu một vế, do vậy, cần thêm một vế câu có sử dụng quan hệ từ "mà còn" với nội dung phù hợp: *Số đỏ không chỉ là một tác phẩm trào phúng*

vòng 4 trò chơi **Khám phá Tiếng Việt: Nhà ảo thuật ngôn từ** - GV chia lớp thành 2 đội chơi như vòng 1,2,3 (mỗi đội chọn cử ra 3 người tham gia trò chơi, có thể thay người sau các vòng trước). - Các đội có thời gian tối đa 3 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ **bài tập 3 SGK.** - Hết thời gian 3 phút, 2 đội chơi bấm nút để phân quyền trả lời trước – sau. - Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. Đội nào được nhiều điểm là đội thắng cuộc. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm tham gia trò chơi. - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét nếu các đội chơi không trả lời được. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức, tổng kết trao giải từng vòng chơi và tổng cả 4 vòng chơi. - GV lưu ý HS cách tìm lỗi, sửa lỗi về thành phần câu cũng như cách sử dụng câu đúng, hay, độc đáo, sáng tạo trong việc tạo lập văn bản.	*đặc sắc vào bậc nhất trong văn học Việt Nam trước 1945,* ***mà còn có vị trí quan trọng trong nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.*** **– Câu d:** *Văn bản nghị luận, loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc.* Viết như thế này, về "loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc" chỉ là thành phần giải thích của cụm từ "Văn bản nghị luận". **Sửa:** Thêm từ "là": *Văn bản nghị luận* ***là*** *loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc*. Hoặc: Giữ nguyên thành phần giải thích, thêm vị ngữ cho câu: *Văn bản nghị luận – loại văn bản được viết ra với mục đích ai văn bản đối thuyết phục người đọc –* ***bao giờ cũng phải có luận đề.*** **Bài tập 3** Trong một số loại văn bản, nhất là văn bản văn học, người viết có những tìm tòi, sáng người Việt tạo về biểu đạt, trong đó có cách tạo câu. Có những trường hợp, câu trong văn bản văn học giống dạng thức của loại câu sai (thiếu thành phần nòng cốt, trật tự các thành phần câu không theo quy tắc...), tuy nhiên, khi đặt trong quan hệ với những câu trước hoặc sau, các câu có hình thức như thế hoàn toàn được chấp nhận, hơn thế, còn có giá trị nghệ thuật. **– Câu a:** Ở đây có hiện tượng tách câu. Bình thường, người ta có thể chỉ viết một câu *Huân cảm tưởng như mình đã bị thuồng văn, bị đạo ý*. Nhưng để nhấn mạnh, tạo ngữ điệu khác lạ, tác giả đã tách cụm *Bị đạo ý* thành một câu, chỉ có cụm động từ. Tuy trở thành câu không có chủ ngữ, nhưng do được chủ ngữ của câu trước thuyết minh, câu này vẫn có giá trị thông báo, trở thành hợp lí. **– Câu b:** "Mắt mèo hoang" là cụm danh từ, khi tách ra trở thành câu không phân định được thành phần. Tuy vậy, nhờ câu sau đó mà người đọc hiểu rằng, "mắt mèo hoang" là mắt của "em" theo cách nói của "mẹ". Như vậy, đây là một câu hay, thể hiện cách viết đầy tính nghệ thuật của tác giả. **– Câu c:** Nếu theo cấu trúc bình thường, hai câu này có thể viết lại thành: *Đó là người câm của quán rượu. Người câm ấy là anh Ba Hoành.* Nhưng ở đây, nhờ có câu trước mà câu sau chỉ cần là một cụm danh từ, nghĩa vẫn rất tường minh. Hơn thế, *Anh Ba Hoành* được tách ra thành câu, sử dụng dấu chấm than thể hiện sắc thái khẳng định chắc chắn. Nó còn mang nghĩa tình thái: Người ta có thể vô cùng ngạc nhiên về sự thật không ngờ đó.

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Vận dụng sự hiểu biết về cấu trúc cú pháp, các thành phần câu để không mắc lỗi trong lời ăn tiếng nói hàng ngày và có thể đạt hiệu quả cao nhất trong thực hành viết văn.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm các ngữ liệu mắc lỗi câu trong đời sống, trong các bài văn của chính mình, của mọi người.
- Thành lập CLB ngôn ngữ.
- Trao đổi các kĩ năng giao tiếp.

c. Sản phẩm:

- Sổ tay giao tiếp, sổ tay văn học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Về nhà) Nhóm 1: Tạo sổ tay giao tiếp (bằng cách sưu tầm và ghi lại những lỗi về câu trong lời ăn tiếng nói hàng ngày). Nhóm 2: Tạo sổ tay văn học (bằng cách tìm các ngữ liệu chứa sự độc đáo trong đặt câu và phân tích nét độc đáo ấy). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm)** Các nhóm trao đổi, thu thập thông tin, suy nghĩ hoàn thành nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm theo từng tuần hoặc tạo sổ tay điện tử cập nhật hằng ngày có sự chọn lọc và kiểm duyệt sản phẩm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS.	Sản phẩm thực tế của các nhóm được cập nhật theo quy định (theo ngày hoặc theo tuần).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

VIẾT

Tiết: 42, 43

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- HS từng bước hoàn thiện kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.
- HS chọn được đề tài phù hợp với định hướng viết của Bài 4, phân biệt với định hướng viết của Bài 3.

Thực hành viết

- Từ định hướng trên, HS biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề, đáp ứng yêu cầu đối với kiểu bài được nêu trong SGK.

2. Phẩm chất

- HS thể hiện được sự chủ động trong việc bàn luận về vấn đề, biết kết nối vấn đề với những lựa chọn của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS xem Clip, đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=7wtfhZwyrcc - Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi: Bài học nào trong Clip trên tác động tới em mạnh mẽ nhất? Vì sao? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh quan sát Clip, suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2-3 HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, nghe và bổ sung ý kiến. **Bước 4: Đánh giá kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: *Xã hội hiện đại đang đặt ra trước mỗi chúng ta nhiều thử thách mới. Để hòa nhịp một cách tích cực với cuộc sống hiện nay bạn sẽ lựa chọn thái độ ứng xử như thế nào? Viết văn bản nghị luận về một vấn đề*	- HS lựa chọn vấn đề xã hội. - HS thể hiện quan điểm cá nhân.

xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) là một cơ hội khám phá, đầy ý nghĩa. Hãy bắt đầu bài học ngày hôm nay.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận có nội dung đề cập những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thường nhật; có ý thức rèn luyện kĩ năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân bằng ngôn ngữ viết.

b. Nội dung hoạt động:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) trong tương quan so sánh với yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th colspan="4">Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td rowspan="4">Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/115 và thảo luận về các vấn đề:
Câu 1: Một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) cần đáp ứng những yêu cầu gì?
Câu 2: Những yêu cầu này có điểm gì chung và riêng so với những yêu cầu trong một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)?
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của 2 kiểu bài theo nhóm bàn.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.</td><td>Loại văn bản</td><td colspan="2">Văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)</td><td>Văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)</td></tr>
<tr><td>Giống</td><td colspan="3">- Nêu được vấn đề.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết.
- Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí.
- Sử dụng được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ.
- Đưa ra được những ý kiến đánh giá từ một góc nhìn khác.
- Rút ra được ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Khác</td><td>đề tài</td><td>Con người với cuộc sống xung quanh, một loại đề tài gần với trải nghiệm của HS.</td><td>Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại, một loại đề tài khác đòi hỏi HS phải huy động nhiều kiến thức tổng hợp về văn hoá, xã hội, phải thể hiện được những suy tư có tầm bao quát hơn về việc chủ động thích ứng với những đòi hỏi của “thời đại toàn cầu hoá”.</td></tr>
<tr><td>tổ chức bài viết</td><td>HS cần chú ý đưa ra được những ý kiến trái chiều, lí lẽ</td><td>Thao tác liên hệ bản thân phải được chú ý thích đáng và HS cần thể hiện được một cách chân thực những suy nghĩ, trăn trở</td></tr>
</table>

Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.			phản bác và đặc biệt nêu bật ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân.	của chính mình trước việc lựa chọn lối sống, việc hoạch định con đường tương lai của bản thân. Câu trả lời dứt khoát, rành mạch về vấn đề được nghị luận có thể chưa có nhưng việc định hình các nguyên tắc hành động thì vẫn cần được xem là yêu cầu không thể bỏ qua.

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cách triển khai vấn đề của bài viết.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 115-117 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được các bước để viết một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc bài viết tham khảo và nhắc các em chú ý các thẻ định hướng đọc. - GV lưu ý: Đọc xong mỗi đoạn, cần dừng lại để phân tích nội dung thể hiện trong đó và những thao tác được người viết sử dụng (có thể không cần đi sâu tìm hiểu nội dung cụ thể được bàn mà quan tâm đến tính chất của nội dung, trong sự đối chiếu với yêu cầu chung của kiểu bài). Bài viết tham khảo đề cập vấn đề tương đối khó nhưng đã ngầm giới thiệu cái nhìn tổng quan về "xã hội hiện đại" – điều mà HS cần nắm được để có điều kiện thực hành viết theo những đề tài dễ hơn. - GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi đặt dưới bài viết tham khảo: + Nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài viết và ý nghĩa của nó. + Xác định hệ thống luận điểm được triển khai trong bài viết. + Nhận xét về mức độ thuyết phục của các bằng chứng được người viết đưa ra. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc bài tham khảo. - HS trả lời câu hỏi.	**Bài viết tham khảo: Cư dân của hành tinh – Nhóm biên soạn** **- Vấn đề chính** được bàn luận trong bài viết: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại. **- Hệ thống luận điểm và mạch lập luận của bài viết** (các thẻ đọc trong bài viết tham khảo đã thể hiện khá rõ điều này): **+ Luận điểm 1:** Xem xét vấn đề từ nguồn gốc chung của loài người. **+ Luận điểm 2:** Xem xét vấn đề từ thực tiễn lịch sử cận – hiện đại của thế giới. **+ Luận điểm 3:** Xem xét vấn đề từ mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc. **+ Luận điểm 4:** Xem xét vấn đề từ góc nhìn khác **+ Luận điểm 5:** Ứng xử thực tế cần có của mỗi người khi nhận thức được tầm quan trọng của vấn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức. - HS có thể học tập kĩ năng diễn đạt và trình bày ở bài viết tham khảo để viết kiểu bài nghị luận tương tự.	đề bàn luận. - **Các bằng chứng** đưa ra xác thực, chính xác có sức thuyết phục mạnh đối với người đọc.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
* Chuẩn bị viết
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
– Đầu tiên, GV cho HS tự nghiên cứu (theo nhóm) phần Thực hành viết gồm bốn bước lớn trong SGK. Sau đó, mỗi nhóm nêu các vấn đề còn thắc mắc để trao đổi chung, mục đích là để tất cả đều có nhận thức thông suốt về quy trình viết.
– GV giúp HS tìm, lựa chọn được đề tài viết thích hợp với mình, dựa vào phần gợi ý của SGK.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS hoạt động cá nhân, nêu thắc mắc và lựa chọn đề tài.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét phần trình bày của HS.
* Tìm ý, lập dàn ý
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS tìm ý theo phiếu tìm ý (cột bên).
- GV yêu cầu HS dự kiến cả những lí lẽ và bằng chứng.
<u>Lưu ý</u>:
+ Bằng chứng: Nên lựa chọn những bằng chứng sát hợp, tiêu biểu, có ý nghĩa để tăng sức thuyết phục (bằng chứng được thu thập thông qua quan sát, trải</td>
<td>
1. Chuẩn bị viết:
Một số đề tài gợi ý:
- Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn;
- Thực hành lối sống xanh;
- Đấu tranh cho bình đẳng giới;
- Tôn trọng sự khác biệt;
- Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ;
- Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội;
- Ý nghĩa của các diễn đàn, câu lạc bộ khởi nghiệp;…
2. Tìm ý, lập dàn ý
Phiếu tìm ý
<table>
<tr><th>Các ý cần tìm</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr>
<tr><td>- Nên chọn những bằng chứng gì để làm sáng tỏ các luận điểm?</td><td></td></tr>
<tr><td>- Những ý kiến sáng giá nào có thể trích dẫn?</td><td></td></tr>
<tr><td>- Có thể bàn về vấn đề từ góc nhìn trái chiều như thế nào?</td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

nghiệm trực tiếp của cá nhân hoặc bằng chứng được khai thác từ sách báo và các phương tiện truyền thông. Cần lưu ý đặc biệt những bằng chứng gần gũi, thiết thực.)

+ Lí lẽ: Cần có cách tiếp cận vấn đề từ những góc nhìn khác nhau, từ đó đưa ra cùng lúc cả lí lẽ mang tính khẳng định và lí lẽ phản bác các quan điểm trái chiều.

- Hướng dẫn HS lập dàn ý theo phiếu Lập dàn ý (cột bên)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS.

*** Viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS viết bài hoàn chỉnh theo sự lựa chọn.

GV lưu ý:

- HS dựa vào dàn ý để triển khai bài viết.

+ Mỗi luận điểm cần được triển khai thành một đoạn văn, có câu chủ đề với các ý nhỏ triển khai chủ đề.

+ Thường xuyên chú ý mạch lạc và liên kết của bài viết, sử dụng chính xác và đúng chỗ các phương tiện liên kết.

+ Việc trích dẫn các ý kiến bàn về vấn đề (nếu có) cần đảm bảo tính trung thực, không cắt xén, có ghi nguồn đầy đủ, chính xác (phần trích dẫn trực tiếp phải được đặt trong ngoặc kép).

+ Chú ý sử dụng hình thức đối thoại (với các quan điểm khác) nhằm làm cho vấn đề trở nên nổi bật và sắc nét.

+ Có thể vận dụng linh hoạt các yếu tố tự sự và biểu cảm, nhất là khi đề cập những trải nghiệm của bản thân để làm tăng tình thuyết phục của lập luận.

+ HS có thể viết bài trên lớp hoặc ở nhà.

- Sau khi viết, HS cần đọc lại, chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo hướng dẫn của GV.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người, trước hết là với chính người viết?	

Phiếu Lập dàn ý

Hướng dẫn	Thực hành
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết.	
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.	
3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: **- Mở bài:** Nêu vấn đề cần bàn luận, hướng bàn luận và ý nghĩa chung của việc bàn luận về vấn đề (Có thể giới thiệu vấn đề theo cách trực tiếp hoặc theo cách gián tiếp nhưng không được dài dòng và cần giúp người đọc nắm rõ ngay từ đầu bài viết sẽ bàn luận về vấn đề gì). **- Thân bài:** + Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề. + Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với	

Cá nhân HS viết bài. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài** *** GV yêu cầu HS nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài** GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài và xác định những điểm then chốt. Cần chú ý: Với hoạt động viết ở Bài 4, việc chọn đúng đề tài không hề dễ dàng vì nó đòi hỏi người thực hiện phải có khả năng tư duy tổng quát. Các yêu cầu khác về triển khai nội dung, sử dụng thao tác nghị luận,.. không có nhiều điểm khác biệt so với những bài viết mà HS từng thực hiện trước đó. *** Nhận xét về kết quả viết và yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết** - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu ở các bài viết của HS (bài viết cá nhân hoặc bài viết mang tính tập thể), chọn đọc và phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS nhận ra những điều cần phát huy hoặc bổ cứu. - Trả bài cho HS, yêu cầu các em sửa chữa theo hướng dẫn trong SGK và theo những điều vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc sửa chữa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm). *** GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric đánh giá bài viết (bên dưới)**	những lí lẽ và bằng chứng phù hợp. + Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề. + Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận. + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. **- Kết bài:** Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập nhiều tư liệu và bằng chứng mới. **3. Viết: HS thực hành viết theo các bước** **Đề bài: Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn** (Tham khảo Bảng tìm ý và lập dàn ý bên dưới)	

BẢNG TÌM Ý

Vấn đề mà bài viết tập trung bàn luận	**"Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn"**
Các ý cần tìm	- LĐ1: Có những tệ nạn mang tính đặc trưng của xã hội hiện đại hay không? - LĐ2: Vì sao tự bảo vệ mình trước các tệ nạn cần được xem là một vấn đề phải suy nghĩ nghiêm túc? - LĐ3: Tự bảo vệ mình có những biểu hiện cụ thể nào và đòi hỏi sự chủ động, sáng suốt của mỗi cá nhân ra sao? - LĐ4: Ý thức về vấn đề tự bảo vệ mình có liên quan gì tới việc xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân....

DÀN Ý THAM KHẢO

Đề bài: Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn

1. Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận: **Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn**

2. Thân bài:

*** Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề:**

- Một thực tế đáng buồn đang diễn ra hiện nay: Nhiều loại tệ nạn xã hội xuất hiện, tác động không nhỏ tới đời sống của mọi người dân.
- Có rất nhiều hình thức được gọi là tệ nạn xã hội: Ma túy, cờ bạc, nghiện hút, nghiện rượu, mại dâm, chơi game quá mức,...

*** Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp:**

- Diễn ra ở nhiều nơi (dẫn chứng): Từ thành phố đến những làng quê vốn được coi là yên bình, từ miền ngược đến miền xuôi,…
- Có nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi (dẫn chứng).
- Xảy ra liên tục ở nhiều thời gian, nhiều thời điểm khác nhau.

*** Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề:**

- Những tác hại mà tệ nạn xã hội gây ra:

+ Về vật chất.
+ Về thời gian.
+ Về sức khỏe.
+ Về đạo đức, lối sống, nhân cách con người.

- Không chỉ ảnh hưởng tới cá nhân người mắc tệ nạn mà còn ảnh hưởng xấu tới gia đình, xã hội,... (Dẫn chứng, phân tích).

*** Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận:**

- Cá nhân: Trang bị những hiểu biết về tệ nạn xã hội để tránh xa nó, sống có bản lĩnh, suy nghĩ và làm việc lành mạnh,…
- Gia đình: Vai trò giáo dục, quản lí thời gian, tiền bạc, vai trò nêu gương của người lớn,…
- Xã hội: Ngăn chặn tệ nạn, tạo công ăn việc làm, sân chơi lành mạnh, thực thi pháp luật nghiêm minh,...

*** Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:**

- Đôi khi tệ nạn xã hội ẩn núp trá hình dưới vỏ bọc những thứ tốt đẹp
- Có những người khi sa vào tình trạng tiêu cực, dễ dàng thỏa hiệp với bản thân và sa chân vào tệ nạn mà không hay
- Hoặc có những kẻ biện hộ cho những tệ nạn: nó là tất yếu của xã hội, nó là thử thách, nó là phép thử để loại trừ khỏi xã hội những kẻ yếu đuối, hoặc dùng một chút có sao đâu, chẳng qua để chứng minh ta có sức mạnh ý chí tránh xa được tệ nạn,…

3. Kết bài:

- Tránh xa các tệ nạn xã hội vừa là cách để bảo vệ bản thân, vừa là cách để tự khẳng định nhân cách, đạo đức của mỗi con người.
- Góp phần xây dựng xã hội lành mạnh, văn minh, phát triển.

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự

	Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp.Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS**.**

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết văn bản nghị luận về:

+ Tôn trọng sự khác biệt;

+ Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ;…

- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.

- Chuẩn bị nội dung nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 44

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS chủ động hơn trong việc tham gia thảo luận về một vấn đề trong đời sống – hoạt động từng được thực hiện nhiều lần ở các lớp dưới.
- HS biết đề xuất ý kiến riêng và trao đổi với các ý kiến khác trên tinh thần xây dựng, hướng tới sự đồng thuận, hiểu biết lẫn nhau và hiểu biết sâu hơn về vấn đề thảo luận.
- HS thể hiện được sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước các thách thức của đời sống hiện đại.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,… xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,…

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình**.**

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip https://www.youtube.com/watch?v=bh8YsrFm7pw (00:05– 01:41) HS trả lời câu hỏi:	HS thể hiện quan điểm cá nhân

- Đoạn Clip nói về điều gì? - Em có nhận xét gì về hành vi của tên ăn cắp? - Em hãy thử phán đoán về nguyên nhân của hành vi đó. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe: **Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)**

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe: **Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)**

c. Sản phẩm: Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV nhắc HS kiểm tra lại sự chuẩn bị của mình cho cuộc thảo luận (theo những gì đã được hướng dẫn trong SGK Ngữ văn 11, tập một, tr. 120 và theo đề tài thảo luận đã được lớp thống nhất từ trước).
- GV (hoặc HS được cử điều hành thảo luận) thông qua nội dung và tiến trình thảo luận: đề tài, người đăng kí phát biểu ý kiến, thời gian quy định cho một lượt phát biểu ý kiến, nguyên tắc thảo luận,...
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện các yêu cầu
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu
</td><td>
I. CHUẨN BỊ THẢO LUẬN
1. Lựa chọn đề tài (Theo cá nhân hoặc theo nhóm)
* Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó, chẳng hạn:
- Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn;
- Thực hành lối sống xanh;
- Đấu tranh cho bình đẳng giới;
- Tôn trọng sự khác biệt;
- Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ;
- Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội;
- Ý nghĩa của các diễn đàn, câu lạc bộ khởi nghiệp;…
2. Tìm ý và sắp xếp ý
+ Tìm ý:
Phiếu tìm ý
<table>
<tr><th>Các ý cần tìm</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr>
<tr><td>- Giới thiệu vấn đề thảo luận</td><td></td></tr>
<tr><td>- Nên chọn những bằng chứng gì để làm sáng tỏ các luận điểm?</td><td></td></tr>
<tr><td>- Những ý kiến sáng giá nào có thể trích dẫn?</td><td></td></tr>
<tr><td>- Có thể bàn về vấn đề từ góc nhìn trái chiều như thế nào?</td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

	- Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người, trước hết là với chính người viết?	
	+ Sắp xếp ý: Sắp xếp ý theo trật tự Mở - Thân – Kết	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) theo quy trình

b. Nội dung: Thảo luận và đánh giá rút kinh nghiệm về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).

c. Sản phẩm: Bài thảo luận của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
Nhiệm vụ 1: Thảo luận
- GV (hoặc HS được cử điều hành thảo luận) mời lần lượt các HS có tên trong danh sách đăng kí phát biểu ý kiến lên bày tỏ quan điểm, đánh giá, nhận định của mình về vấn đề thảo luận.
- Chú ý nhắc HS đảm bảo thời gian quy định cho một lượt phát biểu ý kiến, tránh lặp lại những ý kiến đã phát biểu trước, tránh đẩy vấn đề đi xa nội dung chính của cuộc thảo luận.
- Tuỳ diễn biến cụ thể của cuộc thảo luận, GV có thể đặt ra một số câu hỏi để khơi sâu vấn đề, giúp HS có được định hướng phù hợp khi thảo luận: nêu ý kiến đồng tình, phản bác, bổ sung lí lẽ, bằng chứng,...
- GV cần có những khơi gợi hợp lí để hướng HS tập trung suy nghĩ về việc rút ra bài học cho bản thân.
Nhiệm vụ 2: Đánh giá, rút kinh nghiệm
- Việc trao đổi được thực hiện ở hai thời điểm khác nhau. Thời điểm thứ nhất là sau mỗi ý kiến tham gia thảo luận. Thời điểm thứ hai là lúc chuẩn bị kết thúc cuộc thảo luận. Ở thời điểm trước, sự trao đổi mang tính chất cọ xát ý kiến giữa những người đăng kí phát biểu. Ở thời điểm sau, sự trao đổi gắn với việc đánh giá tổng thể về cuộc thảo luận và rút kinh nghiệm.
- Tuỳ tình hình thực tế, GV có thể chuẩn bị sẵn mẫu phiếu đánh giá để phát cho HS. Nội dung phiếu cần có đủ các thông tin về người được đánh giá (người phát biểu ý kiến thảo luận), căn cứ đánh giá (nội
</td><td>
II. THẢO LUẬN VÀ ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM
1. Thảo luận
<table>
<tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr>
<tr><td>- Bày tỏ thái độ hưởng ứng tích cực đối với đề tài, vấn đề thảo luận.
- Nắm bắt được tốt nội dung các ý kiến đã phát biểu và chiều hướng phát triển của cuộc thảo luận.
- Nêu được ý kiến làm sáng tỏ đề tài, vấn đề thảo luận với lí lẽ sắc bén và bằng chứng sinh động, tạo được sự kết nối liền mạch với các ý kiến đã phát biểu trước đó.
- Thể hiện được văn hóa tranh luận khi nêu ý kiến phản bác.
- Biết thu hút sự chú ý của người nghe bằng việc kết hợp</td><td>- Theo dõi sát tiến trình thảo luận.
- Ghi chép những ý kiến phát biểu độc đáo hoặc những ý kiến cần được trao đổi thêm.
- Thể hiện sự tôn trọng người nói, tạo điều kiện cho người nói thể hiện tốt nhất ý kiến của mình.
- Chuẩn bị ý kiến để sẵn sàng tham gia thảo luận.</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

dung ý kiến, kĩ năng trình bày ý kiến, kĩ năng tương tác trong thảo luận,...), kết quả đánh giá (đạt, chưa đạt). **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc nhóm hoặc cá nhân, sắp xếp, kiểm tra lại phần trình bày và phương tiện hỗ trợ. - GV hướng dẫn HS thể hiện phần thảo luận dưới dạng chương trình: **Trường Teen.** - HS trực tiếp tham gia thảo luận và phản biện. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - HS hoặc đại diện HS các nhóm tham gia thảo luận. - Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thể hiện của bạn, của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn. - Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn. **Bước 4. Kết luận, nhận định** - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm. - Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) để HS rút kinh nghiệm. - GV phát phiếu và yêu cầu HS điền thông tin vào phiếu, thu lại để theo dõi hoạt động nói và nghe của lớp, từ đó, có thêm cơ sở đánh giá năng lực của từng HS (Phụ lục 1 bên dưới). - Tham khảo bài thuyết trình (Phụ lục 2 bên dưới)	linh hoạt phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. - Làm chủ được thời gian phát biểu ý kiến (không vượt quá khung quy định). **2. Đánh giá, rút kinh nghiệm** - Người điều hành tổng kết thảo luận, nêu những điều đã đạt được đồng thuận và những điều còn có ý kiến khác nhau, đặc biệt, nhấn mạnh ý nghĩa của đề tài, vấn đề thảo luận trong việc giúp mỗi người xác định được thái độ sống tích cực trong xã hội hiện đại. - Người điều hành biểu dương sự đóng góp của tập thể và từng cá nhân cho sự thành công (theo những mức độ khác nhau) của cuộc thảo luận. - Tập thể cùng rút kinh nghiệm về khâu tổ chức thảo luận, từ bước chuẩn bị đến bước triển khai. - Từng cá nhân tự rút ra những bài học bổ ích cho bản thân về kĩ năng phát biểu ý kiến và kĩ năng tương tác nói – nghe trong thảo luận.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:…….

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội để thảo luận.		
2	Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.		
3	Trình bày đúng bản chất vấn đề.		
4	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
5	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		

PHỤ LỤC 2

Dàn ý tham khảo cho bài nói: Cư dân của hành tinh

1. Mở bài:

- Nêu vấn đề cần thảo luận: Cư dân của hành tinh.
- Ý nghĩa: Đây là vấn đề đáng suy ngẫm để xác định được cho mình một thái độ sống tích cực, có trách nhiệm với cuộc đời và sự sống nói chung.

2. Thân bài:

- Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề.
- Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp.
  + Xem xét vấn đề từ nguồn gốc chung của loài người.
  + Xem xét vấn đề từ thực tiễn lịch sử cận – hiện đại của thế giới.
  + Xem xét vấn đề từ mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc.
- Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề.
- Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận: Ứng xử thực tế cần có của mỗi người khi nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề bàn luận.
- Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều.

3. Kết bài: Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập nhiều tư liệu và bằng chứng mới.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được những luận điểm để sẵn sàng trình bày hoặc phản biện.

b. Nội dung: Thành lập các nhóm tìm hiểu các vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm: Các số tiếp theo của chương trình **Trường Teen.**

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm có cùng sở thích tìm hiểu các vấn đề xã hội.
- GV lựa chọn nhóm trưởng, hướng dẫn phân công HS tìm hiểu, thu thập thông tin và chuẩn bị nội dung thảo luận, có thể là những nội dung trên lớp chưa kịp thảo luận, chẳng hạn:

1. Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn;
2. Thực hành lối sống xanh;
3. Đấu tranh cho bình đẳng giới;
4. Tôn trọng sự khác biệt;
5. Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ;
6. Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội;
7. Ý nghĩa của các diễn đàn, câu lạc bộ khởi nghiệp;…

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

--GV tổ chức buổi thảo luận trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa

--HS chuyển tài liệu lên trang https://drive.google.com/drive

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kĩ năng quan trọng khi thảo luận đối với HS

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 4)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Chỉ ra các điểm tương đồng, khác biệt giữa truyện thơ và thơ trữ tình. Kể tên các bài thơ trữ tình giàu yếu tố tự sự mà bạn biết, ngoài các bài có trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11.

Câu 2. Tìm đọc thêm các truyện thơ dân gian nổi tiếng được in trong một số sách thuộc loại hợp tuyển, tổng hợp (ví dụ: *Tổng hợp văn học Việt Nam*, tập 40 và tập 41, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000). Ghi lại phần tóm tắt nội dung các truyện thơ dân gian đã đọc cùng một số câu, đoạn thơ bạn cho là đặc sắc.

Câu 3. Lập dàn ý chi tiết cho bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (tự chọn) theo những gợi ý ở phần *Viết*.

Câu 4. Nếu được giao nhiệm vụ điều hành cuộc thảo luận trên lớp về một vấn đề đời sống, bạn sẽ nêu yêu cầu gì đối với người tham gia để đảm bảo cho cuộc thảo luận đạt kết quả mong muốn?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm gửi kết quả vào nhóm lớp (Sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI:

Câu 1. Điểm tương đồng, khác biệt giữa truyện thơ và thơ trữ tình.

*** Giống nhau:**

- Hình thức: theo thể thơ với các khổ và các dòng thơ ngắn….
- Nội dung: truyền tải tâm tư, nguyện vọng của người viết.

*** Khác nhau**

Tiêu chí so sánh	**Truyện thơ**	**Thơ trữ tình**
Khái niệm	Là những truyện kể dài bằng thơ, có sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình, phản ánh cuộc sống của những người nghèo khổ, khát vọng về tình yêu và sự tự do.	Là thể thơ tác giả thường bộc lộ những cảm xúc riêng tư, cá thể, đời sống, thể hiện tâm tư, tình cảm của con người về cuộc đời, thời cuộc.
Đặc trưng	- Chủ đề: hạnh phúc đôi lứa của những cặp đôi bất hạnh. - Cốt truyện: từ yêu tha thiết, tình yêu	- Chủ đề: đa dạng, thường mượn cảnh vật để bày tỏ tình cảm. - Cốt truyện: không rõ ràng bởi thơ trữ tình

	đổ vỡ, khó khăn, thử thách và quay lại với nhau.	thường không kể tình tiết cũng không miêu tả nhân vật cụ thể.
Hình thức	Những câu thơ dài ngắn khác nhau, độ dài khổ thơ cũng tùy thuộc, thường ít đối thơ.	Thơ trữ tình thường theo một thể loại nhất định, có quy luật về vần, nhịp điệu, số từ trong một câu và số câu trong một đoạn.

*** Thơ trữ tình giàu yếu tố tự sự mà em biết:** *Nhớ rừng* – Thế Lữ; *Đây thôn Vĩ Dạ* - Hàn Mặc Tử,…

Câu 2. Một số truyện thơ dân gian nổi tiếng:

*** *Truyện Lục Vân Tiên* – Nguyễn Đình Chiểu:**

- Tóm tắt nội dung: Truyện nói về nhân vật Lục Vân Tiên – người anh hùng trượng nghĩa, văn võ song toàn đã cứu giúp Kiều Nguyệt Nga khỏi tay bọn cướp. Từ đó xây dựng nên câu chuyện tình yêu đầy cảm động giữa hai người.
- Một số câu thơ:

Trước đèn xem truyện Tây minh,
Gẫm cười hai chữ nhân tình éo le.
Hỡi ai lẳng lặng mà nghe,
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau.

*** *Truyện Kiều* – Nguyễn Du:**

- Tóm tắt: Câu chuyện kể về cuộc đời mười lăm năm đoạn trường của Thúy Kiều với ba phần: Gặp gỡ và đính ước; Gia biến và lưu lạc; Đoàn tụ.
- Một số câu thơ:

Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
…
Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

Câu 3. Dàn ý cho đề bài: **Tôn trọng sự khác biệt**

1. Mở bài:

- Nêu vấn đề cần bàn luận: **Tôn trọng sự khác biệt.**
- Ý nghĩa: Đây là vấn đề đáng suy ngẫm để xác định được cho mình một thái độ sống tích cực, có trách nhiệm với cuộc đời và sự sống nói chung.

2. Thân bài:

- Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề: Cuộc sống muôn màu, mỗi người là một tiểu vũ trụ, không ai giống ai, khác biệt là tất yếu.

- Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp.

+ Tôn trọng khác biệt là gì?

++ Tôn trọng là thái độ đánh giá cao, không vi phạm hay xúc phạm.

++ Quan điểm của mỗi người được hình thành từ cách suy nghĩ, đánh giá một sự vật, sự việc, hiện tượng nào đó.

++ Tôn trọng khác biệt là sự hành xử đúng mực, coi trọng danh dự, nhân phẩm và quyền lợi của mỗi người. Đồng thời phải biết sống hòa hợp, yêu thương mọi người. Trong bất cứ sự việc nào diễn ra trong cuộc sống, chúng ta cần phải biết cách tôn trọng quan điểm của người khác.

+ Sự cần thiết phải tôn trọng khác biệt:

++ Mỗi người có suy nghĩ, cách đánh giá, hệ giá trị khác nhau nên sẽ có quan điểm khác nhau về một vấn đề nào đó trong cuộc sống. Tôn trọng quan niệm của người khác cũng chính là tôn trọng sự khác biệt của mỗi người.

++ Tôn trọng khác biệt giúp cho người đó tự tin vào bản thân mình hơn, lạc quan hơn vào cuộc sống.

++ Tôn trọng khác biệt giúp chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về cuộc sống, học được cách lắng nghe, đồng cảm, từ đó hoàn thiện bản thân mình hơn.

++ Tôn trọng quan điểm của người khác cũng chính là tôn trọng quan điểm của chính mình. Người biết tôn trọng quan điểm của người khác sẽ được mọi người yêu quý và tôn trọng.

++ Tôn trọng khác biệt sẽ tạo ra một môi trường sống lành mạnh, tích cực, văn minh, thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân.

+ Biểu hiện của sự tôn trọng khác biệt:

++ Về thái độ, lời nói: Tỏ ra tôn trọng mọi người xung quanh và luôn giữ đúng chuẩn mực, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung

++ Về cử chỉ, hành động: Cư xử đúng phép tắc, theo quy định chung, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung…

- Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề.

- Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận

- Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:

+ Đừng áp đặt suy nghĩ, định kiến hoặc thói quen của mình lên người khác. Cần phải học cách tôn trọng lẫn nhau, hòa nhập với nhau.

+ Hẳn nhiên, tôn trọng cũng không phải là con đường một chiều, mà là hai chiều.

+ Chúng ta có thể đồng ý hoặc không đồng ý với quan điểm của người khác nhưng không tìm cách vùi dập hoặc coi thường suy nghĩ của họ.

3. Kết bài: Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập nhiều tư liệu và bằng chứng mới.

Câu 4. Nếu được giao nhiệm vụ điều hành cuộc thảo luận trên lớp về một vấn đề đời sống, em sẽ nêu yêu cầu sau trước khi cuộc thảo luận diễn ra:

- Mọi người đều cần phải đóng góp ý kiến để bài thảo luận đạt hiệu quả cao nhất.
- Các thành viên khác cần lắng nghe quan điểm của bạn mình và đưa ra suy nghĩ của bản thân về quan điểm đó.
- Nghiêm cấm các hành vi công kích, áp đặt lên quan điểm của nhau.
- Đóng góp của mọi người đều sẽ được ghi nhận một cách công bằng, văn minh.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- Chuẩn bị bài 5: Nhân vật và xung đột trong bi kịch (Đọc Tri thức Ngữ văn và văn bản 1. *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*)

BÀI 5

NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB 1: *Sống hay không sống - đó là vấn đề* (Trích *Hăm-lét* - Uy-li-am Sếch-xpia)

VB 2: *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Trích Vũ Như Tô - Nguyễn Huy Tưởng)

Thực hành đọc: *Prô-mê-tê bị xiềng* (Trích - Ét-sin)

2. Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

3. Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 8 Tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 45, 46

VĂN BẢN 1: SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ

(Trích Hăm-lét – Uy-li-am Sếch-xpia)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực sau:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,… qua đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề* của bi kịch *Hăm-lét*
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, câu chuyện, hành động kịch, nhân vật chính – phụ.
- Phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch thể hiện qua cách dùng từ ngữ, biện luận, suy xét tự ý thức và ý thức về cuộc sống của nhân vật trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*.

2. Phẩm chất: HS đồng cảm được với tâm trạng trăn trở, với những suy nghiệm của nhân vật Hăm-lét về cuộc đời, về chính mình, từ đó, biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và vượt lên mọi trở ngại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, miếng dán, phiếu đánh giá, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng kiểm,... Ngoài ra, giáo viên nên chuẩn bị các tài liệu nói về lí thuyết bi kịch, các bài phê bình, nghiên cứu, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, tranh ảnh liên quan đến vở kịch *Ham-let* và các sáng tác của Sếch-xpia.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi ***Đi tìm ẩn số***

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hỏi: 1. Nhà văn này được dân tộc Anh gọi thân thương là thi sĩ của dòng sông Avon – Ông là ai? 2. Kết thúc của kịch Rômeo và Juliet là đặc điểm chung của thể loại kịch này? 3. Anh/Chị hãy dịch cụm từ *to be, or not to be* 4. Người đã nói cụm từ đó là ai? 5. Bằng những cụm từ đã tìm được, sắp xếp và đem lại một thông tin văn học hữu ích. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	1. Uy-li-am Sếch-xpia 2. Bi kịch 3. Sống hay không sống 4. Hăm-lét 5. HS tùy ý sắp xếp và cung cấp thông tin văn học theo suy nghĩ cá nhân (Có thể chuẩn xác hoặc chưa).

- HS bàn bạc, trao đổi theo nhóm bàn thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động. - Đại diện HS trả lời câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài**:** ***Theo các em, việc ý thức về tình trạng bi đát của hoàn cảnh có khi nào ngăn trở con người hành động quyết đoán trong cuộc đời không? Điều gì khiến câu nói "to be or not to be" trở thành bất hủ trong văn học? Chúng ta hãy cùng nhau đến với "Sống, hay không sống – đó là vấn đề." (Trích Hăm-lét – Uy-li-am Sếch-xpia) để tìm hiểu nhé!***	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu bi kịch và một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,...

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, thuyết trình để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Kết quả nhóm và phần trình bày của đại diện.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: ***Miếng dán biết nói***

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi ***Miếng dán biết nói:*** + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.125, 126 (5 phút), sau đó gấp SGK lại. + GV chọn MC và hướng dẫn HS chia thành 3 đội chơi. + GV chuẩn bị giấy A0 và các từ khóa trên các miếng dán. + HS mỗi đội chơi sử dụng giấy A0 để trình bày sản phẩm theo từ khóa của nhóm mình. **Vòng 1.** Đại diện 3 đội chơi bắt thăm chọn từ khóa chủ: **1. Bi kịch** **2. Nhân vật và xung đột trong bi kịch** **3. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch** **Vòng 2.** Thành viên các đội đồng thời tìm các từ ngữ ở các miếng dán khác xếp theo từ khóa chủ một cách hệ thống. Gợi ý các từ khóa: Các từ in đậm là từ khóa chủ.	**I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn (SGK)** **1. Bi kịch** - Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch. - Đặc điểm: + Bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược của thực tại hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. + Cốt truyện bi kịch: Được làm nên từ việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột; kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật. + Trong bi kịch, việc cái đẹp, cái hùng bị thất bại đã đưa đến nỗi đau khổ cùng cực. Song chính từ đó, bi kịch trở thành tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại

1. Bi kịch - Một thể loại kịch; xung đột…giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát; thắt nút; triển khai; giải quyết những xung đột; cốt truyện bi kịch; kết thúc bằng thảm cảnh; cái chết của một loạt nhân vật; cái đẹp, cái hùng bị thất bại; nỗi đau khổ cùng cực; sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người; cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người. **2. Nhân vật và xung đột trong bi kịch** - Khát vọng cao đẹp; tính cách mạnh mẽ; lựa chọn hành động tự do; chính kiến, đức tin; xung đột với hoàn cảnh thực tế; trở ngại ngay trong bản tính cố hữu; trạng thái giằng xé, bế tắc; tình huống hết sức nặng nề; kết thúc bi thảm; lời thoại trong bi kịch thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn thở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục. **3. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch** - Hành động kịch căng thẳng, gay gắt; kết cục bi thảm; người tiếp nhận; sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa; căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc; nhà triết học Hy Lạp cổ đại A-rít-xtốt. **Vòng 3.** Đội chiến thắng dựa trên sản phẩm vừa hoàn thành thuyết trình về những tri thức ngữ văn cần nhớ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu. - Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS tham gia trò chơi, đội nhanh và đúng sẽ là đội chiến thắng. **Bước 4: Đánh giá, kết luận**	những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người. **2. Nhân vật và xung đột trong bi kịch** **- Nhân vật chính trong bi kịch:** + Thường phải trải qua những trạng thái giằng xé, bế tắc, rơi vào những tình huống hết sức nặng nề và có kết thúc bi thảm. + Lời thoại thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục. **- Xung đột trong bi kịch:** là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thế lực cụ thể. **3. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch** - Theo dõi bi kịch, người tiếp nhận thấy như đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật. - Sau đó, thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm đội trả lời nhanh và đúng.	

2.2. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- HS nêu được các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, vị trí văn học, sự nghiệp, đặc điểm bi kịch của tác giả Sếch-xpia.
- HS nắm được hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ cốt truyện, đặc điểm nhân vật Hăm-lét và tóm tắt được bi kịch *Hăm-lét.*
- Xác định được vị trí và tóm tắt được đoạn trích *"Sống, hay không sống – đó là vấn đề".*

b. Nội dung hoạt động: Tham gia trò chơi để tìm hiểu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà và trình bày của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Đấu trường Design (thiết kế). - GV yêu cầu HS đọc phần giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn trích trong SGK, sau đó cùng rà soát lại sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà, chọn cử người trình bày (Không quá 5 phút). - Đội thắng cuộc là đội được các bạn tín nhiệm phiếu nhiều nhất. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK, chuẩn bị thực hiện yêu cầu. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Các nhóm trình chiếu sản phẩm. - Đại diện HS thuyết trình. - GV quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau và tín nhiệm bằng việc bỏ phiếu. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, khen thưởng cho nhóm chiến thắng, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần).	**II. Tìm hiểu chung (SGK)** **1. Tác giả** - Uy-li-am Sếch-xpia (1564 – 1616) là nhà soạn kịch, nhà thơ nổi tiếng nhất của nước Anh thời Phục hưng. - Quê hương, gia đình: ông sinh ra và lớn lên tại thị trấn Xtơ-rét-phớt (Stratford) ở tây nam nước Anh trong một gia đình buôn bán len dạ. - Cuộc đời: + Khoảng năm 14 tuổi, do gia đình sa sút, Sếch-xpia phải thôi học. + Khoảng năm 1585, ông lên thủ đô kiếm sống, tham gia giúp việc cho một đoàn kịch, trở thành diễn viên, nhà soạn kịch kiêm đạo diễn, rồi người đồng sở hữu đoàn kịch. + Năm 1599, Sếch-xpia tham gia dựng nên Nhà hát Địa Cầu. - Sự nghiệp sáng tác: + Gồm 37 vở kịch , 4 bản trường ca và 154 bài thơ Xon-nê (sonnet), được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau. + Kịch của Sếch-xpia bao gồm nhiều thể loại (kịch lịch sử, hài kịch, bi kịch, bi hài kịch), trong đó nổi bật là bi kịch với nhiều kiệt tác như: Rô-mê-ô và Giu-li-ét, Vua Lia, Ô-ten-lô, Mắc-bét và đặc biệt là Hăm-lét. **- Bi kịch của Sếch-xpia:** + chứa đựng những suy ngẫm mang tính nhân văn sâu sắc, được thể hiện qua các hình tượng nhân

	vật phóng khoáng, tự do, có tính cách mạnh mẽ; + lời thoại sắc sảo, tinh tế; + nghệ thuật triển khai, đan xen các tuyến xung đột, các tuyến hành động kịch mang tính chất dồn nén, tập trung; + cốt truyện: dựa trên truyền thuyết có sẵn, mở rộng, khơi sâu chủ đề để dựng nên những hình tượng bất tử. **2. Tác phẩm** **a. Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ cốt truyện và đặc điểm nhân vật Hăm-lét** **-** Bi kịch năm hồi *Hăm-lét* là sáng tác đỉnh cao của Sếch-xpia, được viết trong khoảng thời gian 1599 – 1601. **-** Xuất xứ cốt truyện: Câu chuyện hoàng tử xứ Đan Mạch thời Trung cổ là Ăm-lét (Amleth) trả thù cho cha từng được ghi lại trong biên niên sử từ cuối thế kỉ XII của Xắc-xơ Gram-ma-ti-cút (Saxo Grammaticus), được Phơ-răng-xoa đơ Ben-phóc (François de Belleforest) kể lại vào năm 1576. - Đặc điểm nhân vật Hăm-lét: Được đặt "vào bối cảnh hậu kì Phục hưng, khi lí tưởng nhân văn chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc bởi xung đột với thực tại lịch sử nghiệt ngã", nhân vật Hăm-lét của Sếch-xpia không giống như hoàng tử Trung cổ là Am-lét trong biên niên sử mà có "cảm quan u tối về thực tại và ý chí đấu tranh khẳng định lí tưởng nhân văn chủ nghĩa. **b. Tóm tắt bi kịch Hăm-lét (SGK)** **3. Đoạn trích: Sống, hay không sống – đó là vấn đề** **a. Vị trí đoạn trích** Đoạn trích từ cảnh 1, hồi III của bi kịch *Hăm-lét*, là màn kịch nổi tiếng nhất trong Hăm-lét. **b. Tóm tắt đoạn trích** - Hăm-lét nghi ngờ về cái chết của vua cha có liên quan đến Clô-đi-út – chú ruột của chàng, hiện là nhà vua mới. - Chàng quyết định giả điên để tìm ra chân tướng. - Nhà vua nghi ngờ chàng, vì thế đã trực tiếp cùng Pô-lô-ni-út rình nghe trộm cuộc trò chuyện của Hăm-lét với Ô-phê-li-a – con gái của Pô-lô-ni-út, cũng là người yêu của chàng.

	- Ô-phê-li-a trả lại những kỉ vật tình yêu và Hăm-lét nói với nàng những lời tàn nhẫn, cốt để nàng rời xa mình. - Trong Hăm-lét có những xung đột về nội tâm, chàng băn khoăn "Sống, hay không sống – đó là vấn đề".

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... qua đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề* của bi kịch *Hăm-lét*.
- HS phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, câu chuyện, hành động kịch, nhân vật chính – phụ.
- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch thể hiện qua cách dùng từ ngữ, biện luận, suy xét tự ý thức và ý thức về cuộc sống của nhân vật trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia cuộc tranh luận**: *Hăm-lét – Hành trình đi tìm chính mình, Sống, hay không sống***? để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV lưu ý HS đọc cước chú giải nghĩa một số từ ngữ khó hiểu, luyện để HS đọc đúng một số tên riêng, địa danh nước ngoài khó đọc trong văn bản, nhắc HS chú ý những chỉ dẫn trong các thẻ chỉ dẫn đọc bên phải văn bản để bước đầu thâm nhập vào nội dung văn bản. - GV mời một số HS đọc văn bản (đọc thành tiếng) theo lối phân vai, lưu ý để HS biết nhập vai, nhấn giọng, biểu cảm (GV có thể tuỳ điều kiện của giờ học mà thực hiện trước việc "đọc mẫu" độc thoại của Hăm-lét – lời thoại khó hơn cả trong đoạn trích, hoặc tự mình sắm vai Hăm-lét, cùng đọc với HS, rồi sau đó cho HS đọc lại). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV gọi 1 HS đọc lời dẫn, 7 HS nhập vai	**III. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chú thích (SGK)**

các nhân vật đọc VB, 1 HS đọc cước chú giải thích nghĩa từ khó, kết hợp gọi các HS khác trả lời nhanh các câu hỏi ở thẻ chỉ dẫn. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu một số lời độc thoại của Hăm-lét. ***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **GV hướng dẫn HS tham gia cuộc tranh luận: *Hăm-lét – Hành trình đi tìm chính mình, Sống, hay không sống*?** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành 6 nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ hoặc thiết kế slide trình chiếu nếu điều kiện cho phép (khoảng 10 phút), chuẩn bị tham gia tranh luận (mỗi nhóm cử đại diện tranh luận khoảng 5 phút). **Nhóm 1: Hăm-lét – Con người bên ngoài** Thảo luận về con người bên ngoài của Hăm-lét theo gợi ý sau: *Xác định ý nghĩa lời thoại của các nhân vật trước khi Hăm-lét xuất hiện.* **Nhóm 2,3: Hăm-lét – Con người bên trong** Thảo luận về con người bên trong của Hăm-lét theo gợi ý sau: *- Nêu nhận xét chung về tâm trạng của Hăm-lét thể hiện qua lời độc thoại.* *- Theo mạch suy tưởng của Hăm-lét, lời độc thoại có thể chia làm mấy phần, nội dung từng phần là gì?* *- Có thể xác định cách hiểu của Hăm-lét về "sống" và "không sống" như thế nào?* **Nhóm 4,5: Hăm-lét – Con người bên trong** Thảo luận về con người bên trong của	**IV. Khám phá văn bản** **1. Hăm-let – Con người bên ngoài** **** Trong Lớp kịch 1, vua và hoàng hậu tra hỏi kết quả dò xét Hăm-lét của Rô-den-cran và Ghin-đơn-xtơn*** **- Vua:** + Lời lẽ đẹp đẽ bề ngoài quan tâm đến bệnh tình của Hăm-lét, thực chất là muốn tìm hiểu nguyên nhân chứng "rối loạn tâm thần" của chàng. + Tâm trạng bất an của vua càng tăng khi được biết Hăm-lét "biết mình bị mất trí" và "đánh trống lảng bằng những cơn điên khôn khéo", tức là Hăm-lét "điên" rất có ý thức. **- Hoàng hậu:** + Quan tâm đến thái độ của Hăm-lét với mọi người (Vì sợ thái độ của chàng với mình), thì được biết chàng vẫn "lịch thiệp", song "bên trong vẫn có vẻ gì gượng gạo". + Thực lòng muốn Hăm-lét được giải toả khỏi cơn "rối loạn tâm thần". **- Rô-den-cran:** báo cho Hoàng hậu biết việc Hăm-lét chuẩn bị màn trình diễn "đêm nay". Điều này cũng được **Pô-lô-ni-út** xác nhận. **- Ở lớp kịch này, có thể thấy, Hăm-lét chỉ giả điên, vì:** + Chàng cảnh giác trước "những người bạn" mà chàng hiểu rõ đã thành tay sai của vua (với chàng, đây là thêm một bằng chứng về sự đảo điên của thời đại), + Chàng vẫn ráo riết chuẩn bị cho màn trình diễn vạch mặt kẻ thù. **=> Ý nghĩa:** Lời thoại của các nhân vật ở lớp kịch này bộc lộ tâm trạng bất an của vua, hoàng hậu và tinh thần cúc cung tận tuy của Rô-den-cran, Ghin-đơn-xtơn và Pô-lô-ni-út. Điều này củng cố nhận thức của Hăm-lét về thời đại "đảo điên" mà khán giả đã biết ở hai hồi trước của vở kịch. **** Trong lớp kịch 2, lời thoại của vua với hoàng hậu cho biết về âm mưu do thám tình hình Hăm-lét qua***

Hăm-lét theo gợi ý sau: *- Nêu lí do khiến Hăm-lét cho rằng "chết" đáng "mong muốn" mà cũng là "điều khó khăn" buộc người ta phải "ngừng lại mà suy nghĩ".* *- Phân tích ý thức của Hăm-lét về những "khổ nhục trên cõi thế" mà con người phải gánh chịu.* *- Theo bạn, Hăm-lét sợ "nỗi khổ nhục" gì ở cõi "mênh mang sau khi chết"?* **Nhóm 6: Hăm-lét - Mối quan hệ giữa con người bên trong và con người bên ngoài** Thảo luận về mối quan hệ giữa bên trong và bên ngoài nhân vật Hăm-lét theo gợi ý: *Hăm-lét đã nhận thức như thế nào về nguyên nhân tình trạng do dự, không thể hành động quyết đoán của chính mình? Dựa vào phần tóm tắt vở kịch, hãy cho biết Hăm-lét đã làm gì sau khi nhận thức được bản chất vấn đề?* ***Cách thức: Mỗi đại diện sắm vai là một Hăm-lét, mỗi Hăm-lét sẽ thể hiện con người chính mình qua việc trình bày sản phẩm thảo luận của nhóm.*** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm thảo luận theo định hướng, chọn người tham gia tranh luận. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV lựa chọn HS làm MC dẫn dắt chương trình. - Đại diện HS các nhóm tham gia tranh luận theo sự dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt vấn đề, hướng dẫn HS đánh giá theo bảng kiểm (bên dưới).	***việc bố trí nghe trộm cuộc gặp gỡ của chàng với Ô-phê-li-a*** **- Vua:** Biện minh cho hành động xấu xa của mình và Pô-lô-ni-út bằng lời tuyên bố về vai trò của "hai thám tử hợp pháp" trong âm mưu này. **- Hoàng hậu:** Đồng tình với vua, dặn dò Ô-phê-li-a với hi vọng chứng "điên" của Hăm-lét có nguyên nhân ở sự thất tình. **- Ô-phê-li-a, người yêu của Hăm-lét:** Ngoan ngoãn phục tùng, vô tình trở thành đồng loã với âm mưu do thám đó. **=> Ý nghĩa:** Khẳng định thêm sự đảo điên của thời đại. **** Trong lớp kịch 3, lời thoại của Pô-lô-ni-út dặn dò Ô-phê-li-a không chỉ bộc lộ vai trò của hắn như kẻ dàn dựng, thực thi âm mưu của vua, mà còn bộc lộ bản chất giả trá, luôn sống hai mặt của hắn***. - Trong lời dặn dò con gái, **Pô-lô-ni-út khẳng định cách sống giả trá của hắn** "đã được chứng tỏ quá nhiều rồi", là cách sống duy nhất thích hợp với thời đại "đảo điên". - Phần cuối lời thoại của Pô-lô-ni-út có tính chất của một lời **tự thú công khai.** - Trong độc thoại đồng vọng của mình, **vua cũng thú nhận sự xấu xa** được "son tô phấn điểm... bằng những lời hoa gấm mĩ miều" trong cách sống của chính mình. Lời than của vua về "lương tâm" và về "gánh nặng của tội ác" cũng là lời tự thú, song là **tự thú với chính mình.** **=> Ý nghĩa:** Sự xuất hiện dày đặc của những lời thoại mang tính tự thú có thể được xem là một trong các đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch. **Nhận xét chung:** - Ba lớp kịch diễn ra không chỉ làm tăng cường hành động kịch bên ngoài – âm mưu do thám hành động trả thù của Hăm-lét – mà còn làm cho người tiếp nhận đồng cảm với diễn biến của hành động kịch bên trong ý thức Hăm-lét – ý thức về thời đại đảo điên và xung đột giữa lí tưởng nhân văn của chàng với nó. - Trình tự diễn biến của ba lớp kịch tương ứng với sự luân chuyển lời thoại cũng được tổ chức theo hướng phơi bày bản chất của các nhân vật, từ những người bị lợi dụng đến những kẻ đại diện tiêu biểu nhất của

	thời đại đảo điên – vua và tên cận thần tay sai Pô-lô-ni-út. - Hăm-lét tuy chưa xuất hiện, nhưng các nhân vật khác đều tham gia vào việc dò xét hành động, suy nghĩ của chàng, đồng thời bộc lộ bản chất thực tại mà chàng đang đấu tranh chống lại. Hoàn cảnh bi đát của Hăm-lét được tô đậm qua ba lớp kịch: chàng bị bủa vây bởi thế lực đông đảo của thực tại thấp hèn, giả trá, sức mạnh của thế lực ấy không chỉ biểu hiện qua những kẻ đã rõ là thù, mà còn biểu hiện ở cả mẹ chàng, người yêu của chàng và những người chàng từng coi là bạn. **=> Ý nghĩa:** ***Ba lớp kịch cho ta thấy được động cơ giả điên của Hăm-lét (chỉ giả điên để đánh lạc hướng kẻ thù), đồng thời nắm bắt được tính cách những nhân vật xung quanh Hăm-lét, nhận thức được bầu không khí dò xét, do thám– một không khí bộc lộ bản chất giả trá của thời đại cũng như thực tại bi đát mà nhân vật đang phải đương đầu.*** **2. Hăm-let – Con người bên trong** **** Tâm trạng của Hăm-lét qua lời độc thoại*** - Tâm trạng **bế tắc, trăn trở** của nhân vật ý thức **về cách sống, cái chết** của con người trong thời đại đảo điên. - Ý thức về **mâu thuẫn** giữa quyết tâm hành động, xả thân, không cam chịu với trạng thái do dự, đắn đo của con người trong suy tưởng mông lung về những gì sẽ đến sau cái chết. **** Mạch suy tưởng trong độc thoại của Hăm-lét*** **- Phương án chia độc thoại làm 3 đoạn:** + Đoạn 1 (từ "Sống, hay không sống…" đến "... đằng nào cao quý hơn?"): Đặt vấn đề – Sống hay không sống, "chịu đựng" hay "cầm vũ khí vùng lên"? + Đoạn 2 (từ "Chết, là ngủ. Không hơn…" đến "… chưa hề biết tới?"): Suy ngẫm về gánh nặng cuộc sống, sự giải thoát và sự ngăn trở của nỗi sợ cái "chưa biết tới" ở cõi chết. + Đoạn 3 (từ "Đấy, chính nỗi vướng mắc của tâm tư ấy..." đến "… chẳng thể biến thành hành động"): Kết luận – Suy ngẫm về cái bất định sau khi chết ngăn trở quyết tâm hành động. **- Phương án chia độc thoại làm 4 đoạn:** + Đoạn 1 (từ "Sống, hay không sống..." đến "…

	đằng nào cao quý hơn?”): Đặt vấn đề Sống hay không sống, “chịu đựng” hay “cầm vũ khí vùng lên”? + Đoạn 2 (từ “Chết, là ngủ. Không hơn…” đến “...cuộc sống dằng dặc này!”): Suy ngẫm 1 - Chết là ngủ, giải thoát khỏi mọi đau khổ thể xác trần tục, song ý nghĩ về “những giấc mơ nào sẽ tới” trong giấc ngủ của cõi chết đã ngăn trở việc chọn “giải pháp” này. + Đoạn 3 (từ “Bởi vì, ai là người có thể chịu đựng…” đến “…chưa hề biết tới”): Suy ngẫm 2 – Rũ bỏ “gánh nặng cuộc đời mệt mỏi” có thể chỉ bằng “một mũi dùi”, song ý nghĩ về “nỗi khổ nhục chưa hề biết tới” ở cõi chết đã ngăn trở việc tìm đến kết cục đó. + Đoạn 4 (từ “Đấy, chính nỗi vướng mắc của tâm tư ấy…” đến “... chẳng thể biến thành hành động”): Kết luận – Suy ngẫm về cái bất định sau khi chết đã ngăn trở quyết tâm hành động. **** “Sống” và “không sống” (to be, or not to be)*** - Theo GS Phùng Văn Tửu: Căn cứ trình tự đối ứng các vế hai câu đầu của độc thoại, từ “chết” mở đầu cho câu thứ ba tiếp theo, đồng thời sự nhất quán với mạch suy tưởng của nhân vật trong chỉnh thể độc thoại đem đến cho ***“Sống” và “không sống”* ý nghĩa:** + “Sống” hiểu theo nghĩa “được sống”, nhưng là sống nhục, tương ứng với trường hợp “chịu đựng tất cả…” + “Không sống” hiểu theo nghĩa “không được sống”, + “phải chết”, nhưng là chết vinh, tương ứng với trường hợp “cầm vũ khí vùng lên ..” - Mở đầu độc thoại, Hăm-lét đặt vấn đề “Sống, hay không sống”, rồi cân nhắc thế nào là “cao quý”: sống “chịu đựng tất cả” hay “cầm vũ khí vùng lên” sẵn sàng chấp nhận không được sống nữa. Thực chất, đây chính là sự cân nhắc: không hành động hay hành động, đằng nào cao quý hơn? - Việc đặt câu hỏi giúp người đọc hình dung nhân vật thiên về hướng hành động “cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ, chống lại để mà diệt chúng đi”, dù linh cảm xa hơn là có thể sẽ không được tồn tại nữa. Bởi vậy mở đầu câu tiếp theo, nhân

vật nói ngay đến cái chết thực không đáng sợ: "Chết, là ngủ. Không hơn…"

**** Lí do khiến Hăm-lét cho rằng "chết" đáng "mong muốn" mà cũng là "điều khó khăn" buộc người ta phải "ngừng lại mà suy nghĩ"***

Chết	
Đáng mong muốn	Khó khăn
- Ngủ - Chấm dứt mọi đau khổ của *cõi lòng* và muôn vàn vết tử thương mà *hình hài* phải chịu đựng - Thoát khỏi cái *thể xác trần tục*	- Mơ - Những giấc mơ nào sẽ tới

=> Hăm-lét coi ý nghĩ về "những giấc mơ nào sẽ tới" trong "giấc ngủ của cõi chết" chính là "điều khó khăn" gây tai hoạ cho cuộc sống. "Chết, là ngủ". Như trong giấc ngủ, ta được giải thoát khỏi đau khổ thể xác. Song "ngủ" lại thường "mơ". Liệu "trong giấc ngủ của cõi chết", ta có thoát được những cơn ác mộng như sự tra tấn về tinh thần? Ý nghĩ về cái bất định ở cõi chết mà Hăm-lét đồng nhất với giấc mơ (có thể là tinh thần? Ý nghĩ về cái bất định ở cõi chết mà Hăm-lét đồng nhất với giấc mơ (có thể là những cơn ác mộng?) thực sự có thể coi là "tai hoạ" làm cho chàng chùn bước.

**** Ý thức của Hăm-lét về những "khổ nhục trên cõi thế" mà con người phải gánh chịu***

- Những nỗi khổ nhục mà con người phải gánh chịu: *những roi vọt và khinh khi của thời đại, sự áp bức của kẻ bạo ngược, hống hách của kẻ kiêu căng, những nỗi giày vò của tình yêu tuyệt vọng, sự trì chậm của công lí, hỗn xược của cường quyền, sự miệt thị của kẻ bất tài đối với đức tài nhẫn nhục*
- Hăm-lét có khuynh hướng khái quát chúng lên thành "gánh nặng của cuộc đời mệt mỏi", "mọi khổ nhục trên cõi thế";
- Những điểm nhấn vào nỗi khổ sở con người phải chịu đựng: "ai là người có thể chịu đựng được", "có ai đành cam chịu, than vãn rên rỉ, đổ mồ hôi dưới gánh nặng", "phải cam chịu mọi khổ nhục".

=> Những khổ nhục được nhân vật liệt kê phần nhiều là nhân dân, những người cùng khổ, chứ

	không phải là chàng với tư cách hoàng tử, phải gánh chịu. Hăm-lét đặt mình vào vị thế nhân dân để đau nỗi đau thời đại, chứ không chỉ đấu tranh để trả mối thù cha. Xung đột chính của vở bi kịch không phải là xung đột cá nhân giữa Hăm-lét và vua, mà là xung đột giữa chàng với cả thời đại khổ đau. Cuộc đấu tranh của nhân vật, bởi vậy, thật hào hùng. - "Nỗi khổ nhục chưa hề biết tới" ở cõi "mênh mang" sau khi chết của Hăm-lét: "nỗi sợ" lớn nhất của người lãnh lấy sứ mệnh đấu tranh chống lại cái ác, những thế lực mạnh mẽ hơn mình gấp bội, là sợ khi mình ngã xuống, cái ác vẫn còn đó, mà không còn ai tiếp tục sự nghiệp của mình, nghĩa là sự hi sinh của mình có thể là vô ích. + Chính đó là "những giấc mơ, hay "nỗi khổ nhục" sau khi chết làm cho Hăm-lét kinh hãi nhất. + Hăm-lét, trước khi trút hơi thở cuối cùng ở cuối vở kịch, còn cố dặn dò bạn mình là Hô-ra-xi-ô (Horatio) "kể cho người đời biết rõ" câu chuyện của mình, với mong muốn sẽ có người tiếp bước trong cuộc đấu tranh chống lại cái ác. **3. Hăm-lét - Mối quan hệ giữa con người bên trong và con người bên ngoài** **** Nhận thức của Hăm-lét về nguyên nhân tình trạng do dự, không thể hành động quyết đoán của chính mình*** **-** Những suy tưởng xa xôi về cái chết của nhân vật luôn cản trở khát vọng hành động: + Khởi đầu, Hăm-lét thiên về cách sống cao quý với hành động – "cầm vũ khí vùng lên". + Ý thức về thế lực mạnh mẽ mà mình phải đối đầu có thể không để cho mình sống dẫn chàng đến với ý nghĩ về cái chết mà chàng sẵn sàng chấp nhận như giấc "ngủ", "chấm dứt mọi đau khổ. + Mạch suy tưởng dẫn chàng đi xa hơn, tới những "giấc mơ" trong "giấc ngủ của cõi chết" có thể lại là ác mộng. Đến đây, Hăm-lét tự ý thức rằng ý nghĩ như thế ngăn trở hành động và "gây ra bao tai hoạ cho cuộc sống". + Mạch suy tưởng của chàng quay trở về với sự chịu đựng đầy bức bối gánh nặng của "mọi khổ nhục trên cõi thế". Gánh nặng đó có thể dễ dàng vứt bỏ chi

	bằng "một mũi dùi", song thế lại là "bay tới những nỗi khổ nhục khác mà ta chưa hề biết tới" bất định và đáng sợ hơn "cam chịu mọi khổ nhục trên cõi thế". - Hăm-lét không sợ chết, mà sợ ý nghĩ của chính mình về những gì sẽ đến sau nó. - Hăm-lét rút ra kết luận: Chính "nỗi vướng mắc của tâm tư, ý nghĩ" (hay suy tưởng xa xôi về cái gì sẽ đến sau khi chết) "làm cho chúng ta trở thành hèn mạt tất cả, và ngọn lửa của quyết tâm vừa bùng lên đã mờ nhạt ốm yếu đi trước ánh leo lắt của ý nghĩ đó, bao dự kiến lớn lao, cao quý cũng phải xoay chiều đối hướng, chẳng thể biến thành hành động". - Hăm-lét nhận thức được: Chính ý nghĩ về cái gì sẽ đến sau khi chết luôn có khuynh hướng dập tắt mọi dự kiến hành động của chàng: cả khi chàng nghĩ về cái chết sẽ đến sau hành động "cầm vũ khí vùng lên", lẫn khi chàng nghĩ tới việc tự giải thoát bằng "một mũi dùi". Nhận thức đó thôi thúc chàng khắc chế những suy nghĩ bi quan của con người suy tưởng để bắt đầu hành động. **** Diễn biến hành động kịch sau độc thoại "Sống, hay không sống – đó là vấn đề" thể hiện bước chuyển sang hướng hành động của nhân vật Hăm-lét:*** -Chàng quyết tâm nói những lời tàn nhẫn để đoạn tuyệt với Ô-phê-li-a, - Cho trình diễn vở kịch để khẳng định tội ác của vua, trực tiếp lên án hoàng hậu, - Giết Pô-lô-ni-út, - Tráo mật thư để vua Anh giết Rô-den-cran và Ghin-đơn-xtơn, - Chiến đấu với La-ớc-tơ, - Khi âm mưu của vua bị vạch trần, chàng đã kết liễu số phận của hắn, - Trước khi trút hơi thở cuối, chàng dặn Hô-ra-xi-ô kể cho người đời biết rõ ngọn ngành câu chuyện và trăng trối việc bàn giao ngai vàng cho Pho-tin-brát – một người biết suy tính trong hành động.

2.4. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm được kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

b. Nội dung:

- GV gợi lại những yếu tố đặc sắc của bài học, sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, chia sẻ kinh nghiệm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS ghi vào giấy nhớ một số kinh nghiệm đọc hiểu lời thoại luân phiên giữa các nhân vật và lời độc thoại trong văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**V. Tổng kết** **Kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại:** - Nhận biết, phân tích và tổng hợp đối với các lớp lời thoại luân chuyển vốn mang ý nghĩa thúc đẩy hành động, tăng cường xung đột trong bi kịch: + Theo trình tự luân chuyển các lời thoại; + Theo hệ thống nhân vật; + Kết hợp cả hai cách, dõi theo các nhân vật và hành động trong từng lớp kịch. - Nhận biết, phân tích và tổng hợp đối với các độc thoại trong bi kịch: + Nhận diện được những độc thoại trong bi kịch nói chung + Nhận biết và phân tích chủ đề của một độc thoại – biện luận phức tạp trong bi kịch + Nắm bắt và phân tích được tính hùng biện đặc trưng cho cao trào của độc thoại – biện luận trong bi kịch, thấy được ý nghĩa của nó đối với việc triển khai xung đột bi kịch. + Phỏng đoán những ẩn ngữ trong lời độc thoại của nhân vật bi kịch. + Liên kết độc thoại với các diễn biến hành động kịch để nắm bắt trọn vẹn được nhân vật, cốt truyện của vở kịch; + Đánh giá được ý nghĩa nghệ thuật của độc thoại với chỉnh thể tác phẩm.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của bạn về con người Hăm-lét được thể hiện qua lời độc thoại trong *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV gợi ý cho HS về nội dung viết: Đoạn văn cảm nhận về nhân vật Hăm-lét phải được viết từ ấn tượng chung về nhân vật qua lời độc thoại, hay ấn tượng sâu sắc về một chi tiết, một tư tưởng nào đó trong lời độc thoại toát lên con người nhân vật. HS cần biết tiết chế, vận dụng phù hợp tri thức về nhân vật bi kịch, những hiểu biết về nhân vật từ văn bản đoạn trích, tóm tắt tác phẩm, tránh kể lể dài dòng.
- GV có thể dành thời gian (khoảng 5 – 7 phút) cuối tiết học cho HS viết tại lớp. Lưu ý HS về dung lượng, cách tổ chức đoạn văn; chuẩn mực ngữ pháp và việc diễn đạt của các câu; liên kết câu trong đoạn.
- HS viết đoạn văn ra vở

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà).
- GV thu các bài viết làm hồ sơ phục vụ cho việc đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	**0,5**
Nội dung	Cảm nhận của bạn về con người Hăm-lét được thể hiện qua lời độc thoại trong *Sống, hay không sống – đó là vấn đề.*	
	Thể hiện được suy nghĩ, thái độ, cảm nhận, quan điểm rõ ràng.	**2**
	Đưa ra được lí lẽ xác đáng, thuyết phục.	**2**
	Trích dẫn phù hợp.	**2**
	Đưa ra được những đánh giá hợp lí, sâu sắc.	**1**
	So sánh với một số văn bản khác cùng đề tài.	**1**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Mang trong mình nhiều hoài bão, lí tưởng nhân văn của một thanh niên thời đại Phục hưng nhưng đứng trước thực tế vô cùng khủng khiếp, bẩn thỉu, nhơ nhớp, oái oăm, Hăm-lét hoàn toàn mất niềm tin, hi vọng mọi điều tốt đẹp của cõi sống. Có lẽ, vì thế, cảm giác về cái chết, cõi chết luôn trở thành nỗi ám ảnh thường trực trong chàng. Hăm-lét nêu ra vấn đề: "Sống hay không sống ...", chàng không đưa ra một kết luận khẳng định bằng một phát ngôn mang tính chắc chắn như một số lần khác mà chàng dàn trải vấn đề ấy ra bằng sự đắn đo và nỗi băn khoăn lớn. Đó chính là xung đột ngay trong linh cảm của chàng. Nếu chỉ đơn giản quan niệm "chết là hết, là kết thúc" thì Hăm-lét không phải băn khoăn và đắn đo nhiều. Nhưng bởi giữa cách sống mà phải cam chịu mọi tủi nhục ở đời với được hành động mà chết đi, mà biết được cả những gì sau khi chết tuy có khiến con người

ưa suy nghĩ như chàng không thể không suy nghĩ, nhưng khi phải đưa ra cân nhắc ở thế đối chọi như vậy đã hàm chứa sự lựa chọn ngầm của chàng rồi. Trong chàng là cuộc tranh đấu: hèn mạt - quyết tâm, ngọn lửa bùng lên - ánh leo lét, dự kiến - hành động nhưng băn khoăn ấy đã chứa đựng một nội dung khẳng định sự thức tỉnh hay là tự nhận thức phương châm hành động. Đoạn độc thoại này không chỉ biểu lộ những dự cảm chết chóc bi kịch xuôi chiều như những lần phát ngôn khác mà còn hội tụ được cả những mâu thuẫn phức tạp đa chiều trong linh cảm của Hăm-lét. Chàng là kiểu người ưa suy tư, luôn do dự băn khoăn nên dù cảm chết chóc luôn choán lấy tâm trí của chàng nhưng ở chàng vẫn sáng ngời lý tưởng và mục đích cao cả.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ tính chất bi kịch của xung đột được thể hiện qua lời độc thoại của nhân vật trong bài đọc, HS liên hệ và giải quyết những tình huống thực tiễn.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Chỉ ra tính chất bi kịch của xung đột được thể hiện qua lời độc thoại của Hăm-lét. Theo bạn, trong xã hội hiện đại, xung đột đó có còn tồn tại hay không? Căn cứ để bạn nêu ý kiến về vấn đề này là gì?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS làm việc cá nhân hoặc nhóm hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo (sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, góp ý hình thành những cảm quan thẩm mĩ tích cực cho HS.

Gợi ý:

- Ý 1: Tính chất bi kịch của xung đột được thể hiện qua lời độc thoại của Hăm-lét

Độc thoại *Sống, hay không sống – đó là vấn đề* tập trung diễn tả mâu thuẫn hệ trọng, căng thẳng, gay gắt giữa lựa chọn hành động đấu tranh vì lí tưởng nhân văn cao đẹp của Hăm-lét với cái tất yếu như những thế lực đối kháng khách quan (thực tại giả trá, khổ đau), lẫn cái tất yếu như thế lực đối kháng chủ quan (bản tính suy tưởng bi quan cố hữu làm con người hèn yếu ở bên trong nhân vật). Sự đối kháng với những thế lực ấy làm cho nhân vật rơi vào tình thế trăn trở, bế tắc, bi đát đến cùng cực. Hăm-lét tự ý thức được tình thế ấy, song vẫn không ngừng đấu tranh để khẳng định ý chí tự do của mình, hướng tới hành động không khoan nhượng. Xung đột trong độc thoại *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, do vậy, mang tính bi kịch sâu sắc. Độc thoại chính là đỉnh điểm của xung đột trong cả vở bi kịch Hăm-lét.

- Ý 2: Một số xung đột trong xã hội hiện đại

+ Vấn đề xung đột giữa lí tưởng cao đẹp về con người với những tồn tại tiêu cực trong đời sống xã hội,

+ Giữa ý chí hành động tự do với khuynh hướng suy tưởng bi quan ở trong mỗi người

+ “Hiệu ứng thanh lọc", giải pháp cho những xung đột đó ở thời hiện đại, để không rơi vào tình huống bi kịch như nhân vật.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bi kịch có cùng chủ đề
- Chuẩn bị bài: Văn bản 2. *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Trích *Vũ Như Tô* - Nguyễn Huy Tưởng).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 47, 48

VĂN BẢN 2: VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI

(Trích *Vũ Như Tô*)

Nguyễn Huy Tưởng

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Hiểu được những đặc trưng của thể loại bi kịch được thể hiện trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* .

- Hiểu được tư tưởng, những đặc sắc trong nghệ thuật kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

2. Phẩm chất: Biết cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng nhưng phải chịu số phận đau thương, từ đó biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và lựa chọn cách hành xử phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát tranh, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu hai bức tranh. - HS quan sát, trả lời câu hỏi: + Em cảm nhận được gì từ việc quan sát hai bức tranh trên? + Theo em, nghệ thuật và cuộc sống có mối quan hệ như thế nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, lắng nghe**,** trao đổi, thảo luận theo bàn thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, khích lệ, động viên HS **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động - HS đại diện xung phong trả lời câu hỏi - HS khác quan sát, lắng nghe, tranh biện **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, gợi mở tiếp những suy ngẫm về nghệ thuật và cuộc sống. **èGV dẫn vào bài:** Phải chăng giá trị của nghệ thuật là ở chỗ nó có ích cho đời sống? Chúng ta hãy cùng nhau đi tìm đáp án cho câu hỏi còn nhiều băn khoăn trong bài học hôm nay.	**1. Hai bức tranh** - Tranh thứ nhất: Đá cẩm thạch trắng Carrara, travertine kiểu La Mã - Tranh thứ hai: Lộc đài – Trụ vương xây để ngắm cảnh đẹp đất nước => Những tác phẩm nghệ thuật tuyệt tác, cái đẹp được tạo nên bằng tài năng, tâm huyết, bằng mồ hôi, nước mắt, thậm chí là máu,… **2. HS thể hiện quan điểm về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống:** - Nghệ thuật và đời sống là hai phương diện có mối liên hệ mật thiết với nhau. - Nghệ thuật và cuộc đời là "Đường tròn đồng tâm". - Chất liệu của nghệ thuật là cuộc sống. - Nghệ thuật phải vì cuộc đời mới bền vững,…

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

a. Mục tiêu:

- HS nắm bắt được thông tin cơ bản về tác giả Nguyễn Huy Tưởng.
- HS nhận biết được bối cảnh ra đời của vở kịch *Vũ Như Tô*, tóm tắt được tác phẩm.
- HS xác định được vị trí của đoạn trích chuẩn bị cho việc đọc hiểu.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

U	N	N	H	A	N	V	A	N	E	L
B	G	H	N	A	M	K	N	H	A	I
K	B	T	G	N	A	M	N	H	M	C
H	C	V	U	N	H	U	T	O	E	H
L	E	M	Y	S	U	N	G	H	J	S
V	S	F	O	H	O	I	A	C	A	U
C	U	U	T	R	U	N	G	D	A	I
I	B	T	H	A	N	G	L	O	N	G
M	A	P	H	U	C	H	U	N	G	V

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thể hiện sự hiểu biết chung qua trò chơi **Ô chữ bí mật (5 phút)** - GV hình thành 2 đội chơi (mỗi đội 3 thành viên) - Các đội chơi dựa vào hệ thống câu hỏi và tìm ra bí mật từ ô chữ cho sẵn - GV chọn MC và hướng dẫn HS cách thức thực hiện trò chơi: + HS nghe câu hỏi, tìm từ khóa trong bảng chữ cái cho sẵn + Nhóm nào tìm xong trước là nhóm chiến thắng Các câu hỏi gợi ý những ô chữ cần tìm: 1. Đây là vở kịch nổi tiếng của Nguyễn Huy Tưởng (Đáp án: Vũ Như Tô) 2. Đề tài mà nguyễn Huy Tưởng thường khai thác khi viết kịch (Đáp án: Lịch sử) 3. Quê của Nguyễn Huy Tưởng (Đáp án: Từ Sơn) 4. Số hồi trong vở kịch nổi tiếng của nguyễn Huy Tưởng mà anh/chị vừa tìm được ở trên (Đáp án: Năm) 5. Địa điểm xảy ra các sự kiện trong vở kịch vừa tìm ở trên. (Đáp án: Thăng Long) 6. Đoạn trích nằm trong hồi cuối cùng của vở kịch có tên là gì? Đáp án: Cửu Trùng Đài U N N H A N V A N E L	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960), quê ở làng Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh - Ông là nhà văn, nhà viết kịch chuyên khai thác đề tài lịch sử - Các tác phẩm tiêu biểu: *Đêm hội Long Trì* (tiểu thuyết lịch sử 1942), *Vũ Như Tô* (kịch lịch sử 1943), *An Tư* (tiểu thuyết lịch sử 1944), *Cột đồng Mã Viện* (kịch lịch sử 1944), Bắc Sơn (kịch lịch sử 1946) **2. Tác phẩm** - Thể loại: Bi kịch lịch sử gồm 5 hồi. - Hoàn cảnh sáng tác: *Vũ Như Tô* được sáng tác từ sự kiện lịch sử có thật xảy ra ở thành Thăng Long vào đầu thế kỉ XVI, dưới triều Lê Tương Dực - Tóm tắt: + Vũ Như Tô, một kiến trúc sư thiên tài, bị hôn quân Lê Tương Dực bắt xây dựng Cửu Trùng Đài, ông kiên quyết từ chối.

B	G	H	N	A	M	K	N	H	A	I
K	B	T	G	N	A	M	N	H	M	C
H	C	V	U	N	H	U	T	O	E	H
L	E	M	Y	S	U	N	G	H	J	S
V	S	F	O	H	O	I	A	C	A	U
C	U	U	T	R	U	N	G	D	A	I
I	B	T	H	A	N	G	L	O	N	G
M	A	P	H	U	C	H	U	N	G	V

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS các đội chơi chuẩn bị câu trả lời theo sự dẫn dắt của MC
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS giơ tay trả lời từ khóa
- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm HS tham gia giành chiến thắng.
- GV lần lượt trình chiếu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

+ Cung nữ Đan Thiềm thuyết phục Vũ Như Tô lợi dụng quyền thế và tiền bạc của Lê Tương Dực để xây dựng một tòa lâu đài vĩ đại.

+ Vũ Như Tô chấp nhận xây dựng Cửu Trùng Đài, vô tình gây biết bao tai họa cho nhân dân.

+ Quận công Trịnh Duy Sản nổi loạn, giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm. Cửu Trùng Đài bị thiêu hủy.

3. Đoạn trích: nằm trong hồi cuối cùng của vở bi kịch.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết đọc diễn cảm văn bản theo vai
- HS hiểu được những đặc trưng của thể loại bi kịch được thể hiện trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.
- HS hiểu được tư tưởng, những đặc sắc trong nghệ thuật kịch của Nguyễn Huy Tưởng.
- HS biết liên hệ văn bản với đời sống, từ đó, lựa chọn cách hành xử phù hợp.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS: Căn cứ việc đọc trước văn bản ở nhà, thảo luận, phân tích giọng điệu của các nhân vật trong văn bản. - GV phân vai cho HS đọc diễn cảm văn bản. - Yêu cầu các HS trong lớp vừa	**II. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản** **** Giọng điệu của các nhân vật trong văn bản:*** - Vũ Như Tô: giọng chính trực, ngay thẳng. - Đan Thiềm: giọng tha thiết, chân thành. - Quân khởi loạn, Ngô Hạch: giọng hách dịch, xấc xược, thô lỗ,… **** Cách đọc diễn cảm một văn bản kịch:*** - Yếu tố quan trọng nhất của văn bản kịch là lời thoại của các nhân vật vì lời thoại thể hiện rõ hành động, tính cách,

đọc thầm, vừa chú ý đến thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản trong khi đọc. - HS rút ra cách đọc diễn cảm một văn bản kịch sau khi đọc. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - Sau khi HS đọc, GV hướng dẫn HS nhận xét về phần đọc của HS và hướng dẫn cách đọc diễn cảm một văn bản kịch. - GV nhắc HS về cách đọc, cách thể hiện tính cách nhân vật khi đọc văn bản, GV có thể gợi ý HS chuyển thể văn bản thành một vở diễn trên sân khấu, dựa trên những hướng dẫn ở sách Chuyên đề học tập Ngữ văn 10. Vở diễn có thể được biểu diễn trực tiếp trên lớp hoặc gián tiếp dưới dạng video clip, audio,... ***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành 6 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể: **Nhóm 1: Tìm hiểu sự kiện trong kịch** **HS thảo luận dựa trên các gợi ý:** *Tóm tắt các sự kiện chính trong đoạn trích (có thể vẽ sơ đồ). Em có nhận xét gì về diễn biến của các sự kiện?* **<u>Cần chú ý:</u>** * Tóm tắt các sự kiện chính: + Trong một vở kịch, sự kiện được biểu đạt một cách gián tiếp thông	xung đột chính trong vở kịch. - Cần đọc thầm để xác định tính cách, cảm xúc của nhân vật được thể hiện trong lời thoại và dựa vào đó chọn lựa ngữ điệu, giọng điệu phù hợp. - Kết hợp với ngôn ngữ cơ thể để gia tăng sức biểu cảm của lời nói và sức hấp dẫn đối với người nghe. **2. Tìm hiểu chú thích (SGK)** **III. Khám phá văn bản** **1. Sự kiện trong kịch** *** Các sự kiện chính trong vở kịch:** 1.1. Đan Thiềm giục Vũ Như Tô đi trốn vì kiêu binh nổi loạn, định phá Cửu Trùng Đài, giết Vũ Như Tô, nhưng Vũ Như Tô nhất quyết ở lại. 1.2. Lê Trung Mại xuất hiện và báo tin Trịnh Duy Sản làm phản, nhà vua và hoàng hậu đều đã chết, Nguyễn Vũ biết tin đã tự sát theo vua. 1.3. Nội giám cho biết là loạn quân đã phá kinh thành, đốt Cửu Trùng Đài, Lê Trung Mại và bọn nội giám đều chạy trốn, nhưng Vũ Như Tô vẫn nhất quyết ở lại. 1.4. Quân khởi loạn và Ngô Hạch vào thành bắt lũ cung nữ và Đan Thiềm, Đan Thiềm một mực cầu xin tha mạng cho Vũ Như Tô. 1.5. Vũ Như Tô vẫn hi vọng An Hoà Hầu Nguyễn Hoằng Dụ sẽ biết là ông vô tội và để ông tiếp tục xây dựng Cửu Trùng Đài, nhưng khi biết tin chính An Hoà Hầu Nguyễn Hoằng Dụ đã ra lệnh đốt cháy Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vô cùng tuyệt vọng và đề nghị quân sĩ dẫn mình đến pháp trường. *** Diễn biến của các sự kiện:** - Các chỉ dẫn sân khấu miêu tả không khí mỗi lúc một căng thẳng, kịch tính, biến loạn đã cận kề, đẩy nhân vật rơi vào tình thế nguy cấp. + Lớp l: Có tiếng quân ầm ầm, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng tù và, tiếng ngựa hí. + Lớp II: Có tiếng động ầm ầm ở xa. + Lớp III: Một bọn nội giám nữa vào. + Lớp IV: Có tiếng kêu mỗi lúc một gần. Có tiếng đổ ầm ầm. + Lớp V: Có tiếng nhà đổ, tiếng cửa đổ. Có tiếng giày dép nhốn nháo. + Lớp VI: Quân khởi loạn kéo vào, gươm giáo sáng loè. + Lớp VIII: Có tiếng ầm ầm như long trời lở đất. + Lớp IX: Chợt có ánh lửa sáng rực, cả tàn than, bụi khói

qua lời thoại của nhân vật và các chỉ dẫn trên sân khấu.

+ Để nhận ra sự kiện trong một vở kịch, cần xác định các nhân vật chính, chỉ ra hành động của các nhân vật, xác định những hành động quan trọng đã phá vỡ sự cân bằng của cốt truyện, đẩy vở kịch phát triển sang một bước ngoặt mới.

* Nhận xét về diễn biến của các sự kiện:

+ Các chỉ dẫn miêu tả bối cảnh sân khấu,

+ Sự xuất hiện của các nhân vật trên sân khấu,

+ Tương quan giữa các sự kiện trong các lớp kịch

Nhóm 2: Tìm hiểu tình huống kịch

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

- Tình huống kịch là gì? Tình huống kịch có vai trò gì trong một vở kịch?

- Tình huống được miêu tả trong đoạn trích là gì?

- Trước tình huống đó, mỗi nhân vật có những phản ứng, hành động như thế nào? Những phản ứng, hành động đó thể hiện đặc điểm tính cách gì của nhân vật?

- GV có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi bằng cách điền thông tin vào bảng sau:

Nhân vật	**Lựa chọn, hành động**	**Tính cách**	**Nhận xét**
Vũ Như Tô			
Đan			

bay vào).

- Các nhân vật xuất hiện trên sân khấu càng lúc càng nhiều hơn, mỗi khi một nhân vật mới xuất hiện, tình thế lại thêm phần nguy ngập, mâu thuẫn giữa các tuyến nhân vật lại thêm căng thẳng, nhân vật chính mỗi lúc một trở nên yếu thế, bị dồn tới chân tường.

- Các sự kiện được sắp đặt theo trật tự tăng tiến, ngày càng khốc liệt, nguy hiểm hơn.

=> Có thể nói, cách sắp đặt sự kiện, bối cảnh, nhân vật theo chiều hướng tăng tiến đã tạo nên nhịp điệu gấp gáp, căng thẳng, kịch tính cho đoạn trích, đẩy các xung đột lên tới mức cao trào, thông qua đó tái hiện được không khí lịch sử đầy biến loạn của thời đại cũng như số phận đầy bi kịch của con người.

*** Cốt truyện**

- Cốt truyện của đoạn trích thể hiện sự tập trung một cách cao độ, không có bất cứ sự kiện nào chệch hướng, sự kiện nọ xô đẩy sự kiện kia tới mức cao trào, kịch tính, tất cả các yếu tố miêu tả, trần thuật đều được giản lược ở mức tối đa để làm nổi bật hành động của nhân vật và xung đột chính trong vở kịch.

- Các sự kiện cũng được sắp xếp để tạo nên yếu tố bất ngờ, những cú rẽ đột ngột nhằm thu hút sự chú ý của người đọc (Vũ Như Tô không muốn ra pháp trường, ra sức thuyết phục quân khởi loạn cho phép gặp An Hoà Hầu để được tiếp tục xây dựng Cửu Trùng Đài, nhưng khi biết tin Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, đã đề nghị quân lính dẫn mình ra pháp trường).

2. Tình huống kịch

*** Tình huống kịch:** Tình huống kịch là một hoàn cảnh đặc biệt giúp bộc lộ toàn bộ tính cách và số phận của nhân vật.

*** Tình huống được miêu tả trong đoạn trích:** Trịnh Duy Sản dấy binh làm loạn, giết nhà vua, đốt phá Cửu Trùng Đài, lùng bắt Vũ Như Tô.

=>Đây là một tình huống vô cùng kịch tính, làm thay đổi số phận nhân vật và đẩy nhân vật vào một tình thế buộc phải lựa chọn và hành động, thông qua lựa chọn và hành động đó mà bộc lộ tính cách.

*** Hành động, tính cách của nhân vật trong tình huống trên:**

- Những lựa chọn, hành động của các nhân vật:

+ Đan Thiềm khẩn thiết cầu xin Vũ Như Tô đi trốn để không uổng phí tài trời, ngay cả khi bị bắt vẫn một mực bảo vệ Vũ Như Tô.

Thiềm			
Nguyễn Vũ			
Lê Trung Mại			

Nhóm 3: Tìm hiểu xung đột kịch
HS thảo luận dựa trên các gợi ý:
- *Xung đột kịch là gì?*
- *Xung đột chính trong đoạn trích là gì?*
- *Dựa vào đâu ta có thể nhận ra xung đột chính trong một vở kịch?*
- GV hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ tóm tắt sau khi **Nhóm 1** thiết kế để nhận ra mối quan hệ giữa xung đột và sự kiện, nhân vật trong đoạn trích.
- GV cũng có thể yêu cầu HS làm phiếu học tập để phân tích sự triển khai các xung đột kịch qua các lớp kịch.

Nhóm 4: Tìm hiểu nhân vật kịch
HS thảo luận dựa trên các gợi ý:
- *Phân tích diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô được thể hiện trong đoạn trích (dựa vào các lời thoại và hành động của nhân vật).*
- *So sánh nhân vật Vũ Như Tô với các nhân vật trong các tác phẩm tự sự đã học, em nhận ra đâu là điểm khác biệt của nhân vật kịch so với nhân vật tự sự? Qua quá trình phân tích diễn biến tâm trạng và đặc điểm tính cách của Vũ Như Tô, em rút ra điều gì về cách phân tích một nhân vật kịch?*
- GV yêu cầu HS đọc kĩ các lời thoại của Vũ Như Tô trong đoạn

+ Vũ Như Tô nhất quyết ở lại Cửu Trùng Đài, một lòng tin tưởng vào sự vô tội của mình và vẫn không thôi hi vọng có thể xây dựng Cửu Trùng Đài huy hoàng và cuối cùng chấp nhận cái chết khi chứng kiến Cửu Trùng Đài bị đốt cháy.

+ Nguyễn Vũ khi biết tin vua chết, kiêu binh làm loạn liền tự sát theo vua.

+ Lê Trung Mại và đám nội giám đã lựa chọn chạy trốn.

+ Đám cung nữ quyến rũ binh sĩ, vu oan cho Đan Thiềm và Vũ Như Tô hòng mong thoát chết.

+ Ngô Hạch và đám quân sĩ đắc thắng khi bắt được Vũ Như Tô và đốt phá Cửu Trùng Đài.

=> Có thể thấy, trước cùng một tình huống, nhưng các nhân vật đã đưa ra những lựa chọn và hành động đối lập nhau:

+ Đan Thiềm một mực bênh vực Vũ Như Tô, trong khi lũ cung nữ ra sức vu oan.

+ Nguyễn Vũ chết theo vua trong khi bọn nội giám và Lê Trung Mại chạy trốn.

+ Vũ Như Tô đau đớn chấp nhận cái chết khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy trong khi đám quân sĩ hỉ hả đắc thắng vì đốt phá Cửu Trùng Đài.

- Những lựa chọn, hành động đó làm nổi bật những tính cách đối lập của các nhân vật:

+ Sự tận trung của Nguyễn Vũ đối lập với sự phản trắc của Lê Trung Mại và bọn nội giám.

+ Sự ngay thẳng, cương trực và lòng vị tha của Đan Thiềm so với sự giả dối, ích kỉ của lũ cung nữ.

+ Sự cương trực, lãng mạn và tràn đầy lí tưởng của Vũ Như Tô so với sự thực dụng, thô lỗ, hèn hạ của đám quân sĩ và Ngô Hạch.

=> Có thể nói, tình huống kịch mà Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trong đoạn trích thực sự đắt giá, giúp làm nổi bật xung đột chính trong vở kịch, cũng như bộc lộ rõ tính cách của nhân vật.

3. Xung đột kịch

*** Xung đột kịch:** là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật như một nhân cách mạnh mẽ với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thế lực như định mệnh, bản tính tự nhiên, định kiến thời đại, thực tại xã hội,…

*** Xung đột trong đoạn trích:**

- Trước hết được thể hiện qua mâu thuẫn gay gắt, quyết liệt giữa các tuyến nhân vật trong đoạn trích: Vũ Như Tô

trích. - GV phân tích mẫu lời thoại của nhân vật Vũ Như Tô trong một lớp kịch, chỉ ra hành động và tâm trạng của nhân vật được bộc lộ qua lời thoại. - GV yêu cầu HS đọc lại văn bản, và xác định những bước ngoặt trong diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô. - GV yêu cầu HS đọc lại văn bản, và xác định những bước ngoặt trong diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô. **Nhóm 5: Tìm hiểu hình tượng kịch** **HS thảo luận dựa trên các gợi ý:** *Tìm các chi tiết miêu tả Cửu Trùng Đài trong đoạn trích. Hình tượng Cửu Trùng Đài được thể hiện bằng những phương tiện nào? Qua các phương tiện đó, em có thể thấy hình tượng Cửu Trùng Đài có ý nghĩa gì? Em có suy nghĩ gì về những phản ứng khác nhau của các nhân vật khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy?* **Nhóm 6: Tìm hiểu thái độ của nhà văn** **HS thảo luận dựa trên các gợi ý:** **-** *Trong lời đề tựa kịch Vũ Như Tô, Nguyễn Huy Tưởng viết:* *"Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết.* *Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm."* *Lời đề tựa này cho thấy thái độ gì của tác giả đối với các nhân vật? Thái độ đó được biểu hiện như thế nào qua văn bản Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài?* *- Tác giả đánh giá như thế nào về*	và Đan Thiềm kiên quyết bảo vệ Cửu Trùng Đài, trong khi đó lũ nội giám, đám cung nữ, Lê Trung Mại đều không nhìn thấy hoặc thừa nhận giá trị của Cửu Trùng Đài, đám loạn quân phá huỷ Cửu Trùng Đài, mừng rỡ khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy. Vũ Như Tô và Đan Thiềm là những con người dũng cảm, trung thực, vị tha, có lí tưởng sống cao cả, sẵn sàng hi sinh tính mạng của mình để bảo vệ lí tưởng, trong khi đó các nhân vật còn lại trong đoạn trích đều là những nhân vật thực dụng, ích kỉ, dối trá, xu nịnh, hung bạo. ***- Mặt khác, xung đột kịch cũng thể hiện qua sự đối lập sâu sắc trong hành động kịch:*** Đan Thiềm tha thiết xin Vũ Như Tô đi trốn nhưng Vũ Như Tô nhất quyết ở lại; đám cung nữ khăng khăng đổ tội cho Vũ Như Tô nhưng Đan Thiềm ra sức bảo vệ Vũ Như Tô; Vũ Như Tô tha thiết xin được gặp An Hoà Hầu song đám quân lính nhất định dẫn Vũ Như Tô ra pháp trường… **=>Thông qua mâu thuẫn giữa các nhân vật và sự đối lập sâu sắc trong hành động kịch, có thể nhận ra xung đột chính trong đoạn trích cũng như trong suốt vở kịch là xung đột giữa lí tưởng nghệ thuật cao cả của một nghệ sĩ chân chính, tài hoa và đời sống lầm than, cơ cực của nhân dân; xung đột giữa sự cương trực, trong sáng, ngay thẳng của cá nhân với một xã hội tầm thường, giả dối, vụ lợi.** => Các xung đột này vừa làm nổi bật thân phận đầy bi kịch của người nghệ sĩ cũng như thân phận đầy bi kịch của những cá nhân trong một xã hội loạn lạc, đầy biến động, nhưng cũng đồng thời khẳng định sức mạnh của ý chí và khát vọng tự do của con người: Cửu Trùng Đài dẫu có bị đốt cháy, Vũ Như Tô dẫu có bị hành quyết nơi pháp trường, thì ước vọng về một thứ nghệ thuật chân chính, tự do, cao cả vẫn không thể bị dập tắt. **4. Nhân vật kịch** *** Diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô được thể hiện trong đoạn trích *(dựa vào các lời thoại và hành động của nhân vật)*:** ***- Khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo về triều đình để phá Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vẫn không tin, một mực cho rằng mình vô tội, thậm chí hi vọng có thể thuyết phục An Hoà Hầu cho mình xây tiếp Cửu Trùng Đài.*** Niềm tin ngây thơ này của Vũ Như Tô được thể hiện qua một loạt câu hỏi: "Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?", "Tôi làm gì nên

nhân vật Vũ Như Tô và các nhân vật khác trong đoạn trích? Dựa vào đâu mà em cho là như vậy? - Đại diện các nhóm lên tham gia tọa đàm: **Câu chuyện văn chương** - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia tọa đàm - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS các nhóm tham gia tọa đàm để thể hiện ý kiến đã thảo luận - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi phản biện,... **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chốt kiến thức, đánh giá hiệu quả làm việc của các nhóm, của cá nhân và đại diện tham gia tọa đàm	tội?", "Phá Cửu Trùng Đài? Không đời nào? Mà tôi thì không làm gì nên tội..., những câu phủ định và những lời khẳng định rất dứt khoát: "Tôi không trốn đâu. Người quân tử không bao giờ sợ chết [...] Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài một bước". Những lời thoại này thể hiện Vũ Như Tô là một nghệ sĩ khao khát theo đuổi lí tưởng nghệ thuật nhưng hoàn toàn xa rời thực tại. ***- Khi bị đám cung nữ vu oan, đám quân khởi loạn chế giễu, sỉ nhục và khi chứng kiến việc Đan Thiềm ra sức bảo vệ cho mình, Vũ Như Tô đã nói những lời đanh thép, thể hiện một thái độ rất thẳng thắn, không chịu khuất phục trước cường quyền:*** "Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan.; "Sao bà lẩn thẩn thế, lạy cả một đứa tiểu nhân?"; "Mi thực là một tên bị ổi. Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường!". Mặt khác, ông vẫn không thôi hi vọng vào việc xây dựng Cửu Trùng Đài: "Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỉ.; "ta không có tội và chủ tướng các người sẽ cởi trói cho ta để ta xây nốt Cửu Trùng Đài, dựng một kì công muôn thuở..". Những lời nói này của Vũ Như Tô cho thấy ông là người cương trực, dũng cảm nhưng cũng hết sức trong sáng, ngây thơ, cả tin. ***- Khi quân lính báo tin kinh thành phát hoả, Cửu Trùng Đài sắp là một đống tro tàn, Vũ Như Tô vẫn không tin, nhưng khi thấy ánh lửa sáng rực, tàn than, khói bụi bay vào, ông đã vô cùng căm phẫn, tuyệt vọng và thốt lên những lời thoại đầy đau đớn:*** "Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phú cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài!". Đây là những lời độc thoại thể hiện nỗi bi phẫn, sự thất vọng não nề của Vũ Như Tô khi giấc mộng nghệ thuật của mình sụp đổ trước một thực tại tàn khốc. Đó cũng là lời than tiếc cho tài năng, cho thân phận nhỏ bé của người nghệ sĩ. Vũ Như Tô đã lựa chọn chết theo Cửu Trùng Đài. Lựa chọn chua chát đó khẳng định niềm say mê lí tưởng nghệ thuật của ông, nhất quán với tính cách cương cường, dũng cảm của ông, đồng thời tô đậm bi kịch vỡ mộng của người nghệ sĩ khi đối diện với một thực tại bóp nghẹt mọi giấc mơ sáng tạo của con người, bi kịch sụp đổ niềm tin của một cá nhân trước một thời thế chao đảo, nơi cái xấu và cái ác lên ngôi. *** Sự khác biệt của nhân vật kịch so với nhân vật tự sự:** ***- Điểm khác biệt quan trọng nhất của nhân vật Vũ Như***

	Tô so với các nhân vật trong các tác phẩm tự sự khác như Chí Phèo (tác phẩm *Chí Phèo*), Tràng (tác phẩm *Vợ nhặt*), người đàn bà hàng chài (tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa*),... ***là: Vũ Như Tô rất nhất quán trong tính cách và hành động, lời nói***. Từ đầu đến cuối, ta thấy Vũ Như Tô đặt cược toàn bộ đời sống và tính mạng của mình vào Cửu Trùng Đài, bất chấp tất cả mọi khuyên can, ngăn trở, gièm pha, uy hiếp của người khác. Sự nhất quán cao độ này của nhân vật một mặt khẳng định ý chí tự do của con người, mặt khác góp phần thúc đẩy các xung đột lên tới mức cao trào, kịch tính, tạo nên sự hấp dẫn cho tác phẩm kịch. ***- Mặt khác, nếu như nhân vật trong các tác phẩm tự sự được biểu hiện thông qua các hình thức như giới thiệu lai lịch, miêu tả chân dung, khắc hoạ nội tâm, miêu tả hành động,... thì nhân vật Vũ Như Tô trong đoạn trích được khắc hoạ thông qua lời thoại***. Vì nhân vật chỉ được hiện lên qua lời thoại và hành động, nên tính cách của nhân vật được bộc lộ một cách rất rõ ràng, trực tiếp, và vì thế gây ấn tượng mạnh mẽ đến người đọc, người xem. *** Cách phân tích một nhân vật kịch, cần theo các bước:** - Bước 1: Đọc kĩ lời loại, phân tích tâm trạng nhân vật qua lời thoại. - Bước 2: Đặt lời thoại của nhân vật trong ngữ cảnh giao tiếp, chỉ ra hành động bộc lộ qua lời thoại (Nhân vật đang nói với ai? Mục đích của lời thoại là gì?) - Bước 3: Nhận xét đặc điểm, tính cách nhân vật qua lời thoại và hành động. **5. Hình tượng kịch** *** Hình tượng Cửu Trùng Đài:** - Hình tượng Cửu Trùng Đài được hiện lên một cách gián tiếp thông qua lời thoại của các nhân vật. Từ điểm nhìn của mỗi nhân vật khác nhau, Cửu Trùng Đài mang một ý nghĩa riêng: + Với Vũ Như Tô, Cửu Trùng Đài là lí tưởng sống và lí tưởng nghệ thuật mà ông cả đời theo đuổi, là thứ mà ông quý hơn cả mạng sống của mình, thậm chí ông sẵn sàng đánh đổi cả phẩm giá chính trực của mình, mượn quyền lực của Lê Tương Dực để xây dựng Cửu Trùng Đài ("Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết với Cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài một bước. Hồn tôi để cả đây thì tôi chạy đi đâu?"). Lúc nguy biến, Vũ Như Tô không hề quan tâm đến bản thân mình, chỉ một mực nghĩ tới sự tồn vong của Cửu Trùng Đài. Khi biết tin Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, ảo

	mộng tan vỡ, Vũ Như Tô lựa chọn chấm dứt sự sống của mình. Với Vũ Như Tô, xây Cửu Trùng Đài cũng là cách để ông cống hiến cho đất nước ("Không, ta chỉ có một hoài bão là tô điểm đất nước, đem hết tài ra xây cho nòi giống một toà đài hoa lệ, thách cả những công trình sau trước, tranh tinh xảo với Hoá công"). -> Từ góc nhìn này, Cửu Trùng Đài là biểu tượng của tài năng, cái đẹp và nghệ thuật, một thứ nghệ thuật thuần khiết, cao cả, mang giá trị vĩnh cửu, vượt lên trên cuộc đời phàm tục, thoát ra khỏi những mục đích thực dụng. Cửu Trùng Đài cũng có ý nghĩa như một giấc mơ lãng mạn mà con người muốn theo đuổi trong suốt cuộc đời, bất chấp mọi cản trở và sự phũ phàng của thực tại. + Với Đan Thiềm, Cửu Trùng Đài là sự kết tinh của tài năng và khí phách của người nghệ sĩ. Hành động kiên quyết bảo vệ Cửu Trùng Đài, bảo vệ Vũ Như Tô của Đan Thiềm thể hiện một thái độ trân trọng cái tài, cái đẹp, niềm tin vào giá trị vĩnh cửu của cái đẹp. + Với những nhân vật khác trong đoạn trích, Cửu Trùng Đài là biểu tượng cho sự xa hoa, lãng phí, thậm chí cho tội ác của quyền lực, là nguyên nhân của mọi đau khổ, lầm than (mấy nghìn người chết vì Cửu Trùng Đài, mẹ mất con, vợ mất chồng", "công khố hao hụt", "dân gian lầm than, "man di oán giận", thần nhân trách móc"). Sự chế giễu, sỉ nhục, vu oan của các nhân vật, và quyết định bắt giết Vũ Như Tô của đám quân khởi loạn cho thấy sự phủ định tất cả những giá trị nghệ thuật của Cửu Trùng Đài và sự phản kháng đối với quyền lực nhà vua. -> Trong đoạn trích, cái nhìn của các nhân vật về Cửu Trùng Đài là rất khác nhau, thậm chí đối lập gay gắt với nhau. Sự đối lập đó thể hiện tính chất đa nghĩa của hình tượng, thể hiện một cái nhìn đa chiều của Nguyễn Huy Tưởng về nghệ thuật, về tài năng, về cá nhân. Nguyễn Huy Tưởng một mặt trân trọng tài năng và phẩm giá của Vũ Như Tô, thương xót cho số phận đầy bi kịch của người nghệ sĩ, nhưng mặt khác cũng nhận ra sự phù phiếm của một thứ nghệ thuật thoát li cuộc sống. Tác giả vừa ca ngợi sự chính trực, đầy lí tưởng của Vũ Như Tô, nhưng đồng thời cũng chỉ ra sự viển vông và mù quáng của ông khi nhận thức về thực tại. Chính sự đa nghĩa của hình tượng và cái nhìn đa chiều của Nguyễn Huy Tưởng đã làm dấy lên trong người đọc nhiều chất vấn, suy tư, tạo nên một dư vị sâu sắc cho vở kịch. **6. Thái độ của nhà văn**

	- Lời đề tựa thể hiện thái độ phân vân của tác giả trong việc đánh giá về các nhân vật trong vở kịch, đồng thời bày tỏ sự đồng cảm của Nguyễn Huy Tưởng đối với sự trân trọng cái tài, cái đẹp của Đan Thiềm. **- Thông qua cách xây dựng nhân vật, cốt truyện của tác phẩm**: + ***Thứ nhất, trong cách xây dựng hình tượng***, tác giả đã tạo nên hình tượng nhân vật rất đa diện, đặc biệt là nhân vật trung tâm Vũ Như Tô. Vũ Như Tô được miêu tả như một người kiến trúc sư tài ba, cương trực, có lí tưởng lớn, giàu lòng vị tha, không khuất phục trước cường quyền, nhưng lại ngây thơ phù phiếm, xa rời thực tế, thậm chí mù quáng, vì hoài bão xây dựng Cửu Trùng Đài mà vô tình gây ra biết bao lầm than, khổ cực cho nhân dân. Quân khởi loạn tuy hung hăng, thô lỗ, không hiểu biết gì về nghệ thuật và thậm chí độc ác, mù quáng khi trút giận lên Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài, nhưng thực ra sự nổi dậy mù quáng đó có căn nguyên từ nỗi đau khổ và oán giận trước sự hung tàn của hôn quân. Các nhân vật đều không nguyên phiến, với tính cách đầy mâu thuẫn, khó có thể đánh giá là tốt hay xấu. Hình tượng Cửu Trùng Đài dưới mắt Vũ Như Tô và Đan Thiềm là biểu tượng của tài năng, cái đẹp, khát vọng cống hiến, nhưng dưới mắt của quần chúng nhân dân là biểu tượng của sự xa hoa, tàn bạo của quyền lực. *Sự mâu thuẫn trong tính cách nhân vật và sự đa nghĩa của hình tượng Cửu Trùng Đài cho thấy sự phân vân, hoài nghi và mâu thuẫn trong tư tưởng của tác giả: một mặt trân trọng, cảm thương cho người nghệ sĩ đầy lí tưởng, một mặt lại nhận ra sự phù phiếm, mù quáng của thứ nghệ thuật thuần túy* + ***Thứ hai, trong cách xây dựng cốt truyện***, có thể thấy kết thúc của tác phẩm là Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, Vũ Như Tô chủ động lựa chọn cái chết. Kết thúc bi kịch này vừa thể hiện sự huỷ diệt của Cửu Trùng Đài và cái chết của Vũ Như Tô là tất yếu, hay nói cách khác, nghệ thuật sẽ không thể tồn tại nếu không vị nhân sinh, nhưng mặt khác, ta vẫn có thể thấy được sự ngưỡng mộ của tác giả đối với nhân vật, qua cách tác giả đã để cho Vũ Như Tô hiên ngang chọn lấy cái chết, một cách đầy dũng cảm và nghĩa khí. *Tính chất hai mặt trong kết thúc vở kịch đó đã thể hiện một thái độ đầy mâu thuẫn của Nguyễn Huy Tưởng.* + ***Mặt khác, thái độ "biệt nhỡn liên tài" của tác giả đã được bộc lộ một cách kín đáo qua hình tượng nhân vật Đan Thiềm***. Đan Thiềm một mực khuyên Vũ Như Tô đi

	trốn để bảo toàn tính mạng, đặng xây dựng Cửu Trùng Đài, một mực bất chấp tính mạng che chở, bảo vệ, minh oan cho Vũ Như Tô. Đan Thiềm là tri âm tri kỉ của Vũ Như Tô, là người tin vào giá trị vĩnh cửu của nghệ thuật. Thông qua nhân vật Đan Thiềm, Nguyễn Huy Tưởng muốn khẳng định thiên tài nghệ thuật và lí tưởng cao đẹp của Vũ Như Tô, đồng thời bày tỏ niềm hi vọng vào một thứ nghệ thuật thanh cao có thể vượt thoát lên thực tại tầm thường.

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm đôi.
- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Qua việc đọc hiểu văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài,* em hãy: + Chỉ ra đặc trưng của các yếu tố sự kiện, cốt truyện, nhân vật trong tác phẩm kịch + Xác định cách nhận diện sự kiện và nhân vật trong tác phẩm kịch **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi đại diện HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức bằng sơ đồ, tổng kết bài đọc.	**IV. Tổng kết** **Kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại:** *** Sự kiện:** - Sự kiện được biểu đạt một cách gián tiếp thông qua lời thoại của nhân vật và các chỉ dẫn trên sân khấu. - Để nhận ra sự kiện trong một vở kịch cần: + Xác định các nhân vật chính. + Chỉ ra hành động của các nhân vật. + Xác định những hành động quan trọng đã phá vỡ sự cân bằng của cốt truyện, đẩy vở kịch phát triển sang một bước ngoặt mới. *** Cốt truyện:** - Cốt truyện kịch tập trung một cách cao độ, được thể hiện bằng nhịp điệu gấp gáp, với nhiều tình tiết bất ngờ, đột ngột, tạo nên sự căng thẳng đầy kịch tính, nhằm thu hút sự chú ý của người đọc, người xem. - Xác định diễn biến sự kiện trong kịch (cốt truyện): + Chú ý đến các chỉ dẫn miêu tả bối cảnh sân khấu, + Sự xuất hiện của các nhân vật trên sân khấu, tương quan giữa các sự kiện trong các lớp kịch, từ đó, nhận ra diễn biến của các sự kiện trong đoạn trích. *** Nhân vật:** - Nhân vật kịch thường nhất quán trong tính cách và hành động, lời nói. Sự nhất quán cao độ này của nhân vật một mặt khẳng định tính cách nhân vật, mặt khác góp phần thúc đẩy các xung đột lên tới mức cao trào, kịch tính, tạo nên sự hấp dẫn cho tác phẩm kịch.

	- Khi phân tích nhân vật kịch, cần làm theo các bước: + Bước 1: Đọc kĩ các lời thoại, phân tích tâm trạng của nhân vật được bộc lộ qua lời thoại. + Bước 2: Đặt lời thoại của nhân vật trong ngữ cảnh giao tiếp, chi ra hành động được bộc lộ qua lời thoại (Nhân vật đang giao tiếp với ai? Lời thoại của nhân vật nhằm mục đích gì?) + Bước 3: Nhận xét về đặc điểm tính cách của nhân vật được bộc lộ qua lời thoại và hành động.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Tổ chức tranh biện và kết nối đọc - viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Vở kịch gợi cho bạn suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lý tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử?

GV chia lớp thành 3 nhóm tổ chức một cuộc tranh biện ngắn về một số câu hỏi gợi ý:

- Nhóm 1: Nghệ thuật có nhất thiết phải phục vụ cuộc sống hay không?
- Nhóm 2: Con người liệu có nên theo đuổi lí tưởng đến cùng, bất chấp những cái giá phải trả to lớn thế nào?
- Nhóm 3: Liệu mỗi hành động của cá nhân có thể làm thay đổi lịch sử hay không?

Nhiệm vụ 2: Kết nối đọc - viết

Theo bạn, vấn đề xã hội nào được đề cập trong đoạn trích? Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về vấn đề đó.

- GV hướng dẫn HS thảo luận, nhận ra những vấn đề xã hội được đề cập trong đoạn trích, chẳng hạn:
  + Mối quan hệ giữa cá nhân và lịch sử.
  + Lí tưởng và mơ ước của con người.
  + Mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.
  + Lựa chọn và hành động.
- Cá nhân HS lựa chọn vấn đề và viết đoạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: HS thảo luận theo nhóm, chuẩn bị tranh biện.

Nhiệm vụ 2: Kết nối đọc - viết.

- GV làm mẫu, đặt ra những câu hỏi nghiên cứu về một vấn đề, sau đó, cho HS tự lựa chọn một vấn đề xã hội mà mình muốn tìm hiểu, tự đặt câu hỏi xoay quanh vấn đề đó.
- HS dành thời gian viết ngắn ngay tại lớp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Nhiệm vụ 1: GV tổ chức cuộc tranh biện giữa các nhóm HS.

- Nhiệm vụ 2: HS có thể đọc chéo bài của nhau hoặc GV chấm mẫu một số bài ngay tại lớp.

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, phát thưởng hoặc cho điểm những HS tranh biện thuyết phục
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết đoạn văn theo Rubric (ở nhà).

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) .	**1.0**
	Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	**0.0**
Nội dung	Suy nghĩ về vấn đề xã hội được đề cập trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài.*	
	Lựa chọn được một vấn đề xã hội được đề cập trong đoạn trích.	**2.0**
	Đưa ra được những đánh giá xác đáng, hợp lí.	**3.0**
	Đưa ra được những dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục.	**2.0**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**1.0**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức bài học, kết hợp cùng năng lực cá nhân, giải quyết tình huống thực tiễn.

b. Nội dung: HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu GV giao theo năng lực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm thực hiện các nhiệm vụ:

*** Nhóm 1 (Nhóm Sử học):** Tìm hiểu cặn kẽ các thông tin lịch sử được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng trong văn bản.

- Thông tin về các nhân vật lịch sử (Vũ Như Tô, Lê Tương Dực, Trịnh Duy Sản).
- Các địa danh lịch sử (Cửu Trùng Đài, thành Thăng Long).
- Các sự kiện lịch sử xảy ra ở thành Thăng Long vào thế kỉ XVI.

*** Nhóm 2 (Nhóm phóng viên):** Đóng vai một nhà báo phỏng vấn người dân thường ở thành Thăng Long thế kỉ XVI về cuộc sống, thân phận của họ, viết tiểu sử nhân vật Vũ Như Tô,

*** Nhóm 3 (Nhóm Thiết kế):** Vẽ lại sơ đồ thành Thăng Long và vị trí của Cửu Trùng Đài,...

*** Nhóm 4 (Nhóm chuyên gia kịch):** Chỉ ra những điểm khác biệt của vở diễn so với kịch bản văn học (có thể tham khảo vở diễn Vũ Như Tô của đạo diễn Phạm Thị Thành, được Nhà hát Tuổi trẻ dàn dựng vào năm 1995).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS có thể nộp báo cáo sản phẩm cho GV cũng như trưng bày các sản phẩm của mình trước cả lớp dưới các hình thức multimedia như video clip, audio, poster, podcast,...
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các văn bản cùng chủ đề, đề tài.
- **Chuẩn bị bài: Thực hành đọc.** *Prô-mê-tê bị xiềng* (Trích - Ét-sin) và **Viết:** Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐỌC

PRÔ-MÊ-TÊ BỊ XIỀNG
(Trích - Ét-sin)

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả: Ét-sin (525 – 456 trước Công Nguyên), người Hy Lạp, đóng vai trò lớn trong lịch sử phát triển của nền bi kịch cổ đại

2. Prô-mê-tê bị xiềng

- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: *Prô-mê-tê bị xiềng* là vở bi kịch nổi tiếng nhất trong số những bi kịch còn lại của Ét-sin, khai thác đề tài từ thần thoại Hy Lạp về Prô-mê-tê – vị thần đã cả gan đánh cắp lửa trời về cho loài người và bị thần Dớt trừng phạt nặng nề (bị đóng đinh trên đỉnh núi Cô-ca-dơ, bị một con diều hâu ngày đêm moi gan, móc ruột).

- **Tóm tắt văn bản:** *Prô-mê-tê bị xiềng* là vở kịch được tái hiện bắt đầu là cuộc đối thoại giữa thần Bạo lực và thần Hê - phai-xtoi ở nơi hoang mạc không bóng người. Thần Zeus đã cho người giải Prô-mê-tê đến nơi gánh chịu hình phạt là trụ đá vì lỡ yêu người trần, đã lấy cắp lửa đưa đến cho họ. Hê - phai-xtoi người được cử giết Prô-mê-tê, tuy rất thương nhưng không thể làm trái lời Zeus. Tuy vậy, với Prô-mê-tê thà chịu cực hình còn hơn là đi làm nô lệ cho tên Zeus. Tất cả ai cũng đều thương xót cho Prô-mê-tê. Sau đó là những hình phạt tiếp tục bị đè xuống Prô-mê-tê vì không khai tên người tiết lộ sẽ lật đổ Zeus, vì thế phải lãnh chịu những cơn phạt khủng khiếp đến từ tên Zeus, như cơn giông bão sấm sét, bị diều hâu moi gan, nhưng tất cả đều không thể đánh bại ý chí kiên cường và không chịu khuất phục trước số phận của Prô-mê-tê.

- Bố cục: Văn bản chia làm 2 phần:

+ Phần 1: Lời thoại của nhạc trưởng: Mọi người muốn biết lí do tại sao Thần Vương bị giam giữ.

+ Phần 2: Lời thoại của Prô-mê-tê: Lí giải những thắc mắc của nhạc trưởng.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Tìm hiểu cốt truyện

Các yếu tố đối sánh	**Prô-mê-tê (thần thoại Hy Lạp)**	**Prô-mê-tê (văn bản kịch)**
Cốt truyện	Thần Prô-mê-tê là một vị thần khổng lồ và là người tạo ra loài người. Ông là con trai của Iapetus và Themis, anh em của Atlas, Epimetheus và Menoetius. Ông cũng là người giúp đỡ rất nhiều người bằng cách ngụy trang giấu đồ ăn. Prô-mê-tê đã ăn cắp ngọn lửa tử thần Helios và trao nó cho	*Prô-mê-tê bị xiềng* bắt đầu là cuộc đối thoại giữa thần Bạo lực và thần Hê - phai-xtot ở nơi hoang mạc không bóng người. Thần Zeus đã cho người giải Prô-mê-tê đến nơi trụ đá để lãnh chịu hình phạt vì lỡ yêu con người mà đã lấy cắp lửa cho họ. Hê - phai-xtoi người được cử giết Prô-mê-tê, tuy rất thương nhưng không thể làm trái lời Zeus. Tuy vậy, với Prô-mê-tê thà chịu cực hình

	nhân loại. Zeus đã trừng phạt ông bằng cách buộc ông vào tảng đá và để cho con đại bàng ăn gan ông hàng ngày, nhưng lá gan cứ bị ăn vào ban ngày và tái sinh vào ban đêm. Cuối cùng, Prô-mê-tê đã được Heracles giải thoát khi làm nhiệm vụ tìm kiếm những quả táo vàng.	còn hơn là đi làm nô lệ cho tên Zeus. Tất cả ai cũng đều thương xót cho Prô-mê-tê. Sau đó là những hình phạt tiếp tục bị đè xuống Prô-mê-tê. Chàng vì không khai tên người sẽ lật đổ Zeus, nên phải lãnh chịu những cơn phạt khủng khiếp đến từ tên Zeus, như những cơn giông bão sấm sét, thậm chí bị diều hâu moi gan. Nhưng tất cả đều không thể đánh bại ý chí kiên cường của chàng.

2. Tìm hiểu sự phát triển các tình tiết

Các yếu tố đối sánh	**Prô-mê-tê (thần thoại Hy Lạp)**	**Prô-mê-tê (văn bản kịch)**
Sự phát triển các tình tiết	Các tình tiết truyện phát triển dựa trên chuỗi hành động của nhân vật theo trình tự thời gian	Xung đột kịch được đẩy đến cao trào theo những đấu tranh nội tâm của chính nhân vật.

3. Tìm hiểu nhân vật

Các yếu tố đối sánh	**Prô-mê-tê (thần thoại Hy Lạp)**	**Prô-mê-tê (văn bản kịch)**
Nhân vật	**Là một vị thần (trong thần thoại)** tạo ra thế giới loài người và văn minh loài người. - Qua các yếu tố kì ảo, nhân vật hiện lên với hình dáng, hành động, lời nói, tính cách: + Hành động của thần: ++ Tái tạo cho con người một thân hình đẹp đẽ thanh tao hơn các con vật. ++ Giúp con người đứng thẳng, đi bằng hai chân, đôi tay thảnh thơi để làm việc khác. ++ Lấy lửa của thần Mặt Trời châm vào ngọn đuốc đem xuống cho loài người. - Prô-mê-tê qua suy nghĩ của con người: + Truyền tụng về công lao vĩ đại của thần Prô-mê-tê khi đã ban cho họ ngọn lửa. - Bày tỏ sự cảm ơn, sự kính trọng, ca ngợi đối với Prô-mê-tê.	**Là một vị thần (trong vở bi kịch)** không chịu khuất phục trong cuộc đấu tranh vì con người. - Đặc điểm nhân vật thể hiện qua lời độc thoại và đối thoại, nhân vật được khắc họa rõ nét ở con người bên trong hơn là con người hành động bên ngoài: + Prô-mê-tê bị xiềng mang ý nghĩa rằng vị thần ân nhân của loài người không chịu khuất phục trước cường quyền, bạo lực, đã chịu đựng mọi cực hình tàn khốc mà thần Dớt trừng phạt. + Chàng rất yêu thương con người nên đã lấy cắp ngọn lửa thần mang xuống hạ giới, dạy loài người nhiều mưu mẹo để họ có linh hồn, có trí khôn. + Prô-mê-tê không biết cúi đầu trước bất kỳ một sức mạnh thù địch nào. Đây là hình tượng mang tính thẩm mỹ cao, kết hợp hài hòa giữa cái hùng, cái cao thượng và cái bi kịch.

4. Tìm hiểu thông điệp

Các yếu tố đối sánh	**Prô-mê-tê (thần thoại Hy Lạp)**	**Prô-mê-tê (văn bản kịch)**
Thông điệp	*Prô-mê-tê và loài người* đã lí giải về	Khẳng định rằng cái thiện sẽ luôn thắng

	nguồn gốc và quá trình con người được tạo ra, sinh tồn. Qua đó ca ngợi tài năng và phẩm chất của vị thần Prô – mê –tê.	cái ác. Chỉ cần con người có ý chí niềm tin và hy vọng thì bạo tàn sẽ chỉ là sự thất bại trước sức mạnh của công lý mà thôi.

VIẾT

Tiết: 49

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- Biết viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.

Thực hành viết

- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

2. Phẩm chất

- Biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và biết vượt lên mọi trở ngại.
- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS xem Clip, đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- HS lựa chọn vấn đề xã hội.

- GV hướng dẫn HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=4eEncPVmrMg - Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi: Bài học nào trong Clip trên tác động tới em mạnh mẽ nhất? Vì sao? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh quan sát Clip, suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2-3 HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, nghe và bổ sung ý kiến. **Bước 4: Đánh giá kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.	- HS thể hiện quan điểm cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS biết cách lựa chọn đề tài, hướng tiếp cận đề tài.
- HS hiểu được giá trị, tác dụng của các nguồn thông tin, các loại thông tin khác nhau để tìm kiếm, khai thác một cách hiệu quả.
- HS đánh giá được tính khả tín của các thông tin.
- HS xây dựng được đề cương nghiên cứu từ những thông tin mình đã thu thập.
- HS viết và chỉnh sửa báo cáo nghiên cứu theo đúng quy cách.

b. Nội dung hoạt động:

GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/142 và thảo luận về các vấn đề: Trong các yêu cầu được trình bày trong SGK, yêu cầu nào cho thấy tính đặc thù của kiểu bài viết mà em sắp thực hành rõ hơn cả? Đâu là thách thức lớn nhất mà kiểu bài đặt ra cho em? Vì sao? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc SGK, thảo luận theo cặp. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài** - Nêu được đề tài nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo. - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực. - Biết thực hiện các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu, khai thác được các nguồn tham khảo đáng tin cậy. - Biết sử dụng các trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo và các phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có.

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS nắm được cấu trúc, các thao tác sử dụng, cách lựa chọn đề tài, phân tích và xử lý thông tin một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung hoạt động:

- HS đọc bài viết tham khảo tr 142-146 SGK.
- HS thảo luận nhóm tìm hiểu bài tham khảo sau khi đọc.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra quy trình viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc bài viết tham khảo và nhắc các em chú ý các thẻ định hướng đọc. - GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi: + Đề tài của báo cáo nghiên cứu ở trên là gì? Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ nào? + Để triển khai báo cáo, những luận điểm chính nào đã được tác giả sử dụng? + Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ nguồn nào? Bạn có nhận xét gì về độ chính xác, tin cậy, khách quan của các thông tin? + Tài liệu tham khảo có những thông tin gì và được sắp xếp theo trật tự nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc bài tham khảo. - HS trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức. - HS có thể học tập kĩ năng diễn đạt và trình bày ở bài viết tham khảo để viết kiểu bài nghị luận tương tự.	**II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo** **Bài viết tham khảo:** ***Rồng thành bậc điện Kính Thiên và kiểu thức phương Nam - Trần Hậu Yên Thế*** **1. Đề tài:** Giao thoa và tiếp biến văn hóa – nhìn từ kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên. **2. Góc độ tiếp cận:** Góc độ văn hóa. **3. Những luận điểm triển khai** - Rồng chầu thành bậc ở điện Kính Thiên là một hạng mục trang trí kiến trúc. - Mĩ thuật Trung Hoa với những bức tranh hay phù điêu rồng cực lớn. **4. Nguồn tài liệu tham khảo** - Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ các nguồn: + Luận án tiến sĩ: Các nguồn sử liệu về quy mô và cấu trúc Hoàng thành Thăng Long thời Lý – Trần – Lê. + Tạp chí văn hóa học: Từ góc nhìn tứ linh khám phá tâm thức văn hóa rồng của người Việt và người Hán. + Sách: Hoàng thành Thăng Long. - Những thông tin này có độ chính xác cao, có tính tin cậy và khách quan. **5. Thông tin và trật tự sắp xếp của tài liệu tham khảo** - Tài liệu tham khảo chứa những thông tin: Tác giả, năm công bố, tên tác phẩm, tên tạp chí, luận án hoặc tên sách, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản, tập, số, các số trang. - Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trật tự: ABC họ tên tác giả của tài liệu.

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a. Mục tiêu:

- HS nắm được các bước chuẩn bị viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
- HS thực hành viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội đúng quy trình.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** Nhiệm vụ 1: Lựa chọn đề tài và đặt câu hỏi nghiên cứu** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS xác định các vùng đề tài, hướng nghiên cứu và đặt câu hỏi nghiên cứu. - HS có thể hoàn thành bảng Phụ lục 1 (cá nhân hoặc nhóm theo sự lựa chọn đề tài). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS hoạt động cá nhân hoặc thảo luận nhóm, chủ động nêu thắc mắc về sự lựa chọn đề tài. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS chia sẻ đề tài lựa chọn và hướng nghiên cứu. - HS khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét phần trình bày của HS *** Nhiệm vụ 2: Thu thập, phân tích, đánh giá thông tin** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - HS có thể được giao nhiệm vụ ở nhà – thu thập, phân tích và đánh giá thông tin về một vấn đề mà mình có quan tâm hoặc hứng thú. - GV hướng dẫn cách thu thập, phân tích, đánh giá thông tin (phân tích và đánh giá chính những thông tin mà HS đã thu thập được ở nhà). - GV giao nhiệm vụ về nhà hoặc nhiệm vụ làm việc nhóm cho HS tiếp tục thu thập, phân tích và đánh giá thông tin về đề tài mà cả nhóm đã chọn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận để thực hành phân tích, đánh giá các thông tin **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS chia sẻ lại với cả lớp quá trình tìm kiếm thông tin của cá nhân hoặc nhóm mình, những	**III. Thực hành viết theo các bước** **Bước 1: Lựa chọn đề tài và đặt câu hỏi nghiên cứu** **Một số đề tài gợi ý:** - Thân phận của người nông dân thời thuộc Pháp (*Chí Phèo* – Nam Cao) - Thiết chế làng xã Việt Nam thời thuộc Pháp (*Chí Phèo* – Nam Cao) - Lí tưởng sống của người trẻ (*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, Trích *Hăm-let* – Sêchxpia) - Lựa chọn của con người trong cuộc sống (*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, Trích *Hăm-let* – Sêchxpia) - Thể hiện bản thân như thế nào trước cuộc đời (*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, Trích *Hăm-let* – Sêchxpia) - Mối quan hệ giữa nghệ sĩ và thời cuộc (*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, Trích *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng) - Cá nhân và lịch sử (*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, Trích *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng) - Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê (*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, Trích *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng)… **=> Đề tài lựa chọn nghiên cứu tham khảo: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội** **Bước 2: Thu thập, phân tích, đánh giá thông tin** **Đề tài lựa chọn tham khảo: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội** 1. Nguyễn Thị Phương Châm (2013), "Internet: Không gian mới cho đa chiều kết nối và thể hiện của giới trẻ hiện nay", *Văn hoá dân gian*, 2 (146), tr. 62-71. 2. Bùi Thế Duy (2015), *Tác động của công*

kinh nghiệm tự đúc rút được qua quá trình thu thập, tìm kiếm, phân tích, đánh giá thông tin. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS. *** Nhiệm vụ 3: Xây dựng đề cương** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV hướng dẫn HS tự làm việc nhóm để xây dựng đề cương nghiên cứu. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận nhóm để hoàn thiện đề cương nghiên cứu của nhóm mình. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS chia sẻ lại với cả lớp bản đề cương của nhóm. - HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét đánh giá, bổ sung, hoàn chỉnh đề cương (Tham khảo Phụ lục 2). *** Nhiệm vụ 4: Viết** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV giao cho các nhóm HS tự làm việc ở nhà, dựa trên các hướng dẫn trong SGK. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Cá nhân HS viết bài. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài** GV nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài (Tham khảo Phụ lục 3) *** Nhiệm vụ 5: Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV giao cho các nhóm HS tự thảo luận, trao đổi để chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS, nhóm HS hoàn thành nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV khuyến khích HS công bố báo cáo nghiên cứu trên tạp chí của lớp, trường, một số cuộc thi như Nghiên cứu khoa học Intel Isef, các diễn đàn khoa học cho HS,... **Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài** GV trả bài cho HS, yêu cầu các em sửa chữa	*nghệ thông tin - truyền thông đến đạo đức, lối sống của thanh thiếu niên trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Hà Nội. 3. Nguyễn Thị Hậu (chủ biên) (2010), *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Tp. HCM. 4. Từ Thị Loan (2012-2013), *Tác động của các loại hình giải trí thông qua các phương tiện truyền thông mới đến lối sống của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội. 5. Bùi Hoài Sơn (2006), *Ảnh hưởng của Internet đối với thanh niên Hà Nội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. **Bước 3: Xây dựng đề cương** **- Đặt vấn đề:** Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu. **- Giải quyết vấn đề:** Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng. - **Kết luận:** Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới. **- Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố. **Đề cương tham khảo cho đề tài: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội** (Phụ lục 2). **Bước 4: Viết** - Tuân thủ các quy định về hình thức trình bày của một báo cáo nghiên cứu. - Thể hiện rõ các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; có trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo và các phương tiện hỗ trợ phù hợp. **Bài viết tham khảo cho đề tài: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội** (Phụ lục 3) **Bước 5: Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết** (Bảng kiểm - Phụ lục 4)

theo bảng kiểm Phụ lục 4 (Việc sửa chữa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).	

Phụ lục 1. Bảng định hướng lựa chọn và đề tài nghiên cứu

Tiêu chí tiếp cận vấn đề	Kết quả			
Vấn đề bạn quan tâm, hứng thú và muốn tìm hiểu sâu				
Góc độ tiếp cận vấn đề (HS chọn góc độ)	Góc độ lịch sử	Góc độ khoa học	Góc độ nghệ thuật	Góc độ liên ngành…
Các câu hỏi (Trên từng góc độ)				

VD 1: Thiết chế làng xã Việt Nam thời thuộc Pháp

Tiêu chí tiếp cận vấn đề	Kết quả
Vấn đề bạn quan tâm, hứng thú và muốn tìm hiểu sâu	Thiết chế làng xã Việt Nam thời thuộc Pháp.
Góc độ tiếp cận vấn đề (HS chọn góc độ)	Góc độ địa lí.
Các câu hỏi (Trên từng góc độ tương ứng)	- Dân số cư trú trong các làng xã là bao nhiêu? - Mật độ dân số cụ thể như thế nào? - Các làng xã phân bố ra sao trên lãnh thổ Việt Nam...

VD 2: Nỗi cô đơn của giới trẻ

Tiêu chí tiếp cận vấn đề	Kết quả	
Vấn đề bạn quan tâm, hứng thú và muốn tìm hiểu sâu	Nỗi cô đơn của giới trẻ	
Góc độ tiếp cận vấn đề (HS chọn góc độ)	Góc độ tâm lí	Góc độ xã hội học
Các câu hỏi (Trên từng góc độ)	- Vì sao con người cảm thấy cô đơn? - Cơ chế tâm lí học của cảm xúc cô đơn là gì? - Cảm giác về sự cô đơn có tác động như thế nào đến cơ thể và hành vi của con người? - Làm thế nào để vượt qua cảm giác cô đơn và biến cô đơn thành một động lực sáng tạo?	- Cô đơn có phải là hiện tượng phổ biến trong giới trẻ ngày nay hay không? - Vì sao trong một thế giới của kết nối công nghệ, giới trẻ lại cảm thấy cô đơn? - Cảm giác về sự cô đơn ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của mỗi cá nhân và xã hội?

VD 3: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội

Tiêu chí tiếp cận vấn đề	Kết quả

Vấn đề bạn quan tâm, hứng thú và muốn tìm hiểu sâu	Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội	
Góc độ tiếp cận vấn đề (HS chọn góc độ)	Góc độ tâm lí	Góc độ xã hội học
Các câu hỏi (Trên từng góc độ)	- Vì sao giới trẻ hiện nay muốn thể hiện bản thân trên mạng xã hội? - Cơ chế tâm lí học của việc muốn thể hiện bản thân trên mạng xã hội? - Việc muốn thể hiện bản thân trên mạng xã hội có tác động như thế nào đến người trẻ? - Người trẻ cần chuẩn bị tâm lí gì trước những tác động từ mạng xã hội sau khi đã thể hiện được bản thân?	- Muốn thể hiện bản thân trên mạng xã hội có phải là hiện tượng phổ biến trong giới trẻ ngày nay hay không? - Vì sao sống trong thế giới thực mà người trẻ lại muốn thể hiện bản thân trên thế giới ảo? - Ảnh hưởng của xã hội tới cuộc sống người trẻ sau khi thể hiện bản thân trên mạng xã hội?

Phụ lục 2. Đề cương tham khảo cho đề tài: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội

*** Đặt vấn đề:** Giới thiệu khái quát vấn đề và quan điểm của người viết.

*** Giải quyết vấn đề:** Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc, có các dữ liệu, bằng chứng chính xác, tiêu biểu.

- LĐ 1: Thể hiện bản thân - nhu cầu tâm lý tự nhiên của giới trẻ.

- LĐ 2: Mạng xã hội - môi trường lý tưởng để giới trẻ thể hiện bản thân.

+ Sự an toàn.

+ Nhu cầu tình cảm.

+ Lòng tự trọng.

+ Khẳng định bản thân.

- LĐ 3: Các hình thức thể hiện bản thân của giới trẻ trên mạng xã hội.

- LĐ 4: Tác động thực sự của mạng xã hội đến những người trẻ.

+ Tích cực.

+ Tiêu cực.

- LĐ 5: Người trẻ cần chuẩn bị tâm lí gì trước những tác động của thế giới mạng, trước những hình thức thể hiện bản thân.

*** Kết thúc vấn đề:** Tổng hợp lại vấn đề nghiên cứu và đánh giá tầm quan trọng của vấn đề trong nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới (khẳng định đóng góp của bản báo cáo).

*** Tài liệu tham khảo:** Sắp xếp tên tài liệu hoặc tên tác giả theo trình tự hợp lí; có xuất xứ rõ ràng.

Phụ lục 3. Bài viết tham khảo cho đề tài: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội

Hiện nay thế giới có hàng trăm MXH khác nhau, trong đó phổ biến nhất là Facebook, YouTube, Instagram, Twitter, MySpace… Mỗi MXH đều có thành công nhất định dựa trên sự phù hợp về các yếu tố yếu tố: địa lý, chính trị, văn hóa… của từng khu vực, từng quốc gia hay vùng/miền, và tại Việt Nam cũng đã xuất hiện rất nhiều các MXH "nội địa" như: ZingMe, Zalo, Gov.vn, YuMe, Tamtay... với nỗ lực cố gắng liên kết người dùng bằng những đặc điểm của địa phương cũng như thể hiện sâu sắc văn hóa Việt Nam. Trên không gian mạng MXH rất tự do và cởi mở, thanh, thiếu niên đang ngày càng có nhu cầu, mong muốn thể hiện bản sắc cá nhân như một sự thể hiện bản thân, gây chú ý hay đơn giản chỉ là sự giải trí.

Thể hiện bản thân - nhu cầu tâm lý tự nhiên của giới trẻ.

Ngay từ năm 1943, nhà tâm lý học Abraham Maslow đã đưa ra Tháp nhu cầu (Maslow's hierarchy of needs) với 5 tầng sắp xếp theo thứ tự tăng dần từ "những nhu cầu cơ bản" cho đến "những nhu cầu bậc cao", trong đó tầng thứ năm là nhu cầu về tự thể hiện bản thân (self-actualization) - muốn sáng tạo, được thể hiện khả năng, thể hiện bản thân, trình diễn mình, có được và được công nhận là thành đạt. Như vậy, thể hiện bản thân là một trong những nhu cầu tâm lý tự nhiên của con người. Theo các chuyên gia tâm lý, độ tuổi từ 13 đến 18 tuổi là thời gian chuyển tiếp từ thiếu nhi, thiếu niên sang người trưởng thành. Các bạn trẻ ở lứa tuổi này vẫn chưa có sự chín chắn hoàn toàn song có cái tôi rất lớn và họ muốn được mọi người công nhận mình là người lớn, thể hiện mình để chứng tỏ giá trị của bản thân hay đơn giản chỉ để bộc lộ cá tính. Họ có xu hướng muốn bộc lộ cái tôi ra ngoài, muốn làm những điều mình thích, mình cho là đúng và muốn xã hội công nhận nó đúng, thậm chí muốn thay đổi những chuẩn mực đã được định hình.

Mạng xã hội đã trở thành môi trường lý tưởng để giới trẻ thể hiện bản thân.

Thực tế, MXH là một công cụ mới xuất hiện trong khoảng hơn chục năm nay song đã và đang thu hút một số lượng lớn người dùng, trở thành một trào lưu trên khắp thế giới và hiện vẫn chưa có dấu hiệu "hạ nhiệt". Đây là những trang web tồn tại trên Internet và khi các bạn trẻ đăng ký là thành viên, họ sẽ có một khu vực riêng mà ở đó, họ có thể tự do đăng tải tất cả những suy nghĩ, thông điệp, hình ảnh, video hoặc các đoạn ghi âm ngắn… Cũng thông qua các trang web đó, giới trẻ có thể kết nối với những người khác cùng là thành viên. MXH đã trở thành môi trường lý tưởng để giới trẻ tự giới thiệu mình, chia sẻ và tiếp nhận suy nghĩ, cảm xúc... của bản thân với những người khác và ngược lại theo cách tự do, thoải mái nhất trong các môi trường như trường học, cơ quan và trong cả cuộc sống thường ngày.

Sự thay đổi liên tục trong xã hội ngày nay và đặc biệt là sự phát triển, phổ biến của công nghệ với các thiết bị thông minh như: điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính cá nhân... cùng sự hiện diện của các trang MXH trong cuộc sống con người, những nhu cầu của giới trẻ cũng theo đó mà trở nên khác biệt. Một bạn trẻ - blogger có tên Val đã từng đề xuất một sơ đồ hình tháp mới rất thú vị có liên quan đến các trang MXH, qua đó thể hiện vai trò của các trang MXH đối với đời sống giới trẻ cũng như nhu cầu thể hiện bản thân của họ hiện nay như thế nào:

+ Sự an toàn - Linkedln : nơi bạn có thể tìm thấy công việc và các mối quan hệ mà có khả năng dẫn đến sự thành công trong sự nghiệp.

+ Nhu cầu tình cảm - Facebook, Google : nơi bạn tạo và nối lại các mối quan hệ của mình, bao gồm cả người quen, bạn bè, người yêu hay gia đình.

+ Lòng tự trọng - Twitter: nơi bạn chia sẻ những kinh nghiệm và thành tích để tăng sự tự tin và giành được sự tôn trọng từ người khác.

+ Khẳng định bản thân - Tumbrl, Blogspot, Wikipedia: nơi bạn chia sẻ kiến thức, sở thích, sự sáng tạo và những suy nghĩ sâu xa.

Có thể nói, với những tiện ích của mình, MXH đã và đang tác động đến giới trẻ, khiến họ có những thay đổi nhanh chóng và rõ rệt trong cách thức bộc lộ bản sắc cá nhân. Thể thiện bản thân - như một nhu cầu tất yếu của con người vốn bị nhiều hạn chế ở vào thời điểm trước khi MXH ra đời khi họ chỉ có thể biểu đạt bản thân từ quan điểm, cảm xúc, suy nghĩ đến những năng lực/khả năng cá nhân của mình một cách trực tiếp người với người hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện truyền thông truyền thống như báo giấy, phát thanh, truyền hình. Song dường như mọi thứ đã thay đổi kể từ khi MXH xuất hiện. Trước hết, về những nội dung/thông tin được giới trẻ chia sẻ trên MXH, đó là khi thanh, thiếu niên sử dụng phối hợp các công cụ, tiện ích khác nhau của MXH để thông qua đó thể hiện bản thân. Họ có thể sử dụng nhiều hình thức như:

các bài viết, thông tin/hoạt động liên quan đến cuộc sống hằng ngày, hình ảnh, kết quả công việc - học tập, thông tin được sưu tầm, trích dẫn từ nguồn tài liệu nào đó… để đưa lên/chia sẻ trên MXH.

Với mục đích cao nhất là thể hiện bản thân mình (bộc lộ tính cách/cá tính/bản sắc…) với cộng đồng mạng ở lứa tuổi đang muốn khẳng định "cái tôi", một bộ phận thanh, thiếu niên dường như ít quan tâm đến sự đánh giá của người khác về những gì mà họ chia sẻ trên MXH. Chính vì vậy nhiều bạn trẻ đang có xu hướng thái quá khi dùng những cách thức/chiêu trò mà họ cho rằng "khác biệt" hay "độc đáo" để thể hiện bản sắc cá nhân/cái tôi nổi trội trong cộng đồng mạng, để tạo sự nổi tiếng (dựa vào lượt người theo dõi và bấm nút "like") gây nên sự phản cảm đối với cộng đồng mạng. Bên cạnh đó, không ít người đang dành khá nhiều thời gian đầu tư cho việc thể hiện bề ngoài/hình thức của mình trên mạng mà họ không biết rằng những hiệu ứng mang lại đa phần chỉ có tính chất ảo khi những lượt "like" hay bình luận không thể phản ánh đúng hoàn toàn bản chất của sự việc hay nội dung mà họ đang chia sẻ.

"Các bạn trẻ nên chứng minh khả năng của mình trong thực tế, nếu mình chứng tỏ được khả năng của mình trong học tập hay công việc thì người khác sẽ tự biết đến chứ không nhất thiết phải "đưa" mình lên trên MXH một cách quá đà" (Nữ, 22 tuổi, Hà Nội).

"… Dường như các bạn trẻ đang tốn nhiều công sức và thời gian hơn để đầu tư cho việc thể hiện bản thân mình trên MXH. Có nhiều bạn trẻ đã đầu tư thời gian, tiền bạc để chụp những bộ ảnh với mục đích cuối cùng cũng chỉ để nhận được những bức ảnh đôi khi "chẳng giống ai" và ngồi ngóng các lượt "like". Bản thân em cũng quen những người bạn nữ rất xinh xắn và biết rằng các bạn ấy có thể đầu tư cả tiếng đồng hồ, dù nắng hay mưa để chụp hình và chỉnh sửa ảnh trước khi đăng lên trên MXH. Và chúng em vẫn hay nói đùa nhau rằng: phía sau mỗi bức ảnh là cả một câu chuyện. Những hiện tượng như thế đã trở thành xu thế chung của các bạn trẻ hiện nay". (Nam, 23 tuổi, Hà Nội).

Ngoài ra, mức độ về nhu cầu thể hiện bản thân với nhiều người trong cộng đồng mạng của người dùng còn được biểu hiện thông qua sự lựa chọn chế độ khi chia sẻ những dòng trạng thái, hình ảnh hay video.

Đa phần những status/hình ảnh/video của nhóm thanh, thiếu niên được hỏi thường chia sẻ ở chế độ công khai khi chiếm tỷ lệ cao nhất (56.5%); bộ phận giới trẻ chia sẻ những status/hình ảnh/video của mình ở chế độ chỉ bạn bè biết chiếm tỷ lệ thấp hơn (31.5%); và đặc biệt là nhóm bạn trẻ thường chia sẻ các chế độ "kín" - trong phạm vi gia đình, bạn bè của bạn bè, chỉ mình tôi… chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp. Mức độ chia sẻ thông tin cá nhân lên MXH của giới trẻ hiện nay cho thấy họ đang tỏ ra khá thoải mái. Chẳng hạn, mặc dù nhiều bạn trẻ chia sẻ rằng họ không thể hiện hoàn toàn tính cách thật của mình trên không gian mạng nhưng thực tế đại đa số lại đang sử dụng tên họ thật trên MXH, hay khi khai báo thông tin của bản thân trên MXH, chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm thanh, thiếu niên để chính xác những mục thông tin quan trọng như: giới tính (80.8%), tên (78.3%), ngày tháng năm sinh (69.7%); có tỷ lệ cao tiếp theo là các thông tin về nghề nghiệp (31.2%), địa chỉ và số điện thoại (32.0%). Đây là những dấu hiệu thay đổi đáng chú ý bởi tính cách người Việt Nam vốn khá thận trọng và dè dặt trong việc bộc lộ/chia sẻ bản thân trong các mối quan hệ giao tiếp, nhất là khi đây lại là những mối quan hệ mang tính ảo trên không gian trực tuyến.

Nhu cầu thể hiện tính cách, cá tính trên MXH của giới trẻ đang có xu hướng ngày càng tăng cao. MXH đã và đang là không gian lý tưởng để các bạn trẻ bộc lộ bản thân với nhiều nét tính cách và dưới nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt khi tính chất "ảo" của MXH đã cho phép họ sử dụng nhiều tài khoản, tương tác với nhiều đối tượng tạo ra không gian rộng mở đa chiều cho việc xây dựng hình ảnh hay bản sắc cá nhân. Song, có một vấn đề đang đặt ra là, thay vì nằm ở vị trí là công cụ "hỗ trợ" mỗi cá nhân thể hiện năng lực hay bản sắc, việc thể hiện bản thân trên MXH có vẻ đang là hoạt động chiếm lĩnh cuộc sống của nhiều bạn trẻ như một thứ tất yếu mà nếu thiếu vắng nó hằng ngày thì họ sẽ cảm thấy buồn tẻ, thậm chí bứt rứt khó chịu, không thể tập trung vào các công việc khác. Cho dù không gian MXH được coi là "ảo" đi chăng nữa

thì mỗi bạn trẻ khi tham gia vào thế giới mạng đều mong muốn xác định được vị trí riêng của mình, thể hiện mình là ai, tính cách và sở thích như thế nào, muốn người khác nhìn thấy hình ảnh mình ra sao… Và nghiễm nhiên khi đó, MXH đã trở thành "bộ mặt ảo" của mỗi người, ở đó nó có khả năng chi phối, ảnh hưởng đến cách mỗi cá nhân nhìn nhận về bản thân cũng như về những người xung quanh.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được thông điệp trong tác phẩm văn học bất kì.
- Lựa chọn được vấn đề xã hội gợi ra từ một tác phẩm văn học và chọn được góc nhìn hợp lí về vấn đề đó.
- Thu thập thông tin về vấn đề xã hội đó.
- Lập đề cương và viết báo cáo nghiên cứu về vấn đề xã hội đã chọn.

b. Nội dung: Lựa chọn và viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề xã hội gợi ra từ một tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm: Bài viết nghiên cứu báo cáo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhiệm vụ: Lựa chọn và viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề xã hội gợi ra từ tác phẩm *Vợ nhặt* của nhà văn Kim Lân.
- GV gợi ý một số vấn đề xã hội:
  + Nạn đói 1945.
  + Số phận con người trước 1945.
  + Tinh thần con người Việt Nam.
  + Ánh sáng Cách mạng 1945.
  + Sức mạnh những người nông dân Việt Nam…
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS viết bài ở nhà (Cá nhân hoặc nhóm)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp.
- GV khuyến khích HS công bố báo cáo nghiên cứu trên tạp chí của lớp, trường, một số cuộc thi như: Nghiên cứu khoa học Intel Isef, các diễn đàn khoa học cho HS,...
- HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm theo Bảng kiểm (đã có ở hoạt động thực hành)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ).

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 50

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
(Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói: Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

Nghe: Nắm bắt được nội dung truyết trình và quan điểm của người nói. Nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình. Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

Nói nghe tương tác: Biết trình bày báo cáo nghiên cứu về một vấn đề phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình**.**

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS tham gia chương trình VTV24/7, MC đặt câu hỏi, HS chia sẻ những vấn đề cuộc sống đáng quan tâm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tham gia chương trình VTV24/7. - GV lựa chọn MC và 4 khách mời trao đổi về những vấn đề xã hội đáng quan tâm trong thời gian gần mà HS biết hoặc thực sự để tâm và tìm hiểu. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS tham gia chương trình để thực hiện nhiệm vụ.	HS chia sẻ về những vấn đề xã hội đáng quan tâm trong thời gian gần mà HS biết hoặc thực sự để tâm và tìm hiểu (Theo sự dẫn dắt của MC và các khách mời)

Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sự quan tâm đến các vấn đề xã hội qua phần thảo luận khi tham gia chương trình. - HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi,… **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ).

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ).

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình đúng yêu cầu và quy trình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ (đã được chuẩn bị ở nhà) **Nhiệm vụ 1:** HS cần chuẩn bị bài nói bằng cách hoàn chỉnh phiếu học tập **Bảng tìm hiểu đề tài nghiên cứu** (Phụ lục 1) **Nhiệm vụ 2:** HS chuẩn bị nói cho bài báo cáo về đề tài nghiên cứu mình đã lựa chọn (có thể sử dụng đề tài trong phần viết ở tiết trước) **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** **Nhiệm vụ 1:** HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu **Nhiệm vụ 2:** HS thực hiện thảo luận theo nhóm chọn đề tài **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu	**I. Chuẩn bị nói** **1. Các bước chuẩn bị** ***- Tìm hiểu về người nghe và bối cảnh giao tiếp:*** + Bối cảnh: Hội thảo dành cho đối tượng học sinh, một diễn đàn chuyên môn, buổi thuyết trình về một dự án,… + Người nghe: Học sinh, nhà tài trợ hoặc hội đồng chuyên môn. ***- Xác định mục đích giao tiếp:*** + Chia sẻ ý tưởng. + Thu hút dự án. + Thông báo kết quả nghiên cứu. ***- Xác định những nội dung chính cần trình bày:*** + Tên đề tài. + Lí do chọn đề tài. + Những luận điểm chính. ***- Xác định các hình thức, phương tiện trình bày phù hợp:*** + Phương tiện ngôn ngữ. + Phương tiện phi ngôn ngữ. ++ Các dạng phương tiện phi ngôn ngữ: ngôn ngữ cơ thể, các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, đồ họa, bảng biểu,… ++ Các yêu cầu đối với phương tiện phi ngôn ngữ: Tối giản, trực quan hóa, ấn tượng. **2. Chuẩn bị cho bài nói:** Báo cáo nghiên cứu về cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội. ***- Tìm hiểu về người nghe và bối cảnh giao tiếp:*** + Bối cảnh: Hội thảo dành cho đối tượng học sinh. + Người nghe: Học sinh. ***- Xác định mục đích giao tiếp:*** thông báo kết quả nghiên cứu. ***- Xác định những nội dung chính cần trình bày:***

	+ Tên đề tài: ***Mạng xã hội và cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay.*** + Lí do chọn đề tài: Gần gũi, thiết thực, là trải nghiệm của hầu hết giới trẻ hiện đại. + Những luận điểm chính: **LĐ 1:** Thể hiện bản thân - nhu cầu tâm lý tự nhiên của giới trẻ. **LĐ 2:** Mạng xã hội - môi trường lý tưởng để giới trẻ thể hiện bản thân. + Sự an toàn. + Lòng tự trọng. + Khẳng định bản thân. **LĐ 3:** Các hình thức thể hiện bản thân của giới trẻ trên mạng xã hội. **LĐ 4:** Tác động thực sự của mạng xã hội đến những người trẻ. + Tích cực. + Tiêu cực. **LĐ 5:** Người trẻ cần chuẩn bị tâm lí gì trước những tác động của thế giới mạng trước những hình thức thể hiện bản thân. ***- Xác định các hình thức, phương tiện trình bày phù hợp:*** + Phương tiện ngôn ngữ: ++ Lí lẽ. ++ Dẫn chứng. + Phương tiện phi ngôn ngữ: ++ Các dạng phương tiện phi ngôn ngữ: ngôn ngữ cơ thể, các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, đồ họa, bảng biểu,… ++ Các yêu cầu đối với phương tiện phi ngôn ngữ: Tối giản, trực quan hóa, ấn tượng. **3. Một số phương tiện phi ngôn ngữ có thể được sử dụng trong khi thuyết trình** **(**Phụ lục 2) **4. Tài liệu tham khảo** (Phụ lục 3)

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xây dựng một bài thuyết trình theo quy trình và thực hành nói nghe.

b. Nội dung: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) và trao đổi, đánh giá.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ **Nhiệm vụ 1: Thực hành nói** GV hướng dẫn HS tổ chức một hội thảo có thể tại lớp, tại trường, nơi HS có thể trình bày các kết quả nghiên cứu	**II. Thực hành nói** **- Mở bài:** Nêu tên, lí do chọn vấn đề nghiên cứu, các kết luận chính của báo cáo kết quả nghiên cứu.

đã chuẩn bị của mình (có thể thay đổi cách sắp đặt không gian sao cho phù hợp với một hội thảo, tổ chức hội thảo với quy mô một khối hoặc toàn trường). **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** GV hướng dẫn HS thể hiện phần trình bày dưới dạng chương trình trò chơi ***Tranh tài hùng biện*** – các thí sinh trực tiếp tham gia thảo luận và phản biện. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - HS tự điều hành và trình bày báo cáo trong hội thảo, đón nhận phản hồi từ người nghe. - Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thể hiện của bạn, của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn. - Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét phần trình bày của các nhóm; nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của báo cáo kết quả nghiên cứu để HS rút kinh nghiệm. **Nhiệm vụ 2: Trao đổi, đánh giá** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** Sau phần trình bày báo cáo của HS, GV hướng dẫn HS nhận xét, góp ý về phần trình bày báo cáo, tham khảo bảng đánh giá phần phụ lục 4. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ trên phiếu đánh giá. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** HS trình bày kết quả đánh giá. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV hướng dẫn HS thảo luận để đúc rút lại những kinh nghiệm từ thực tiễn. GV có thể yêu cầu những nhóm có phần trình bày tốt chia sẻ kinh nghiệm của mình, cũng có thể hướng dẫn HS thảo luận dựa trên các câu hỏi: *+ Trước khi nói, cần chuẩn bị những gì để có thể trình bày một cách tự tin, thuyết phục?* + Làm thế nào để giới thiệu vấn đề nghiên cứu và trình bày các luận điểm chính một cách *ngắn gọn nhưng hiệu quả, ấn tượng?* *+ Làm thế nào để sử dụng một cách hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ?*	**- Triển khai:** Tóm tắt các luận điểm chính, lựa chọn một hoặc một vài phương tiện phi ngôn ngữ để minh họa, nhấn mạnh thông tin chính cũng như thu hút sự chú ý của khán giả. **- Kết luận:** Khái quát những kết quả nghiên cứu chính, gợi mở các hướng đi mới của đề tài, thể hiện một thái độ sẵn sàng đối thoại một cách chân thành, cởi mở. **III. Trao đổi, đánh giá** **Người nói** - Lắng nghe, trả lời câu hỏi và phản h về những phản biện của người nghe. - Tự đánh giá, sửa chữa, hoàn thiện b cáo kết quả nghiên cứu.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được những luận điểm để sẵn sàng trình bày hoặc phản biện.

b. Nội dung: Thành lập các nhóm tìm hiểu các vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Các số tiếp theo của chương trình ***Tranh tài hùng biện.***

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm có cùng sở thích tìm hiểu nghiên cứu các vấn đề tự nhiên xã hội.
- GV lựa chọn nhóm trưởng, hướng dẫn phân công HS tìm hiểu, thu thập thông tin và chuẩn bị nội dung nghiên cứu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức buổi hội thảo trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.
- HS chuyển tài liệu lên trang https://drive.google.com/drive.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kĩ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS.

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 5)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Tổng hợp những thông tin cơ bản về hai văn bản kịch đã học trong bài (*Sống hay không sống – đó là vấn đề, Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*) theo gợi ý sau: tình huống, nhân vật, xung đột, thông điệp.

Câu 2. Tìm đọc các vở bi kịch; chỉ ra tình huống, nhân vật, xung đột và thông điệp chính trong các tác phẩm mà bạn đã đọc.

Câu 3. Tìm hiểu thêm về các nhân vật, sự kiện lịch sử được nhắc tới trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*. Yếu tố lịch sử đã được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng như thế nào và có vai trò gì trong tác phẩm?

Câu 4. Thu thập, phân tích và đánh giá các thông tin về một trong số các vấn đề gợi ý sau:

- Nghệ thuật thời Phục hưng;
- Kiến trúc thành Thăng Long;
- Lịch sử Việt Nam thế kỉ XVI – XVII.

Câu 5. Xác định một đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương cho đề tài đó (dựa trên các thông tin đã tìm được) và trình bày đề cương nghiên cứu của bạn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm gửi kết quả vào nhóm lớp (Sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI:

Câu 1. Tổng hợp thông tin cơ bản về hai văn bản kịch *Sống hay không sống – đó là vấn đề* và *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*:

Trả lời:

Các yếu tố kịch	***Sống hay không sống – đó là vấn đề***	***Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài***
Tình huống	Hăm-lét được báo mộng về cái chết của cha, chàng quyết định giả điên để tìm ra sự thật và báo thù cho cha.	Vua Lê Tương Dực lệnh Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài gây nên sự oán hận trong lòng dân.
Nhân vật	Hăm-lét, Clo-đi-út, Ô-phê-li-a, Pô-lô-ni-út,…	Vũ Như Tô, Đan Thiềm, Nguyễn Vũ,…
Xung đột	Xung đột về mặt nội tâm của nhân vật Hăm-lét, đó là sự mâu thuẫn giữa việc đấu tranh để bảo vệ chính mình trước hiện thực xấu xa hay cứ sống chịu đựng, sống với lý tưởng nhân văn.	Nhân dân, những người thợ xây đài >< tầng lớp vua chúa phong kiến, Vũ Như Tô >< những người thợ phu phen bị bắt bớ, phu dịch để xây Cửu Trùng Đài.
Thông điệp	Hãy giữ bản thân luôn tỉnh táo, sáng suốt để đưa ra những quyết định đúng đắn. Dù trước hoàn cảnh nào đi chăng nữa, dù bị vùi dập, dẫm đạp; con người vẫn phải giữ lấy lý trí và niềm tin của mình.	Thông điệp về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng nghệ thuật cao siêu và lợi ích của nhân dân.

Câu 2.

*** Tình huống, nhân vật, xung đột và thông điệp chính trong vở bi kịch: *Hồn Trương Ba da hàng thịt* – Lưu Quang Vũ:**

- Tình huống: Trương Ba là một người đôn hậu, chất phác nhưng khi chết Hồn Trương Ba lại phải trú ngụ trong xác anh hàng thịt, tạo nên cuộc đấu tranh gay gắt giữa phần hồn Trương Ba cao quý với những ham muốn bản năng của phần xác hàng thịt.

- Bi kịch:

+ Bi kịch tha hoá của nhân vật Trương Ba trong đoạn trích bắt đầu bằng lớp thứ nhất của cảnh 7, đó là màn đối thoại giữa Hồn Trương ba và Xác hàng thịt.

+ Bi kịch Hồn Trương Ba được đẩy lên tới đỉnh điểm, cao trào ở màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba với những người thân. Đó là bi kịch bị từ chối.

+ Bi kịch của nhân vật Hồn Trương Ba được kết thúc trong màn đối thoại với Đế Thích- Bi kịch "bên ngoài một đằng, bên trong một nẻo".

- Xung đột: Xung đột giữa hồn Trương Ba và xác ông hàng thịt.

- Thông điệp:

+ Được sống làm người là rất quý giá song được sống đúng là mình, sống trọn vẹn giá trị mà mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Sự sống chỉ có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hoà giữa thể xác và tâm hồn.

+ Con người phải luôn luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.

Câu 3.

*** Tìm hiểu thêm về các nhân vật, sự kiện lịch sử được nhắc tới trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*:**

- Nhân vật lịch sử: Vũ Như Tô, Lê Tương Dực, Trịnh Duy Sản,…
- Sự kiện lịch sử dưới thời phong kiến khoảng 1516 – 1517: Tháng 4 năm 1516, quân khởi nghĩa Trần Cảo nhân khi kinh thành rối loạn bèn tiến đánh Thăng Long. Cùng lúc đó, Nguyễn Hoằng Dụ đóng quân ở Bồ Đề, được tin Duy Sản giết vua, liền đem quân qua sông, đốt hết phố xá trong kinh thành. Hoằng Dụ còn cho bắt chém Vũ Như Tô rồi mang quân rút khỏi Thăng Long. Đài cũng bị đốt thành tro sau lần đó.

*** Vai trò, ý nghĩa của yếu tố lịch sử được Nguyễn Huy Tường sử dụng trong tác phẩm:**

Yếu tố lịch sử đã được Nguyễn Huy Tưởng đưa vào vở kịch một cách khéo léo, mặc dù viết về lịch sử, những vấn đề mà Nguyễn Huy Tưởng đặt ra trong các sáng tác của mình vẫn luôn luôn mới và làm thao thức người đương thời. Lấy đề tài lịch sử nhưng không nhằm mục đích làm sử mà qua đó, nhà văn xây dựng được bi kịch của một người nghệ sĩ giữa khát vọng và hiện thực xã hội.

Câu 4.

*** Thu thập, phân tích và đánh giá về: Nghệ thuật thời Phục hưng**

- Phục Hưng là một phong trào văn hóa bao gồm giai đoạn từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII. Những thành tựu của phong trào văn hóa Phục Hưng đã mở ra một kỷ nguyên mới cho nền văn minh nhân loại.
- Thành tựu của phong trào văn hóa phục hưng:

+ Về hội họa và điêu khắc:

++ Đặc điểm chung của nghệ thuật hội họa thời kì này là tuy đề tài vẫn khai thác trong kinh thánh hoặc thần thoại, nhưng nội dung thì hoàn toàn hiện thực.

++ Nhà danh họa khổng lồ người Ý của thời kỳ này là Lêôna đơ Vanhxi với các tác phẩm như *Nàng Giôcôngđơ, Bữa tiệc cuối cùng, Đức mẹ đồng trinh trong hang đá*. Từ thế kỷ XV, ông đã có ý tưởng thay mái chèo của thuyền bằng cánh quạt đẩy nước, vẽ ra nguyên tắc hoạt động của máy bay, dù thoát hiểm,… Bức tranh "Bữa tiệc cuối cùng", dựa vào câu chuyện trong bữa tiệc chia tay nhau, Chúa Giêsu đã nói với các tông đồ của mình rằng: "Trong các ngươi sẽ có một kẻ phản bội ta". Bức tranh đã thể hiện được nội tâm của các nhân vật dự tiệc khi nghe câu nói đó: người thì ngạc nhiên, người thì tức giận, người thì buồn bã, người thì biểu thị sự ngay thẳng trung thực của mình... Đây là một bức tranh rất hoàn hảo về mô tả nhân vật, bố cục và màu sắc.

++ Raphaen (1483-1520) cũng là một họa sĩ thiên tài của Ý. Tuy ông chết tương đối sớm (37 tuổi) nhưng ông đã để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng như *Cô gái làm vườn xinh đẹp*, các bức tranh vẽ về thánh mẫu... Ông là một họa sĩ có sở trường về vẽ chân dung, đặc biệt là thể hiện được một cách sống động vẻ đẹp tươi tắn của các cô gái, vẻ hiền hậu dịu dàng của người mẹ và nét ngây thơ đáng yêu của các em bé.

+ Về phương diện kỹ thuật:

++ Phát minh in ấn, chế tạo ra giấy => bình dân hóa việc học, thúc đẩy văn hóa phát triển.

++ Xây dựng thành công lò gang nấu quặng, không chỉ nấu được gang mà luyện được thép.

++ Cải tiến bánh xe nước cùng nhiều phát minh mới thúc đẩy ngành công nghiệp.

++ Ngành giải phẫu có nhiều bước tiến mới đã đánh một đòn mạnh mẽ vào chủ nghĩa duy tâm.

+ Về khoa học tự nhiên, thành tựu của phong trào văn hóa Phục Hưng đem lại nhiều bước tiến vượt bậc với sự góp phần của nhiều nhà khoa học: Nhiều nhà khoa học đã dũng cảm chống lại những quan điểm

sai lầm bảo thủ, góp phần thay đổi cách nhìn của con người thời bấy giờ về Trái Đất và vũ trụ như Cô-péc-ních, Bru-nô, Ga-li-lê.

*** Thu thập, phân tích và đánh giá về: Kiến trúc thành Thăng Long**

Sau khi ra chiếu dời đô, vua Lý Công Uẩn đã cho xây dựng thành quách, cung điện chùa chiền thành một kinh thành Thăng Long nguy nga tráng lệ để đóng đô.

Kinh thành Thăng Long gồm 3 vòng thành, mọi hoạt động của hoàng tộc qua các triều đều tại Cấm Thành, phía bên ngoài là cung điện, phủ đệ, cụm kiến trúc giáo dục tín ngưỡng,…

Trong liên lục 8 thế kỷ Thăng Long tồn tại với một toà thành hoa lệ, bề thế. Vào thời Lý, Hoàng Thành dựa trên vị trí của thành Đại La. Trải qua các triều đại nhà Trần, hậu lê, toà thành vẫn ở trên vị trí này, có chỉnh trang lại.

Vào thời nhà Nguyễn, kinh đô dời vào Phú Xuân (Huế), Hà Nội trở thành Tổng Trấn Bắc. Quy mô của thành Hà Nội vào thời kỳ này nhỏ hơn các thời kỳ trước đó.

Thành cổ Hà Nội xưa có 3 vòng (tam trùng thành quách). Thành nhỏ nhất ở trong cùng là Tử Cấm Thành, là nơi chỉ dành cho nhà vua, hoàng hậu cùng số ít cung tần mỹ nữ trú ngụ. Qua các triều đại kinh thành Thăng Long có nhiều tên gọi khác nhau, thời Lý gọi là Cung Thành, thời Trần gọi là long Phượng Thành, thời Hậu Lê gọi là Cấm Thành.

Một cửa duy nhất nối liền giữa Cấm Thành và Hoàng Thành là Đoan môn. Hoàng Thành là vòng thành thứ 2 ở giữa Cấm Thành với thành ngoài. Trong Hoàng Thành là khu triều chính, nơi ở và làm việc của các quan trong triều, giữa Hoàng Thành với Kinh Thành Thăng Long có khá nhiều cửa, nay chỉ còn lại một cửa là bắc Môn, hiện thuộc địa phận phố Phan Đình Phùng.

Vòng ngoài cùng gọi là Kinh Thành, đắp bằng đất. Đây là chỗ dân cư sinh sống. Kinh Thành có nhiều cửa trổ ra bên ngoài. Vào thời Lê, Kinh Thành Thăng Long có tất cả 16 cửa ô. Vào thời Nguyễn còn 12 cửa ô. Đầu thế kỷ 20 chỉ còn 5 cửa ô là Ô Dừa, Ô Đống Mác, Ô Cầu Dền, Ô Cầu Giấy và ô Quan Chưởng.

Ngày nay, riêng Ô Quan Chưởng, tên cũ là Đông Hà môn có nghĩa là cửa dành cho thuyền ra vào bến sông, còn được tồn tại. Cửa Ô Quan Chưởng gồm một cửa chính và hai cửa phụ. Trên có vọng lâu, bên tường phía trái có một tấm bia khắc năm 1882 ghi lệnh của tổng đốc Hoàng Diệu, cấm binh lính sách nhiễu dân chúng qua lại. Bốn cửa ô khác chỉ còn trong trí nhớ mơ màng của người dân đất Hà Thành mỗi khi hoài niệm về thuở xa xôi. Một số đoạn thành đất của Kinh Thành xưa còn để lại dấu vết như là đường Đại La, Hoàng Hoa Thám và La Thành.

Câu 5. Xây dựng đề cương cho đề tài: An Dương Vương trong dòng lịch sử tộc Việt

*** Đặt vấn đề**

- Truyền thuyết dân gian *An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy*
- Sức sống mãnh liệt của nhân vật An Dương Vương.

*** Giải quyết vấn đề**

- LĐ 1: An Dương vương trong dòng lịch sử tộc Việt.

- LĐ 2: Nguồn gốc An Dương Vương.

- LĐ 3: Cuộc kháng chiến chống Tần và vai trò của An Dương Vương trong giai đoạn cuối của tộc Việt.

- LĐ 4: Nước Âu Lạc và nhà nước của người Việt cổ.

*** Kết thúc vấn đề**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài: Ôn tập học kì I (Hoàn thành đề cương ôn tập theo hướng dẫn SGK)**

Tiết 51 **ÔN TẬP HỌC KÌ I**

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: Học sinh tổng hợp kiến thức đã khám phá được qua các bài học trong SGK *Ngữ văn 11*, tập 1
II. PHẨM CHẤT - Trân trọng những giá trị văn học. - Ý thức ôn tập chăm chỉ, nghiêm túc.	

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, phiếu tín nhiệm kết quả làm việc nhóm,…
2. **Thiết bị:** Máy tính, ti vi/ máy chiếu, bảng phụ, bút dạ,…

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Phạm Thị Thủy. 0974780792. THPT Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

1. Mục tiêu:

- Hệ thống hóa những kiến thức đã học trong SGK *Ngữ văn 11*, tập 1
- Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp.

2. Nội dung: Tham gia các cuộc thi

3. Sản phẩm: Đáp án từng câu, từng phần

4. Tổ chức thực hiện:

I. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

CUỘC THI TRANH TÀI DESIGN

1. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV tổ chức cuộc thi **"Tranh tài dessign "**
- GV chia lớp thành 5 nhóm, thực hiện 5 bài tập đầu tiên trong SGK
- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ ở nhà, chọn hình thức trình bày rồi thiết kế trên PP
- GV lựa chọn HS làm MC, hướng dẫn cách thức tham gia chương trình

2. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận:

- Các nhóm lần lượt cử đại diện lên trình chiếu và báo cáo phần thiết kế của nhóm mình bài đã chuẩn bị
- GV quan sát, khích lệ

Câu 1. Nêu tên các loại, thể loại văn bản được học trong sách giáo khoa *Ngữ Văn 11*, tập một và nhan đề văn bản đọc thuộc từng loại, thể loại ấy.

Gợi ý:

Văn bản	Tác giả	Thể loại văn bản
Vợ nhặt	Kim Lân	Truyện ngắn
Chí Phèo	Nam Cao	
Cải ơi!	Nguyễn Ngọc Tư	
Nhớ đồng	Tố Hữu	Thơ trữ tình
Tràng giang	Huy Cận	
Con đường mùa đông	Pu-skin	
Thời gian	Văn Cao	
Cầu hiền chiếu	Ngô Thì Nhậm	Văn bản nghị luận
Tôi có một ước mơ	Mác-tin Lu-thơ-kinh	
Một thời đại trong thi ca	Hoài Thanh	
Tiếp xúc với tác phẩm	Thái Bá Vân	
Lời tiễn dặn	Truyện thơ dân tộc Thái	Truyện thơ
Dương phụ hành	Cao Bá Quát	
Thuyền và biển	Xuân Quỳnh	
Nàng Ờm	Truyện thơ dân tộc Mường	
Sống, hay không sống – đó là vấn đề	Uy-li-am Sếch-xpia	Kịch
Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài	Nguyễn Huy Tưởng	
Prô-mê-tê bị xiềng	Eschyle	

Câu 2. Lập bảng thống kê các khái niệm then chốt cần dùng để đọc hiểu những văn bản trong *Ngữ văn 11*, tập một và giải thích ngắn gọn về từng khái niệm.

Gợi ý:

Khái niệm	Giải thích ngắn gọn
Truyện ngắn hiện đại	Là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật. Thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế.
Câu chuyện và truyện kể	- Câu chuyện (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian. - Truyện kể gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ

	thuật.
Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	- Ngôn ngữ nói (còn gọi là khẩu ngữ) là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. Ngôn ngữ nói gắn liền với hoạt động giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật. - Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách, báo, văn bản hành chính, thư từ,... Ngôn ngữ viết tồn tại trong các văn bản xuất hiện dưới nhiều hình thức vật thể khác nhau: bản viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi dành cho người khiếm thị,...
Cấu tứ và tứ thơ	Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Tứ thơ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ thơ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm.
Yếu tố tượng trưng trong thơ	Trong lĩnh vực sáng tác văn học – nghệ thuật nói chung, sáng tác thơ ca nói riêng, thuật ngữ tượng trưng trước hết được dùng để chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù. Ở đó, người nghệ sĩ thường sử dụng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ. Mọi hình ảnh, hình tượng thơ, xét từ bản chất, đã có tính chất tượng trưng.
Ngôn ngữ văn học	Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học. Trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn.
Văn bản nghị luận	Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,... Các thành tố đó được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất. Là thành tố có tính chất bao trùm, luận đề có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm. Các luận điểm trong văn bản nghị luận, với sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng, có nhiệm vụ làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề. Mối quan hệ có tính bản chất giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của văn bản nghị luận.
Yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận	Để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, người viết còn có thể sử dụng một số yếu tố bổ trợ như: thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm,...

Truyện thơ và truyện thơ dân gian	Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể... nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. Truyện thơ dân gian do tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác; lưu hành chủ yếu bằng con đường truyền miệng nhưng cũng có khi thông qua các văn bản viết. Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường. Kế thừa truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hoà yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình, các truyện thơ dân gian đã thể hiện được một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo.
Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình	Thơ trữ tình không đặt trọng tâm vào việc kể một câu chuyện, có nhân vật, có tính cách, có bối cảnh không gian và thời gian với rất nhiều chi tiết cụ thể như truyện thơ, mà ưu tiên hàng đầu cho việc thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
Bi kịch và xung đột trong bi kịch	Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch. Thông qua sự dàn cảnh, luân chuyển lời đối thoại, độc thoại, hành động của nhân vật trên sân khấu, bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược của thực tại hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. Việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột như vậy làm nên cốt truyện bi kịch. Bi kịch thường kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật. Xung đột trong bi kịch là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật như một nhân cách mạnh mẽ với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thể lực như định mệnh, bản tính tự nhiên, định kiến thời đại, thực tại xã hội,...
Hiệu ứng thanh lọc bi kịch	Khi theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người tiếp nhận bi kịch có thể sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa như chính mình đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật, để rồi sau đó thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.

Câu 3. Tổng hợp những nội dung thực hành tiếng Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 11, tập một theo các gợi ý sau:

– Nội dung thực hành;

– Khái niệm hay quy tắc cần nắm vững;

– Ý nghĩa của hoạt động thực hành.

Gợi ý:

Nội dung	**Khái niệm hay quy tắc cần nắm vững**	**Ý nghĩa của hoạt động**

thực hành		thực hành
Phân biệt ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	- Ngôn ngữ nói (còn gọi là khẩu ngữ) là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. Ngôn ngữ nói gắn liền với hoạt động giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật - Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách, báo, văn bản hành chính, thư từ,... Ngôn ngữ viết tồn tại trong các văn bản xuất hiện dưới nhiều hình thức vật thể khác nhau: bản viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi dành cho người khiếm thị,...	Giúp người thực hành có thể phân biệt được trong hoàn cảnh nào nên dùng ngôn ngữ nói, hoàn cảnh nào nên dùng ngôn ngữ viết, từ đó là tăng giá trị biểu đạt và thông điệp được truyền tải cũng sẽ rõ ràng hơn.
Nhận biết những hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường	Cần: - Nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của tiếng Việt -Thực hiện việc đối chiếu, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau. - Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học: Tạo ra những kết hợp từ trái logic nhằm “lạ hoá” đối tượng được nói tới.	Việc phá vỡ quy tắc thông thường không chỉ thể hiện sự tài hoa trong việc sử dụng ngôn từ của người viết mà nó còn gây hứng thú, ấn tượng sâu sắc đến người đọc người nghe của tác phẩm.
Những lưu ý trong việc sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	Tuỳ hoàn cảnh và mục đích giao tiếp, chúng ta có thể sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết. Nhưng nếu đã sử dụng ngôn ngữ ở dạng nào thì cần đảm bảo sự nhất quán trong cách dùng từ ngữ, đặt câu phù hợp với dạng đó.	Giúp người thực hành có thể phân biệt được trong hoàn cảnh nào nên dùng ngôn ngữ nói, hoàn cảnh nào nên dùng ngôn ngữ viết, để biết cách sử dụng cho phù hợp với từng ngữ cảnh, từ đó là tăng giá trị biểu đạt và thông điệp được truyền tải cũng sẽ rõ ràng hơn.
Nhận biết lỗi về thành phần câu và cách sửa	* Thiếu thành phần nòng cốt - Câu thiếu chủ ngữ: + CS1: dựa vào ngữ cảnh để bổ sung chủ ngữ phù hợp + CS2: lược bỏ quan hệ từ ở đầu câu để bộ phận đứng sau đó trở thành chủ ngữ - Câu thiếu vị ngữ: + CS1: thêm từ “là” để biến thành phần chêm xen thành vị ngữ. + CS2: giữ nguyên thành phần chêm xen, dựa	Người thực hành có thể nắm được những kiến thức cơ bản về cách viết câu sao cho đúng ngữ pháp để từ đó tránh những lỗi sai ngữ pháp không cần thiết trong quá trình viết và trong quá trình nói.

	vào ngữ cảnh để bổ sung vị ngữ phù hợp - Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ + CS: dựa vào ngữ cảnh, bổ sung thành phần nòng cốt để hoàn thành câu * Sắp xếp sai vị trí thành phần câu - Thiếu vế câu + CS: bổ sung quan hệ từ phù hợp, tương ứng với quan hệ từ đã có ở vế câu trước.	

Câu 4. Liệt kê những kiểu bài viết đã thực hiện trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập một theo bảng gợi ý sau:

STT	Kiểu bài viết	Đề tài được gợi ý	Đề tài đã viết

Gợi ý:

STT	Kiểu bài viết	Đề tài được gợi ý	Đề tài đã viết
1	Viết văn nghị luận về một tác phẩm truyện	Bàn về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn *Đời thừa*	Phân tích hình tượng nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao
2	Viết văn nghị luận về một tác phẩm thơ	Bài thơ "Tĩnh dạ tứ" của Lý Bạch	Phân tích bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận
3	Viết văn nghị luận về một vấn đề xã hội	- Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống - Vì sao học sinh cần tham gia các hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở địa phương - Cách tổ chức cuộc sống cá nhân có vai trò như thế nào trong việc hoàn thiện nhân cách? - Việc tiếp thu ý kiến của người khác có mâu thuẫn với việc khẳng định tính tự chủ của bản thân? - Ý nghĩa của phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội là gì?	Ý nghĩa của việc phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội là gì?
4	Viết văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống	- Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn xã hội - Thực hành lối sống xanh - Đấu tranh cho bình đẳng giới - Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ	Tôn trọng sự khác biệt

	tích cực trong xã hội hiện đại)	- Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội...	
5	Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội	Tìm hiểu thêm về kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê.	Báo cáo nghiên cứu về Hoàng thành Thăng Long

Câu 5. Nhớ lại các nội dung của hoạt động nói và nghe đã thực hiện trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập một trên các phương diện sau:

- Tên của nội dung hoạt động nói và nghe;
- Yêu cầu của hoạt động;
- Thách thức và ý nghĩa của hoạt động.

Gợi ý:

Tên của nội dung hoạt động nói và nghe	**Yêu cầu của hoạt động**	**Thách thức và ý nghĩa của hoạt động**
Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện	- Giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình - Nêu được các khía cạnh trong nghệ thuật kể chuyện - Trình bày những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm - Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá khác nhau.	- Thách thức: nhiều tác phẩm quá khó, gây khó khăn cho việc tìm hiểu; khó thống nhất được quan điểm giữa các thành viên; đôi khi xảy ra xung đột nhỏ... - Ý nghĩa: học sinh sẽ biết cách giới thiệu về một tác phẩm về quy trình, các bước tiến hành sao cho hiệu quả nhất.
Giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật	- Cung cấp được thông tin về tác phẩm nghệ thuật một cách rõ ràng, chính xác - Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm - Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với lý lẽ, bằng chứng thuyết phục - Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm.	- Thách thức: nhiều tác phẩm quá khó, gây khó khăn cho việc tìm hiểu; khó thống nhất được quan điểm giữa các thành viên; đôi khi xảy ra xung đột nhỏ... - Ý nghĩa: học sinh sẽ biết cách giới thiệu về một tác phẩm về quy trình, các bước tiến hành sao cho hiệu quả nhất.
Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một	- Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận - Làm rõ được bản chất và vai trò	- Thách thức: khó khăn trong việc thống nhất ý kiến giữa các thành viên; công việc phân chia chưa được đồng đều; phần

vấn đề xã hội	của vấn đề trong đời sống xã hội - Trình bày được ý kiến đánh giá, bình luận của cá nhân về vấn đề; biết cách phân tích, đánh giá ý kiến của người khác - Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá, bình luận về vấn đề - Thể hiện sự tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác đối với vấn đề bàn luận.	chuẩn bị nội dung của mỗi người không giống nhau... - Ý nghĩa; học sinh sẽ học được cách đưa ra và bình luận về một vấn đề xã hội, từ đó nắm và hiểu được vấn đề bàn luận.
Thảo luận về một vấn đề trong đời sống	- Chọn được vấn đề thảo luận có ý nghĩa gần gũi với trải nghiệm của tuổi trẻ, học đường - Nêu được các khía cạnh của vấn đề và những cách tiếp cận khác nhau - Thể hiện được quan điểm rõ ràng về vấn đề với lý lẽ thuyết phục và bằng chứng phù hợp, sinh động trong từng ý kiến phát biểu - Thể hiện được thái độ tôn trọng lẫn nhau trong thảo luận.	- Thách thức: xảy ra mâu thuẫn trong quá trình thảo luận; lượng công việc phân chia không được đồng đều; các ví dụ chưa sát với thực tế... - Ý nghĩa: giúp học sinh nắm được cách khai thác một vấn đề trong đời sống
Trình bày kết quả nghiên cứu	- Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lý do chọn đề tài - Trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính - Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.	- Thách thức: một số đề tài khó, việc tìm kiếm thông tin khó khăn; lựa chọn những hình ảnh, biểu đồ chưa được phù hợp; cách trình bày chưa truyền tải được hết thông điệp. - Ý nghĩa: người nói có thể học được cách làm thế nào để làm và trình bày một kết quả nghiên cứu mang tính khoa học. Giúp người thực hiện hiểu rõ thêm về một vấn đề của cuộc sống.

3. Bước 3. Đánh giá, kết luận:

- GV phát phiếu cho tất cả các HS trong lớp bỏ phiếu cho các nhóm, xếp thứ tự từ cao xuống thấp và xếp giải: Nhất, Nhì, Ba
- GV khen ngợi, trao thưởng cho các nhóm HS.

II. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

CUỘC THI TRANH TÀI HÙNG BIỆN

1. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 6 nhóm:

+ Phần đọc: Gồm 6 câu hỏi, lần lượt từng câu, mỗi nhóm được trả lời trong khoảng 3 phút (điểm cho mỗi câu trả lời đúng là 5 điểm, tổng là 30 điểm)

+ Phần viết: Các nhóm thực hiện trình bày đề cương (Điểm tối đa cho phần thi này là 40 điểm)

+ Phần nói và nghe: Các nhóm chọn thực hiện 1 nội dung giới thiệu trong khoảng 5 phút (Điểm tối đa cho phần thi này là 30 điểm)

- GV chọn 1 HS làm thư kí ghi lại số điểm của mỗi nhóm do GV đánh giá

2. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận:

- Các nhóm lần lượt tham gia cuộc thi theo sự dẫn dắt của giáo viên

* **Đọc**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Huyền diệu

(Xuân Diệu)

Les parfums, les couleurs et les sons se répondent.

Này lắng nghe em khúc nhạc thơm
Say người như rượu tối tân hôn;
Như hương thấm tận qua xương tuỷ,
Âm điệu, thần tiên, thấm tận hồn.

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường
Dẫn vào thế giới của Du Dương
Ngừng hơi thở lại, xem trong ấy
Hiển hiện hoa và phảng phất hương...

Hãy nghe lẫn lộn ghé bên tai
Giọng suối, lời chim, tiếng khóc người;
Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc
Ngọt ngào kêu gọi thuở xa khơi...

Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im
Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim
Còn cứ run hoài, như chiếc lá
Sau khi trận gió đã im lìm.

(Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2006, tr. 134)

Câu 1. Bạn hiểu như thế nào về nhan đề của bài thơ? Nhan đề ấy có ý nghĩa định hướng việc đọc tác phẩm như thế nào?

Gợi ý:

- Nhan đề của bài thơ "Huyền diệu" gợi cho người đọc liên tưởng đến một hiện tượng tinh thần, một cảm nhận mơ hồ, trừu tượng, vô thực nhưng lại đẹp đến lạ thường, như một thứ phép màu nhiệm kỳ.

- Nhan đề đó mở ra trong tâm trí người đọc tiếp đến sẽ là một cái gì đó rất trừu tượng, rất đẹp nhưng rất khó nhận biết. Có thể là những âm thanh, hương thơm... về cái gì đó mơ hồ nhưng truyền tải một thông điệp sâu sắc về cuộc sống.

Câu 2. Việc chọn câu thơ của Bô-đơ-le làm đề từ có ý nghĩa gì?

Gợi ý:

- Việc lựa chọn câu thơ của văn hào người Pháp làm lời đề từ đã thể hiện một cách dẫn đầy táo bạo, gợi mở ra cho người đọc một không gian hoàn toàn mới – nơi mà có hương thơm, màu sắc

và âm thanh hòa hợp. Nó như một cánh cửa, dẫn người đọc, người nghe bước vào một thế giới huyền diệu, nơi hương thơm đang ngự trị, màu sắc và âm thanh hòa hợp lạ thường khiến người đọc vừa không khỏi bỡ ngỡ, giật mình, vừa cảm thấy mới mẻ và thích thú.
- Điều đó chứng tỏ Xuân Diệu chịu ảnh hưởng của nhà thơ tượng trưng người Pháp và ông muốn tiếp tục triển khai quan niệm về thế giới tượng trưng

Câu 3. Nêu ấn tượng bao trùm về bài thơ và lí giải nguyên nhân đưa đến ấn tượng ấy.

Gợi ý:

- Ấn tượng bao trùm toàn bài thơ chính là sự kết hợp hài hòa giữa 3 yếu tố hương thơm, màu sắc và âm thanh. Về hương thơm, có hơi say của men rượu, hương hoa thơm ngát. Về màu sắc, có màu của hoa cỏ, của lá rơi. Về âm thanh, có khúc nhạc thơm, khúc nhạc hường, hơi thở, tiếng gió, suối, chim, khóc người, tiếng đập của trái tim... Tất cả tạo nên một bức tranh trữ tình hài hòa, nơi mà mùi hương, màu sắc và âm thanh hòa hợp một cách lạ thường.
- Nguyên nhân đưa đến ấn tượng: Có lẽ qua lăng kính trữ tình cùng cách cảm nhận đầy tinh tế của ông hoàng thơ tình Việt Nam, sự cảm nhận về hương thơm, màu sắc và âm thanh của ông lên đến một tầm cao mới. Từ những sự vật rất nhỏ, tưởng chừng như chẳng ai quan tâm, để ý, ông đã ghép chúng lại với nhau và tạo nên một sự hữu ý đầy nghệ thuật. Hóa ra chúng lại hợp đến vậy khi đứng cạnh nhau như một phép màu huyền diệu. Đây quả là một phát hiện vĩ đại trong thơ Xuân Diệu.

Câu 4. Những tri thức ngữ văn nào đã học cần được vận dụng để việc đọc và thưởng thức bài thơ đạt hiệu quả?

Gợi ý:

Những tri thức ngữ văn được vận dụng để việc đọc và thưởng thức bài thơ đạt hiệu quả: khái niệm về thơ trữ tình hiện đại; về cấu tứ của một bài thơ trữ tình; yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình; ngôn ngữ văn học.

Câu 5. Chỉ ra những kết hợp từ ngữ mà bạn cho là có tính chất khác thường trong bài thơ.

Gợi ý:

Những kết hợp từ ngữ bất thường trong bài thơ:
- khúc nhạc thơm
- say người
- hương thấm tận xương tủy
- ngừng thở để cảm nhận hương hoa
- giọng suối, lời chim
- uống thơ tan trong khúc nhạc
- ngừng hơi nghe tiếng trái tim
- lá run sau trận gió im lìm
-...

Câu 6. Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nói về vẻ đẹp của bài thơ theo cảm nhận của bạn.

Gợi ý:

- Vẻ đẹp của những xúc cảm trong thơ
- Sự gợi mở tinh tế từ những yếu tố tượng trưng
- Vẻ đẹp của một số yếu tố hình thức: Cấu tứ, hình ảnh, ngôn từ, nhịp điệu

*** Viết**

Chọn một trong các đề sau:

Đề 1. Để tạo nên thành công của một tác phẩm truyện, việc tác giả chọn được điểm nhìn độc đáo về đối tượng miêu tả, thể hiện giữ vai trò rất quan trọng. Hãy chọn phân tích một truyện mà bạn cho là có điểm nhìn độc đáo.
Đề 2. Giới thiệu và phân tích một bài thơ mà bạn cho là có cấu tứ độc đáo.
Đề 3. Trình bày ý kiến của bạn về một vấn đề xã hội đang được nhiều người quan tâm và khiến bạn thực sự thấy trăn trở.
Đề 4. Lập đề cương cho báo cáo nghiên cứu về một vấn đề bạn muốn tìm hiểu và có điều kiện thu thập tài liệu.

Gợi ý tham khảo:

Đề 3: Lối sống thực dụng trong giới trẻ hiện nay

a) Mở bài

- Dẫn dắt vấn đề nghị luận: Lối sống thực dụng trong giới trẻ hiện nay.

Ví dụ: Lối sống thực dụng đang là vấn đề đáng báo động, lên án. Nó không chỉ xuất hiện ở một bộ phận không nhỏ giới trẻ mà còn trở thành một vấn đề tiêu cực của nhiều đối tượng người trong xã hội hiện đại.

b) Thân bài

* **Giải thích khái niệm:** Thế nào là lối sống thực dụng?

- Lối sống thực dụng là lối sống coi nặng giá trị vật chất, chạy đua theo những nhu cầu trước mắt, đặt lợi ích của bản thân lên trên tất cả, gần với sự ích kỉ, trục lợi. Lối sống thực dụng là một căn bệnh nguy hiểm có thể làm băng hoại đạo đức con người.
- Cần phân biệt rõ bản chất của sống thực dụng và sống thực tế:

+ Sống thực tế là suy nghĩ và hành động từ khi đặt ra mục tiêu, xác định biện pháp thực hiện đều căn cứ vào những nguồn lực, điều kiện khả thi, do đó mà mục tiêu có thể thành hiện thực.
+ Sống thực dụng luôn đặt cao vấn đề vật chất lên hết, sống không có tình cảm và nghĩ đến người khác, sẵn sàng chấp nhận thủ đoạn vô đạo đức để đạt mục tiêu.

* **Phân tích, bàn luận về vấn đề:**

- Biểu hiện của lối sống thực dụng:

+ Sống buông thả, thờ ơ, ăn chơi, đua đòi
+ Hành xử thô bạo, vi phạm pháp luật nhà nước
+ Coi trọng tiền bạc, vật chất, xem nhẹ những giá trị đạo đức, nhân cách, tâm hồn.
+ Lấy bản thân làm trung tâm, mọi suy nghĩ, hành động lấy lợi ích vật chất tầm thường của bản thân làm tiêu chí phấn đấu.
+ Điều gì cũng có thể quy ra tiền, trao đổi qua lại bằng tiền.
+ Lấy tiền làm mục đích sống của bản thân
+ Trong tình yêu, không ít người tìm đến nhau vì tiền bạc, vật chất
+ Sẵn sàng chà đạp lên lợi ích của người khác và biến chúng thành của mình.

- Nguyên nhân của lối sống thực dụng:

+ Ý thức của bản thân: tính ích kỷ cá nhân, ít chịu tu dưỡng, rèn luyện
+ Môi trường giáo dục còn chưa chú trọng đến đạo đức, nhân cách, kĩ năng sống
+ Gia đình thiếu sát sao, quan tâm
+ Ảnh hưởng từ mặt trái của cơ chế thị trường
+ Xã hội chưa tổ chức được những hoạt động hữu ích thu hút giới trẻ,...

- Tác hại của lối sống thực dụng:

+ Làm tha hóa con người, khơi dậy những ham muốn bản năng, cơ hội, chạy theo hưởng lạc, những lợi ích trực tiếp trước mắt, xa rời những mục tiêu phấn đấu.
+ Trong quan hệ giữa người với người, những tình cảm lành mạnh bị thay thế bằng quan hệ vụ lợi, vật chất.
+ Trong đời sống, họ vô trách nhiệm, bàng quan, vô cảm, không đấu tranh chống cái sai và cũng không ủng hộ cái đúng, cái tốt.
- Làm thế nào loại trừ được lối sống thực dụng?
+ Sống phải có khát vọng, lí tưởng, có hoài bão, mục đích sống, động lực để phấn đấu.
+ Tuổi trẻ phải biết biến ước mơ thành hành động cụ thể, năng động, dám nghĩ, dám làm, không uổng phí thời gian, loại bỏ lối sống ích kỉ, vượt qua cám dỗ đời thường.
+ Học tập và noi theo cách sống phù hợp của người lớn, người có uy tín trong xã hội
+ Nhà trường cần quan tâm giáo dục kỹ năng sống, giáo dục lối sống lành mạnh cho học sinh, phê phán những biểu hiện lệch lạc.
+ Gia đình cần thường xuyên quan tâm và giáo dục cho con có cách sống phù hợp, điều chỉnh kịp thời những biểu hiện không đúng trong cách sống và suy nghĩ.
+ Xã hội cần quan tâm hơn tới việc thu hút, trọng dụng giới trẻ vào những việc làm có ích.
*** Bài học nhận thức và hành động:**
- Cần đấu tranh với bản thân loại trừ lối sống thực dụng.
- Có những hành động tích cực, chủ động để nắm bắt cơ hội, hướng tới tương lai của chính mình.
- Hội nhập với cuộc sống hiện đại nhưng không đánh mất những giá trị truyền thống tốt đẹp.
c) Kết bài
- Khẳng định lại vấn đề: Lối sống thực dụng cần lên án như một căn bệnh nguy hiểm của đời sống xã hội.
- Liên hệ bản thân.
*** Nói và nghe**
Chọn thực hiện theo nhóm học tập một trong các nội dung sau:
Nội dung 1. Giới thiệu một tác phẩm truyện nổi tiếng đang được giới trẻ quan tâm tìm đọc.
Nội dung 2. Có những tác phẩm nghệ thuật nào từng để lại ấn tượng sâu sắc với bạn? Hãy nói về tác phẩm ấy.
Nội dung 3. Thảo luận về cách thực hành “lối sống xanh".

Gợi ý tham khảo:

Nội dung 3. Thảo luận về cách thực hành “lối sống xanh”.
a) Mở đầu
- Giới thiệu vấn đề “lối sống xanh”.
b) Nội dung
*** Luận điểm 1: Lối sống xanh là gì?**
- Lối sống xanh là lối sống mà đang được giới trẻ quan tâm và đón nhận ngày một nhiều.
- Đó là lối sống lành mạnh, giúp con người có cơ hội cải thiện môi trường sống tự nhiên, môi trường xung quanh chúng ta ngày một xanh, sạch, đẹp.
*** Luận điểm 2: Làm thế nào để thực hành lối sống xanh?**
- Đầu tiên, bạn chỉ cần thay đổi thói quen sử dụng các loại sản phẩm gây ô nhiễm môi trường, đó cũng có thể coi rằng bạn đang thực hành lối sống xanh. Thay vì sử dụng túi ni lông khi mua sắm,

hãy thay bằng túi giấy hoặc túi vải sử dụng nhiều lần, như vậy là bạn đã và đang góp phần vào bảo vệ môi trường.
- Trái Đất đang ngày càng ô nhiễm, và con người đều cần phải hành động nhiều hơn. Chúng ta nên phân loại rác, tái chế rác khi có thể để góp phần làm giảm thiểu rác thải thải ra môi trường.
- Các doanh nghiệp, công ty cũng cần phải xây dựng được hệ thống lọc không khí và lọc nước thải trước khi xả thải ra môi trường để tránh gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến hệ sinh thái hiện nay.
- Hãy tiết kiệm nước, thay đổi phương tiện di chuyển, phân loại rác thải, tiết kiệm năng lượng, sống xanh với thực phẩm, trồng nhiều cây xanh, chế tạo phân bón hữu cơ cho cây xanh... Đó đều là những biện pháp thiết thực mà bạn và tôi đều có thể làm được khi thực hành lối sống xanh.
*** Luận điểm 3: Lợi ích của "lối sống xanh".**
- Lợi ích đầu tiên ta phải kể đến đó là lối sống xanh sẽ góp phần làm giảm áp lực lên môi trường, nhằm cải tạo môi trường ngày càng trở lên trong sạch và xanh hơn.
- Con người khi thực hành lối sống xanh cũng sẽ giúp cho bản thân rèn được tính kỷ luật, tính trách nhiệm với môi trường sống của mình.
- Sức khỏe của con người cũng sẽ được đảm hơn khi thực hành lối sống xanh bởi sự cải thiện môi trường sống xung quanh.
*** Luận điểm 4: Phản đề**
- Dù vậy, để thực hành được lối sống xanh, nhiều vấn đề vẫn xảy ra khiến nhiều người chùn bước trước việc thực hành lối sống này.
- Trước hết là vấn đề tiền bạc, bởi những thứ thân thiện với môi trường, giá thành thường sẽ đắt hơn so với những sản phẩm khác nên việc chi trả cho lối sống xanh cũng sẽ cao hơn.
- Đôi khi nó cũng đem đến cho bạn một vài sự bất tiện như đi đâu bạn cũng phải mang túi xách, một chai nước nhỏ, hộp cơm... Túi ni lông là quá tiện lợi và để thay thế nó hoàn toàn thì là một điều khó khăn.
- Và đôi khi, bạn sẽ cảm thấy mình như đang lội ngược dòng bởi những người khác đều đang thấy cuộc sống quá tiện nghi và họ cho rằng hành động của bạn là đang đi ngược lại với sự tiện nghi đó và thậm chí là tự làm khổ mình.
c) Kết luận
- Dù bất cứ lý do gì, lối sống xanh vẫn là một lối sống tốt đẹp mà tất cả mọi người đều đang hướng đến và chúng ta cũng không ngoại lệ
- Là một học sinh, chúng ta cần phải biết thực hành lối sống xanh cho chính bản thân mình, tuyên truyền, kêu gọi gia đình, người thân hãy cùng thực hành lối sống xanh; tích cực tham gia vào các hoạt động khác liên quan đến môi trường của địa phương, trường, lớp tổ chức. Hãy trở thành một công dân xanh và đóng góp sức lực của mình vào vấn đề môi trường.
3. Bước 3: Đánh giá, kết luận
- Thư kí tổng hợp số điểm của các nhóm HS và công bố theo thứ tự.
- GV khen ngợi, trao thưởng cho các nhóm HS.
- Thời gian còn lại, GV có thể nhấn mạnh một số nội dung HS cần nắm vững chuẩn bị cho việc kiểm tra, đánh giá hết HKI.

III. ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)
Đọc văn bản sau:

Đông

Đêm nay gió biển đông về
Mùa thu chừng đã tái tê đất trời
Non quanh chừng đã lạnh rồi
Rừng sâu run rẩy, xa vời tiếng rung

Sân lao mấy cội vông đồng
Lá cành xao xác, buồn đông não nề
Một mình nằm tựa đêm nghe
Lạnh lùng gió lọt vào khe cửa buồng

Mền không mà chiếu cũng không
Một mình trơ trọi giữa phòng xà linh
Nằm nghe mình chuyện với mình
Mênh mông nhớ bạn, gởi tình trăm phương...

Lao Bảo, tháng 12-1940

(Tố Hữu, *Từ ấy*, NXB Văn học, 1959)

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Xác định thời gian trong bài thơ.
Câu 2. Chỉ ra những từ ngữ gợi mùa đông sang.
Câu 3. Nhân vật trữ tình đang ở trong hoàn cảnh như thế nào?
Câu 4. Nhân vật trữ tình biểu lộ những xúc cảm gì ở khổ cuối bài thơ?
Câu 5. Những hình ảnh trong 2 khổ thơ đầu có mối liên hệ như thế nào với tâm trạng nhân vật trữ tình?
Câu 6. Sự thay đổi góc nhìn của nhân vật trữ tình đối với tạo vật thể hiện như thế nào trong bài thơ?
Câu 7. Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ.
Câu 8. Chỗ dựa ý nghĩa nhất với con người là chỗ dựa tinh thần? Anh/ chị có đồng tình với ý kiến trên không? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận về vấn đề: Vượt lên nỗi đau của chính mình để yêu thương người khác.

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I: ĐỌC HIỂU		**6,0**
1	Thời gian trong bài thơ: Một đêm cuối thu đầu đông	0,5
2	Những từ ngữ gợi mùa đông sang: Gió, đông, tái tê, lạnh, run rẩy, lạnh lùng,…	0,5

3	Nhân vật trữ tình đang ở trong hoàn cảnh: Bị giam cầm trong nhà ngục của kẻ thù	0,5
4	Ở khổ cuối bài thơ nhân vật trữ tình biểu lộ những xúc cảm: - Cô đơn, u buồn, - Luyến nhớ đồng đội, đồng bào, quê hương; - Khát khao giao cảm với cuộc đời, với tự do,… **Hướng dẫn chấm:** *- Trả lời được đầy đủ như đáp án: 0,75 điểm* *- Trả lời được 2 ý: 0,5 điểm* *- Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm*	0,75
5	Những hình ảnh trong 2 khổ thơ đầu có mối liên hệ với tâm trạng nhân vật trữ tình: - Những hình ảnh: gió biển đông, đất trời, núi, rừng, cây,… - Ngoại cảnh được nhìn bằng con mắt đầy tâm trạng của nhân vật trữ tình, nỗi u sầu cô đơn của người chiến sĩ nhuốm vào tạo vật. Nhưng cũng chính sự cô đơn càng khiến người chiến sĩ ấy thêm yêu đời, yêu người,… **Hướng dẫn chấm:** *- Trả lời được đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm* *- Trả lời được 2 ý nhưng chưa đầy đủ: 0,75 điểm* *- Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm* *- Trả lời được ½ mỗi ý: 0,25 điểm*	1,0
6	Sự thay đổi góc nhìn của nhân vật trữ tình đối với tạo vật thể hiện: Tác giả đi từ ngoài nhà lao tới trong nhà lao, từ ngoại cảnh đến tâm cảnh, từ xa đến gần, từ cao tới thấp, từ rộng tới hẹp. **Hướng dẫn chấm:** *- Trả lời được từ 4- 5 ý: 1,0 điểm* *- Trả lời được 3 ý: 0,75 điểm* *- Trả lời được 2 ý: 0,5 điểm* *- Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm*	1,0
7	Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ: - Người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm trong lao ngục, phải chịu biết bao thiếu thốn, khó khăn, bị dày vò bởi sự cô đơn, buồn chán, đối diện với mất mát, hi sinh - Thế nhưng tâm hồn đẹp đẽ của anh vẫn hướng về thiên nhiên và sự sống, lắng nghe được bước chuyển của thiên nhiên và đặc biệt dành hết mọi yêu thương cho đồng đội, cho nhân dân, đất nước, quê hương,... **Hướng dẫn chấm:** *- Trả lời được đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm* *- Trả lời được 2 ý nhưng chưa đầy đủ: 0,75 điểm* *- Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm* *- Trả lời được ½ mỗi ý: 0,25 điểm*	1,0
8	- Nêu quan điểm của bản thân - Lí giải hợp lí: Chẳng hạn, sau đây là một định hướng lí giải (nếu đồng tình): + Chỗ dựa tinh thần giúp xoa dịu đau thương, tiếp thêm nghị lực sống cho con	0,75

	người; + Chỗ dựa tinh thần vượt qua những trở ngại, làm nên những điều phi thường, sống có mục tiêu, lan tỏa những điều tốt đẹp;… **Hướng dẫn chấm:** *- Bày tỏ quan điểm: 0,25 điểm* *- Lí giải hợp lí, thuyết phục: 0,5 điểm* *- Lí giải chung chung nhưng đúng hướng: 0,25 điểm*	
PHẦN II: LÀM VĂN		**4,0**
	Viết bài văn nghị luận về vấn đề: Vượt lên nỗi đau của chính mình để yêu thương người khác.	
	a. Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề Nghị luận về vấn đề: Vượt lên nỗi đau của chính mình để yêu thương người khác.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: *** Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận:** Vượt lên nỗi đau của chính mình để yêu thương người khác *** Thân bài:** **- Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp:** Vượt lên nỗi đau của chính mình để yêu thương người khác + Thực chất của vấn đề là đức hi sinh, là trái tim nhân ái, yêu thương con người + Đây là lối sống nhân văn đẹp đẽ đáng trân trọng và ngưỡng mộ + Nhận phần thiệt thòi về mình để người khác có được cuộc sống và những điều tốt đẹp hơn là biểu hiện của sự lớn lao, cao cả, sẵn sàng hi sinh vì lợi ích chung. Người có đức hi sinh biết nhường nhịn, không ganh đua, hơn thua với người khác, sẵn sàng cho đi mà không mong nhận lại. Họ vì lợi ích chung mà gạt bỏ đi cái tôi, sự ích kỉ của bản thân, biết lấy cái lớn làm mục tiêu cao cả. + Hi sinh có nhiều mức độ, từ cái nhỏ đến cái lớn, có khi là hi sinh cả mạng sống, cả tuổi xuân của mình để bảo vệ lẽ phải, những điều đúng đắn. + Hi sinh đi cùng với khoan dung, hai đức tính này làm bản thân mỗi người ngày càng tốt hơn. Người có đức hi sinh sẽ được người khác yêu mến, kính trọng và học tập theo, lan tỏa được nhiều thông điệp tích cực ra cộng đồng. Vì vậy, đức hi sinh là một giá trị vô giá mà mỗi người nên có. + Trong chiến tranh: Rất nhiều anh hùng, chiến sĩ đã hi sinh vì Tổ quốc, mang lại cuộc sống hòa bình, ấm no cho nhân dân + Trong cuộc sống hàng ngày: ++ Cha mẹ lao động vất vả, hi sinh vì các con để các con có một cuộc sống đầy đủ, tốt đẹp ++ Thầy cô hi sinh thời gian, công sức… để truyền đạt những bài học bổ ích,	2,5

	những điều hay lẽ phải ++ Những người chiến sĩ, tình nguyện viên ra biển đảo hoặc lên miền núi để công tác, làm việc,... + Vai trò, ý nghĩa của đức hi sinh: ++ Đức hi sinh thể hiện phẩm chất cao đẹp của mỗi cá nhân, là thước đo đánh giá đạo đức, nhân cách con người ++ Hi sinh rèn luyện cho ta sự dũng cảm, biết vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống. ++ Đức hi sinh giúp ta nhận ra giới hạn của bản thân để cố gắng nỗ lực, phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. ++ Người có đức hi sinh luôn được mọi người yêu mến, kính trọng, ghi nhớ công ơn và học tập theo. ++ Lan tỏa được nhiều thông điệp tích cực. ++ Góp phần xây dựng xã hội nhiều tình yêu thương hơn và đất nước ngày càng phát triển. **- Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:** + Phê phán những người vô cảm, ích kỉ, chỉ biết nghĩ đến bản thân mình và lợi ích của mình mà không quan tâm đến những người xung quanh, không biết hi sinh vì người khác. + Bên cạnh đó cũng có những người hi sinh quá nhiều cho người khác mà khiến bản thân mình chịu thiệt thòi, bỏ lỡ những cơ hội tốt trong cuộc sống… những người này cũng cần xem xét lại suy nghĩ, hành động bản thân để có thể cân bằng giữa cho và nhận. *** Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,…)** **Hướng dẫn chấm:** *- Viết đầy đủ, sâu sắc: 1,75 điểm – 2,5 điểm.* *- Viết đầy đủ nhưng có ý còn chưa rõ, chưa sâu: 1,0 điểm - 1,5 điểm.* *- Viết chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.*	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm****:* *- Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm.* *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*	0,5
Tổng điểm		**10,0**